làng văn

52
12.1988



Lũng Tuyết, sơn dầu của Võ Đình

Cô Phương và toàn-bộ thợ của LỆ THANH 1 đã chuyển về LỆ THANH II
(trung-tâm Phố Tàu)

麗星
男女髮型設計

Hair Design **LE THANH**



418 DUNDAS ST.W., TORONTO, ONT.—TEL. 591-9266

UỐN, CẮT, NHUỘM CÁC KIỂU TÓC THỜI-TRANG, DO NHIỀU TAY THỢ KINH-NGHIỆM ĐẢM-TRÁCH

HENNA, TREATMENT, HIGHLIGHT
VIỆC LÀM TẬN TÂM, KINH NGHIỆM
ĐẶC BIỆT: LÀM MÓNG TAY, MÓNG CHÂN MỸ THUẬT

ĐẠI-LÝ :
Các loại thuốc dưỡng tóc, thuốc mọc tóc (Noevir Herbal, Hair Tonic) thuốc trị rụng tóc (Infusium 23, Vitamin Hair Treatment, Scharzhopf, Hair Styling, Hair Spray... Biosacal, Sauffle, Shampooing, Mouse...)

MỸ-PHẨM NOEVIR :

Kem dưỡng da • Thuốc trị mụn, vết nám, tàn nhang • Thuốc mọc lông mi Refectocil

. **LỆ THANH** là trung-tâm làm đẹp toàn diện của quí vị

. **LỆ THANH** là nơi qui-tụ nhiều tay thợ kinh-nghiệm lâu năm

. Chắc-chắn quí vị sẽ hài lòng khi đến với **LỆ THANH**

MỞ CỬA 7 NGÀY
từ 10AM—7:30PM
Tel. 591-9266



Cô ***Phương***
kính mời

TRƯƠNG THỊ KIM ANH
NORWAY

làng văn

The Vietnamese Monthly Magazine
Published 12 times a year

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9, Canada

Tel. (416) 249-4195 — (416) 240-0342
International Standard Book No. 0832-1922
Legal Deposit No. 310578

Vol. 5 No. 52 December 1988

TRONG SỐ NÀY

Kháng-Thư Gửi UNESCO (bản Pháp-văn) 2
Tin Văn 3
Tin Việt-Nam 5
Trong Làng 6
Ngoài Ngõ 6
VC Xử Tử Hai Đại-Đức Phật-Giáo 9
Trước Những Tình Huống Khó Xử Trong Văn-Học VN. *Nghiêm Y.* 12
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh 17
Chuyện Dài Khu Chiến, *Tưởng Năng Tiến* 18
Thơ Hoàng Chính 20
Thơ Lâm Hảo Dũng 23
Theo Hư-Không Mà Đi, *Thế Uyên* 25
Thơ Tuệ Nga 27
Lửa Dậy Ruộng Biển, *Hồ Trường An* 28
Thơ Bắc Phong 32
Lệ Cô-Đơn, *Ngọc Khôi* 35
Thơ Vũ Kiện 37
Thơ Phạm Quang Ngọc 39
Thơ Nguyễn Văn Ngọc 41
Thượng-Uyển Bỏ Hoang, *Trần Vũ* 42
Thơ Thụy Ý 45
Thơ Ảo Ảo 48
Bản Đàn Thôn Dã, André Gide, Mai Kim Ngọc dịch 49
Thơ Đặng Thị Quế Phượng 53
Thơ Hồ Trường An 59
Thơ Nguyễn Hải Hà 62
NHỮNG CÂY BÚT MỚI:
Nói Với Em Tôi, *Nguyễn Văn Bình* 62
Thơ Việt Nguyên, Lệ Vân 64
XÓM CŨ:
Món Ngon Địa Phương, *Phạm Thăng* 65
Thơ B.H.T.
Đạp Ló, Bắn Bôông, *Trần Văn Tích* 71
Trên Lối Mòn Hậu-Chiến, *Nguyễn Ngọc Ngạn* 74
Thơ Hoàng Xuân Sơn 79
Thạch Kiểm, *Tịc Tĩnh* 80
Giáng Sinh Tù Ngục, *Lê Văn Lân* 84
Độc-Giả Thắc Mắc 86
Diễn Đàn 90
Đầu Làng Cuối Xóm, *Mõ Làng Văn* 92
Thư Đi Tin Lại, *Nguyên Hương* 95

Tranh bìa: *Lũng Tuyết*, sơn dầu của Võ Đình

Giá biểu quảng-cáo trên ấn-bản quốc-tế : nguyên trang 200 mỹ-kim; nửa trang 110 mỹ-kim; 1/4 trang: 60 mỹ-kim; xin gửi kèm chi-phiếu theo mẫu quảng-cáo.
Giá-biểu quảng-cáo trên ấn-bản Canada, xin xem Phụ-trang Canada (trang 48)
Giá báo dài hạn : đường bộ trong Canada 35 gia-kim; đường bộ hoặc thủy ngoài Canada : 35 mỹ-kim; máy bay ngoài Bắc Mỹ: 70 mỹ-kim một năm 12 số báo.
Giá bán lẻ : $3.00—Ngoại Canada và Mỹ: US$4.00 (2 bảng; 28 quan; 5 úc kim)

Chủ-nhiệm : Nguyên Hương
Chủ-bút : Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký : Hồ Trường An

Biên-tập chủ-lực :
Bạch Thái Hà—Bắc Phong—Bùi Vĩnh Phúc—Cao Tiêu
Cao Xuân Lý—Chử Bá Anh—Cung Vũ—Diệu Tần
Dương Thượng Ngã—Đan Quế—Đả Cẩu—Đào Trường Phúc
Đỗ Khánh Hoan—Hà Huyền Chi—Hạ Hồng Kỳ
Hoàng Xuân Sơn—Hồ Đình Nghiêm—Hoài Châu
Huyền Châu—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân—Luân Hoán
Mai Thảo—Mai Kim Ngọc—Mõ Làng Văn—Ngọc Khôi
Ngô Nguyên Dũng—Nguyên Nghĩa—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Đức Bạt Ngàn
Nguyễn Văn Ngọc—Nguyễn Ý Thuần
Nguyễn Mạnh Trinh—Nguyễn Ngọc Ngạn
Nguyễn Phước Nguyên—Nguyễn Tất Nhiên
Nguyễn Thanh Hùng—Nguyễn Hoàn Nguyên—
Nguyễn Văn Sâm—Phạm Quang Ngọc—Phan Ni Tấn
Phan Thị Trọng Tuyến—Phạm Thăng—Sĩ Liêm
Tị Tần—Tịc Tĩnh—Tưởng Năng Tiến—Túy Hồng
Thái Văn Kiểm—Thanh Phương—Thế Uyên—Trần Cao Lĩnh
Trần Diệu Hằng—Trần Mộng Tú—Trần Quang Hải
Trần Văn Tích—Trịnh Y Thư—Trọng Kim—Võ Đình
Võ Kỳ Điền—Vũ Kiện

Với sự cộng-tác của :
Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Ngọc Phượng—Chi Điền
Cỏ Tháng Giêng—Đào Hữu Dương—Đặng Thị Quế Phượng
Đỗ Quý Toàn—Gia Du—Hạc Lý—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Lê Thị Huệ—Lê Tâm—Lê Văn Phúc
Lê Đại Lãng—Ngu Yên—Ngọc Hân—Nhật Tiến
Nhất Hạnh—Nhất Giang—Như Chi—Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Hy Vọng—Nguyễn Thị Vinh—Nguyễn Việt An
Nguyễn Xuân Hoàng—Phạm Việt Tuyền—Quỳ Hương
Thái Tú Hạp—Tiêu Nguyên—Thường Quán
Trần Thiện Hiệp—Trịnh Gia Mỹ—Tuệ Nga
Võ Phiến—Vũ Quỳnh Hương

Minh-họa :
Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày :
Dương Thượng Ngã

Góp tranh :
Ngọc Dũng—Nguyên Khai—Nguyễn Đông—Nguyễn Thị Hợp
Nguyễn Tường Quý—Phạm Đình Tín—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Thái Tăng An—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh :
Nguyễn Đạo Huân—Trần Cao Lĩnh
Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

Văn-Phòng Đại-Diện tại Âu-Châu:
Association Culturelle Loi 1901
Làng Văn (Village Littéraire) tại Pháp:
M. Bạch Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil, France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-Diện tại Tây Đức :
Ngô Nguyên Dũng
Postfach 104122,
4600 Dortmund 1, W. Germany

Hòa-Lan:
Hồ Thị Chiến
Lyster 77,
1628 Am-Hoorn-NH
Holland

Na-Uy:
Mr. D. Nguyên
P.O.Box 8376 Hammersborg
0129 Oslo 1,
Norway

Đại-Diện tại Úc-Châu.
Ngọc Hân
P.O.Box 231, Villawood
NSW.2163, Australia
ĐT. (02) 726-8269

Đại-Diện tại Á-Châu:
Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115, Japan
ĐT. (03) 799-1763

Anh-Quốc:
Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

Đại-Diện tại Hoa-kỳ:
Texas: Mimi Nguyễn
Washington DC: Nguyệt Ánh
Nam Cali: Văn-Nghệ
Bắc Cali: Huỳnh Lương Thiện
Seattle: Trần Thiện Hiệp
Louisana: Trương Sĩ Lương

Monsieur le Président de l'U.N.E.S.C.O.
U.N.E.S.C.O.
Place de Fontenoy
75007 Paris
France

LETTRE DE PROTESTATION

Monsieur le Président,

Nous avons appris que l'Assemblée Générale de l'U.N.E.S.C.O. a récement pris la décision de commémorer le centenaire de la naissance de Ho Chi Minh en 1990.

Les raisons citées par l'Assemblée pour appuyer cette décision sont les suivantes:
— Ho Chi Minh est le symbole incontestable de la revendication des droits du peuple.
— Il a participé à la lutte des peuples, en général, pour la paix, l'indépendance, la démocratie et le progrès social.
— Il a contribué une part inestimable dans les domaines de la culture, de l'éducation et de l'art.

Nous, soussignés, protestons énergiquement. Nos objections sont basées sur les faits connus suivants:

1. Sous la direction de Ho Chi Minh dominaient la cruauté, la violence et l'oppression:
Environ 50.000 personnes innocentes ont été assassinées au Nord Viet Nam durant la Campagne de Réforme Agraire en 1956, 3000 civils enterrés vivants à l'Offensive du Tet 1968 à Hue.
Même à la mort de Ho Chi Minh, le régime actuel maintient sa politique d'oppression. Des centaines et des milliers de gens crévent dè faim ou sont torturés jusqu'à la mort dans prisons soi-disantes "Camps de rééducation".
Sans tenir compte du droit à la vie, ce gouvernement despote a forcé un flot ininterrompu de réfugiés à s'enfuir par mer au risque de leur vie pour échapper à la tyrannie et à la souffrance dans leur pays natal. A l'heure actuelle, le nombre de boat-people est estimé à plus de 2 millions de personnes et au moins 300.000 personnes ont péri au cours de l'exode, des milliers de femmes ont été enlevées, vilolées et tuées par les pirates.
Ainsi commémorer Ho Chi Minh équivaut-il à soutenir les crimes, à être complice des assassins et à encourager le régime actuel à continuer ses actes criminels.

2. Ho Chi Minh a enfreint, en 1954, les Accords de Genève qu'il a approuvés. Il a donné l'ordre d'envahir le Sud Viet Nam par ses propres forces régulières. Par la suite ses successeurs continuent sa politique, occupent le Laos et le Combodge, créant un état de confusion réel dans le Sud Est de l'Asie.
Ainsi commémorer Ho Chi Minh équivaut-il à glorifier un belligérant, à encourager la politique d'invasion et à narguer la paix mondiale.

3. Ho Chi Minh a trahi sa patrie. Il a employé des stratagèmes frauduleux et des ruses sordides pour exterminer tous les nationalistes et les autres partis politiques d'opposition pour offrir le Viet Nam au monde communiste.
Ainsi commémorer Ho Chi Minh équivaut-il à se soustraire à la trahison envers sa patrie.

4. Ho Chi Minh n'a rien contribué à la culture vietnamienne. Au contraire il a préconisé et a ordonné la destruction de toutes les anciennes et nouvelles publications qui n'ont pas approuvé la politique du gouvernement; il a mis en prison les intellectuels, les écrivains, les artistes; causant des dommages indescriptibles à la culture d'une nation dont l'histoire remonte à plus de 4000 ans.
Ainsi commémorer Ho Chi Minh equivaut-il à approuver l'acte de sabotage culturel visant à laisser le peuple dans l'ignorance pour pouvoir le gouverner facilement.

En résumé, commémorer Ho Chi Minh c'est contribuer à détruire la paix mondiale et la culture vietnamienne.
Nous demandons fermement à l'Assemblée Générale de retirer cette décision.

Nous vous prions d'argréer, Monsieur le Président, l'expression de nos sentiments distingués.

Adresse: .....

Nome et prénom: .....

Theo yêu-cầu của quí độc-giả cư-ngụ trong các vùng nói tiếng Pháp, tòa-soạn xin đăng tải bản Pháp-văn lá thư gửi UNESCO, phản-đối quyết-định tôn-vinh và tổ-chức trọng-thể sinh-nhật 100 năm Hồ Chí Minh vào năm 1990. Xin đồng-bào làm phóng-ảnh, xin chữ ký và gửi về tòa soạn.



Tin Vắn

ĐÁM CƯỚI TẬP THỂ 6.516 CẶP TẠI ĐẠI-HÀN

Đại-Hàn, Hán-thành (Seoul) là đầu đề lớn cho công-luận thế-giới bàn tán trong suốt mấy năm qua, từ các vụ biểu-tình bạo-động đẫm máu đến thế-vận-hội rỡ-ràng, nguy-nga. Mới đây, người ta lại sôi-nổi bàn-bạc về chuyện ông đạo Moon, tức Mục-sư Sun Myung Moon thuộc Giáo-hội Thống-nhất (Unification Church) đã làm đám cưới tập-thể cho 6.516 cặp. Đây là đám cưới tập-thể lớn nhất từ trước tới nay trên thế-giới. Các cặp trai gái từ 17 nước khác nhau đổ về Seoul để được "thầy" tác-hợp.

Điểm độc-đáo là các tân-lang và tân giai-nhân đều là những người không cùng chủng-tộc, chưa từng gặp nhau bao giờ, và việc phối ngẫu hoàn toàn do ông đạo "đặt đâu ngồi đấy".

ĐỨC GIÁO-HOÀNG LEO NÚI

Mặc dù đã 68 tuổi, và một lần bị thương trong vụ ám-sát hụt, đức Giáo-hoàng vẫn khoẻ-mạnh như thường. Trong vụ hè vừa rồi, ông đã leo tới đỉnh ngọn Peralba, cao 2.693mét, quì dưới chân tượng đức Mẹ để cầu-nguyện giữa cảnh trời mây thanh-khiết bao-la.

"LÀNG VĂN" KHAI TỬ NHẬT HOÀNG (?)

Làng Văn số 51 vừa qua (trang 4) đã loan tin Nhật-hoàng thăng-hà. Tin này dựa theo bản tin giờ chót của tờ *Mainichi Shimbun*, hoàn-toàn sai-lạc. *Mainichi Simbun* là một đại nhật-báo, xuất-bản 4 triệu tờ mỗi ngày tại Đông-kinh, đã làm cho cả nước Nhật rúng-động vì tin này. Viên tổng giám-đốc công-ty Mainichi định mổ bụng tự-sát, nhưng ông chủ-nhiệm Natanabé đã ngăn kịp, đích-thân vào hoàng-cung tạ lỗi với hoàng-gia, rồi từ-chức ngay.

Trong khi đó, Nhật-hoàng chưa băng, nhưng đã hôn-mê hoàn-toàn, sống trong tình-trạng hấp-hối. Nhà vua bị ung-thư lá lách và cuống bao-tử. Từ ngày 19.9, bác-sĩ phải cho truyền máu liên-tục để kéo dài sự sống cho ông.

Hiện dư-luận thế-giới đang lưu-tâm theo dõi sinh-hoạt và tình-trạng sức khoẻ của Nhật-hoàng, lãnh-tụ tối-cao của Nhật-bản. Nhật-hoàng Hirohito, năm nay 87 tuổi. Dòng dõi Gia-hòa (Showa) của ông từng trị nước 2.600 năm nay, qua 124 triều-đại. Riêng nhà vua, cũng đã ở ngôi 63 năm, tức là trước khi quốc-gia này liên-kết với Hitler Đức quốc-xã, độc-tài Mussolini Ý trong trục Đức—Ý-Nhật hồi đệ nhị thế-chiến.

Tại Nhật, không-khí sinh-hoạt có phần trì trọng hơn trong cơn hấp-hối của nhà vua, mà họ tôn-sùng như thần-thánh và gọi là Thiên-hoàng. Tổng-trưởng Ngoại-giao Nhật đã hủy-bỏ chuyến công-du sang Hoa-kỳ để hội-kiến cùng TT Reagan và đọc diễn-văn trước Đại Hội-đồng Liên-hiệp-quốc. Chính-phủ Nhật cũng hủy-bỏ toàn bộ các vụ tiếp thượng-khách các nước. Thủ-tướng Nhật đóng cửa không ra ngoài, và dân-chúng trong nước thì hàng chục ngàn người đội gió mưa quì gối suốt ngày trước hoàng-cung để cầu-nguyện cho nhà vua. Các xướng-ngôn viên truyền-hình đều mặc y-phục đen và toàn-thể nhân-viên hãng hàng-không Nhật đều thắt cà-vạt đen. Lãnh tụ đảng Lao-động tuyên-bố: "Tôi là người suốt đời khuynh tả, nhưng mọi màu sắc chính-trị đều trở nên vô-nghĩa vào giờ phút này. Thiên hoàng vẫn là biểu-tượng tối-cao của toàn dân Nhật."

Cho tới ngày 20.11, Hoàng-đế Hirohito đã mất 18 kí (40 pound) trong vòng hai tháng, từ ngày thọ bệnh. Hiện nay trọng-lượng của ông chỉ còn 30 kí (66 pounds).

Trong khi đó, ngành ngoại-giao Nhật-bản ráo-riết theo-dõi báo-chí Tây-phương, nhằm bảo-vệ thanh-danh cho nhà vua. Báo-chí Âu Mỹ nhắc lại thảm-trạng Trân Châu Cảng và khơi dậy nguyên-nhân sâu-xa của hai quả bom nguyên-tử ném xuống Quảng-đảo và Trường-kỳ năm 1945. Tại Anh-quốc, theo tin Phụ-Nữ Việt-Nam—hai tờ *Sun* và *Daily Star* đã liên-tiếp tấn-công Nhật-hoàng bằng những tựa lớn như *Địa-Ngục Đang Đón Chờ Một Quỷ-Vương* hay *Đây, Khuôn Mặt Quỷ Sứ*. Tòa đại-sứ Nhật-bản tại Luân-đôn dĩ-nhiên đã phát-hành thư phản-kháng. Nhưng chưa xong, tiếp theo, tờ *Daily Express* khơi dậy đống tro tàn: *Phải chăng, nhân-danh vị hoàng-đế này, đã có hàng ngàn tù-binh Đồng-minh và dân lành đã chết thảm qua các vụ tra-tấn, đày-ải dưới ánh mặt trời thiêu-đốt trong các trại giam của Nhật?*

Các cơ-quan ngôn-luận Hòa-lan nêu câu hỏi: liệu có nên cử phái-đoàn phúng-điếu sang viếng tang một vị vua bị coi là tội-phạm gây chết-chóc cho vô-số dân lành thời đệ nhị thế-chiến không. Riêng Hội Cựu Chiến-Binh Hòa-lan khẳng-quyết chống tới cùng.

Riêng các quốc-gia Á-châu như Trung-hoa, Nam và Bắc Hàn, Thái-lan, v.v. cũng ôn lại những trang lịch-sử thời còn bị Nhật chiếm-đóng. Riêng lịch-sử Việt-nam, còn ghi dấu một giai-đoạn đen-tối nhất dưới lá cờ Đại Đông Á: 2 triệu người chết trong trận đói năm Ất Dậu! *(HHK và HD)*

BẦU-CỬ TẠI HOA-KỲ: GEORGE BUSH THẮNG LỚN

Đương-kim phó tổng-thống Mỹ, George Bush, 64 tuổi, lãnh-tụ đảng Cộng-hòa, người vừa lên tiếng đòi Hà-nội hủy án cho hai đại-đức Tuệ Sỹ và Trí Siêu, đã thắng lớn và trở thành tổng-thống Mỹ qua cuộc bầu cử ngày 8.11 vừa qua. Tuy-nhiên, đảng Dân-chủ vẫn nắm ưu-thế tại Quốc-hội.

NGA DÙNG VŨ-KHÍ HÓA HỌC TẠI A-PHÚ-HÃN

Hồng-quân Nga và lính A-phú-hãn thuộc Nga đã sử-dụng vũ khí hóa-học trong trận đánh mong tái-chiếm một đồn tại biên-giới Pakistan do du-kích-quân A-phú-hãn kiểm soát. Các nhà ngoại-giao xác-nhận Hồng-quân Nga đã tiếp-viện lính A-phú-hãn chống lại du-kích-quân trong trận công đồn Torkham và xa-lộ nối liền A-phú-hãn

và Hồi-quốc. Hàng trăm du-kích-quân bị hạ-sát trong vụ tấn-công này.

Trước đây Nga tuyên-bố rút quân khỏi A-phú-hãn trong năm 1988, theo hiệp-định Geneva. Tuy-nhiên, sau khi rút được 50.000 quân, Nga đột-nhiên ra lệnh ngưng rút, và điều-động hơn 50.000 quân còn lại mở các cuộc tấn-công ào-ạt vào các vị-trí của du-kích-quân.

ESTONIA TUYÊN-BỐ CHỦ-QUYỀN LÃNH-THỔ

Ngày 16.11.1988, quốc-gia Cộng-hòa Estonia tí-hon, nằm trong vùng biển Baltic và vịnh Phần-lan, dưới ách thống-trị của Nga đã tuyên-bố "chủ-quyền lãnh-thổ."

Quốc-hội Cộng-hòa Estonia với 258 phiếu thuận, 1 phiếu chống và 5 người vắng mặt đã thông-quá quyết-định trên. "Chủ-quyền lãnh-thổ" chưa hẳn là "độc-lập", nhưng dân-tộc này đang đấu-tranh từng bước để đạt tới độc-lập thực-sự và toàn-diện.

Trong bước tiến mới-mẻ này, Estonia dành quyền kiểm-soát đất-đai, nguồn lợi thiên-nhiên, công-xưởng, ngân-hàng, nông-trại và gia-cư.



Đế-quốc Nga hiện-tại gồm 15 xứ nội-thuộc: Nga (rộng nhất, 6 triệu rưỡi dặm vuông, 140 triệu dân, thủ-đô là Mạc-tư-khoa), Ukraine (50 triệu dân, thủ-phủ là Kiev), Kazakhstan (15 triệu), Byelorussia (9 triệu), Uzbekistan (16 triệu), Goergia, Azerbaijan, Lithuania, Kirghizia, Moldavia, Latvia, Tadzhikistan, Armenia, Turkmenistan và Estonia.

Estonia rộng 17.413 dặm vuông, dân-số 1 triệu rưỡi, thủ-phủ là Tallinn. Ba nước Estonia, Latvia và Lithuania bị Nga xâm-lăng và xóa tên từ tháng 6.1940 cho tới nay.

LÀO THẢ 2 CÔNG-DÂN MỸ TÌM KIẾM TÙ-BINH

Vọng-các (13.11).—Hai người Mỹ xâm-nhập Ai-lao tìm tù-binh và những người mất-tích trong chiến-tranh (PoWs và MIA) và bị Lào Cộng bắt giam, đã được thả sau khi tổ-chức của họ chịu nộp 1.500 mỹ-kim và ngưng phản-đối Lào. Cả hai đều kiệt sức sau 41 ngày căng thẳng trong tay Lào Cộng.

Theo tin mới nhất của hãng AP, trước đây Donna Long và James Copp bay tới Vọng-các trên một chuyến bay từ Vạn-tượng, thủ-đô Lào. Cả hai xâm-nhập Lào để rao về việc treo giải cho những ai tìm được tù-binh và người Mỹ mất-tích. Bà Long, 45 tuổi là nhà văn, ngụ ở Jacksonville, North Calorina và ông Copp, 44 tuổi là giáo-viên, ngụ tại Hampstead, cũng thuộc North Calorina. Họ đã đi thuyền băng qua sông Cửu-long tại biên-giới Thái—Lào. Sang bờ bên kia, họ tiến vào một làng nhỏ, phân-phát truyền-đơn cho dân làng, hứa thưởng 2,4 triệu mỹ-kim cho bất cứ ai mang được 1 tù-binh Mỹ sang vùng đất tự-do. Giải thưởng này được 21 dân-biểu, nghị-sĩ đảng Cộng-hòa và tư-nhân đóng-góp.

Công-an Nhân-dân Lào Cộng khi bắt gặp hai người này đang phát truyền-đơn, điên-tiết bắt giữ họ ngay và giải lên Vạn-tượng bằng máy bay.

Khi máy bay đáp xuống thủ-đô Lào Cộng, họ bị bịt mắt và giải đi giấu trong nhà xe của sở Di-trú, và bị thẩm-vấn suốt 32 ngày.

GORBACHEV SANG MỸ

Lãnh-tụ Soviet, Mikhail Gorbachev sẽ công-du Hoa-kỳ trong tháng 12 này để đọc diễn-văn tại Liên-hiệp-quốc và hội-kiến TT Ronald Reagan và tân Tổng-thống George Bush. Gorbachev cũng sẽ viếng Anh-quốc ba ngày, từ 12 tới 14 tháng này.

NHÀ BÁC-HỌC SAKHAROV LẬT TẨY GORBACHEV

Ngay từ trên đất Nga, nhà bác-học Andrei Sakharov đã lên tiếng chỉ-trích Gorbachev về các chiêu-bài mị-dân "cởi mở" và "cải-cách", mặc dù ông được điện Cẩm-linh ve-vuốt bằng cách cấp phép xuất-cảnh sang Hoa-kỳ.

Tới Massachusetts, nhà vật-lý-học từng đoạt giải Nobel này nhắc lại lời tuyên-bố của ông để cảnh-giác những ai còn mơ-màng về "cải cách Gorbachev" rằng: "Sự *cải-cách* tại Liên-Sô phải được hiểu là sự đàn-áp nhân-quyền trong nước, là sự bành-trướng thế-lực mà hậu-quả chỉ tạo thêm bất-ổn trên thế-giới." Nhà bác-học nói thêm, chỉ cần tỉnh-ý một chút, đừng để bị kỹ-thuật tuyên-truyền của CS chi-phối, sẽ nhận-diện được sự thật đàng sau cái chiêu-bài giả-dối "cải-cách", "cởi mở".

Không thấy nhà bác-học 67 tuổi này bình-luận về "cải-cách Nguyễn Văn Linh". Tuy-nhiên, thầy Gorbachev đã vậy thì đồ đệ Nguyễn Văn Linh cũng chẳng hơn gì, giỏi lắm là bịp được vài anh trí-thức khoa-bảng ở hải-ngoại vẫn luôn luôn mơ-màng ở mọi thời-đại.

ĐỘNG ĐẤT TẠI HOA-LỤC 500.000 NGƯỜI MẤT NHÀ

Bắc-kinh (12.11).—Nửa triệu người đã mất nơi ẩn-trú trong một vụ động đất dữ-dội ở miền Nam Trung-hoa, gần biên-giới Miến-điện. Hơn 1.000 người tử-nạn và hàng chục ngàn người bị thương.

BÃO LỚN TẠI PHI, 670 NGƯỜI CHẾT

Một cơn bão biển dữ-dội đã thổi vào đất-liền Phi-luật-tân, giết chết 670 người trong các cơn giông và nước lũ tiếp theo sau đó. Trại tị nạn Palawan cũng chịu thiệt-hại trầm-trọng. Chưa biết trong số 670 người chết này có bao nhiêu người là thuyền-nhân.

BẦU-CỬ TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Hai tuần sau khi Hoa-kỳ bầu xong tổng-thống cho nhiệm-kỳ mới, Gia-nã-đại cũng bầu xong Quốc-hội. Kết-quả, đảng Bảo-Thủ Cấp-Tiến do đương-kim thủ-tướng Brian Mulroney lãnh-đạo đã chiếm tuyệt đại đa-số tại Quốc-hội. Số ghế của đảng này nhiều hơn cả tổng-số ghế của hai đảng đối-lập là Tự Do và Tân Dân-Chủ cộng lại. Lãnh-tụ đảng, ông Mulroney đương-nhiên sẽ tiếp-tục nhiệm-vụ thủ-tướng thêm bốn năm nữa.

Đảng Bảo-thủ Cấp-tiến hiện đang ráo-riết theo-đuổi kế-hoạch tự-do mậu dịch với Hoa-kỳ, được TT Reagan và tân tổng-thống Bush, cùng bà Thatcher, thủ-tướng Anh ủng-hộ.

Tin Việt Nam



BÃO LỤT TÀN-PHÁ QUẢNG-BÌNH VÀ NGHỆ-AN

Bão-tố, mưa dầm và lụt-lội đã tàn-phá huyện Thạch-chương, Nghệ-an và một số huyện thuộc Quảng-bình. Tai-nạn nặng nhất là vỡ đập Tam-bảo, nước lụt tràn vào 37 làng khiến 150.000 người lâm cảnh màn trời chiếu đất, và phải lánh tới những vùng đất cao hơn. Tin sơ-khởi cho biết, 24 người thiệt-mạng. *(TD)*

DỤ "DU-LỊCH VN" KHÔNG ĂN VC DỤ "DU-LỊCH NƯỚC NGOÀI"

Thấy kế-hoạch "du-lịch VN" của VC không đạt được thành-quả như ý muốn vì bị đồng-bào tẩy-chay, phỉ-quyền Hà-nội liền cho tiến-hành kế-hoạch "du-lịch nước ngoài." Mỗi "du-khách" trong nước muốn du-lịch phải nộp cho nhà nước 10 lượng vàng làm tiền thế thân. Nếu không có tiền nộp trong nước thì thân-nhân của họ nộp tại các trụ-sở kinh-tài tại hải-ngoại cũng được. Nhà nước cầm chắc là 99 % các du-khách này sẽ đi luôn, và họ hưởng trọn số vàng chuộc mạng ấy. Hiện nay, danh-sách số người được phép xuất-ngoại du-lịch đã lên tới 30.000 tất cả.

Mặt khác, trong năm 1988 đã có khoảng 23.000 người rời VN trong chương-trình Ra Đi Có Trật Tự, gấp đôi năm 1987.

VC ĐỔ LỖI CHO MỸ LÀM CHẬM-TRỄ "O.D.P."

VC Hà-nội mới đây lại đổ lỗi cho Mỹ làm chậm trễ chương-trình ra đi có trật-tự. Theo VC, Mỹ đã từ-chối khoảng 100.000 hồ-sơ. Từ 1980 tới nay, Hoa-kỳ đã nhận 65.000 sang định-cư trong chương-trình ODP. Hiện nay còn khoảng 675.000 đơn xin sang Mỹ đoàn-tụ gia-đình đang được giải-quyết.

NGUYỄN VĂN LINH BẺ GÃY TỪ TỪ KẾ-HOẠCH "GLAT-NỐT"

Qua vụ đàn-áp Phật-giáo, xử tử hai nhà sư Tuệ Sĩ và Trí Siêu, Nguyễn Văn Linh đang tự phá-hủy lớp sơn hào-nhoáng "cải-cách", "cởi mở", "dân-chủ" mới được tô quét chưa kịp khô. Mới đây, Linh lại vừa ra lệnh cho bộ Văn-hóa ngưng chiếu các loại phim "của các nước không xã-hội chủ-nghĩa". Sau khi lệnh này được áp-dụng, các rạp hát lại vắng hoe như chùa bà đanh, vì không ai dại gì bỏ tiền ra nghe... chửi bằng phim tuyên-truyền ấu-trĩ!

BA VÂN QUA ĐỜI

Nghệ-sĩ Ba Vân, tức Lê Long Vân, một khuôn mặt của sân-khấu miền Nam vừa từ-trần tại thanh Hồ hôm 24.8.1988, thọ 81 tuổi.

HÒA ĐÀM CAO MIÊN KHỞI SỰ TẠI BA-LÊ

Ông hoàng Sihanouk, đương kim tổng-thống Chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến Cao-miên đã có mặt tại hòa-đàm Ba-lê, kéo dài 3 ngày, từ 5 tới 7,11.1988. Cựu hoàng đã họp với thủ-tướng Hun Sen của chính-phủ Nam-vang tại một lâu-đài gần Ba-lê.

Tuy-nhiên, kết-quả của Hội-nghị không có gì khả-quan. Các phe đồng ý sẽ nói chuyện tiếp vào tháng 9.1989 tới đây. Phe tự-do và TT Sihanouk và Thủ-tướng Son Sann lãnh-đạo và Thủ-tướng Nam Vang Hun Sen đồng ý thành-lập toán công-tác tại Paris.

VC LẠI MẤT VIỆN TRỢ

Ngoại-trưởng Tây Đức, ông Helmut Schaeffer trong khi sang viếng Hà-nội, đã tuyên-bố thẳng thừng trong cuộc họp báo quốc-tế tại Hà-nội hôm 20.10 rằng nước ông và các quốc-gia thuộc Khối Thị-Trường Chung Âu-Châu đã quyết-định ngưng mọi trợ-giúp kinh-tế cho Hà-nội cho tới khi nào đạt được một giải-pháp chính-trị cho Cao-miên. Ông Schaeffer nói: "Sự hiện-diện của bộ-đội CSVN tại Cao-miên là trở lực ngăn-cản tất cả mọi chương-trình viện-trợ kinh-tế từ Tây Đức cũng như từ các quốc-gia thuộc Khối Thị-Trường Chung Âu-Châu. Vấn-đề viện-trợ kinh-tế chỉ có thể được Tây Đức cũng như các quốc-gia thuộc Khối Thị-Trường Chung Âu-Châu đề-cập một khi vấn-đề Cao-miên đã được giải-quyết."

VC THAN "BỘ-ĐỘI VÔ KỶ-LUẬT"

Ký-giả Nick B. William Jr. của tờ *Los Angeles Thời-Báo* tường-trình từ Thái-lan, cho biết rằng đài phát-thanh Hà-nội đã gay-gắt chỉ-trích bộ-đội của họ về tình-trạng băng-hoại kỷ-luật tới mức báo-động. Bài phát-thanh trách-cứ các sĩ-quan cao-cấp và mô-tả bộ-đội là một tập-thể ghê-tởm và xa-lạ, không còn là bộ-đội cách-mạng nữa.

Đây là một vấn-đề rất mới, vì xưa nay VC vẫn xưng-tụng quân-đội của họ với những mỹ-từ và khẩu-hiệu đẹp như "từ nhân-dân mà ra, do nhân-dân mà có, vì nhân-dân anh-dũng tiến lên", hay "trung với đảng, hiếu với dân" v.v. Cái tập-thể "anh-hùng" mấy triệu người ấy nay đổ lỗi cho nhau rằng: "hậu cần với các kho lương trống rỗng vì không thu-vét được đủ thực-phẩm", "đơn-vị nào may-mắn mánh-mung được, ai có tiền thì tìm cách đi mua, trong khi đa-số không tiền, chỉ có cách phá lệ và trở nên vô kỷ-luật."

Ngoài các vụ cướp-bóc lẻ-tẻ do một vài cá-nhân hay một vài nhóm nhỏ, đài Hà-nội tố-cáo rằng có những đơn-vị cấp trung-đoàn đã hạ lệnh cho bộ-đội hạ cây, phá rừng và cướp cả gỗ của dân.

Tại Hà-nội, tướng VC Trần Công Mẫn, chủ-bút tờ *Quân-Đội Nhân-Dân* trả lời tuần báo *Times* về tình-trạng bộ-đội tại Cao-miên rằng, nhiều thân-nhân bộ-đội chết trận tại Cao-miên đã gửi thư tới khiếu-nại rằng họ không nhận được tiền tử-tuất. Và cũng đã có rất nhiều trường-hợp khác, các đơn-vị trưởng ém tin, không thông-báo cho thân-nhân người chết, và chia-chác nhau món tiền sinh-mệnh của thuộc-cấp.



Trong Làng

PHONG-TRÀO HƯNG-CA TIẾP-TỤC PHÁT-TRIỂN

Ngày 19.11.1988 vừa qua, một đơn-vị Hưng-ca mới tại San Jose, Bắc Cali đã chính-thức ra mắt, trong một buổi lễ thân-mật với sự chứng-kiến của nữ nhạc-sĩ Nguyệt Ánh, thay mặt ban chấp-hành Phong-trào, và nữ nhạc-sĩ Khúc Lan từ quận Cam bay lên tham-dự.

Đơn-vị Hưng Ca tân-lập này do các nghệ-sĩ Triệu Phổ và Đinh Nguyên dẫn-dắt, được mạnh thường quân Mạc Đạm giúp-đỡ tận-tình, cho mượn phòng họp và ủng-hộ tài-chánh để tổ-chức ra mắt.

Trong lúc đó, nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng, đại-diện Phong-trào tại Âu-châu cho biết sẽ làm lễ ra mắt Đoàn Hưng Ca Hòa-Lan vào ngày 1.4.1989 sắp tới, trong một chương-trình văn-nghệ quần-chúng rộng-lớn, gồm ca vũ, hoạt-cảnh. Phần tổ-chức do sự chung sức của ba nhóm, Hướng-Đạo Việt-Nam, Ca-đoàn Công Giáo và Đoàn Hưng Ca Hòa-Lan.

Nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng trước 1975 là đoàn-trưởng đoàn Du-ca Lòng Mẹ tại Ban-mê-thuột, đồng-thời cũng là nhạc-sĩ sáng-tác hoạt-động trong Phong-Trào Du Ca Việt-Nam. Sau khi vượt biên ra hải-ngoại, anh tiếp-tục sáng-tác và sinh-hoạt cộng-đồng. Nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng tham-gia Phong-Trào Hưng Ca từ năm 1986, và là đại-diện Phong-trào tại Âu-châu. Với những kinh-nghiệm sẵn có và tinh-thần dấn thân của một chiến-sĩ trên cả hai mặt trận quân-sự lẫn văn-hóa, mọi người tin-tưởng Đoàn Hưng Ca Hòa-Lan sẽ là một trong những đơn-vị xuất-sắc nhất của Phong-trào.

Mặt khác, vào đầu năm 1989, Phong-trào Hưng Ca sẽ cử một toán công-tác đặc-biệt sang sinh-hoạt cùng đồng-bào tại các trại tị-nạn ở Á-châu.

"MƯỜI HAI HOA CÚC" CỦA NGÔ NGUYÊN DŨNG

Mười Hai Hoa Cúc, cũng là mười hai truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng, ấn-phẩm số 4 của Văn Lang, một nhà xuất-bản mới thành-lập tại Gia-nã-đại trong năm 1988. Ngô Nguyên Dũng là bỉnh bút *Làng Văn* từ bốn năm nay, đồng-thời cũng là chủ-biên văn-học nguyệt-san *Độc Lập*, chủ-bút tạp-chí Măng Non, hai tờ này cùng ở Tây Đức. Ông có lời văn hồn-hậu, chân-thành, tình cảm sôi nổi, trong sáng, phản ảnh một tâm hồn bén nhạy và đa cảm.

Mười Hai Hoa Cúc là ấn-phẩm thứ hai của ông trong năm, ra tiếp liền sau cuốn *Dòng Chữ Tâm Tình* do nhà Văn Nghệ xuất-bản tại Nam Cali. Quí bạn thích đọc Ngô Nguyên Dũng xin gửi chi-phiếu về tòa-soạn.

VÀ "KÝ" CỦA NGUYỄN HỮU NGHĨA

Ký là tập bút-ký của Nguyễn Hữu Nghĩa, *Làng Văn* xuất-bản, Võ Phiến đề tựa, ghi lại những điều tác-giả cảm-nhận trong những chuyến đi ngang dọc trên khắp mặt địa-cầu. "Ký" thuộc loại tùy-bút, không phải truyện, nhưng đọc sôi-nổi, hấp-dẫn không khác gì truyện, bên cạnh đó, còn có những mẩu ghi-nhận về những điều hay lạ trong cộng-đồng tị-nạn ở mọi nơi hay trong địa-dư thế-giới. Quí bạn muốn có tập bút-ký này, xin xem thư-mục Làng Văn.

BÁO MỚI TẠI HOA-KỲ

Trong khoảng cuối năm, Hoa-kỳ đã có thêm ba tờ báo mới. Tại Houston, Texas, nhà văn Nguyên Vũ xuất-bản tờ *Lên Đường*, cơ-quan ngôn-luận của những người muốn khôi-phục thế giá truyền-thống dân-tộc.

Chính Đạo, tức nhà văn Nguyên Vũ hay tiến-sĩ Sử-học Vũ Ngự Chiêu làm chủ-nhiệm, chủ-bút là họa-sĩ Long Ân Nguyễn Văn Mộch. Ban biên-tập có nhiều tên tuổi quen-thuộc như Lê Tất Điều, Du Tử Lê, Nguyễn Gia Kiểng, Tuấn Huy, Trần Thanh Hiệp, Trần Trung Quân, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Bá Trạc, Vũ Huy Quang, v.v. Địa-chỉ liên-lạc: P.O. Box 801471, Houston, TX.77280-1471, USA.

Cũng tại Houston, Nguyễn Hiện Nghiệp, tức nhà thơ và cũng là nhạc-sĩ Hưng-ca Nguyễn Phước Nguyên cho ra mắt tờ *Phương Đông*, nguyệt-san văn-học của tuổi trẻ, sáng-tác và phát-huy văn-hóa Việt-nam. Nguyên tị-nạn sang Hoa-kỳ năm 1975, lúc anh mới 12 tuổi. Vốn liếng tiếng Việt của anh được bố mẹ bồi-bổ thêm, và tự học lấy. Anh làm thơ, viết văn, soạn nhạc bằng tiếng Việt lẫn tiếng Anh trôi chảy và súc-tích như nhau. Cùng hoạt-động với Nguyễn Phước Nguyên là một nhóm bằng-hữu trẻ, có lòng với đất nước, có lý-tưởng và niềm tin. Địa-chỉ liên-lạc: 8880-B2 Bellaire, Suite #126, Houston, TX.77036, USA.

Tại Nam Cali, ký-giả lão-thành Việt Định Phương đã quảng-cáo tục-bản nhật-báo *Trắng Đen* vào ngày 6.12 này. Tiêu-đề của *Trắng Đen* là "nhật-báo có số in nhiều nhất ở hải-ngoại", do Việt Định Phương làm chủ-nhiệm, Thinh Quang làm chủ-bút, Trần Quốc Bảo làm tổng thư-ký. Địa-chỉ liên-lạc: P.O. Box 4892, Garden Grove, CA.92642, USA.

NHÀ VĂN DIỆU TẦN VÀ "TRÊN BỜ KINH AN-HẠ"

Diệu Tần là một tên tuổi khá mới trong sinh-hoạt văn-học hải-ngoại, nhưng lại là một nhà soạn kịch từng đoạt giải văn-học nghệ-thuật trong nước trước năm 1975 và cũng là một hoạ-sĩ từng bày tranh nhiều lần. Xuất-hiện trên các báo *Làng Văn, Văn, Văn-Học* trong vòng ba, bốn năm nay, ông đã được văn-giới và độc-giả chú-ý qua lối viết nồng-nhiệt, đào sâu tâm-lý ẩn-ức của con người trước hoàn-cảnh và cuộc đời. Tập truyện *Trên Bờ Kinh An-Hạ* là ấn-phẩm đầu tay, bao gồm một số truyện ngắn đắc ý của ông, do nhà Xuân Thu xuất-bản. Độc-giả *Làng Văn* thích đọc truyện Diệu Tần xin đón xem thư-mục Làng Văn.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC RA MẮT SÁCH TẠI VIRGINIA

Nguyễn thị Hoàng Bắc, một trong 17 cây bút nữ-giới có bài trong tuyển tập *Trăng Đất Khách* do *Làng Văn* xuất-bản trước đây đã cho ra mắt tác-phẩm đầu tay của bà, cuốn *Long Lanh Hạt Bụi*.

Buổi sinh-hoạt được tổ-chức tại Arlington, Virgia vào cuối tháng 10.

Ngoài Ngõ

BS TRẦN XUÂN NINH NÓI CHUYỆN TẠI HỘI QUỐC-TẾ NHÂN-QUYỀN LUÂN-ĐÔN

Do lời mời của Hội Quốc-Tế Nhân-Quyền, bác-sĩ Trần Xuân Ninh, tổng-vụ phó tổng vụ hải-ngoại MTQGTNGPVN đã tới Luân-đôn thuyết-trình về nhân-quyền tại Việt-nam dưới sự cai-trị của chế-độ Cộng-sản. Buổi nói chuyện có sự hiện-diện của các quốc-gia hội-viên. Bài nói chuyện của BS Trần Xuân Ninh được đặc-biệt chú-ý.

TRẠI HÈ HÙNG VƯƠNG TẠI HÒA-LAN

Cộng-đồng Việt-nam Tị-nạn tại Hòa-lan sẽ tổ-chức trại hè Hùng-vương vào ba ngày 2, 3 và 4.12.1988. Mục-đích của trại nhằm trao-đổi kinh-nghiệm trong công-cuộc đấu-tranh cho tương-lai đất-nước và thảo-luận về một số công-tác mà đồng-bào tị-nạn tại các nước Âu-châu có thể làm chung với nhau.

TỈ PHÚ ANDRE GILLE CHO MƯỢN TÀU ĐỂ VỚT THUYỀN-NHÂN

Ông André Gille, tỉ-phú xứ Monaco, chủ-nhân tàu Mary Kingstown đã quyết-định tiếp-tục cho Hội Y-Sĩ Thế-Giới và Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển tiếp-tục sử-dụng miễn-phí chiếc tàu của ông.

Tin mới nhất từ biển đông điện về cho hay, tàu Mary Kingstown đã vớt được hai thuyền tị-nạn, với tổng-cộng 44 đồng-bào vượt biển, trong đó có 13 trẻ em.

Năm trước đây, Hội Y-Sĩ Thế-Giới đã thuê chiếc Mary Kingstown từ tháng 4 cho tới tháng 6.1988 để vớt người biển đông. Ông André Gille cũng đi theo tàu trong thời-gian này. Sau khi tận mắt chứng-kiến cảnh-trạng bi-thương và can-trường của thuyền-nhân, nhà tỉ-phúc xúc-động, không nhận tiền thuê tàu, còn bao luôn cả tiền thuê bến, thực-phẩm và tiền lương trả cho thủy-thủ đoàn.

Sau đó, nhà tỉ-phú được mời làm quan-khách danh-dự tại tiệc tiếp-tân của Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển tại San Diego, và trong Hội Chợ Thuyền-Nhân Hè 1988 tại San Jose, Hoa-kỳ. Tại các nơi này, ông được hàng vạn người Việt tị-nạn hoan-nghênh và bày-tỏ lòng biết ơn. Ông Gille cho biết, ông ngưỡng-mộ tinh-thần đoàn-kết và thương-yêu của người Việt đối với nhau. Tin mới nhất từ Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển cho biết, nhà tỉ-phú sẽ tiếp-tục cho mượn tàu Mary Kingstown và bao luôn tiền lương trả cho thủy-thủ đoàn trong thời-gian công-tác vớt người tị-nạn mùa hè 1989. Hội Y-Sĩ Thế-Giới tiếp-tục vận-động xin chiếu-khán nhập-cảnh cho các thuyền-nhân vớt được. Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển lo các chi phí khác, như tiền bảo-trì tàu, thực-phẩm cho thuyền-nhân, thuốc-men và dụng-cụ y-khoa, dầu cặn, phương-tiện cấp-cứu và chuyên-chở, v.v. Phí-khoản này lên tới 300.000 mỹ-kim.

Trong thư ngỏ mới nhất, Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển kêu-gọi cộng-đồng tị-nạn tiếp-tục tích-cực hỗ-trợ cho công-tác nhân-đạo này.

Địa-chỉ của Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển là:

Boat People S.O.S. Committee
6970 Linda Vista Road, Suite 102
San Diego, CA.92111
U.S.A.

ĐẠI-HỘI TOÀN QUÂN TẠI HOA-KỲ

Tổng Hội Cựu Chiến Sĩ QLVNCH và Hội Cựu Quân-Nhân Miền Đông Bắc Hoa-Kỳ đã tổ-chức chung Đại-Hội Toàn Quân vào hai ngày 25 và 26.11.1988 vừa qua tại khách-sạn Holiday Inn, số 4610 N. Fairfax Dr., Arlington, Virginia, Hoa-kỳ. Mục-đích của Đại-Hội là trao-đổi kinh-nghiệm sinh-hoạt tại hải-ngoại, củng-cố và siết-chặt thâm tình huynh-đệ chi binh.

TIA HI VỌNG CHO ĐỒNG BÀO TỴ-NẠN TẠI HƯƠNG CẢNG

Theo tin tờ *Phụ-Nữ Việt-Nam* xuất-bản tại Anh-quốc, ông M.J.J. Hanson, Cục-trưởng Cục An-ninh Hương-cảng vừa ký thông-cáo mới nhất, cho phép các thuyền-nhân tới Hương-cảng sau ngày 16.6.1988 hiện ngụ trong các trại cấm, được ra ngoài làm việc, đi học.

Văn-phòng trại cấm Sham Phui Po đã cho phổ-biến văn-thư nói trên, và giải-thích thật rành-mạch.

Tất cả có gần 10.000 người vừa lấy lại được một phần tự-do, được kêu-gọi làm sống lại những đức-tính tốt-đẹp của người Việt, chịu khó đi làm và học thêm tiếng Quảng-đông cùng Anh-ngữ để chuẩn-bị cho tương-lai.

Trong khi đó, khoảng 1.000 đồng-bào tới trại sau ngày 16.6.1988 đang bị nhốt trong các trại giam, chờ được thanh-lọc và một phần lớn trong số này sẽ bị trả về Việt-nam.

Trên đây, chỉ là một tia sáng mong-manh soi-rọi vào những trại tù tị-nạn tối-tăm trên đất Hương-cảng. Ai biết được những thay-đổi gớm-ghê ở ngày mai. Thông-cáo kia có khi chỉ là một sự xoa dịu để tránh phản-ứng dữ-dội của những người bị dồn vào đường cùng, trước khi tống họ xuống tàu chở về địa-ngục!

TUYÊN-THỆ NHẬP-TỊCH ÚC BẰNG TIẾNG VIỆT

Lần đầu-tiên, một buổi lễ tuyên-thệ nhập-tịch Úc-đại-lợi đã được cử-hành hoàn-toàn bằng tiếng Việt. Vị chủ-tọa buổi lễ cũng là một người Việt: Luật-sư Lưu Tường Quang, Tổng Giám-đốc Bộ Di-trú. Buổi lễ nói trên diễn ra ngày 8.11.1988 tại Banktown, dành cho 39 tân công-dân Úc-đại-lợi gốc Việt. *(CD)*

NGƯỜI VIỆT TAY KHÔNG BẮT CƯỚP CÓ SÚNG

Vẫn chuyện Úc-châu. Anh Nguyễn Xuân Huân, 30 tuổi, nhân-viên điện-toán của một hãng tư, hôm 4.11 mới đây trong giờ nghỉ trưa đã bước vào một *trust company* (giống như nhà băng). Bất ngờ, anh thấy Paul Musumeci, một tên cướp có tiền-án đang dùng súng uy-hiếp cô thu-ngân-viên, buộc cô này dồn tiền vào bao giấy trao cho hắn. Bị lộ, tên cướp chĩa ngay súng vào ngực anh Xuân, ra lệnh cho anh bước ra ngoài.

Vừa ra khỏi cửa, tên cướp dùng súng đánh vào đầu anh và bỏ chạy. Anh Xuân đỡ được cú đánh thảm-khốc và vẫn với hai tay không, đuổi theo tên cướp bén gót. Tới một khúc quanh, anh tóm được Paul và quần-thảo dữ-dội với hắn. Một cảnh-sát-viên hết giờ đi tuần, về ngang trông thấy xông vào tiếp tay anh bắt được tên cướp.

Nội-vụ đăng đường, Paul Musumeci lãnh 8 năm tù về tội cướp có vũ-khí và anh Nguyễn Văn Xuân lãnh chứng-chỉ tạ ơn của cảnh-sát về sự hợp-tác bảo-vệ an-ninh xã-hội.

HỘI NGƯỜI VIỆT OTTAWA BẦU BAN CHẤP-HÀNH

Hội Người Việt Ottawa-Hull vừa bầu xong ban chấp-hành mới cho nhiệm-kỳ tới, thành-phần như sau:

Chủ-tịch: Nguyễn Minh Cảnh
Phó Chủ-tịch: Nguyễn Thị Nga
Tổng Thư-ký: Hồ Nhựt Tân

VĂN BÚT QUEBEC MẠN ĐÀM

Trung-Tâm Văn Bút Québec vừa tổ-chức lại các buổi mạn-đàm văn-chương hàng tháng. Ngày thứ sáu 25.11.1988, nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã nói về *Văn-Chương CSVN Trong Thời-Kỳ Glasnost*. Buổi nói chuyện được tổ-chức tại trụ-sở Cộng-Đồng Người Việt Quốc-Gia tại Montréal, 6338 Avenue Victoria, Suite 16, Montréal.

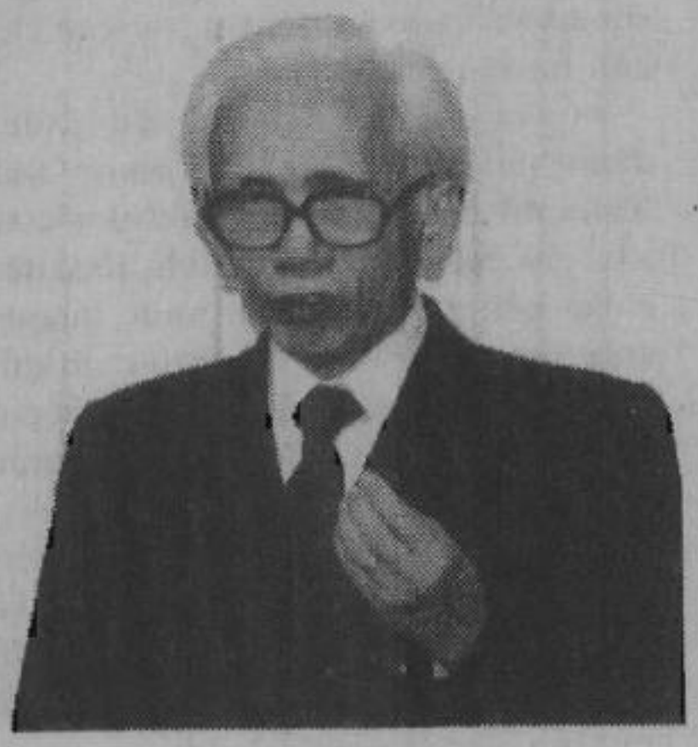
NHÀ VĂN TRẦN THANH HIỆP TỚI TORONTO VÀ MONTREAL

Nhà văn kiêm luật-sư Trần Thanh Hiệp, tác-giả *Tiếp Nối* (1965), nguyên bộ-trưởng Bộ Lao-động (chínhphủ Phan Huy Quát), đương-kim chủ-tịch Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã sang Gia-nã-đại để dọn đường chuẩn-bị tổ-chức đại-hội Văn Bút Quốc-Tế và Việt-Nam Hải-ngoại tại Toronto và Montréal trong năm tới, 1989.

Tại Montréal, ngày 18.11, ông đã được Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam tại Québec tiếp-đón và cùng tham-gia cuộc biểu-tình tuần-hành lên án Hà-nội kêu án tử-hình hai nhà văn và sử gia Tuệ Sỹ, Trí Siêu.

Tại Toronto, Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam vùng Ontario cùng báo-chí và các hội-đoàn quốc-gia đã tổ-chức cho ông một buổi nói chuyện tại phòng khánh-tiết Hội Người Việt Toronto vào chiều ngày 19.11.1988. Dịp này, nhà văn họ Trần đã trình-bày khái-lược các hoạt-động của Văn Bút Quốc-Tế và Văn Bút Việt-Nam trước cũng như sau 1975. Trong phần hai, ông đưa ra một số nhận-định về tình-hình sinh-hoạt văn-học Việt-nam tại hải-ngoại

Buổi nói chuyện kết-thúc bằng một cuộc thảo-luận về các vấn-đề liên-hệ trong không-khí cởi mở.



Nhà văn Trần Thanh Hiệp

HỌP BÁO TẠI MISSISSAUGA VỀ VIỆC BẢO-TRỢ NGƯỜI TỊ-NẠN CÒN KẸT LẠI CÁC TRẠI

Ủy-Ban Vùng Toronto Cứu-Trợ Người Việt Tị-Nạn đã tổ-chức một cuộc họp báo Việt-ngữ tại Mississauga, phụ cận thành phố Toronto hôm 20.11 vừa qua. Trong cuộc họp báo, cựu dân-biểu Nguyễn Văn Tiết, chủ-nhiệm báo Phổ-Thông, BS Nguyễn Duy Sản thuộc Hội Y-Sĩ Ontario, ông Huỳnh Thanh Thản, và ông Đỗ Trọng Chu thuộc Hội Người Việt Cao-Niên đã lần-lượt trình-bày về vấn-đề liên-hệ. Bốn nhân-vật cộng-đồng này đều đứng chung trong một ủy-ban có danh-xưng như trên, chủ-yếu công-tác nhằm bảo-trợ người Việt còn kẹt lại các trại tị-nạn ở Đông Nam Á.

BS Nguyễn Duy Sản lưu ý cộng-đồng về tình-trạng cấp-bách của các thuyền-nhân, trước thảm-trạng bị trả về địa-ngục VN. Ông kêu-gọi cộng-đồng Việt-nam hãy tiếp tay với Ủy Ban trong công-tác nhân-đạo khẩn-cấp này. Đồng-bào nào có người quen, bè bạn, thân-nhân còn ở các trại, muốn bảo-lãnh theo trường-hợp khẩn-cấp, xin liên-lạc ngay với Ủy Ban để làm thủ-tục. Ủy Ban cũng tha thiết kêu gọi Đồng-bào, và nhất là các cơ-sở kinh-doanh, hội-đoàn, tổ-chức có phương-tiện tài-chánh hãy mở lòng từ-tâm cứu người, Ủy Ban sẽ đảm-nhận hết việc làm thủ-tục pháp-lý và hướng-dẫn người mới tới. Ngay cả các đồng-bào, cơ-sở kinh-doanh hay hội-đoàn Việt-Nam ở Hoa-kỳ, có tiền nhưng không có quyền bảo-lãnh (vì thủ-tục tư-nhân bảo-lãnh tại Mỹ rất khó), muốn nhờ Ủy Ban bảo-lãnh người từ các trại sang Gia-nã-đại, Ủy Ban cũng sẵn-sàng giúp.

Đi sâu vào vấn-đề thủ-tục, BS Nguyễn Duy Sản cho biết thêm rằng, hiện Ủy Ban đang ráo-riết vận-động với Bộ Di-Trú để được hưởng ưu-quyền "thủ-tục khẩn-cấp". Thủ-tục này cho phép thu-ngắn thời-gian chờ-đợi còn từ 4 đến 10 tuần, thay vì 2 hay 3 năm như thủ-tục thông-thường.

Báo-chí và các hội-đoàn tham-dự buổi họp báo sau đó bàn bạc về một số vấn-đề thuộc các lãnh-vực tài-chính, và vận-động dư-luận.

Về mặt tài-chánh, Ủy Ban kêu gọi toàn-thể đồng-bào, nếu không có điều-kiện để bảo-lãnh trọn một gia-đình hay một người, cũng xin đóng-góp tài-chánh thường-xuyên cho quỹ bảo-trợ của Ủy Ban. Các cơ-quan, đoàn-thể, nhà xuất-bản, hãng băng và video xin đóng-góp tặng-phẩm, Ủy Ban có thể bán lấy tiền sung quỹ cứu người.

Địa-chỉ liên-lạc và số điện-thoại của Ủy Ban Vùng Toronto Cứu-Trợ Người Việt Tị-Nạn như sau:

2238 Dundas St.W., Suite 306,
Toronto, Ont. M6R 3A9,
Canada
ĐT. (416) 588-3700

Độc-giả *Làng Văn* muốn nhờ chuyển, có thể gửi thư về tòa-soạn, nhưng chi-phiếu xin đề "The Greater Toronto Vietnamese Refugee Assistance". Danh-sách độc-giả ân-nhân sẽ đăng trên *Làng Văn*. Chi-phiếu sẽ được chuyển tới Ủy Ban.

Ngoài số điện-thoại của UB, còn có thêm 3 số điện-thoại liên-lạc khác khi cần, là 536-3611 (ông Bích); 275-9147 (ông Thành); 588-8532 (ông Thản).

Cuối cùng, Ủy Ban cho biết sẽ tổ-chức ra mắt và trình-bày các hoạt-động của Ủy-Ban Vùng Toronto Cứu-Trợ Người Việt Tị-Nạn vào lúc 1 giờ 30 chiều ngày 10.12.1988 tại Trung-tâm Cộng-đồng, số 220 McCowan, Toronto (cạnh thư-viện Parkdale, góc Queen và McCowan.)

HỘI-ĐỒNG TỊ-NẠN GIA-NÃ-ĐẠI HỌP TẠI TORONTO

Hội-đồng Tị-Nạn Gia-nã-đại (Canadian Council for Refugee) sẽ họp một ngày tại Toronto, khai-mạc lúc 11 giờ sáng ngày 25.11.1988 tại Ramada Inn, 111 Carlton St., Toronto để thảo-luận về các vấn-đề thời-sự tị tị nạn. Buổi họp sẽ đặt dưới sự chủ-tọa của bà McDougall, Bộ-trưởng Bộ Di-trú. Đại-diện cộng-đồng Việt-nam sẽ thuyết-trình về nguy-cơ của người Việt tị-nạn khi bị trả về nước, và việc bảo-lãnh nhập-cư Gia-nã-đại.

Việt Cộng Xử Tử-Hình Hai Tu-Sĩ Phật-Giáo, Trọng Giam 19 Tu-Sĩ và Phật-Tử Khác

. Dương Thượng Ngã

Sài gòn (Tổng hợp). — Tin mới nhất từ Sài gòn cho biết, sau khi tấn công Thiên Chúa giáo Việt Nam, qua vụ án dòng Đồng Công, Thủ Đức, Việt cộng đã sử dụng bạo lực đàn áp Phật giáo, qua vụ án Tuệ Sỹ. Liên tiếp trong ba ngày 28, 29 và 30.9.1988, phỉ quyền Hà Nội đã đưa một loạt tăng ni, Phật tử ra "xử" trước "Toà án Nhân dân". Kết quả của phiên "toà", VC tuyên án tử-hình hai vị đại-đức, giam tù một thượng-tọa cùng các đại-đức, ni-sư và hàng chục người khác. Chi-tiết bản án như sau:

- Tử hình: Đại-đức Thích Tuệ Sỹ (tục-danh Phạm Văn Thương) và Đại-đức Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), với tội-danh "hoạt-động nhằm lật-đổ chính-quyền nhân-dân."
- Tù chung-thân: Phan Văn Ty và Tôn-thất Kỳ
- 15 năm tù: Đại-đức Thích Nguyên Giác (Hồ Khắc Dũng)
- 14 năm tù: Cô Nguyễn Thị Nghĩa
- 10 năm tù: Thượng-tọa Thích Đức Nhuận (Đồng Văn Kha), Thích Chơn Nguyên (Trương Tâm Lạc), Hoàng Văn Cường và Ngô Văn Bạch.
- 7 năm tù: Huỳnh Văn Phương, Thái Ngọc Lợi, Trần Quang Mỹ
- 6 năm tù: Đỗ Hữu Cẩn
- 5 năm 6 tháng: Huỳnh Thị Loan
- 5 năm: Lê Đình Nhiệm
- 4 năm 6 tháng: Thích-nữ Trí Hải (Công-tằng Tôn-nữ Phùng Khánh), Thích Như Minh (Huỳnh Phác)
- 4 năm tù: Ngô Văn Bích và Phạm Thị Nở.

Ngồi ghế "chánh-thẩm" là Lê thị Thu Phước, hai "hội-thẩm nhân-dân" là Trần Quang Lê và Nguyễn Thị Thất.

CÁO-TRẠNG CỦA VC

Theo cáo-trạng của "tòa án", từ giữa năm 1977 đến cuối năm 1982, Đại-đức Tuệ Sĩ và Trí Siêu đã bí-mật tổ-chức một lực-lượng nhằm mục-đích tối-hậu là lật-đổ phỉ-quyền Hà-nội. Danh-xưng của tổ-chức này là Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do, hợp-nhất hai nhóm Mặt Trận Nhân-Quyền Việt-Nam do Đại-đức Tử Mẫn (tục-danh Võ Thắng Tiết, đã vượt thoát sang Hoa-kỳ) làm chủ-tịch và một tổ-chức do hai ông Phan Văn Ty và Trần Thắng Tài lãnh-đạo, hoạt-động vùng Bình-tuy. Theo cáo-trạng, Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do dùng các chùa Tập Thành (Gia-định) và Già Lam làm địa-điểm hội-họp, vạch kế-hoạch, soạn tuyên-ngôn, cương-lĩnh, điều-lệ, mẫu cờ, v.v.

VC kết tội Đại-đức Tuệ Sĩ soạn cuốn *Con Đường Giải-Phóng* và *Những Rặng Trường Sơn* với nội-dung "cực-kỳ phản-động", xuất-bản báo *Tự-Do* "xuyên-tạc" tình-hình trong nước, đả-kích Đảng và Nhà nước CS.

Vẫn theo cáo-trạng, Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do đã thành-lập các mật-khu Núi Bể (Bình-tuy), Sông Lạnh (Biên-hòa) và Cây Gáo (Biên-hòa) làm nơi tích-trữ lương-thực, vũ-khí, tài-liệu và huấn-luyện quân-sự. Về tiếp-vận từ ngoại-quốc, VC nói rằng Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do đã nhận được hàng chục ngàn mỹ-kim do "các tổ-chức phản-động ở nước ngoài" gửi giúp, qua tay hai ông Trần Thắng Trí (Pháp) và Trần Thắng Chiến (Thụy-sĩ) mang về. Hà-nội tố Lực-Lượng Việt-Nam Tự-Do mưu-toan đốt rạp Bến-thành A để gây tiếng vang, nhưng chưa thực-hiện được đã bị bắt dần từ 1982 tới 1984.

"Toà" đưa ra một số tang-vật gồm 15 khẩu súng, 5 trái lựu-đạn, hàng trăm viên đạn và một số ấn-phẩm. Báo *Sài-Gòn Giải-Phóng* số ra ngày 30.9 nói rằng "hầu hết các bị can đều nhận tội", riêng hai Đại-đức Tuệ Sỹ, Trí Siêu và Thượng-tọa Đức Nhuận "vẫn ngoan-cố không nhận tội."

Sau đó, "tòa" tuyên án tử-hình hai đại-đức Tuệ Sỹ và Trí Siêu, những người còn lại chịu án từ 4 năm rưỡi tới tù chung thân.

Nhìn chung, giống như vụ án "Bá Quân Bạch" trước đây, phỉ-quyền Hà-nội gặp nhiều khó-khăn lớn trong vụ âm-mưu đàn áp tôn-giáo. "Chánh-thẩm" Lê thị Thu Phước tuyên-bố "đây là vụ án phản-cách-mạng đặc-biệt nghiêm-trọng, có qui-mô tổ-chức chặt-chẽ và hoàn-chỉnh." Sở-dĩ "đặc-biệt nghiêm-trọng", vì Hà-nội đang dò dẫm công-luận, trước khi tiến đánh Phật-giáo, như đã từng tấn-công Thiên-chúa giáo trước đây. Và cũng giống như viên sỏi dò đường ném vào cộng-đồng Thiên-chúa-giáo Việt-nam, Hà-nội cũng gặp phải một sức đề-kháng mạnh-mẽ từ hàng ngũ Phật-tử ở trong cũng như ngoài nước.

Trước hết, để trì-hoãn việc thi-hành bản án, chùa Già Lam đã nộp đơn chống-án, xin được xử lại. Bên ngoài, ngay sau khi nhận được tin khẩn của Pháp-tấn-xã đánh đi từ Hà-nội, 74 hội-viên Hội Ân-Xá Quốc-Tế từ 74 nước đã đánh điện và gửi thư yêu-cầu Hà-nội ngưng thi-hành bản án. Trung-Tâm Văn Bút Quốc-Tế lên tiếng yêu-cầu Hà-nội "nhẹ tay" với hai tu-sĩ, cũng là nhà văn Tuệ Sỹ và Trí Siêu.

TIỂU SỬ CÁC TĂNG NI CHỊU PHÁP NẠN

Đại-đức Tuệ Sỹ, nguyên-quán Quảng-bình, sinh ngày 8.4.1943 (tài-liệu của TT Văn Bút Nam VN tại Cali ghi ngày 15.12.1943) tại Paksé, Lào, tốt-nghiệp Cao-đẳng Phật-học Vạn Hạnh năm 1965. Ông đỗ tiến-sĩ Triết-học tại Wisconsin, Hoa-kỳ, và được bổ làm giáo-sư thực-thụ Đại-học Vạn Hạnh năm 1970. Ngoài Việt-ngữ, Đại-đức Tuệ Sỹ thông-thạo cả Hán, Nôm, và các ngôn-ngữ Anh, Pháp, Đức, Nhật, Ba-lan, Tiệp-khắc, Sanskrit, Phạn. Ngoài tư-cách tu-sĩ, Đại-đức Tuệ Sỹ còn là một triết-gia, nhà văn học-vấn

uyên-bác, đệ-tử ưng ý của thiền-sư Nhất Hạnh. Đại-đức là tác-giả của 30 pho sách triết-học, văn-học và Phật-học. Các tác-phẩm nổi tiếng có :

- *Triết-Học Về Tánh Không*
- *Đại-Cương về Thiền-Quán*
- *Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng*
- *Thiền Luận* (dịch của Suzuki)
- *Các Tông-Phái của Đạo Phật* (dịch)...
- *Phật Giáo Việt-Nam* (dịch của Trần Văn Giáp).

Ông còn là tác-giả nhiều bài nghiên-cứu giá-trị đăng trên các báo *Hải Triều Âm, Vạn Hạnh, Tư Tưởng* và thơ văn đăng trên tạp-chí *Thời-Tập*. Ngoài ra, Tuệ Sỹ và Trí Siêu đang soạn chung bộ Việt-Nam Bách-Khoa Từ-Điển, việc đang dở-dang thì bị bắt.

Đại-đức Trí Siêu, sinh năm 1944 tại Quảng-trị, tốt-nghiệp bác-sĩ Y-khoa tại Hoa-kỳ, thông-thạo bảy ngoại-ngữ, nguyên giáo-sư Đại-học Vạn Hạnh Sài-gòn, và là một sử-gia, có công khảo-cứu về lịch-sử Phật-giáo cũng như nhiều ngành văn-hóa Việt-nam. Tác-phẩm quan-trọng, có :

- *Chân Nguyên Toàn Tập*
- *Tình-Trạng Phật-Giáo Việt-Nam Trong Giai-Đoạn Chống Pháp*...

Ông cũng cộng-tác với các tờ *Hải Triều Âm, Tư Tưởng*.

Thượng-tọa Thích Đức Nhuận là cựu Chánh Thư-ký Viện Tăng-thống Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất, tác-giả nhiều sách Phật-học có giá-trị, chủ-bút nguyệt-san *Vạn Hạnh* từ 1964 tới 1975.

Ni-sư Trí Hải, sinh ngày 9.3.1938 tại thôn Vĩ-dạ, Huế, nguyên là Thư-viện trưởng Thư-viện Vạn Hạnh, viết văn từ 1957, ký tên Trí Hải, Tâm Hỉ và Phùng Khánh, cộng-tác với tờ *Phật-Giáo Việt-Nam* từ 1957, do Thượng-tọa Nhất Hạnh làm chủ-bút. Bà tốt-nghiệp các đại-học Văn-khoa Sài-gòn, và Cao-học Văn-chương Anh tại Boomington, Indianna (Hoa-kỳ), là tác-giả 5 cuốn sách in trước 1975, trong đó có hai cuốn sách dịch, *Câu Chuyện Dòng Sông* của Herman Hess và *Bắt Trẻ Đồng Xanh*.

HOÀN-CẢNH BỊ BẮT CỦA CÁC VỊ NI, SƯ

Ngay sau khi chiếm được sài-gòn, Việt Cộng đã bắt tay ngay vào việc triệt-hạ Phật-giáo, qua các vụ điển-hình như:

- Ngày 6.4.1978, công-an vây bắt Thượng-tọa Thích Thiện Minh (tục danh Đỗ Xuân Hàng), cố-vấn Viện Hóa-đạo. Sáu tháng sau, 17.10.1978, Thượng-tọa mất trong tù ở Sài-gòn, bị VC lôi xác bỏ ngoài rừng Hàm-tân.
- Ngày 24.2.1982, Hà-nội lưu-đày hai thượng-tọa Huyền Quang tại Bình-định và TT Quảng Độ cùng bà mẹ 90 tuổi của ông tại Thái-bình.

Trong thời-gian này, VC một mặt đe-doạ, một mặt tìm cách bắt-bớ, thủ-tiêu tăng-sĩ Phật-giáo, cô-lập các vị với hàng-ngũ Phật-giáo đồ. Hà-nội chính-thức dứt điểm giai-đoạn theo-dõi, đàn-áp ngấm-ngầm các tổ-chức Phật-giáo Việt Nam vào ngày 2.4.1984, qua một loạt các vụ công-khai bao-vây, bắt-bớ, giam-cầm và bạo-hành các tăng ni.

Thoạt đầu, công-an vây chùa Già Lam, ập vào bắt Hòa-thượng Thích Trí Thủ, mang đi biệt-tích. Hòa-thượng Trí Thủ nguyên là Viện-trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo-Hội Việt-Nam Thống-Nhất trước 1975. Năm 1981, muốn



Đại-Đức Tuệ Sỹ (phải) và Đại Đức Trí Siêu (trái), trước khi bị bắt (1984) *(ảnh của độc-giả Tư Đỗ Tuệ)*

duy-trì tiềm-lực Phật-giáo trước nguy-cơ bị tiêu-diệt, Hòa-thượng buộc lòng phải nhận lời làm chủ-tịch Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, một tổ-chức do Việt Cộng thành-lập.

Sau khi bắt Hoà-thượng Trí-Thủ mang đi, công-an trở lại bắt hai đại-đức Tuệ Sỹ và Nguyên Giác. Cũng cùng một thời-gian đó, công-an cũng bao vây Viện Phật-học Vạn Hạnh, số 716 đường Võ Di Nguy, Phú-nhuận, bắt hai Đại-đức Trí Siêu, Như Minh và hai ni-cô Trí Hải và Huệ Khương.

Vào buổi chiều cùng ngày, công-an giao trả Hoà-thượng về chùa Già Lam, nơi ông bị bắt buổi sáng, và chỉ vài giờ sau, hòa-thượng đã viên-tịch.

Mười ngày sau, tức 13.4.1984, Hòa-thượng Thanh Trí, cộng-sự viên thân-tín của Hòa-thượng Trí Thủ từ Huế vào Sài-gòn viếng tang ông, đã bị công-an cưỡng-bách vào bệnh-viện chữa bệnh, dù ông vẫn khoẻ mạnh như thường. Vài giờ sau khi được thả về chùa, Hoà thượng Thanh Trí cũng viên-tịch trong tình-trạng giống hệt như Hoà-thượng Trí Thủ trước đó. Trước khi qua đời, Hòa-thượng cho biết bị Việt Cộng chích một mũi thuốc.

PHẬT-GIÁO ĐỒ CÁC NƠI ĐỨNG LÊN CỨU THẦY, CỨU ĐẠO

Hiện các trung tâm Phật giáo Việt nam trên thế-giới đang ráo-riết vận-động đồng-bào các giới, không phân-biệt tôn-giáo, cùng đồng-thanh phản-đối Hà-nội trong vụ mượn cớ chính-trị để đàn-áp tôn-giáo và văn-nghệ-sĩ như đã kể trên.

Phái-đoàn Phật-giáo Việt-nam tại Pháp, do Thượng-tọa Nhất Hạnh lãnh-đạo đã vận động 74 tổ chức ân xá quốc tế và Văn Bút Quốc-tế can-thiệp, đồng-thời cho phổ-biến một lá thư không niêm, gửi Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí-thư đảng CSVN để phản-đối vụ án. Lá thư đã được dịch ra hai thứ tiếng Anh và Pháp để đồng-bào vận-động người ngoại-quốc cùng ký.

Tại Hoa-kỳ, Giáo-hội Phật giáo Việt-nam Thống-nhất tại Hoa-kỳ, do Thượng-tọa Đức Niệm làm chủ-tịch cũng đã vận-động với Tổ-chức Ân-xá Quốc-tế, Ủy-ban Nhân-quyền Liên-hiệp-quốc, tổng-thống và Quốc-hội Hoa-kỳ can-thiệp nội-vụ.

Ngoài ra, Phật-tử các nơi cũng đã tự-động tổ-chức biểu-tình lên án phỉ-quyền Hà-nội chà-đạp nhân-quyền, bắt-bớ văn-nghệ-sĩ và đàn-áp tôn-giáo tại Việt-nam. Cuộc biểu-tình lớn nhất diễn ra tại Los Angeles, Hoa-kỳ vào ngày 6.11.1988 mới đây, đã gây được một tiếng vang rộng-lớn.

Tại Toronto, báo Chiến-Sĩ Tự Do đã loan tin về vụ án Phật-giáo, và đăng tải bức thư bằng tiếng Anh do Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam tại Pháp soạn và phổ-biến để xin chữ ký đồng-bào và người ngoại-quốc. Chỉ trong vòng một tuần-lễ sau ngày báo phát-hành, hàng trăm bức thư đã được làm phóng-ảnh, xin đầy-đủ chữ ký và địa-chỉ, gửi về tòa-soạn, góp chung lại gửi đi cùng một lúc. Một số đồng-bào khác đã tự mình gửi đi để tiết-kiệm tiền tem cho nhà báo, nhưng đã điện-thoại cho tòa-soạn để khích-lệ và cổ-võ cho việc làm chính-đáng này. Mặt khác, chùa Hoa-Nghiêm và Hội Phật-Giáo Chánh-Giác tỉnh-bang Ontario cũng đã phổ-biến các tài-liệu liên-quan vụ án và kêu-gọi Phật-giáo-đồ hãy góp sức đấu-tranh và cầu-an cho các thầy.

Tại vùng Hoa-thịnh-đốn, đại-diện các đoàn-thể chính-trị, xã-hội và tôn-giáo đã tham-dự lễ cầu-an tại chùa Giác Hoàng hôm 25.10 vừa qua. Thượng-tọa trú-trì Thanh Đạm, thay mặt các vị tăng-ni Việt-nam và Tích-lan nói rằng "trong lịch-sử, chưa có thời-kỳ nào Phật-giáo bị đàn-áp tàn-bạo đến như vậy." Về phía các đoàn-thể có mặt, có Trung-Tâm Văn Bút Miền Đông, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng Hải-Ngoại (hệ-phái Cao Thế Dung), Hội Nhân-Quyền, Ủy Ban Quốc-Tế Yểm-Trợ Việt-Nam, Liên-Minh Dân-Chủ Việt-Nam.

Tại Montréal, một cuộc biểu-tình đã đòi tự-do cho hai 21 tu-sĩ và Phật-tử bị giam-cầm đã được Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam vùng Québec, phối-hợp cùng các hội-đoàn Việt-Nam, tổ-chức hôm 18.11.1988. Dưới thời-tiết giá lạnh, hàng trăm đồng-bào đã tuần-hành trên đường phố, giương cao ngọn cờ chính-nghĩa, lên án bạo-lực. Văn Bút VN tại Quebec cũng đã phát-hành kháng-thư lên án bạo-quyền Hà-nội đàn-áp văn-nghệ-sĩ và tu-sĩ, phổ-biến rộng-rãi để xin chữ ký mọi người.

TÂN TỔNG-THỐNG BUSH ĐÒI HÀ-NỘI HỦY ÁN VÀ THẢ HAI ĐẠI-ĐỨC BỊ TỬ HÌNH

Bản án tử-hình cùng trọng giam Hà-nội áp đặt lên 21 vị thượng-tọa, đại-đức, ni-sư và Phật-tử hôm 30.9.1988 vừa qua đã làm dấy lên luồng sóng công phẫn trên toàn thế-giới.

Tại Hoa-kỳ, Phó Tổng-thống George Bush—người vừa đắc-cử tổng-thống—đã chính-thức phản-đối Cộng-sản Hà-nội vi-phạm nhân-quyền và yêu-cầu Hà-nội hủy-bỏ án tử-hình dành cho hai đại-đức Tuệ Sỹ và Trí Siêu. Vị tân tổng-thống này vừa đánh bại đối-thủ Dukakis thuộc đảng Dân-chủ, và sắp-sửa tuyên-thệ nhậm chức

Dù bận-rộn trong cuộc vận-động tranh-cử, Phó Tổng-thống Bush cũng đã gửi thư thông-báo cho cộng-đồng Việt-nam về sự can-thiệp của ông. Trong thư, ông viết thêm "chúng ta có mặt hôm nay là để nói lên sự ủng-hộ của chúng ta đối với hai vị tu-sĩ Phật-giáo vừa bị nhà cầm-quyền Cộng-sản kết án tử-hình vì tội tổ-chức đảng đối-lập. Tôi cùng với mọi người yêu-cầu Cộng-Hòa Xã-Hội Chủ-Nghĩa Việt-Nam ngưng ngay việc hành-quyết những vị này. Nước CHXHCN Việt-Nam đã vi-phạm hiệp-định Ba-lê và các lề-lối cư-xử của cộng-đồng quốc-tế. Thật là một điều nghịch-lý vô cùng, khi họ vừa tiếp-tục chà-đạp nhân-quyền, vừa xin-xỏ để được gia-nhập vào cộng-đồng quốc-tế."

Sự can-thiệp của Phó TT Bush, người cầm vận-mệnh nước Mỹ trong bốn năm tới khiến người Việt có thêm một tia hi-vọng VC sẽ buông tha hai nhà tu kiêm triết-gia của Việt-nam, nhất là trong giai-đoạn Nguyễn Văn Linh đang cố tỏ ra "cởi mở", "dân-chủ" để mong Hoa-kỳ chấp-thuận thiết-lập bang-giao.

Trước khi ông Bush can-thiệp, Quốc-hội Hoa-kỳ cũng đã sốt-sắng nhập-cuộc, bằng cách gửi ngay cho Nguyễn Cơ Thạch một bức kháng-thư mang chữ ký của 133 dân-biểu và 29 nghị-sĩ Mỹ lên án hành-động vi-phạm nhân-quyền của Hà-nội và yêu-cầu chính-phủ CSVN hủy-bỏ bản án. Nhiều vị dân-cử còn gửi thư riêng, cho Nguyễn Văn Linh, gay-gắt bày-tỏ sự bất-bình về hành-động của Hà-nội. Nghị-sĩ Rudy Boschwitz còn nhắc lại vụ VC nuốt lời hứa rút quân khỏi Cao-miên và thả tù chính-trị. Do những lý-do đó, ông cho biết ông và đồng-viện, nghị-sĩ John McCain đã rút tên ra khỏi nhóm bảo-trợ đạo-luật bảo-vệ quyền-lợi (interest section), một đạo-luật được coi là sẽ giúp mở đường cho bang-giao VC—Mỹ sau này.



Trước Những Tình Huống Khó Xử Trong Văn-Học VN

Nghiêm Y

Trong một thiên biên khảo về hai mươi năm văn học miền Nam 1954-1975, Võ Phiến có ý ngậm ngùi về sự bất hạnh của văn học miền Nam, rằng nó thiếu những nhà phê bình và nghiên cứu chuyên nghiệp nên đã không được vinh dự lưu giữ trong lịch sử sau này. Tác giả có lý phần nào khi tỏ ra quan ngại về thủ đoạn của nhà cầm quyền cộng sản trong âm mưu đánh tráo văn học không tiền khoáng hậu trong lịch sử.

Quả thật, qua bao nhiêu thời kỳ chia cắt, các triều đại phong kiến xưa chưa từng có ý thủ tiêu nền văn học của kẻ bại trận để cưỡng bức quần chúng nhận một nền văn học xa lạ với họ. Sau khi trung hưng, các vua Lê không bao giờ ra lệnh cấm đoán lưu hành các tác phẩm thư ca từ phú của các tác giả triều nhà Mạc. Cũng thế, Gia Long chỉ có ý trả thù Quang Trung vì lý do cá nhân chứ không hề có tâm địa giải tán hoặc hăm dọa khủng bố các văn nhân thi sĩ cộng tác với nhà Tây Sơn trước kia. Phan Huy Ích hay Ngô Thì Nhậm có bị trừng trị thì chỉ với tư cách là những trọng thần của vua Tây Sơn, hoàn toàn không phải vì lý do văn học. Chỉ có người cộng sản Việt Nam mới nhẫn tâm thủ tiêu nền văn học miền Nam để thay thế bằng bộ phận gọi là "văn học giải phóng miền Nam". Âm mưu đó đã được thực hiện có kế hoạch khá chu đáo, cả nước đều biết và Võ Phiến đã lên tiếng báo động.

Hành động thủ tiêu cả một nền văn học dù cho có dự mưu chu đáo và có chuyên chế cỡ như nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay dù sao cũng chỉ là một sự cưỡng bức có tính cách chính trị hay hành chính. Sự thực thì nền văn học đó không bao giờ có thể bị thủ tiêu được, vì lẽ nó vẫn được người đọc hai miền Nam Bắc gìn giữ, như họ vẫn gìn giữ các tác phẩm văn học lãng mạn 1930-1945, dù cho nhà cầm quyền đã chỉ thị các nhà nghiên cứu phê bình cố tình phủ nhận giá trị của nó. Phương tiện văn khố đã là nguồn lưu trữ khá an toàn để đợi cho những đợt sóng chính trị cuồng nhiệt và mù quáng lắng trôi đi, tất cả những gì "đứng" được với thời gian sẽ vẫn còn lại.

Đáng buồn chăng là tình trạng khiếm khuyết trầm trọng một truyền thống lưu giữ di sản văn học ở xứ ta. Thiên nhiên có thừa phương tiện để tiêu hủy tài liệu văn học: khí hậu nhiệt đới, thiên tai; thêm những tai họa do con người gây nên như chiến tranh, hoả hoạn, những đợt càn quét văn hoá phẩm do các nhà cầm quyền kém ý thức... Chừng ấy cũng đủ bất hạnh cho di sản văn học lắm rồi. Đến như sự thờ ơ đối với việc giữ gìn tài liệu thì quả thật đã làm thiệt thòi rất nhiều cho các thế hệ sau trong việc nhận diện các thế hệ văn học xa xăm thời quá khứ. Đừng nói gì đến việc tìm bản thảo hay nguyên cảo những bản in tác phẩm *Kiều* nổi tiếng của Nguyễn Du; ngay cả của những tác giả cùng thời với chúng ta như Vũ Hoàng Chương hay Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn, cũng không dễ gì tìm được để lưu trữ vào một thứ bảo tàng tài liệu văn học liên quan đến các tác giả nói trên.

Bài viết này không có ý than vãn hoặc đề nghị một sự cải thiện việc lưu trữ tài liệu văn học. Chúng tôi chỉ muốn nêu

lên một số trường hợp vốn dĩ là hệ quả của sự thiếu sót trong việc lưu trữ di sản văn học nghệ thuật.

Nghiên cứu, giảng dạy cổ văn, chúng ta gặp rất nhiều trường hợp khó xử, không biết quyết đoán thế nào. Sở dĩ như thế là do tình trạng thiếu thốn tư liệu mà ra. Đại để, có thể chia các trường hợp khó xử trên thành ba nhóm như sau:

1. Vấn đề liên quan đến *tác giả*, chẳng hạn như có hay không một Hồ Xuân Hương -- tác giả của những bài thơ nôm nổi tiếng thường được truyền tụng? Có mấy nhà văn cùng tên là Điểm, và bà Điểm nào là người có thể đã dịch nôm *Chinh Phụ Ngâm Khúc* sớm nhất? Có thể có bút chứng nào xác định rõ tâm sự Nguyễn Du khi viết *Truyện Kiều*?

2. Vấn đề liên quan đến *tác phẩm*, chẳng hạn: những bài thơ nào trong *Quốc Âm Thi Tập* hiện còn là của Nguyễn Trãi? Bài văn tế *Nghĩa Sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu cũng như các sáng tác khác của ông như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ Hà Mậu*, văn bản gần nguyên tác nhất là như thế nào?

3. Vấn đề liên quan đến *niên đại, thời đại*: chẳng hạn, *Truyện Kiều* viết xong khi nào, trước hay sau 1813? Truyện *Lâm Tuyền Kỳ Ngộ* ra đời ở thế kỷ XVI hay XVII?

Thông thường, khi gặp những trường hợp khó xử như thế, người nghiên cứu hay giảng dạy đành dựa vào truyền ngôn từ những tác giả "có thẩm quyền"! Bảo rằng *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* là của Phan Huy Ích ư? Nhưng xưa nay sách vở đều bảo là của bà Đoàn thị Điểm cả! Hoặc giả, làm sao tin được rằng một giai thoại nào đó là thật sự nói về Nguyễn Công Trứ? Thì cụ Lê Thước nói thế! Các nước có truyền thống nghiên cứu văn học thường có những chuyên gia về một tác giả hay tác phẩm nào đó, và các kết luận về một tác giả hay tác phẩm được nghiên cứu thường có giá trị, "có thẩm quyền". Truyền thống này chưa có ở Việt Nam. Chưa có nhà nghiên cứu nào dốc cả đời mình để nghiên cứu Nguyễn Du hay nhóm nhà văn Nguyễn Tiên Điền. Chưa có ai bỏ công nghiên cứu nhóm nhà văn trong gia đình Ngô Thì. Ngay đến những nhà văn hiện đại, cũng không dễ có ai được giới nghiên cứu quan tâm chuyên biệt. Dường như chưa có ai nghiên cứu Nguyễn Tuân, Nhất Linh, Đinh Hùng... theo nghĩa một nhà phê bình nghiên cứu chuyên biệt. Vì vậy, rất dễ nhận thấy giá trị mong manh của loại ý kiến dựa theo truyền ngôn. Chúng ta không bội bạc để phủ nhận công phu sưu tập tư liệu của cụ Lê Thước khi biên soạn tập sách mỏng về Nguyễn Công Trứ, nhưng không vì thế mà có thể bảo cụ là người có thẩm quyền về các vấn đề liên quan tác giả Nguyễn Công Trứ. Và đấy là một điều đáng tiếc cho sinh hoạt nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam.

Tại sao các sách nghiên cứu văn học Việt Nam lại ghi tên người dịch nôm bài *Tỳ Bà Hành* là Phan Huy Vịnh? Không ai biết được rằng cụ Trần Trung Viên đã dựa trên tài liệu đích xác nào để ghi như thế trong sách *Văn Đàn Bảo Giám* của cụ. Chỉ biết rằng từ khi sách đó ra đời, nhiều sách khác cũng nói theo như vậy. Suy ra cho cùng, chứng cứ — nếu có thể gọi đấy là chứng cứ — lắm khi chỉ là một vài lời ghi chép không lấy gì làm xác quyết của một tác giả đi trước nhưng đã ngẫu nhiên đóng vai trò của một thứ nguồn tin đáng tin cậy! Trong khi đi tìm tư liệu về dòng họ Phan Huy, chúng tôi thấy chỉ riêng trong một quyển *Lược Truyện Các Tác Giả Việt Nam* (nxb Sử Học, Hà Nội 1962 và 1964) của nhóm Trần văn Giáp thôi, đã có mấy lần mâu thuẫn trong việc cung cấp sử kiện, dễ làm lạc hướng tìm tòi: tên cha Phan Huy Ích được ghi là Phan Huy Áng (tập I, tr. 336 và 336), nhưng chỗ khác lại ghi là Phan Huy Cẩn (tr. 398); Phan Huy Thực khi thì ghi là *em* của Phan Huy Ích (trong khi ông chỉ là *con*), khi thì cho là con của Phan Huy Vịnh (trong khi ông là *cha*). Không ai nghi ngờ công phu và kinh nghiệm nghiên cứu của cụ Trần văn Giáp, nhưng trường hợp nhỏ vừa nêu cho thấy giá trị của tài liệu rất cần phải được thẩm định thường trực thì mới tránh được những sai sót lớn.

Trở lại trường hợp bản dịch *Tì Bà Hành*. Có rất nhiều người biên soạn sách đã chép tên người dịch là Phan Huy Vịnh. Người đầu tiên có lẽ là Trần Trung Viên. Nhưng lại cũng có tác giả ghi là của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (theo Hoa Bằng); có người ghi là của Nguyễn Công Trứ (theo Lê Thước); có kẻ để khuyết danh (theo Bùi Kỷ). Ngoài Trần Trung Viên là người tham khảo gia phả họ Phan, các tác giả còn lại đều dựa theo tục truyền. Và dường như từ khi có ý kiến khác biệt ấy của tác giả *Văn Đàn Bảo Giám* (năm 1932) đến khi Thê Húc duyệt lại vấn đề khi xuất bản quyển sách nhỏ *Bài Hát Tì Bà* (1952), không thấy có ai xem lại các chứng cứ, xem có gì đáng bàn cãi. Tuy nhiên ở mức độ một quyển sách giáo khoa trung học, Thê Húc không thể làm hơn được so với cái kết luận khiêm tốn của ông: "... ta có thể dựa vào chứng ngôn nhà họ Phan và cùng với vài nhà ưa thích (trong *Nam Phong Tạp Chí*, trong cuốn *Ngâm Khúc* của Nguyễn Quang Oánh và trong cuốn *Văn Đàn Bảo Giám* của Trần Trung Viên, do Trần Trọng Kim và Trần Tuấn Khải nhuận sắc...) tạm nhận Phan Huy Vịnh là dịch giả bài *Tì Bà*, nhất là dòng họ Phan đều nổi tiếng giỏi thơ nôm: Huy Vịnh với thân phụ là Huy Thực và tổ phụ là Huy Ích." (Thê Húc, *Bài Hát Tì Bà*, nxb. Nam Việt, Sài gòn 1952, tr.14) Nhưng rồi chỉ một năm sau thôi, một người khác lại cũng căn cứ vào gia phả nhà họ Phan để đi đến kết luận khác: không phải Phan Huy Vịnh mà chính là thân phụ ông — Phan Huy Thực — đã diễn ca bài *Tì Bà Hành*. (Hoàng Li và Trương Linh Tử, *Nghiên Cứu và Phê Bình Bản Dịch Tì Bà Hành*, nxb Thế Giới, Hà nội 1953, tr. 5-6) Đặc biệt là sách có cho in bức chân dung truyền thần của Phan Huy Trực và một trang gia phả nhà họ Phan, có ghi rõ các trước tác của Huy Thực. Qua trang gia phả quý giá này, ta còn biết thêm rằng Huy Thực đã trước tác hai tác phẩm nôm khác mà xưa nay cứ bị ghép vào loại tác phẩm khuyết danh: *Bần Nữ Thán* và *Nhân Nguyệt Vấn Đáp*.*

Thế là thế nào. Tại sao cùng căn cứ vào gia phả họ Phan Huy mà lại có thể đi đến kết luận khác nhau? Gia phả *giả* chăng? Hay là hai quyển khác nhau do hai người soạn? Hay chỉ đơn thuần do sự nhầm lẫn của người nghiên cứu đời sau? Dù chấp nhận hay không các luận cứ trên của những người nghiên cứu đi trước, vấn đề ở đây là kiểm nghiệm lại các "giả thuyết" trên bằng cách đọc lại gia phả dòng họ Phan Huy. Gia phả dòng họ Phan Huy hiện nay có đến hai quyển: *Phan gia thế tự lục* do Phan Huy Quýnh biên soạn vào khoảng đầu thế kỷ XIX. (Huy Quýnh mất năm 1844, cùng năm mất với người em là Huy Thực), quyển thứ nhì là *Phan công tộc phả* do Phan Huy Dũng soạn xong năm 1907. Hoàng Li và Trương Linh Tử đã xem bản sách nào không rõ, riêng Trần văn Giáp thì đã đọc bản của Phan Huy Dũng và cũng kê tác phẩm *Tì Bà Hành*

diễn âm và Nhân *Ảnh Vấn Đáp* là của Huy Thực mà không thấy nói đến *Bản Nữ Thán, Nhân Nguyện Vấn Đáp*. (Trần văn Giáp, *Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm*, tập I, nxb Văn Hoá, Hà Nội 1984, tr. 318-322).

Trường hợp danh tính người diễn âm *Tì Bà Hành* đáng ra không cần phải tốn nhiều giấy mực đến vậy, nếu như các nhà nghiên cứu đi trước thận trọng và chịu khó tìm đến những tài liệu cấp I (những tài liệu đáng tin như những bút chứng, bản thảo hay — trong trường hợp này — gia phả chẳng hạn). Tài liệu lưu trữ còn đó, chỉ cần thẩm định để xác nhận hay bác bỏ một tục truyền vô căn cứ.

Trường hợp của dịch giả *Tì Bà Hành* cho ta hiểu rằng tính khoa học của công việc nghiên cứu văn học thể hiện ở tính cách xác thực của tài liệu tồn trữ. Và trong một chừng mực nào đó, các nhà nghiên cứu văn học có thể làm được với điều kiện tài liệu còn lại đến ngày nay. Chúng ta có thể viện dẫn những khó khăn, thiếu thốn tư liệu để bằng lòng với những gì hiện có, nhưng là với trường hợp nào khác, không phải đối với vấn đề đại loại như dịch giả *Tì Bà Hành* nêu ở đây.

Tuy nhiên, như đã trình bày, văn học của chúng ta đã trải qua bao nhiêu tai họa làm tiêu tán nhiều dấu vết tài liệu gốc. Nghiên cứu văn học — nhất là cổ văn — mà nhất mực đòi các chứng liệu cấp I thì lắm khi vĩnh viễn không hy vọng tìm ra, bởi lẽ chúng ta không còn bao nhiêu sách cũ để đối chứng, và như thế sẽ không khỏi rơi vào căn bệnh giáo điều, duy sử một cách cố chấp. Tưởng không là thừa khi nhắc lại ở đây một sự việc đáng cho những nhà duy sử cảnh giác: những năm đầu thế kỷ XX, ở Hà Nội một dạo các gia đình có tồn trữ nhiều sách cũ (cả Nôm lẫn Hán) đã phát tài nhờ những đợt rao mua sách do trường Viễn Đông Bác Cổ phát động để sung vào thư viện Hán-Nôm của trường. Lợi dụng thời cơ, nhiều tay lái buôn thuê chép những sách vở của Trung Hoa hay của nước ta, nhưng bất chấp nghĩa lý, bất chấp sự thực, ngụy tạo nhiều sách vở để kiếm tiền bỏ túi. Sách *Lĩnh Nam Dật Sử* là một trường hợp như vậy. Kẻ bán sách đã chép nguyên vẹn một cuốn tiểu thuyết của Trung Hoa, chỉ sửa đổi tên họ tác giả để biến một quyển truyện của người Hoa vào triều đại nhà Thanh thành một quyển truyện của người Việt viết ra từ đời nhà Trần! Chúng ta nên tự hỏi: còn bao nhiêu ngụy thư như vậy đang yên ổn nằm trong kho sách Hán-Nôm ở thư viện Bác Cổ cũ mà chưa được nhận diện?



Nước ta chưa có truyền thống hiệu khám học và khảo đính văn bản học với những nguyên tắc nghiêm ngặt của khoa học này. Giới sinh hoạt văn hoá của ta thường có thành kiến sai lầm rằng những người nghiên cứu kiểu "tờ a tờ b" ấy là một sự thừa thãi vô ích của sinh hoạt chữ nghĩa. Tất nhiên thành kiến không phải tự nhiên mà có, mà do xuất phát từ những công trình khảo đính của một số người đi trước vốn có nhiều khuyết điểm vì nặng óc chủ quan. Chủ quan, đó là một sa lầy nghiêm trọng đối với người nghiên cứu văn bản học.

Trong một bầu khí học thuật như vậy, những công trình của Hoàng Xuân Hãn thường được đón nhận một cách dè dặt. Ông đã cống hiến xuất sắc vào việc đặt nền móng cho ngành nghiên cứu văn bản học cổ Việt Nam qua hai công trình: *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* (nxb. Minh Tân, Paris 1953, 332 tr.) và *Bích Câu Kỳ Ngộ* (nxb. Đại Học, Huế 1964, 182 tr.) Quyển *Bị Khảo* cho đến nay vẫn còn là một công trình tạo ra nhiều tranh luận về những kết quả khảo chứng của nó. Tác giả đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu cổ khác nhau, ở nhiều tầm mức quan trọng khác nhau, để xét lại một nghi án tưởng chừng không còn cách gì khảo cứu nữa. Tác giả đã "trị" tài liệu trong sách cũ một cách thông minh, và đi đến kết luận rằng bản *Chinh Phụ Ngâm* hiện nay chính là bản dịch mới nhất và do Phan Huy Ích diễn âm. Luận điểm của Hoàng Xuân Hãn rất chặt chẽ, có đầy đủ tính cách thuyết phục, nhưng chẳng may là những kết luận kia đi ngược lại những tục truyền đã bắt rễ từ ngót nửa thế kỷ nay, — xin lưu ý: từ ngót nửa thế kỷ nay. Các nhà nghiên cứu phê bình văn học thường dựa trên tục truyền để không công nhận ức thuyết của Hoàng Xuân Hãn, đồng thời để giữ lại một niềm tin ít nhiều dịu dàng, huyền hoặc về một tài danh nữ giới. Bỏ sang một bên cái niềm tin đáng mến ấy, hãy chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu văn học và những đòi hỏi khoa học, chúng ta có thể làm gì hơn những gì đã ghi chép trong sách *Bị*

Khảo?

Trường hợp của *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* chính là trường hợp mà sự giải đáp các nghi án không chỉ nằm ở việc thẩm định sử liệu (như đã được làm trong sách *Bị Khảo*) mà còn có thể tìm những *chứng cứ bên trong* văn bản. Mỗi tác phẩm văn học là một cấu trúc tự thể có đầy đủ những tính cách riêng biệt. Một tác phẩm hay là một chỉnh thể rõ nét hơn nữa, vì nó đã hình thành một phong cách riêng không thể tan lẫn. Cũng thế, một tác giả cũng có những phong cách riêng không thể lẫn được khi ta so sánh nhiều người với nhau. Vậy thì, nắm bắt văn phong của một tác giả hay tác phẩm sẽ có nhiều ý nghĩa trong việc nghiên cứu văn học, vì nắm được văn phong là giữ được một chứng cứ nội tại rất cơ bản, một loại chứng cứ cấp 1 trong nghiên cứu. Trở lại *Chinh Phụ Ngâm*, trước nay cũng đã có người áp dụng phong cách học vào việc nghiên cứu vấn đề này. Soạn giả dựa trên một giả định khoa học là: mỗi giai đoạn văn học có một phong cách thể loại riêng. Từ đó, đưa ra một đề thuyết: trong số nhiều bài diễn ca *Chinh Phụ Ngâm*, bài nào mang tính cách hoàn chỉnh nhất của thể loại *ngâm* và thủ đắc nhiều nhất những phong cách của thể loại này sẽ là bài diễn ca sau cùng.

Nội dung quyển *Thử Giải Quyết Vấn Đề Diễn Giả Chinh Phụ Ngâm* của Nguyễn văn Dương (nxb Đại Học, Huế 1964) chính là tìm hiểu sự tiến hoá của thể văn song thất lục bát và trình độ nghệ thuật diễn ca của bốn bài *Chinh Phụ Ngâm* mà Hoàng Xuân Hãn sưu tập được. Tác giả đi đến kết luận: bài A (tức bài diễn ca quen thuộc lâu nay) thừa hưởng các ưu điểm gặt hái được qua quá trình tiến hoá của thể loại song thất lục bát, đồng thời cũng đạt được nhiều nhất những tiến bộ về mặt nghệ thuật diễn ca so với các bài khác. Cả hai luận cứ đều cho thấy bài diễn ca hay nhất là bài ra đời muộn hơn cả, và chỉ có thể là của người sinh sau đẻ muộn hơn hết — tức là Phan Huy Ích (1750-1822); còn bài B là bài ra đời sớm nhất, chỉ có thể là của một người thuộc lớp lão tiền bối — tức là có thể của bà Đoàn thị Điểm (1705-1749). Cách giải quyết vấn đề như thế là dựa trên phong cách học lịch sử (stylistique diachronique).

Ngoài hướng nghiên cứu theo chiều lịch đại, còn có thể đi tìm những chứng cứ tiềm tàng bên trong cấu trúc nghệ thuật tác phẩm. Đó là cách nghiên cứu phong cách học cấu trúc (stylistique synchronique).

Ngôn ngữ là phương tiện biểu hiện thế giới nội tâm. Mỗi nhà văn thường có cách diễn đạt ý tưởng, sự việc riêng, không giống những nhà văn khác. Sự diễn đạt riêng biệt đó chính là dấu hiệu của phong cách tác giả. Từ phong cách đó mà cùng tả màu áo, hai tác giả đã sử dụng hai lối diễn đạt khác nhau:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
Chinh Phụ Ngâm

Tuyết in sắc ngựa câu dồn
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.
Truyện Kiều

Vậy thì người nghiên cứu có thể đi ngược lại quá trình nghiên cứu tâm lý sáng tạo của người sáng tác để phân tích và hệ thống hoá, mô hình hoá những kiểu chọn lựa ngôn ngữ mà các tác giả sử dụng để nhận diện phong cách từng người. Phong cách một tác giả được hình thành từ bối cảnh tâm lý, văn hoá mà tác giả thừa hưởng trong cuộc sống, cho nên ở một số tác giả, rất dễ nhận ra phong cách sáng tác của họ. Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật đã có những cơ sở vững chắc để kết luận rằng vốn sống, vốn nhận thức và tâm sự của một tác giả đã thể hiện ngay từ những tác phẩm đầu tay, và càng về sau sẽ chỉ càng hoàn chỉnh thêm chứ cốt lõi phong cách đã hình thành từ buổi đầu. Những truyện ngắn đầu tay của Võ Phiến thời kỳ viết *Người Tù, Mưa Đêm Cuối Năm* đã có những nét rất riêng, rất "Võ Phiến": phân tích tâm lý sắc sảo, óc hóm hỉnh, nỗi cô đơn ám ảnh không nguôi một kẻ "thiếu quê hương"... Sau này, khi viết *Thư Nhà, Đêm Xuân Trăng Sáng* hay *Về Một Xóm Quê*..., dù ngòi bút đã già dặn hơn, ông vẫn giữ nguyên vẹn những dáng vẻ riêng hình thành từ buổi đầu. Cũng thế, đọc Nguyễn Tuân những thời kỳ sau, người ta vẫn thấy rõ ràng những phong thái đã một lần xuất hiện trong *Vang Bóng Một Thời*. Cứ thế, các tác phẩm kế tiếp nhau ra đời chỉ định hình rõ thêm, làm chín chắn hơn phong cách tác giả mà thôi. Cho nên, nếu nắm bắt được những tác phẩm đầu tay của một tác giả, người nghiên cứu có thể tìm hiểu chính xác hơn phong cách của tác giả ấy.

Như thế, một tác phẩm nghệ thuật, một nghệ sĩ sáng tác đều mang phong cách của mình, làm nên cái độc đáo của một tác phẩm hay một tác giả. Ngoài ra, người ta cũng còn có thể nhận ra phong cách của một thể loại sáng tác văn học, phong cách nghệ thuật của một thời kỳ nữa. Cũng là phong cách Nguyễn Du, nhưng thơ chữ Hán của ông có khác với *Truyện Kiều* và *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*. Cũng như thế, nhìn ở góc cạnh khác, ta thấy tuy thơ chữ Hán và thơ Nôm của Phan Huy Ích khác nhau nhiều nhưng góp chung lại thì chúng vẫn có những nét riêng so với thơ văn người khác. Ở một bậc khác, thi ca Nguyễn Du lẫn Phan Huy Ích cùng có phong cách giống nhau nếu ta so sánh họ với các tác giả khác ở thời kỳ sau như Nguyễn Công Trứ chẳng hạn. Trưởng thành trong thời buổi sôi sục những giông bão của lịch sử, Nguyễn Du và Phan Huy Ích có những "nếp gấp tình cảm" của một thế hệ mà tâm sự đoạn trường không thể nào có được ở thế hệ hoà bình, hăm hở trong không khí xây dựng mà Nguyễn Công Trứ hay Cao Bá Quát chia sẻ sau này.

Phong cách một thời kỳ văn học nào đó ở Việt Nam vẫn thường luôn tác động đến phong cách thể loại sáng tác trong mối quan hệ biện chứng. Hát Nói là một thể loại đã viên mãn, đặc sắc trong thế hệ Nguyễn Công Trứ, dù trước đó Hát Nói đã manh nha từ lối hát cửa đình. Thể loại song thất lục bát cũng thế, nó đã được hình thành từ lâu, ngược lên mãi tận thế kỷ XVI, với những bài hát chúc làng kiểu như *Bát Giáp Thưởng Đào Văn* của Lê Đức Mao, nhưng mãi đến thời Lê mạt-Nguyên sơ, khi tâm sự cô đơn, khi hạnh phúc bị mất mát đã đến mức cao điểm sau bao năm ly loạn và phân hoá trầm trọng, thể loại này mới đủ chín muồi những yếu tố khách quan để định hình phong cách cho nó: một thể loại *ngâm khúc* hoàn chỉnh và có những sáng tác tuyệt vời.

Những khác biệt giữa các tác giả, tác phẩm, thể loại hay các thời kỳ văn học là sự khác biệt xuất phát từ những điều kiện lịch sử chứ không phải là những sự kiện tình cờ may rủi. Những yếu tố xã hội đã góp phần tạo nên những dáng vẻ riêng của tâm tình con người. Nhấn mạnh như thế để thấy rõ nghiên cứu phong cách văn học không phải là nghiên cứu hình thức thuần tuý theo kiểu Roland Barthes khi nghiên cứu Racine, hay như Jean Pierre Richard khi nghiên cứu thơ Mallarmé. Tác một tác giả hay một tác phẩm ra khỏi hoàn cảnh lịch sử, xã hội, ta sẽ không hiểu

được khuôn mặt thật của đối tượng nghiên cứu nữa. Thành thử, chúng tôi hiểu những *chứng cứ bên trong* như một cấu trúc hoàn chỉnh những dáng vẻ riêng đã được hình thành trong các điều kiện nào đó của lịch sử xã hội và văn hoá.

Nói thế không có nghĩa là chỉ chú tâm đi tìm những yếu tố bên ngoài để xem chúng tác động đến cấu trúc nghệ thuật như thế nào. Đấy là một biến tướng khác của quan điểm duy sử. Phải xuất phát từ chính tác phẩm, chính sự nghiệp của tác giả ta mới có thể phân tích và hệ thống hoá được phong cách của tác phẩm hay tác giả ấy. Cho nên, phong cách nhà văn không phải là sản phẩm xa lạ gì, nó rất hiện thực trong sự nghiệp một tác giả, một thời đại, một thể loại sáng tác. Vậy thì, phong cách là lý lịch thật nhất của tác phẩm, tác giả, thể loại, thời đại văn học. Nghiên cứu phong cách, do vậy, có ý nghĩa tích cực, nhất là đối với văn học Việt Nam, khi mà tài liệu văn bản, sử liệu còn lại quá ít và thiếu chính xác.

Điều kiện duy nhất đòi hỏi ở nghiên cứu phong cách học là: phải dựa trên tác phẩm chính xác, không qua tay nhào nặn của những kẻ sao chép tuỳ tiện đến mức biến dạng hẳn khuôn mặt ban đầu. Vì thế mà nghiên cứu phong cách thơ Hồ Xuân Hương không thể không đếm xỉa đến tập *Lưu Hương Ký* của bà. Các nhà nghiên cứu xưa nay thường vẫn chỉ bằng lòng với những phân tích các bài thơ "tương truyền" là của bà, nhưng nếu đối chiếu với chính tác phẩm còn lưu lại và có phần chắc là của bà, tất sẽ nhận ra hai phong cách khác hẳn nhau, đưa đến một hoài nghi lớn về dáng vẻ "bà chúa thơ nôm" trước nay vẫn thường được vẽ ra và gán cho bà. Cũng có khi một tác phẩm bị sửa đổi nhiều như *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu lại tỏ ra không mất giá trị nghiên cứu phong cách, vì chính tác phẩm này đã ra đời trong điều kiện truyền miệng, và nội dung tác phẩm là dữ kiện chính xác hơn là văn từ của nó. Phong cách Đồ Chiểu, do vậy, vẫn hiện lên sáng tỏ trong tác phẩm đầu tay này.

Ở trường hợp dịch giả *Chinh Phụ Ngâm*, cho đến nay vẫn còn nỗi hoài nghi lớn về nghệ thuật thơ Phan Huy Ích, nhất là thơ nôm; ấy thế mà chưa có một nỗ lực nào phân tích tác phẩm *Dụ Am Ngâm Lục* của ông hiện vẫn còn tồn trữ ở các thư viện Hán-Nôm. Các nhà nghiên cứu đã truy tầm rất kỹ trong các tài liệu thư tịch để rồi phải thừa nhận cùng với Hoàng Xuân Hãn rằng sách vở cũ (cùng thời và đời sau) đều không có chứng cứ thuận lợi cho việc giành tác quyền bản dịch nôm *Chinh Phụ Ngâm* cho bà Đoàn thị Điểm, ngoại trừ một bút chứng mong manh của Vũ Hoạt trong lời bạt cho bản khắc in năm 1902. Và mặc dù các phân tích của Hoàng Xuân Hãn rất chặt chẽ, theo qui cách của khoa văn bản học, cộng thêm với những phân tích nghiêm túc ở cách đặt và giải quyết vấn đề theo hướng phong cách học lịch đại, số đông các nhà nghiên cứu vẫn cho rằng "chưa có đầy đủ bằng chứng đáng tin". Nếu hiểu "bằng chứng đáng tin" theo nghĩa là có đủ bằng chứng khoa học thì — như đã trình bày — cần phải phân biệt hai thứ luận cứ: một thứ chứng cứ minh nhiên như trường hợp tên tuổi người dịch *Tì Bà Hành* trên kia; một thứ dựa trên những suy lý từ chính các tác phẩm. Vấn đề là: nếu chưa hài lòng với những chứng cớ đã có, thì phải nỗ lực đi tìm những dữ kiện mới. Các chứng cứ mới kia phải nói lên được bản sắc thi ca Phan Huy Ích, dựa trên cơ sở văn bản xác tín của ông là *Dụ Am Ngâm Lục*. Ngày nào ta chưa phân tích văn phong *Dụ Am* một cách thấu đáo mà chỉ dựa vào nhận định vội vã của vài nhà nghiên cứu thiếu công tâm, thì ngày ấy vẫn chưa thể khẳng quyết như ai đó rằng "văn nôm Phan Huy Ích nặng về sáo ngữ và kém thanh thoát tự nhiên", hay là vu khoát hơn, cho rằng "thơ văn nôm Phan Huy Ích chưa đạt tới kỹ thuật điêu luyện". Đọc những bài văn tế nôm và thơ chữ hán của ông một cách thấu đáo, chỉ thấy một tâm hồn thơ đã định hình từ những ngày tuổi trẻ, tỏ ra một tài nghệ sử dụng ngôn ngữ chuốt lọc và giàu hình tượng. Bước quan trọng kế tiếp phải là mô hình hoá phong cách đó xem có sự trùng hợp nào giữa *Dụ Am Ngâm Lục* và *Chinh Phụ Ngâm Khúc* hay không. Đây chính là một giả thuyết khoa học cần đi đến những nỗ lực thực tế mà ngôn ngữ học có thể góp phần.

Một vài trường hợp khó xử nêu trên phản ảnh tình hình khó khăn của bộ môn nghiên cứu cổ văn Việt Nam, gây cản trở trong việc tìm hiểu kho tàng văn học phong phú của cha ông chúng ta. Không phải như thế đã là hết hy vọng giải đáp những việc tồn nghi. Nếu gần đây, Nguyễn Lang, trong khi tìm hiểu kho tàng thơ văn đời Lý Trần, đã phát hiện rằng Tuệ Trung Thượng Sĩ không phải người mà Bùi Huy Bích đã lẫn lộn khi viết về tác giả *Phóng Cuồng Ngâm* (*Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, nxb. Lá



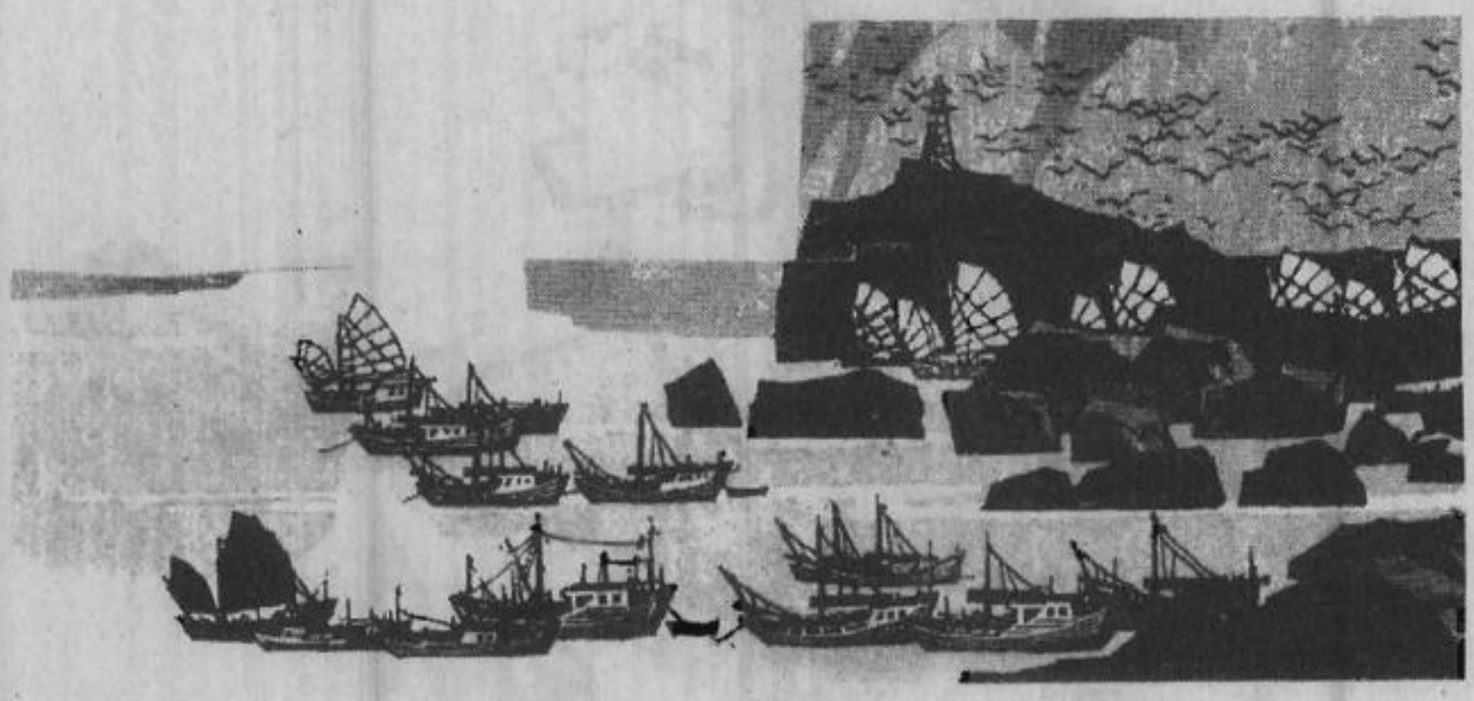
Bối, Sài gòn 1974), thì giới nghiên cứu mới tỉnh ra rằng người uyên bác như cụ Bùi Tồn Am không hẳn là không lầm lẫn, và người sau cần tỉnh táo thẩm định sử liệu vì truyền thống biên tập và san định sách vở ngày xưa ở ta chưa có nền nếp tham khảo thư tịch rộng rãi mà chỉ dựa phần lớn trên truyền ngôn hay những ghi chép không đầy đủ. Tính cách cẩu thả đó thể hiện ở việc in bản khắc các sách truyện thơ nôm: thường chỉ quan tâm tới chính văn hơn là phần lạc khoản, và ngay chính văn cũng bị khắc lầm do sự hiểu biết hạn hẹp của người thợ khắc... Nghiên cứu văn bản học Việt Nam không thể bỏ qua tình trạng này. Công việc hiệu đính và khảo đính học tất nhiên là cần thiết, đòi hỏi những chuẩn mực khoa học chứ không hề là sự sửa chữa tùy tiện như công luận thường nghi ngại.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu văn phong cũng sẽ góp phần giải toả phần nào những ngoa truyền, những lầm lẫn trong sách vở cũ. Có thể ngày nào đó, với sự đóng góp của ngôn ngữ học, một số những bài thơ được ghi chép trong *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi sẽ bị loại ra, chẳng phải vì chúng không hay, nhưng vì chúng không mang "chất Nguyễn Trãi".

Ngày nay, chúng ta không dễ tin vào tục truyền nữa. Để tạo dựng cho những kết luận mới dựa trên nhận thức chính xác về mặt khoa học, công việc nghiên cứu văn học cần sự giúp sức của nhiều ngành học, trong đó có khoa ngôn ngữ học. Hiện nay, công việc tìm hiểu lịch sử tiếng Việt và ngữ âm học lịch sử đã có những bước tiến rất tốt cho việc nghiên cứu văn bản cổ. Nghiên cứu văn phong các tác giả cổ cũng giúp ích cho việc giải gỡ những vấn nạn còn đọng lại đó đây. Cũng từ ý nghĩ này, đặt vấn đề nghiên cứu văn phong những gia đình, dòng họ văn học nổi tiếng của ta — một hiện tượng nổi bật của thế kỷ 18, 19 — như dòng họ Nguyễn Tiên Điền, gia đình Nguyễn Huy, gia đình Ngô Thì, gia đình Phan Huy... tưởng không là việc thừa. Đạt được thành tựu về mặt này, mới có thể đẩy lùi vào bóng tối căn bệnh "tục truyền" tùy tiện trong nghiên cứu văn học. Chẳng hạn, có thể một ngày nào đó, nhà nghiên cứu dựa vào văn phong gia đình Phan Huy để bảo rằng tác giả bài *Ai Tư Vãn* ("tương truyền" là của công chúa Ngọc Hân) phải là người trong gia đình Phan Huy vì văn phong khá thống nhất giữa mấy khúc ngâm do gia đình này chế tác. Hẳn những kết luận như thế không phải không có trọng lượng.

Chú thích:

* Thật ra, người đầu tiên đặt lại vấn đề danh tính người dịch *Tì Bà Hành* và *Nhân Nguyệt Vấn Đáp* chính là Phan Huy Chiêm. Trong lá thư gửi tạp chí *Nam Phong*, ông chất chính vấn đề dịch giả các bài văn nôm nổi tiếng, dựa trên gia phả giòng họ, nhờ toà báo đính chính. (*Nam Phong tạp chí*, tập XVIII, số 106 tháng 6.1926, tr. 494-495). Trong lá thư quan trọng đó, ông Chiêm đã xác nhận Phan Huy Ích là dịch giả *Chinh Phụ Ngâm*, còn Phan Huy Thực là diễn giả *Tì Bà Hành* và *Nhân Nguyệt Vấn Đáp*. Tiếc thay, bình bút báo *Nam Phong* đã không đặt vấn đề một cách rõ ràng, xứng với tầm vóc của nó. Những nhà nghiên cứu sau này thường không nhắc nhở gì đến bài báo trên. Ngày nay, chúng ta có thể xem nội dung bào báo của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến viết trên mục Văn Uyển báo *Nam Phong* đó như một chứng cứ mang tầm vóc quan trọng của một sử liệu xác tín. □



để anh rước lễ trên đời

Để anh lên đời Đức Mẹ
ôm em ôm cả đất trời
dưới chân cuộc đời nhỏ bé
yêu em yêu em mãi thôi.

Nửa đêm Giáng Sinh rất lạnh
em ơi hãy sát ngực anh
có hai vì sao cô quạnh
đi tìm nhau giữa trời xanh

Ơi anh hai mươi bốn tuổi
trái tim còn thở ngoan lành
này em môi xinh phải nói
yêu anh yêu anh yêu anh

Để anh lên đời Đức Mẹ
ánh đèn rực rỡ non cao
chúng mình tấm lòng rất nhẹ
vì sao chẳng hiểu vì sao

Nửa đêm Thiên Chúa ra đời
em ơi tình ta mấy tuổi
Thánh ca vọng đến mấy trời
mà sao lòng ta sương khói

Ơi em như con búp bê
nũng nịu son phấn rất hồng
mốt mai có đành giọt lệ
khoé tình dạt cõi hư không

Để anh lên đời Đức Mẹ
cầu nguyện có nhau một đời
thịt da cũng đành lặng lẽ
thầm thì lời vọng trùng khơi

Kề vai đất trời thu hẹp
tóc em ngát đoá quỳnh hoa
bài thơ tình em đã chép
yêu nhau yêu đến tuổi già

Ơi đêm hình như vô tận
sao mặt trời em hướng dương
những cánh hoa nồng hương phấn
còn không, chia những nẻo đường

Để anh lên đời Đức Mẹ
quỳ bên hang đá nến soi
bỗng dưng thành đôi chim sẻ
rỉa lông nhau buổi ấu thời

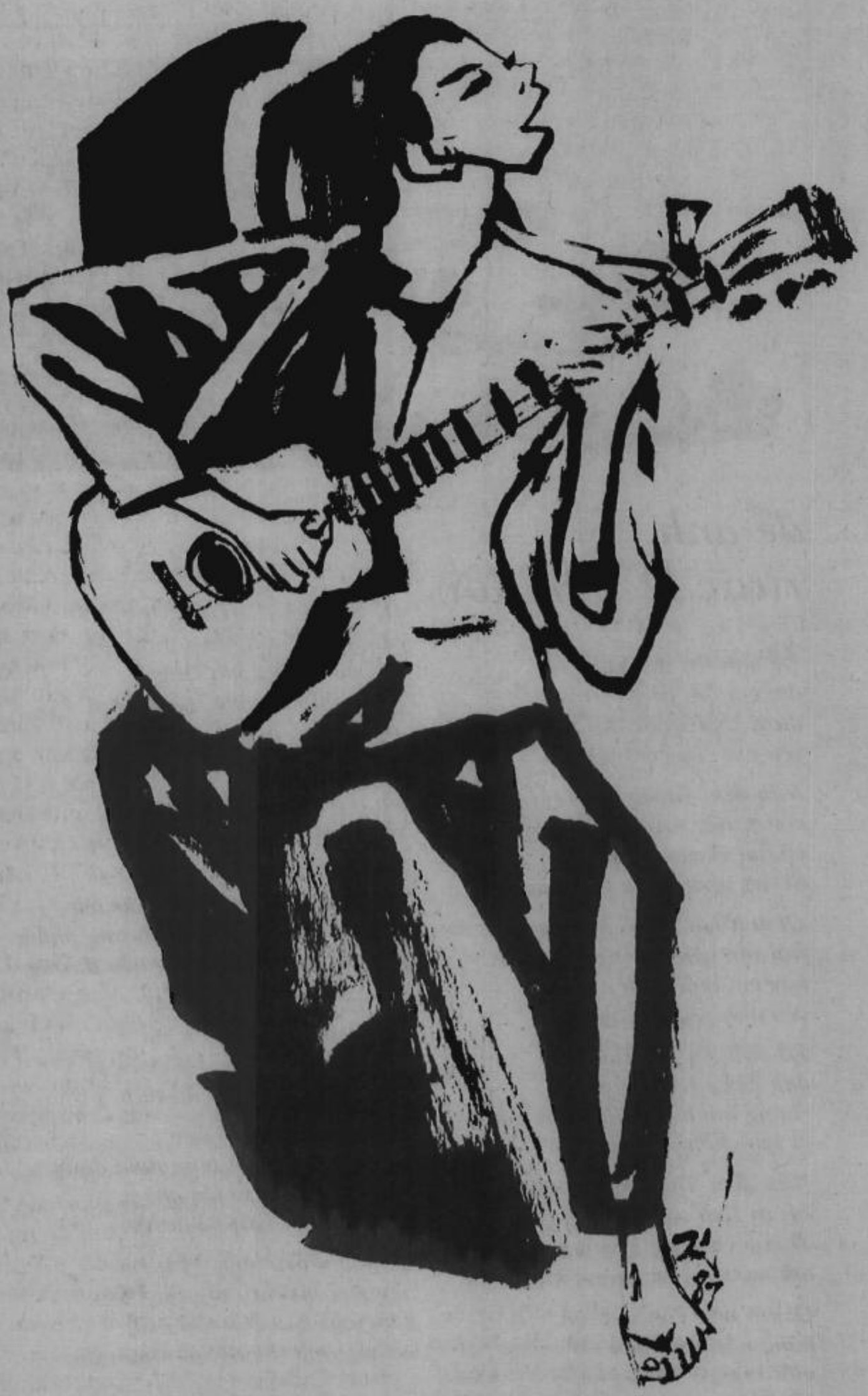
Áo len này em có ấm
Trường Sơn vẫn lạnh mùa đông
con dốc bánh xe lăn chậm
hay anh nỗi nhớ bềnh bồng

Ơi bao nhiêu năm kỷ niệm
bây giờ em cuối phương trời
kẻ ngoại đạo anh tìm kiếm
vết thương thành sẹo muôn đời.

nguyễn mạnh trinh

Chuyện Dài Khu Chiến

Tưởng Năng Tiến



Dù hoàn toàn không biết tí gì về lịch sử của những dân tộc khác, tôi vẫn cứ có niềm xác tín rằng người Việt *ưa* lập chiến khu hơn thiên hạ. Trong lịch sử của dân tộc tôi, người ta thỉnh thoảng vẫn thấy lố nhố những chiến khu nằm rải rác khắp đó đây, vào bất cứ thời nào: đầm Dạ Trạch, Chí Linh, Vụ Quang, Bãi Sậy, Yên Thế... Ngay từ khi còn bé, tôi đã thấy ái ngại và buồn rầu muốn chết mỗi khi ngồi lần dò đọc từng trang sử mô tả lại những chiến khu chống xâmg lăng của tổ tiên mình.

Lập chiến khu để đánh nhau không phải là chiến thuật của những kẻ ở thế mạnh. Nói cách khác, phe nhà thường ở thế yếu. Cái gì chứ thua trận, chạy về chiến khu, rồi bị vây hãm đến độ tuyệt lương là chuyện xảy ra cho tổ tiên tôi như cơm bữa. Rõ ràng là chuyện-dài-chiến-khu không mấy khá nhưng dường như cha ông tôi không lấy đó làm phiền. Họ vẫn cứ chăm chỉ, vất vả, đều đặn lập chiến khu.

Có những giai đoạn lịch sử mà chiến khu thiếu vắng, nghĩa là lập chưa kịp, thì y như rằng những nhân vật của thời đại đó đều đâm ra buồn rầu hay bối rối. Phạm Thái, Tiêu Sơn, Phổ Tĩnh... đều vì *kẹt* chiến khu nên mới phải vô... chùa (sáng lo kinh kệ ban chiều thì cơm với nước tương). Gần hơn, nói giả dụ, tôi nghĩ rằng nếu nhân vật Dũng trong tác phẩm *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh mà gặp được một chiến khu thì thiệt là *đỡ* cho chàng biết mấy. Khó có thể mà đoán được là rồi Dũng sẽ làm gì trong khu chiến, chỉ biết rằng một người ôm hoài bão cách mạng như chàng mà cứ đi lang thang hoài trên những đồi chiều lộng gió, thì thiệt là... kỳ và mỏi chân chết mẹ!

Cho đến khi tôi sinh ra đời, vào hậu bán thế kỷ hai mươi, thì phong trào giải thực đã lan tràn khắp thế giới, và chủ nghĩa thực dân đang dẫy chết đành đạch khắp mọi nơi. Thiệt là nó khoẻ hết sức cho người dân thuộc những quốc gia bị trị. Từ đây, ai cũng tin rằng chuyện đem súng đạn binh lính đi xâm lăng một phần đất khác là điều không còn có thể xẩy ra được nữa. Trong bối cảnh lịch sử này thì những cái chiến khu hết có lý do gì để hiện hữu. Chuyện-dài-khu-chiến coi như sẽ vĩnh viễn chấm dứt trong lịch sử loài người.

Chiến khu ơi, vĩnh biệt! Rất ít khi có một lời giã từ nào mà sau khi thốt ra rồi người ta lại cảm thấy khoẻ khoắn nhẹ nhàng đến thế. Tự hậu, tôi và những

thằng nhóc cùng thế hệ với mình sẽ không còn phải bận lòng và bỏ mạng vì những cái chiến khu nữa. Chúng tôi chỉ còn có mỗi một việc làm đem tuổi thanh xuân ra xây dựng và kiến tạo đất nước cho đến chỗ cường thịnh thôi.

Dù là sống trong hoàn cảnh của một đất nước bị phân đôi, chúng tôi — những đứa bé sinh trưởng ở miền Nam — may mắn là còn có cả nửa phần dân tộc chăm lo nuôi dưỡng để gần như tất cả mọi đứa đều được cắp sách đến trường, được dạy dỗ bởi một nền giáo dục nhân bản, được hấp thụ mọi trào lưu tư tưởng cũ cũng như mới của những nền văn hoá khác ở khắp mọi nơi... Trong môi trường tương đối tốt lành như thế, chúng tôi dần trưởng thành với những hoài bão lớn lao — quá lớn lao so với những thế hệ trước mình — về mọi mặt: nhân quyền, dân quyền, độc lập, tự do...

Những hoài bão lớn lao và lý tưởng này, đau đớn thay, đều đổ vỡ tan tành ngay khi chúng tôi còn đang ở tuổi đôi mươi. Sau một vài biến cố quân sự, như chiến cuộc Mậu Thân, Mùa Hè Đỏ Lửa... thì tất cả chúng tôi được xếp thành hàng ngũ, trang bị vũ khí, quân trang, quân dụng từ đầu đến chân. Chúng tôi nhận hết những thứ thổ tả này với rất nhiều bối rối và miễn cưỡng. Những mộng ước, dự tính của chúng tôi trong việc xây dựng đất nước đâu có liên quan gì tới súng đạn, hả trời!

Chúng tôi rõ ràng là không hề chuẩn bị việc phải chiến đấu. Cũng không ai giải thích cho chúng tôi biết tại sao lại phải lao đời vào cái trò chơi sinh tử này bằng súng đạn của ngoại nhân. Trong lệnh gọi trình diện nhập ngũ, gửi đến từng nhà mỗi đứa, chúng tôi chỉ đọc được một giòng chữ ngắn ngủi, đại khái là *để tiêu diệt cộng sản bảo vệ quốc gia*. Bảo vệ quốc gia khi hữu sự thì đúng rồi, nhưng chuyện tiêu diệt cộng sản thì chúng tôi còn mơ hồ lắm. Cộng sản là ai hay là một thế lực như thế nào? Hiểm hoạ mà những người cộng sản hay chủ nghĩa cộng sản mang đến cho nhân loại hay dân tộc ra sao?

Chúng tôi không chỉ thiếu vắng sự chỉ đạo mà còn cả lãnh đạo nữa. Chúng tôi đã đứng vào hàng ngũ của một đội quân thừa can đảm và kiêu hùng nhưng lại được chỉ huy bởi một vị tổng tư lệnh và tham mưu trưởng tối cao sẵn sàng... đầu hàng hay đào ngũ khi đối diện với địch quân. Chúng tôi là một bầy sư tử được chỉ huy bởi những con cừu. Hệ quả tất yếu là cuối cùng rồi chúng tôi thua trận. Và thất trận thì tất nhiên là cả lũ đều trở thành tù binh.

Mãi cho đến lúc ấy, nhiều đứa trong chúng tôi vẫn chưa biết được bản chất của địch thủ, hay đúng hơn phải gọi là kẻ tử thù của mình. Không ít đứa trong chúng tôi còn vui mừng vì viễn tượng đất nước hoà bình và thống nhất. Mươi lăm ngày hay đôi ba tháng "cải tạo" hoặc tù tội không làm chúng tôi băn khoăn lo sợ; ngược lại, có đứa còn cảm thấy nôn nao, náo nức khi nghĩ đến những mộng ước đã bị chìm sâu chôn chặt trong bao năm sắp có cơ hội thực hiện được trở lại trong một tương lai rất gần. Quê hương chúng tôi sẽ lành lặn hẳn mọi vết thương, tổ quốc chúng tôi sẽ vươn mình sống lại, và đồng bào chúng tôi sẽ hồi sinh để rồi hân hoan ngẩng cao mặt hãm hở đi đến tương lai. Cả nước sẽ *nối vòng tay lớn!*

Chúng tôi lầm! Người cộng sản cần rất ít thời gian để chứng minh cho chúng tôi thấy sự lầm lẫn to lớn và đau đớn đó. Những chính sách đường lối vừa hà khắc ác độc vừa ngu ngốc của họ khiến chúng tôi đi từ kinh ngạc đến kinh hoàng. Mọi việc họ làm không hề có liên quan gì đến chuyện xây dựng đất nước hay mang đến an sinh và nâng cao trình độ dân trí như chúng tôi mơ mộng cả. Họ làm ngược lại tất cả những điều đó. Không riêng gì chúng tôi, một lũ tù binh, mà toàn dân Việt đều biến thành nô lệ cho những tham vọng điên dại và khát máu của họ. Chúng tôi cũng không cần nhiều thời gian để nhận ra rằng họ không phải là một thành phần của dân tộc. Họ chỉ là những kẻ đã bán linh hồn cho quỷ và đang đại diện cho bầy quỷ dữ đó, để cố áp đặt lên đầu dân tộc tôi một thứ chủ nghĩa dã man và tàn độc nhất trong lịch sử loài người: chủ nghĩa cộng sản.

Và đến lúc này thì dù không hẹn mà tất cả chúng tôi đều nghĩ đến... chiến khu! Cũng đến lúc này tôi mới chợt hiểu một cách thấm thía tại sao cha ông của mình *ưa* lập chiến khu đến thế. Rồi không dưng mà tôi thấy thương các cụ đến xót xa và nghĩ đến thân mình mà muốn rơi nước mắt. Dù rõ ràng chiến tranh là một hình thái sinh hoạt tồi tệ nhất trong lịch sử loài người, trong nhiều trường hợp đây vẫn là một sự tồi tệ cần thiết. Chao ơi, khi tôi biết được điều này thì e muộn quá rồi. Mẹ kiếp, phải đối đầu với kẻ thù có đại pháo 130 ly và chiến đấu cơ MiG 29 mà lập chiến khu thì thiệt là... dở khẹt!

Hoàn cảnh của chúng tôi rõ ràng là bi đát và vô vọng hơn tiền nhân nhiều lắm; dù vậy, tình thế bắt buộc phải có chiến khu. Sơ xẩy để giặc chạy tuốt vô tới trong nhà rồi thì phải lập chiến khu chứ còn biết làm sao khác.

Tôi ra khỏi trại tù vào đầu năm 1978. Việc trước tiên là tôi dáo dác đi tìm một cái chiến khu. *Chiến khu, trời ơi tôi biết tìm đâu ra nó đây?* Dù rõ ràng là cả nước luôn luôn xì xầm về những khu chiến, nhưng dường như đồng bào tôi đang nói ước mơ của họ hơn là đề cập một thực thể. Tôi chạy lòng vòng đôn đáo từ tháng này sang tháng nọ mà vẫn không tìm ra được một khu chiến nào cả. Chợ, chùa, chiến khu... rõ ràng đều là những thứ khó có thể phát triển hay nẩy sinh trong xã hội cộng sản. Trong một xã hội mà người dân phải bán trôn và bán cả mồ hôi mà đói rách vẫn hành cho sớm tối thì còn ai nghĩ được đến chuyện cúng dường hay tiếp tế cho kháng chiến quân nữa.

Cuối cùng, tôi và một nhúm bạn bè đi đến quyết định là chính chúng tôi phải lập một cái... chiến khu! Tôi mạo giấy tờ chứng minh là mình được thu nhận ở một cái nông trường thổ tả nào đó, cách xa thành phố vài chục cây số, mang nộp cho phường khóm. Tôi hợp pháp hoàn toàn trong việc vắng nhà một tuần năm sáu ngày. Cuối tuần tôi mới về, *len lén* lấy đầy ba-lô gạo mắm rồi tiếp tục đi nữa. Tất nhiên, tôi không đi đến một cái công trường hay nông trường nào hết. Tôi đi vào rừng. Ở đó, tôi và bạn bè dựng lều, chia phiên canh gác và làm truyền đơn; rồi cuối tuần mang trở lại vào thành phố. Nơi đây, những đứa bạn khác sẽ lo chuyện *phát hành*.

Cái gì chứ viết Lời Kêu Gọi, Lời Hiệu Triệu Quốc Dân, Cương Lĩnh hay thảo truyền đơn mắng nhiếc, xỉ vả, mạt sát cộng sản thì tôi đúng là một... *thiên tài*, và đồng thời tôi cũng là một...*thiên tai* nữa! Chúng tôi không thưởng thức được những thành quả gây *chấn động* đó lâu. Những tờ truyền đơn rải rác đó đây không làm cho bạo quyền lung lay sụp đổ mà chỉ làm cho nhiều người thêm khốn khổ thôi. Thành phố quê hương của tôi trở nên bị đe dọa, khủng bố thấy rõ. Chúng tôi trở nên bối rối và khổ sở vì chính những việc làm của mình. Điều khổ tâm là chúng tôi không thể nào làm khác như thế được. (Còn

biết chuyện gì khác nữa để làm). Chúng tôi đã ẩn náu ở trong rừng khá lâu mà đâu có thấy lực lượng bạn nào đến bắt tay; cũng không thấy "trung ương" cử người đến liên lạc như bạn bè tôi vẫn hằng tin tưởng. Chỉ có những toán Fulro lẻ tẻ và ngơ ngác cũng y như lũ chúng tôi thôi.

Dầu vậy, tất cả chúng tôi đều còn quá trẻ nên không biết lùi, biết ẩn. Chúng tôi chỉ biết "tới" thôi dù không đứa nào rõ là mình sẽ tới đâu. Có hôm, buồn quá, tôi ngồi soạn ra kế hoạch đánh chiếm vùng IV, rồi dùng đó làm căn cứ địa để chiếm nốt vùng III và những vùng còn lại. Tôi muốn làm cho đồng bào tôi an lòng và cho tụi cộng sản sợ chơi. Tụi nó rõ ràng là không sợ gì mấy! Đã vậy, có đêm tụi nó còn rình bắt được hai trong mười đứa thuộc toán rải truyền đơn. Ba ngày sau, bốn đứa nữa bị bắt theo. Chúng tôi hết dám lần mò về nhà để lấy gạo mà chỉ còn biết ngồi ở trong rừng nhìn nhau lo sợ thôi!

Thực sự, chúng tôi chỉ là một nhóm bạn bè chứ không phải là một tổ chức theo đúng nghĩa. Chúng tôi không những chỉ biết rõ tên tuổi, tính tình và nơi cư trú của nhau mà tất cả còn đều biết *chiến khu bỏ túi* nằm ở chỗ nào nữa. Bảy đứa bị bắt thì coi như là *lực lượng* đi đoong một nửa. Phần còn lại thấp thỏm ngồi chờ đến lượt mình. Cuối cùng, chúng tôi đủ khôn ngoan (hay hèn nhát) để quyết định tan hàng và mỗi đứa bỏ chạy một phương. Chao ơi, biết phương nào mà chạy trong cái ngục tù bao la đó!

May mắn, tôi chạy thoát (và có thể là chỉ mỗi mình tôi chạy thoát). Điều không may là tôi chỉ thoát thân thôi chứ không thoát nạn — cái nạn dai dẳng của một thằng người thuộc một dân tộc bất hạnh, bất hạnh đến độ mà vào cuối thế kỷ hai mươi rồi vẫn còn lúng túng khổ sở vì chuyện dài khu chiến. Bởi thế, mười năm sau, từ Hoa kỳ, với một quả tim đã mệt, với một sức khoẻ đã tồi, với một cái đầu đã chứa đầy nhóc những ý nghĩ hoài nghi và bi quan, tôi vẫn phải lò dò đi ngược về đất Thái để tìm... khu chiến.

*

* *

Chúng tôi rời nơi đặt trạm liên lạc lúc trời tờ mờ sáng, với lời giải thích của người bạn là "đi sớm để kịp vào ăn cơm trưa với anh em". Xe loanh quanh ra khỏi huyện lỵ khi những nhà phố hai bên đường vẫn còn đang ngái ngủ. Không khí trong lành ấm áp của một buổi mai nơi vùng nhiệt đới khiến tôi thấy dễ chịu, sảng khoái. Trời trong, sáng và vẫn còn nhấp nháy yếu ớt vài vì sao đang dần mờ nhạt. A ha, những ngôi sao, những điểm sáng tinh tuyền, kỳ diệu nhất của thế giới tuổi thơ. Chúng vẫn cứ còn đó mà sao với tuổi đời, và với ngày tháng chất chồng nơi đô thị ở phương Tây khiến tôi — đôi lúc — ngỡ rằng trăng sao đã mất tiệt tự lâu rồi. Cũng từ lâu rồi tôi không nhìn thấy lại được ánh đèn đường vàng úa chiếu sáng trên những mặt đường lạo xạo đá sỏi như sáng hôm nay.

Bỏ lại khu chợ lụp xụp với những ngọn đèn hiu hắt phía sau lưng, chúng tôi bắt đầu đi ngược đường với những chiếc xe đò chở đầy nhóc quang gánh, thúng sọt của những người bán hàng đi chợ sớm. Chao ơi, là một buổi sáng Á châu! Sao nó sinh động một cách quen thuộc, ấm áp và có tình đến thế. Nếu tôi có thể thêm vào đây vài chiếc xe lam, một chút khói xe xích-lô máy, và những tiếng kinh coong của xích-lô đạp, cùng tiếng rao quà sáng nữa thì coi như là tôi đã dựng lại được một cảnh sống trông y như ở quê hương mình rồi. Sao tôi muốn quay xe lại quá. Tôi muốn được vào một quán ăn của người Tàu, mở cửa sớm ở một góc phố, gọi một ly xây chừng, ngồi nhấm nháp với điếu thuốc lá đầu ngày và nhìn cái huyện lỵ nhỏ bé này thức dậy chơi.

Ba thế kỷ qua, bằng vào những phát kiến và thành tựu về khoa học và kỹ thuật, người phương Tây đã tự hào là bỏ xa những dân tộc sống ở phương Đông về nhiều phương tiện. Tôi, kẻ đến từ phương Đông, được "thừa hưởng" vô số những thành quả văn minh của họ; và nói thực tâm, chứ chả phải là muốn phụ lòng hay phụ ơn ai, sao tôi thấy ớn cái đời sống nơi những đô thị kỹ nghệ của người phương Tây quá sức.

Tôi ớn những ly cà phê uống vội, những sáng kẹt xe, những lúc xếp hàng chờ bấm thẻ, những bữa ăn trưa vội vã, những buổi chiều mệt nhoài, và những buổi tối trống không. Chúng ta cứ sống hổn hển hối hả như thế từ ngày này sang ngày khác, từ tháng nọ đến tháng kia, hết năm này sang năm nữa... để làm gì cà?

Trời sáng dần dần. Xe cũng dần gia tăng tốc độ khi chúng tôi bắt đầu rẽ vào quốc lộ. Lại những ruộng nước xanh um màu mạ vừa mới cấy, những hàng dừa xanh, và những con kinh đào chạy dọc bên đường, nước vàng màu phù sa, đang lặng lẽ đưa những đám lục bình chậm chạp trôi. Nơi đây dường như cái gì trông cũng có vẻ chậm. Điều này khiến tôi có cảm giác như mình luôn được nghỉ ngơi.

Xa xa ở bên trong là những mái nhà sàn đang toả những cụm khói trắng lơ thơ lên trên nền trời im gió. Người ta đang chuẩn bị bữa cơm sớm. Tôi nghĩ thế, và liên tưởng đến đầu một cái cần câu cắm đang chúi nhịp xuống bờ ruộng vì sức vẫy vùng của một con cá lóc hay một cái hom vừa được một chú bé trần trụi đen đủi nhấc lên khỏi mặt nước, và bên trong là hàng chục con cá rô be bé đang giẫy lạch tạch, phơi những cái bụng vàng rói trong nắng sớm, rồi đến một ơ cá kho tiêu (thiệt nhiều tiêu), và cuối cùng là một nồi cơm trắng tinh vừa chín tới. Trời ơi, sao đương không mà tui thấy đói dữ vậy nè!

Tôi chợt nhớ bây giờ đang là buổi chiều ở California. Tôi có cái tật không ăn sáng, ít khi ăn trưa, và chỉ sống nhờ vào bữa cơm chiều. Thảo nào, tôi thấy đói là phải. Và bây giờ là mấy giờ ở quê tôi? *Má ơi, má đang làm gì vậy? Vu Lan lại sắp tới nơi rồi. Lễ Vu Lan Bổn, Mother day, Ngày Mẹ... dân tộc nào cũng nghĩ ra được một ngày để chọc*

---

sài gòn, đã khác

Ném hòn sỏi nhỏ
Xao động mặt hồ
Gọi tên dĩ vãng
Vui buồn hư vô

Người đi kẻ ở
Nỗi nhớ chia đều
Hận tình chan chứa
Buồn vẫn mang theo

Sài gòn nho nhỏ
Áo đỏ năm xưa
Nắng mưa vờn vã
Tình tôi dại khờ

Anh, rồi có vợ
Em, rồi có chồng
Sài gòn đã cũ
Chuyện đời, hư không

Sài gòn đã khác
Từ đây, lao lung.

hoàng chính

quê những thằng bất hiếu như con. Cấp này ở nhà mưa dữ, má há? Mưa giữa mùa mà. Không chừng Đà lạt mình còn đang bị ảnh hưởng của những cơn bão rớt nữa. Con sẽ bị ám ảnh suốt đời vì những ngày tháng mưa dầm ướt át, ẩm đạm và buồn thiu nơi cái thành phố đó. Má biết không, cứ mỗi lần nghĩ đến hai mái đầu bạc trắng của ba má lặng lẽ lủi thủi trong ngôi nhà vắng vẻ, quạnh quẽ giữa cái "tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt" là lòng con se lại, đớn đau. Ít nhất là đã chừng một trăm lần con muốn viết thư về, nói với ba má là: con thương và nhớ ba má lắm, con rất ân hận đã bỏ ba má mà đi; bây giờ thì con muốn được quay trở về nhà mình quá, con muốn được quì dưới chân ba má, nói một lời xin lỗi, và xin được ở nhà vĩnh viễn. Con muốn chậm mất rồi, phải không má? Răng của má đã rụng, mắt của ba loà rồi mà sau gần mười năm viễn xứ con vẫn cứ loay hoay, lúng túng không tìm được một lối về. Đời người nghiệt ngã quá hay con vô tình và tệ bạc quá, hả ba má?

— Nhớ ai mà coi ngơ ngẩn vậy ông? Đốt một điếu thuốc chơi đi.

— Sao nhìn cảnh nhớ nhà quá!

— Ờ, tại vì nó giống y chang bên nhà mình mà — Người bạn trả lời với một nụ cười hiền — Chỉ khác có điều là sao



ở Miên và ở Thái có nhiều thốt nốt quá hà. Ông còn để ý tới hoa thốt nốt không?

— Không, sao?

— Tôi nhớ trong tờ *Văn Nghệ Quân Đội* hay *Quân Đội Nhân Dân* gì đó, có một ông văn sĩ cô đầu của Hà Nội đi "xâm nhập thực tế" ở chiến trường Campuchea và cứ nằng nặc đòi mang hoa thốt nốt về Việt Nam để cài lên mái tóc của em gái hậu phương. Mẹ kiếp, chả hiểu là ổng trốn chui trốn nhủi trong một cái xó xỉnh nào, rồi viết bài gửi về miền Bắc để hù nhân dân chơi. Chứ mỗi nhánh hoa thốt nốt đều to và nặng cỡ vài ký-lô như một buồng cau vậy đó. Cài lên tóc em thì dù là một em bộ đội, đội gạo chuyên nghiệp trên đường Trường Sơn, cũng phải gẫy cha nó cổ mất!

Tôi thở dài:

— Đâu có người con gái xã hội chủ nghĩa nào mong đợi một cành hoa mà ông lo. Điều họ cần là một bao gạo, càng nặng càng tốt; hoặc giả, có xa xỉ hơn thì cũng chỉ là một ít vải để may quần xì-líp.

Tôi mải suy nghĩ và nói chuyện bâng quơ nên không để ý là xe đã hung hãn vượt đèo. Cảnh vật hai bên đường đã đổi. Chúng tôi dần đi giữa núi cao và rừng rậm, với không khí bắt đầu gây gây lạnh.

Rồi chúng tôi đi vào một thị trấn nhỏ. Bụi đỏ mịt mù tung lên phía sau xe. Một Pleiku của Việt Nam đây chăng? Không, đây chỉ cỡ Tùng Nghĩa hay Đơn Dương gì đó thôi. Một loại thị trấn giữa đèo. Dẫy phố nhỏ hẹp — và chắc là dẫy phố duy nhất — với những bảng hiệu nửa chữ Thái nửa chữ Tàu, với những khung kính phủ đầy bụi bặm.

Phố vắng; nắng vàng; trời lồng lộng gió. Bây giờ là tháng mấy? Ô hay, đang giữa tháng bảy mà! Sao trông cứ y như là những ngày cận Giáng Sinh, lúc mà trời cao nguyên vừa bắt đầu trở lạnh thế nhỉ? Cũng màu nắng này, cũng loại gió hơi se se lạnh này đây. Cảnh vật trông quen thuộc và gần gũi quá khiến anh bâng khuâng nhớ đến em, X. ạ. "Anh một đời rong ruổi, em tay bế tay bồng!"

–Hồi trước, có khi nào ông ở Pleiku không? Tôi hỏi bâng quơ để khỏi phải tiếp tục hồi tưởng về một chuyện đang làm nặng lòng mình.

— Có, sao?

— Nơi đây, chắc chắn *đi năm phút sẽ về chốn cũ* nhưng lại không có gì bảo đảm là sẽ tìm được một *em Pleiku má đỏ môi hồng* cả.

Người bạn chép miệng:

— Con gái Thái thường đen và không có ngực. Em nào hơi trắng một chút thì chắc chắn là Tàu lai và ngực cũng thẳng thôi. Sao kỳ cục? Tôi chưa sống ở Đại Hàn bao giờ, nhưng cứ nhìn hoài mấy em tiếp viên của Korean Air Line thì biết là ngực phụ nữ xứ này cũng nhỏ nhắn lắm.

— Nhỏ cũng được. — Tôi hăm hở góp chuyện. — Tôi sẵn sàng yêu bất cứ một em gái nào, bất kể là Thái, Tàu, Miên, Lào, Nhật Bổn, hay Đại Hàn... miễn là ẻm có ngực chút đỉnh. Nhưng nếu hoàn toàn không có gì hết trơn thì... kẹt cho tôi lắm!

Thoáng thấy một tấm bảng chỉ đường, với mũi tên hướng về bên phải, và giòng chữ viết bằng tiếng Anh: *Frontier 5 km*, tôi hỏi:

— Gần tới rồi sao?

— Chưa, mình còn đi cặp theo biên giới một đoạn khá xa. Nếu ông đói thì mình vô đây "mần" một tô hủ tíu, nấu theo kiểu nửa Tàu nửa Thái cho nó biết thêm mùi đời.

— Tôi đã nếm cái mùi vị hủ tíu kỳ cục này ở Vọng Các rồi và nói thiệt là không mê lắm. Nếu mình quên bỏ vô đó một hai muỗng đường thì nó thô kệch y là một tên hải tặc Thái Lan vậy; còn lỡ bỏ đường vô thì nó ngọt lờ lợ tựa như nụ cười của một cô gái Tàu làm nghề chiêu đãi, khi nghe thực khách tuyên bố là "xin lỗi, bữa nay ngộ bỏ quên cái 'póp' ở nhà rồi"!

— Ủa, ông ghé Bangkok hồi nào, ở đó lâu không?

— Cách đây bảy tám năm. Hồi đó, tôi trốn từ trại tị nạn chuyển tiếp ra nên chỉ đủ thì giờ để ăn một tô hủ tíu, uống nửa chai coca và mần một bài thơ con cóc.

— Ông có cần mua thêm đồ dùng cá nhân gì thì mua luôn tại đây đi nha. Sau cái "phố núi cao phố núi tào lao" này là kể như không còn có nhà cửa, dân chúng gì nữa đâu.

— Không. Bàn chải, kem đánh răng, dao cạo râu gì tui cũng đủ hết rồi.

Chúng tôi vội vã ra khỏi cái "phố núi" đó theo hướng mũi tên đã chỉ về phía biên giới. Không bao lâu, một trạm kiểm soát hiện ra. Cũng thùng phuy, rào cản, đồn canh và lính gác y như bất cứ một cái trạm kiểm soát nào ở Việt Nam vậy. Tôi sinh ra và lớn lên

trong một đất nước rất là không an bình nên cái gì chứ "kiểm soát" là điều tôi rất quen và cũng rất... phiền, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại. Xe chúng tôi có ba người. Cả ba đều là người Việt, đều đến từ Hoa kỳ, và đều trông không có vẻ gì là du khách cả. Charlie, trẻ nhất, mới hơn hai mươi tuổi. Theo đúng truyền thống "kính lão đắc thọ", em nhường cho tôi ngồi ở băng trước với Lima; còn mình thì đang nằm ngả trên lưng bao gạo, và gác chân lên mấy bao rau cải. Nếu phải trình giấy tờ và giải thích thì tôi thiệt tình không biết nói là mình đi đâu mà lò dò đến "tận cùng nước Thái", với một xe đầy nhóc thực phẩm như thế. Tôi đưa mắt nhìn người bạn dò hỏi. Lima giảm tốc độ xe, từ tốn giải thích:

— Kể từ đây trở đi, người dân Thái đi qua đi lại đều phải trình giấy tờ chứng minh là họ cư ngụ ở vùng này, hoặc có giấy phép đi thăm bà con ở nơi đây. Ngoài ra, không ai có lý do gì để đến biên giới cả, trừ dân buôn lậu.

"Còn mình thì sao?" Tôi chưa kịp hỏi thì xe đã trờ tới ngay trạm kiểm soát. Ngoài sự dự liệu của tôi, người lính Thái đứng gác vội vã bồng súng chào, và hô một tiếng "khắp" thật lớn. Lima buông tay lái, chắp tay lên trái chào lại, rồi thản nhiên tiếp tục nhấn chân ga. Sau đó, anh mới quay sang nói với tôi:

— Lần sau, người ta chào mình thì ông nhớ chào lại nha.

— Tôi đâu có ngờ là mình được chào! Còn đang lo họ xét giấy tờ đây.

Lima nheo mắt:

— Khỏi lo, xe mình có bảng số đặc biệt mà.

Đường bắt đầu hẹp và xấu. Rừng núi cũng có vẻ thâm u và đe dọa hơn. Không còn chiếc xe nào đi cùng hay ngược chiều với chúng tôi nữa. Cũng không thấy nhà ở, nương rẫy gì ráo. Sự cô quạnh và vắng lặng dễ khiến cho con người ta cảm thấy bất an.

Lima đột ngột cho xe rẽ vào một con đường đất đỏ nhỏ hẹp rồi ngừng lại. Anh lôi trong *cabin* ra một cái máy truyền tin và hai cây AK báng xếp. Một đeo vào người, một đưa cho tôi. Tôi vốn không mấy khoái súng đạn và đặc biệt có ác cảm với vũ khí của khối cộng nên lắc đầu từ chối:

— Tôi không biết bắn AK.

— Có gì đâu mà không biết. Súng nào thì cũng mở khoá an toàn và bóp cò là nổ. Cái cần nhỏ bên cạnh để điều chỉnh bắn *semi* hay *auto*. Tóm lại nó cũng gần y như súng M16 của Mỹ vậy, chỉ có điều là nặng hơn chút đỉnh thôi.

Tôi quay nhìn ra phía sau. Charlie chả hiểu lấy ở đâu ra một cây B40.5 và đang lui cui ráp đạn. Ngó bộ khẩn trương, tôi miễn cưỡng cầm lấy súng. Trong lúc đó, Lima loay hoay mở máy truyền tin, kéo cần ăng-ten lên cao và bắt đầu liên lạc:

— 33... đây 34; 33... đây 34...

— 33... đây 34; 33... đây 34... nghe rõ trả lời...

Lima nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế nhưng chúng tôi không nhận được sự hồi đáp nào cả, ngoài tiếng máy rè rè phát ra giữa núi rừng tịch mịch. Anh có vẻ băn khoăn:

— Sao kỳ ta? Thường vô tới đây là tụi tui liên lạc được với nhau rồi. Cái máy này là loại tối tân nhất của Nhật bây giờ đó. Tuy nó nhỏ, nhưng với địa thế thuận tiện thì tầm hữu hiệu của nó xa hơn PRC 25 với ăng-ten bảy đoạn nữa.

— Bữa nay mình vô hơi trễ, — Charlie nói — tụi nó đợi sáng giờ lâu quá sợ tốn pin nên cúp máy chớ gì. Thôi cứ đi đi. Đưa máy cho em. Đợi đúng đầu giờ em sẽ liên lạc lại.

Lima giao máy cho Charlie và nói thêm:

— Đừng tắt máy nha, không chừng tụi nó gọi lại bây giờ đó!

— Mình có thể đụng tụi nó bắt đầu từ chỗ này sao? Tôi hỏi.

— Không đâu. Vùng này trước kia là của tụi Thái cộng nhưng tụi nó tan hàng lâu rồi nên bây giờ thì yên lắm.

— Như vậy thủ súng làm chi?

— Cho nó đỡ lạnh cẳng khi bị voi bao vây. Ở đây voi nhiều lắm và luôn luôn đi hàng đàn.

— Đối với mọi sinh vật dữ dằn nói chung, và với loài voi cũng như loài khổng tượng nói riêng, tôi nghĩ là nên dùng một giải pháp nào ôn hoà hơn là súng đạn. Ông bà đã dạy "tránh voi chả xấu mặt nào" mà. — Tôi rụt rè góp ý — Mình cứ tránh mẹ nó đi cho đỡ phiền, ông à.

— Thì tránh chớ. Giết voi ở Thái Lan cũng phiền phức tương tự như giết bò ở Ấn Độ vậy. Đây chỉ là đề phòng trường hợp voi nó không chịu cho mình tránh thôi mà, cha nội!

Tôi rõ ràng là một người không hay thích những chuyện lôi thôi, dù đối với voi hay với chuột! và một kẻ như tôi thì lẽ ra không nên lui tới những nơi phiền phức như thế này. Nhưng bây giờ thì đã lỡ, dẫu tôi có muốn quay lại thì cũng không còn kịp nữa rồi, nên đành xuôi xị:

— Mà tôi nói trước là lỡ có chuyện thì tôi nhắm mắt bắn chơi vài băng... lên trời! Nếu tụi nó bỏ chạy là kể như hên; còn không thì coi như là... "định mệnh đã an bài" nha.

Lima vừa rồ máy xe, vừa cười sằng sặc:

— Ai mà dám giao mạng cho ông. Bộ không thấy Charlie nó thủ cây B40.5 hay sao? Thứ này dữ hơn B40 nhiều, và Charlie nó bắn lẹ lắm. Ông đừng lo. Trừ khi gặp cả một đàn vài chục con thì mình mới bị cảnh voi dầy ngựa xé thôi. Tui nói chơi vậy chớ tụi em mình nó ra đón tới nơi bây giờ mà.

Xe tiếp tục lầm lũi đi vào con đường dốc đất nhỏ hẹp, mấp mô và hoang vắng. Cỏ dại mọc lan ra tới mặt đường. Dù là đang ở giữa trưa, đôi lúc, chúng tôi đi qua những đoạn đường dài rợp bóng đại thụ và khi ngẩng mặt nhìn lên thì chỉ thấy cành lá đan nhau chứ không có ánh mặt trời. Càng đi, chiếc *truck Toyota* càng tỏ ra mỏng mảnh và yếu đuối.

— Tôi thấy lo cho chiếc xe Nhật Bổn này quá. Ngó bộ nó chịu không nổi. — Tôi vừa nói vừa chỉ vào chiếc kim nhiệt độ đã lên cao gần tới mức báo động rồi.

Lima liếc nhìn buồn bã:

— Mình chở nặng mà đường dốc và xấu quá. Nãy giờ tui toàn kéo số 3 không mà. Mình phải nghỉ một chặp chớ máy nóng quá rồi.

Chúng tôi ngừng lại, nhảy xuống xe mở nắp ca-pô cho máy mau nguội và đứng lớ ngớ đốt thuốc hút chơi.

— Ông mệt không? Lima hỏi.

"Không mệt nhưng hơi sợ". Tôi nghĩ vậy nhưng nói khác:

— Sáng giờ ngồi trên xe chơi và nói dóc không chớ làm gì đâu mà mệt.

Tôi nghĩ tiếp: "Ngay bây giờ mà có vài chục con voi ở đâu đó phóng ra chơi thì thiệt là... dở khẹt cho ba thằng". Charlie vẫn loay hoay với cái máy truyền tin một cách vô vọng. Rừng cây trầm mặc thỉnh thoảng vang lên một vài tiếng kêu lẻ loi buồn bã của một loài chim lạ. Tôi kiếm một gốc cây bằng phẳng, ngồi dựa lưng nhắm mắt lim dim.

— 34... 34... đây 33, nghe rõ trả lời...

Tiếng nói đột ngột phát ra từ máy truyền tin khiến cả ba chúng tôi đều tỉnh hẳn người. Charlie nói như hét:

— 34 nghe! Phải Tango đầu máy

không, trả lời...

— Đúng 5! Charlie, Charlie đây Tango, nghe rõ không nói...

— Nghe 3 trên 5.

Tôi cảm nhận được hết cái niềm vui đang oà vỡ trong giọng nói của hai người đang đối thoại qua hệ thống máy. Và không dưng chính tôi cũng thấy xúc động rưng rưng. Tôi đã dùng gần hết một phần tư cuộc đời vô vị của mình để đi lê la hơn nửa vòng trái đất, qua tùm lum những đất nước, xứ sở xa lạ khác nhau. Bất cứ ở nơi đâu, ngay cả vào những lúc không chờ đợi nhất, tôi vẫn có khi nghe được "tiếng nước tôi"; và điều này khiến cho tôi luôn luôn cảm thấy đỡ lạc lõng và an ủi. Riêng hôm nay, khi nghe được giọng nói của người đồng hương bất chợt vang lên giữa cảnh rừng núi thâm u nơi đất lạ quê người thì tôi mới thấm thía đến tận cùng thế nào là sự gần gũi, thân thuộc, và ấm áp của "tiếng nước mình".

— Ông thấy tụi nhỏ nó mừng không?

Lima nói với nụ cười tươi tắn. Tôi không đáp vì đang lắng nghe tiếng nói từ đầu máy bên kia:

— 34 đang ở đâu, nói...

— Về gần tới nhà rồi, chỉ còn chừng vài kinh kỳ (cây số) nữa thôi. Tại sao từ sáng giờ 33 không mở máy?

— Có mở "lai rai" vào đầu giờ nhưng chắc tại kẹo đã lạt đường (pin gần hết) nên bắt không được! Có khách đi theo 34 không?

— Có...

— Đông không?

— Một mạng à.

— Ghế hay khứa (đán ông hay đàn bà)?

— Khứa! Ghế nào mà vô tới đây trừ khi là ghế mẫu (má) của tụi mình!

Thấy câu chuyện có vẻ đi hơi "quá xa", Lima cầm lấy máy từ tay của Charlie:

— 33... 33... đây Lima...

— 33 nghe, thẩm quyền.

— Tụi bay mở đường tới chỗ nào?

— Chỗ mọi lần...

— Nằm im đó, tụi tao vô tới bây giờ; coi chừng hai lần non nước (ngộ nhận) nha.

— Nhận đủ.

Sau đó, anh quay sang nói với tôi:

— Ông tưởng tượng cũng đoạn đường mẹ rượt này vào mùa mưa coi. Mười lần đi thì hết chín lần phải kêu tụi nhỏ ra khiêng đồ và đẩy xe phụ. Nhìn mấy thằng em oằn người để vác gạo, vác xú, vác muối... đi dưới trời mưa tầm tã cũng đau ruột lắm chớ nhưng biết làm sao được. Bơ vơ giữa rừng núi xứ người như thế này, mình còn biết nhờ cậy vào ai. May trời thương là sức chịu đựng của tụi nhỏ rất dẻo dai và tinh thần tụi nó vững lắm. Chút nữa gặp tụi nó rồi ông sẽ thấy. Được như bữa nay là khoẻ rồi; bây giờ mình tà tà đi vô; nếu không, tụi nó cũng chạy nhào ra liền à.

Đúng như Lima dự đoán, chúng tôi mới bắt đầu đi thêm chừng mười phút thì gặp toán quân mở đường. Họ chạy ào tới từ xa. Có lẽ họ bắt đầu "tan hàng" ngay sau khi nghe tiếng máy xe. Lima lắc đầu cười trước cảnh "không mấy kỷ luật" đó của toán quân:

— Tội nghiệp, tụi nó mong xe vô lắm; dù thiệt tình thì chả có gì để mà mong cả. Hồi trước, mình mong mấy chuyến tiếp tế vì biết là còn có quà cáp, thư từ. Bây giờ, nước mất rồi thì tụi nhỏ cũng mất luôn những nhu cầu tinh thần tối thiểu đó! Tù binh hay thương binh mà bị bỏ quên đã là chuyện không đành; nghĩa binh đang chiến đấu mà cũng không được ai nhìn nhận thì thiệt là đau quá!

Lima dường như chỉ có ý thốt ra một lời than mà sao tôi nghe như là một câu trách móc. Tôi quen anh từ ngày mới đặt chân đến Hoa kỳ. Chúng tôi không thân lắm nhưng vẫn đều đặn giữ liên lạc vì vẫn cùng chia sẻ một mối băn khoăn. Đây là lần đầu tiên tôi nghe anh nói chuyện với ít nhiều cay đắng, và sự bất ngờ này làm tôi thấy xốn xang.

Lima tắt máy xe, giao chìa khoá cho Charlie rồi khều tôi:

— Nhiệm vụ của tôi đến đây là hết! Tôi đưa ông đến nơi an toàn rồi. Bây giờ mình xuống xe đi bộ vô với tụi nhỏ cho vui.

Toán quân chạy tới mỗi lúc một gần, tôi hỏi Lima:

— Sao họ ăn mặc đẹp vậy ông? Coi y như là lính nhảy dù cũ của mình vậy.

— Tụi tui mua lại quân phục này của tụi Thái mà. Đồ rằn, đồ xanh gì đều cùng một giá cả. Mà rõ ràng là tụi nhỏ nó thích mặc đồ rằn và đội nón đỏ hơn là mấy thứ khác. Ông có nhớ là hồi xưa mấy ông Tàu Chợ Lớn cũng may mấy bộ đồ lính y như vậy để bán cho con nít mặc Tết không? Cũng phù hiệu dù và hoa mai lon lá thêu tùm lum trên cổ áo vậy.

— Nhớ.

— Kháng chiến quân của chúng ta hôm nay chính là những đứa bé lên năm lên bảy vào lúc 1975 đó chứ đâu.

Cho đến khi họ chạy ùa đến bao vây chúng tôi vào giữa, tôi mới thấy thực sự là các em còn... hồn nhiên và ngây thơ quá đỗi:

— Charlie có mua đá lửa cho em không?

— Lima có sửa đồng hồ cho em chưa?

— Có mua trà mua thuốc vô không?

tên lữ hành đông phương

Tôi có cuống chưa có hoá điên?
Khi nhìn mây trắng nóc trời xanh
Con trăng đất khách mà như ngỡ
Đi giữa làng quê của Việt Nam

Tôi vẫn thèm nghe, mắt vẫn trông
Cái hồn cây cỏ thở mênh mông
Những hàng ổi dại bầy chim sẻ
Xô nát rừng phong rực sắc hồng

Những chiếc đầm bay kênh kiệu quá!
Đâu vải quê nghèo áo của tôi
Ai trong buổi tiệc mà không nhớ
Màu cá đồng xanh lục tỉnh ơi!

Tôi biết tôi như một gã đần
Sống đời thiếu nữ rất đông phương
Ngoài kia nắng mới khoe màu tuyết
Thấm lạnh hồn tôi khách độ đường.

lâm hảo dũng



"vã" quá trời rồi, Charlie ơi!

Lima xua tay nhăn nhó trông y như cảnh một ông anh ra tỉnh làm ăn thất bại và lúc trở về thì phải đối diện với một đàn em đông đảo đòi quà:

— Bữa nay có khách đừng có để người ta cười nha. Đây là anh Tiến, mới từ Hoa kỳ tới thăm căn cứ của tụi mình.

— Còn đây là B., là T., là H., là..

Các em đều nhìn tôi với nụ cười tươi vui và cùng thốt lên những câu thăm hỏi thân mật tự nhiên:

— Anh mạnh giỏi không ?

— Đồng bào mình ở hải ngoại mạnh giỏi, không anh?

Tôi bối rối cười và gật đầu cười thay cho câu trả lời vì trong tôi đang có nỗi thẹn thùng riêng. Tôi nhớ đến K., đến L., đến C., đến... nơi cái "chiến khu bỏ túi" của mình ngày trước... Ngày ấy, có lẽ chỉ có mỗi mình tôi là đã qua tuổi hai mươi thôi; mấy đứa còn lại thì cùng đều trẻ thơ và hồn nhiên y như các em bây giờ đây. Mắt chúng tôi đều sáng; môi chúng tôi đều tươi; nụ cười của chúng tôi đều ngạo mạn và rạng rỡ niềm tin.

Rồi chả may, các em tôi bị bắt giam. Chỉ riêng mình tôi nhanh chân chạy thoát và hốt hoảng ù té bỏ chạy luôn ra khỏi quê hương. Tôi vừa chạy vừa biện minh, vừa mang cái ảo tưởng là tôi sẽ quay trở lại "ngay" với một số người đông đảo, hùng mạnh hơn để cứu lũ em đang đau đớn giãy giụa trong vòng tay ác thú, và giải thoát đồng bào chúng ta ra khỏi ngục tù.

Than ơi! *Thập niên bất giác Dương Châu mộng!* Thời gian qua nhanh quá và tôi đã không quay trở lại như lời nguyện mà chính mình đã nghiến răng thề thốt lúc ra đi! Tôi biện minh làm sao cho sự bội ước trắng trợn này đây? Sự thực là vì đường về không có lối nên dù có sẵn sàng trở thành một Kinh Kha chăng nữa, thì thời thế cũng đã không mở ra một con sông Dịch để tôi có dịp nhào qua và chịu chết chung cùng với mọi người cho trọn nghĩa; hay chỉ vì tôi có quá ngại gian lao nên đã tự bịt mắt, che tai để cố quên chuyện quay về.

Tôi vốn không phải là người vụng nói và những lời biện minh thì thường rất dễ tìm; chỉ có sự kiện là hơi khó chối thôi: mười năm qua tôi đã chỉ loay hoay với những việc tầm thường nhỏ nhặt, cùng với những bận tâm ti tiểu của mình thôi. Kết quả là tôi đã chả mang lại được ơn ích gì cho bất cứ ai ngoài chuyện tự tạo cho chính mình một chút hư danh!

Và hôm nay tôi lại phải đối diện với các em, một lớp người ở tuổi đôi mươi khác, nơi bìa rừng biên giới xứ người. Cũng mắt sáng, môi tươi, và nụ cười hồn nhiên rạng rỡ. Rõ ràng là giòng máu can trường, oanh liệt của tổ tiên chúng ta đã không bao giờ ngưng lưu chuyển quanh thế hệ người tiếp nối cho dù quê hương đất nước không ngừng phải chịu qua bao nhiêu là ách thống trị bạo tàn. Bạo lực nào, chủ nghĩa phi nhân nào tiêu diệt được sự bất khuất và hào hùng của dân tộc mà tôi đã luôn luôn thấy loé sáng trong mắt các em? Sao chỉ riêng tôi, kẻ đã hoàn toàn tự tách mình ra khỏi lòng đất mẹ, là mỗi ngày một biến chất và một thêm sa đọa.

Tôi, và những kẻ đồn mạt tương tự, không những chỉ trắng trợn bội ước mà còn lựa chọn một thái độ thoả hiệp. Chúng tôi, không ít kẻ, thoả hiệp với một đời sống biếng nhác, dễ dãi; rồi đi dần đến thái độ thoả hiệp luôn với kẻ thù. Chúng tôi tự động giải giới. Chúng tôi xin được thua. Tính nết bạc bẽo khiến chúng tôi quên rằng kẻ tử thù của dân tộc là cộng sản chưa bao giờ cho phép địch thủ được hàng, và cũng không nhớ là hiện tại có vài chục triệu người đang bị giam cầm hay đày ải đang từng phút ngóng trông đến lúc được giải vây.

May mắn là tổ quốc vẫn còn có các em:

Khi tất cả đã chỉ còn là sự quay lưng im lặng
sao em còn đứng đó,
tiếng hát thốc vào đêm
nhịp tay đều cho ngày mai đường đi chắc nịch
Cái gì vẫn còn nuôi lửa trong em?

Khi tất cả còn lại là sự mọn hèn phân xé
của loài gà chưa muốn làm chim
loài gà xó xỉnh giương oai
chim bay qua biển khơi chim về sông núi
chim bay đi im lìm,
mưa giông bão tố sấm sét đánh lén suốt đường,
vẫn cánh bay.
Cái gì trong nhịp thở mây trời, trong cánh ấy?

Giữa màn nước rối tung vấy bẩn
có trăm chiếc miệng khạc nhổ rãi đờm
trút đổ mặc tình nghĩa lời vênh váo
rác rến bãi nước chợ chiều đen kịt,



sao anh chị còn đang thân trần
làm người thợ lặn
nuốt nước mắt, siết đôi tay,
lao xuống đáy
cắm chặt mũi neo
cho con thuyền đại cuộc
Cái gì trong đôi tay
Cái gì trong ngực ấy?

Khi tất cả đã leo lên xe bỏ đi
không quên vất lại tiếng cười tỉ tiện
của những con người quên rằng
khi chào đời thì chỉ có tiếng khóc
(có ai ra đời đã cười sằng sặc thế đâu?)
khi tất cả đều mang áo hoa và nói tiếng ngoại quốc
sao em còn đứng đây
quay roneo từng tờ truyền đơn đơn bạc
mờ hôi đổ ròng ròng
Em ơi, cái gì trong giọt mờ hôi đó mà mặn đã nghìn đời?

Khi tất cả đã lui về ẩn trốn
trong những căn phòng vuông vức
những chiếc hộp, những quân cờ, những chiếu bạc,
những giường đệm vùi vục,
quanh những quân hàm những mảnh bằng treo lệch
những tiện nghi vừa mua hạ giá ngoài phố
sao anh chị còn đứng giữa ngã ba đường
nuốt nước mắt chắp đôi tay
van xin đứng lại, hãy xin đứng lại
Cái gì trong mắt van cầu
trong lời thưa nhẫn nại
*trong đôi chân còn đứng thẳng mãi đó?*** □

Chú thích:

* *Nguyễn Chí Thiện, Tiếng Vọng Từ Đáy Vực,* (Victoria, nxb Nhân Văn 1986)

** Nguyễn Lương Huy, *Hỏi,* (Tạp chí Nhân Văn, số 50, tháng 1.1987)

Theo Hư-Không Mà Đi

Thế Uyên

Dù là nhà văn nhà thơ hay không, ai cũng đã có thời kỳ viết thư tình, hiểu theo nghĩa viết cho một người nữ mình yêu tha thiết. Và thời kỳ tình thư này thường không dài. Nó thường chấm dứt trong hai trường hợp: một là ta yêu nàng nhưng nàng chẳng yêu ta, nàng đi lấy chồng và sau đó ta đâu thể quấy rầy một người đàn bà đã có chồng con bằng những bức thư, dù có hay có lâm ly cách mấy. Hai là nàng đã yêu lại, lấy ta làm chồng, cùng nhau sinh con đẻ cái, thì cũng chấm dứt thư tình. Nếu vì xa cách nhau nhất thời, thì cũng chỉ còn là thư vợ chồng với muôn vàn truyện lẩm cẩm lĩnh kỉnh của sinh hoạt lứa đôi và con cái.

Trong những nhà văn Việt Nam hiện đại, tôi có may mắn là khi vào tuổi trưởng thành, đã lấy được người nữ tôi yêu chân thành nhất làm vợ. Nhưng chuyện tình lại không chấm dứt ở hôn nhân vì hai lý do. Lý do thứ nhất là mặc dù thời gian có qua, con cái có ra đời, hai đứa tôi vẫn yêu nhau như những tình nhân chân chính. Lý do thứ hai là chúng tôi yêu nhau và lấy nhau vào đúng giữa cuộc chiến tranh khốc liệt. Lấy nhau xong tuần trăng mật ở Đà lạt, tôi để Thi — hãy cứ gọi tên người nữ vợ tôi như vậy — ở lại ký túc xá nữ sinh viên để tiếp tục theo học viện đại học nơi này. Còn tôi phải lên Ban Mê Thuột dạy học. Mới hưởng có một vài tuần mật nguyệt đã phải xa nhau, không thương nhớ nhau mãnh liệt sao được. Nhất là bây giờ đã là vợ chồng, yêu thương không phải chỉ bằng tình cảm mà còn bằng cả thân xác bốc lửa của tuổi trẻ. Nhưng xa nhau thì vẫn cứ phải xa nhau, vậy chỉ còn những bức thư dài liên tiếp để gắn liền khoảng cách. Tối nào đi uống cà phê về, chấm bài xong là tôi viết thư cho Thi để rồi mỗi sáng thứ hai gửi đi một bức thư dài vài chục trang, và chỉ được đáp ứng bằng một bức thư có bốn trang đầy hàng chữ lớn mềm mại. Như nhiều người nữ khác trên cõi trần gian này, Thi rất thích đọc thư nhưng viết thì lại rất lười. Cả đời tôi luôn luôn khiếu nại về sự bất công này, nhưng cho đến nay vẫn là vô ích.

Mùa hè năm đó hai đứa tôi dẫn nhau về Sài gòn, sống chung nơi nhà cha mẹ. Và dĩ nhiên được sống chung dưới một mái nhà, ngủ cùng một giường thì có thiếu gì chuyện mè tơi hơn để làm, không ai lẩm cẩm ngồi viết thư cho nhau. Nhưng lệnh gọi nhập ngũ tới và tôi đã học hơn mười tháng nơi trường Bộ Binh Thủ Đức. Chiến tranh đến quá nhanh, thời cuộc lúc ấy rất sôi động về tôn giáo. Từ trong quân trường, tôi đã gửi về cho Thi những bức thư dài. Tôi viết thư bất cứ lúc nào rảnh, sau một buổi học tại lớp hay tại bãi tập hoặc ngay tại xạ trường nắng chói chang. Rồi khi ra trường tôi làm kiếp trấn thủ lưu đồn nơi miền đồi cỏ Pleiku. Thật lâu mới được về phép và cũng thật thỉnh thoảng Thi mới vượt đường lên cao nguyên thăm tôi nơi ngôi nhà tranh nằm ven sườn đồi cỏ. Thời gian chung sống có thể tính từng ngày, còn lại là xa nhau và những bức thư tình tiếp tục. Sau Pleiku tôi làm lính phòng vệ một lần nữa nơi Gành Ráng của Qui Nhơn. Sau Qui Nhơn là Sư đoàn 5 với rất nhiều ngày đêm chỉ biết có cái võng và khẩu súng. Chìm ngập trong cuộc chiến, tôi chỉ còn có tình yêu, có Thi là niềm hạnh phúc lớn nhất mà cứ phải xa cách nhau hoài... Tôi viết thư liên tiếp, trước lúc hành quân, lúc chờ đợi chạm súng, lúc trở về nghỉ ngơi trên võng hay góc hè một căn nhà xa lạ.

Đến khi Thi sinh cho tôi đứa con trai thứ ba, tôi mới được về Sài Gòn để thực sự chung sống với nhau như những cặp vợ chồng bình thường khác. Đến lúc đó xấp thư trao đổi giữa hai đứa đã xếp đầy một ngăn kéo lớn, cột lại từng bó theo thứ tự thời gian. Vợ chồng nào cũng đều trang trọng cất giữ những bức thư này, và riêng đối với tôi, tôi lưu giữ chúng cẩn thận hơn vì tôi đã viết chúng với tất cả khả năng mình. Thi đã có lần nhận xét: "Anh viết văn lắm khi còn thua cả viết thư cho em..." Tôi đồng ý với nhận xét đó vì khi viết thư, tôi hoàn toàn chân thực với mình với người và với cuộc đời. Viết văn, đương nhiên phải có phần hư cấu, sắp xếp lắm khi chẳng được như ý. Có lần cận ngày đã hứa phải trao truyện ngắn cho một tạp chí bạn, tôi không viết kịp nên đã mở ngăn kéo lớn, lấy ra xấp thư tôi đã viết cho Thi lúc còn làm lính chiến ở miền bắc Sài gòn. Tôi lựa ra khoảng hơn mười bức, cứ thế đánh máy lại, chỉ bỏ những chi tiết riêng tư của cuộc sống vợ chồng (tôi thì muốn để nguyên, hay hơn và đậm đà hơn, nhưng Thi quyết liệt phản đối, dùng quyền kiểm duyệt bôi phăng). Đánh máy xong, tôi cắt một cáo phó đăng tin một sĩ quan trẻ mới tử trận dán vào cuối là xong một truyện ngắn. Sau khi đăng, được một vài bạn đọc khen là xúc động, hay như có thiệt, tôi chỉ cười.

Nhưng rồi 30 tháng 4.1975 tới. Biến cố này đưa tôi hết trại cải tạo này đến trại cải tạo khác nơi chốn rừng xanh núi xám. Tôi và Thi lại chỉ còn có thư từ để nói chuyện yêu đương nhung nhớ. Kỷ luật trại thường rất khắt khe về thư từ, nhưng tôi đã học rất nhanh đâu là những cấm điều căn bản. Tôi tránh né những điều cấm đó như người xuôi thuyền trên sông tránh những đá ghềnh bãi nổi, viết khá nhiều trang cho Thi. Trại cải tạo không thể cấm tôi viết yêu thương Thi như thế nào, nhớ nàng ra sao, và cũng không thể cấm tôi tả mọi sinh hoạt nơi trại cùng cảnh trí các nơi này, miễn là đừng than khổ than đói, đừng buông lời oán trách đảng Cộng sản, nói xấu cán bộ. Phía Thi cũng rán lách như thế và trong cuộc đời tôi, chưa bao giờ tôi quí những bức thư của Thi như vậy. Đi rừng hay lao động ở đâu, tôi cũng để bức thư chót nhận được trong túi áo. Không phải chỉ có tôi lãng mạn làm như thế. Nhiều cải tạo khác cũng vậy, vì lũ sĩ quan thất trận bọn tôi lúc đó đâu còn gì để bám víu trên trần gian này: địa vị, tài sản, sự nghiệp, bằng cấp văn hoá cũ... tất cả đã theo hư

không mà đi. Thậm chí còn chút tự do bán thân cũng mất nốt. Còn gia đình thì biết bao giờ mới được gặp lại. Cái khổ nhất trong đời cải tạo là không có án, nên chẳng ai biết được bao giờ thì mình được tha về... Nhìn quanh, toàn bạn cùng cảnh. Nhìn lên thì ngay các cán bộ và vệ binh cộng sản cũng chỉ là những người dân thường như bọn tôi, thấp cổ bé miệng: họ lớn lên ở miền Bắc thì phải đi bộ đội như bọn tôi ở miền Nam đi lính VNCH... Có muốn oán trách thì phải oán trách những lãnh tụ đảng cộng sản Việt Nam ở tít mù đâu đó. Nhìn quanh thấy không rừng thì núi. Có đổi sang trại mới thì lại không núi thì rừng... Mịt mù cho tầm mắt và mịt mù cho tương lai. Rút cục chỉ còn lại những bức thư nhà, những bức thư trân trọng đọc từng giòng, dò hiểu từng câu.

Đến năm thứ ba của cuộc đời cải tạo, bắt đầu có đợt tha về đầu tiên. Cùng các bạn khác, tôi theo dõi từng bước từng thủ tục ra về của những người bạn tốt số. Lúc đó tôi làm chân gánh rau từ trại chính Xuân Lộc vào trại tôi nên được biết một điều quan trọng: Đúng một ngày trước khi ra về, tất cả cải tạo được tha phải đốt hết thư từ gia đình gửi lên trong thời gian đi cải tạo. Giới sĩ quan xôn xao vì những thư đó đã được các quản giáo hoặc cán bộ kiểm duyệt kỹ, không vi phạm cấm ky nào mới chuyển cho cải tạo viên. Nay tại sao lại bắt đốt bỏ trước khi ra về... Nhưng xôn xao thì xôn xao, nội qui là nội qui, kỷ luật là kỷ luật, ai cũng phải tuân theo.

Sau khi biết tin này, ngay buổi chiều hôm đó, tôi lấy bức thư chót của Thi ra, gấp nhiều nếp thật cẩn thận rồi lấy dao rọc ra làm giấy vấn thuốc rê. Như đa số sĩ quan cải tạo khác, tôi hút thuốc lào là chính. Nhưng khi đi lao động xa, đâu có thể mang điếu cày theo. Những lúc đó, tôi vấn thuốc rê bằng giấy báo cắt nhỏ. Thuốc rê đã không phải thứ hảo hạng, mùi giấy báo lại không thơm tho gì, còn quá cứng khó vấn. Trong hoàn cảnh như thế, có được giấy viết thư hay giấy đánh máy loại mỏng mà vấn thuốc, cũng là một giấc mơ khó thực hiện. Thi vẫn viết cho tôi bằng loại giấy mỏng này, nhưng làm sao tôi có thể cắt những chữ thân yêu ấy ra cho nổi. Nay đã biết chắc sẽ có ngày về, rồi cũng sẽ phải đốt các thư nhà, tôi có thể...

Từ hôm đó, những điếu thuốc vấn của tôi ngon hẳn lên. Có thể là tại giấy viết thư mỏng không khét như giấy báo, nhưng cũng có thể mỗi lần vấn điếu thuốc, loáng thoáng nhìn thấy vài chữ thân thuộc và nghĩ rằng chút nữa mình sẽ hít nó vào, người thân xa cách trở thành gần gũi hơn. Nhưng chỉ được vài hôm, hệ thống "ăng-ten" khá hữu hiệu của trại đã báo cáo lên ban chỉ huy trại... Và một buổi sáng, tôi đang khuấy chảo rau to bự bằng một cái bơi chèo gỗ, thì đội phó đội cấp dưỡng (đội nhà bếp) đến thay thế và bảo tôi phải đến "làm việc" ngay với *cán bộ giáo dục*.

Khi đến trình diện trước bàn anh cán bộ này theo đúng nội qui trại, nghĩa là bỏ mũ, đứng nghiêm cách bàn sáu bước, tôi dự đoán một ăng-ten nào đó đã bá cáo tôi một lần nữa dễ dãi cho vài cải tạo viên múc lén một lon nước rau luộc đang sôi hay cho họ xúc lén một xẻng than trong bếp lò... Nhưng câu hỏi sẵng của anh cán bộ trẻ này làm tôi sững sờ:

— Thư của gia đình gửi lên, tại sao anh lại xé làm giấy vấn thuốc? Anh không còn thương vợ thương con hay sao mà lại làm như thế?

Tôi ngạc nhiên nhìn người cán bộ. Anh phụ trách đội cấp dưỡng, một đội quan trọng hàng đầu trong trại cải tạo và cũng là công an duy nhất học hết lớp 10 ngoài Bắc, thường thường các cán bộ chỉ có sức học khoảng lớp 6 hay 7. Anh khá tử tế với các sĩ quan cải tạo, không bao giờ quát mắng ai và luôn luôn thông báo ngầm cho bọn tôi dấu dao kéo kịp thời trước khi ban chỉ huy trại xuống thanh tra các lán. Với tôi, vì đọc kỹ những bức thư Thi gửi lên, dần dà anh hiểu rõ gia đình tôi và cả tình thương yêu hai đứa giành cho nhau. Đến độ một lần, Thi viết lên một bức thư thật buồn bã, tràn đầy khó khăn, cô đơn và nước mắt, anh đã gọi tôi lên cho phép viết thêm một bức thứ hai — lệ trại chỉ cho viết một thư mỗi tháng — với lời dặn là muốn viết gì thì viết, lãng mạn tới đâu cũng được, miễn là an ủi được Thi thì thôi. Bây giờ người công an tử tế này đang ngồi trước mặt tôi, nghiêm khắc kết tội:

— ... Anh giải thích như thế không nghe được! Cách mạng bao giờ cũng quí trọng tình cảm gia đình, vợ chồng chân chính. Đời nào có chuyện ban



lãnh đạo trại bắt đốt bỏ những thư gia đình trước khi tha về... Anh lại nghe bọn xấu, bọn phản động tuyên truyền xuyên tạc rồi!

Bị dồn tới chân vách đá như thế này thì tôi phải cãi thôi. Tôi trình bày những gì tôi biết qua các chuyến đi gánh rau từ trại chính về, nêu một vài nhân chứng để kiểm chứng... Sau cùng tôi đề nghị anh dẫn tôi ra trại chính để cùng kiểm lại nguồn tin. Nếu tôi sai, tôi xin chịu nhốt hầm ăn cháo trắng trong 15 ngày. Thái độ quả quyết của tôi làm anh ta phân vân. Cuối cùng, anh cho tôi trở lại với chảo luộc rau, với giếng nước trơn trượt, với những ngày lặn lội vào rừng lấy củi. Một tuần lễ bảy ngày tôi chỉ được nghỉ nửa buổi, đủ để giặt và khâu vá bộ quân phục đã rách nát, vá chằng vá đụp. Rồi tháng ngày nhọc nhằn trong thương nhớ xen lẫn những phút vui ngắn ngủi cùng các bạn chuyện trò đàn hát quanh ly cà phê chia nhau từng ngụm. Sung sướng nhất là mỗi lần Thi được vào thăm, hai đứa chỉ gặp nhau có 15 phút với một gã công an mặt lạnh như tiền ngồi giữa kiểm soát.

Một ngày kia, tôi cũng được gọi tên cho về. Ngày cuối cùng ở trại chính, đúng như tôi đã biết, lệnh truyền xuống là tất cả cải tạo viên được tha về phải đốt hết thư từ gia đình đã gửi lên trong bao nhiêu năm. Lệnh còn nhấn mạnh là không một mẩu giấy, một giòng chữ viết tay nào được phép mang theo. Ai trái lệnh, sẽ bị giữ lại... Trong lúc các bạn ồn ào đốt thư từ khói um lên trước lán, tôi ra đứng sát hàng rào kẽm gai ngắm núi Chứa Chan mùa mưa đầy mây phủ. Tôi không muốn đốt những thư của Thi trong cảnh ồn ào như vậy. Khi chiều xuống, sân vắng người vì mưa lất phất, tôi mới chậm rãi đốt từng bức thư lưu giữ như một báu vật, bọc ny-lông cất trong ba lô qua biết bao ngày tháng và năm. Tôi nhìn làn khói xanh bốc lên, toả rộng trong gió, biến nhanh trong hư không của vùng ven núi rừng này.

*
* *

Nhiều năm, rất nhiều năm về sau, khi vượt qua nhiều khó khăn đủ loại, kể cả ăn khoai thay cơm và đau không có tiền mua thuốc, gia đình tôi cũng được phép rời Việt Nam theo diện đoàn tụ gia đình. Và một lần nữa, lệnh của bộ Nội Vụ lại đưa ra rõ ràng trên văn bản: những người ra đi chính thức không được mang theo bất cứ một tờ giấy viết tay nào, dù là thư từ hay bản thảo của bất cứ cái gì. Trên thực tế, sự bế quan toả cảng của đảng cộng sản Việt Nam còn gắt gao hơn nhiều. Khi mấy đứa con tôi mang mấy cuốn album của gia đình ra trình công an nơi phi trường Tân Sơn Nhất, họ bắt xé bỏ lại tất cả những tấm hình nào đã chụp tôi mặc quân phục VNCH, dù là chụp một mình hay chụp chung với ai khác. Bởi thế đêm cuối cùng ở Sài gòn, sau khi vài bạn thân đến uống rượu tiễn đưa đã về hết, tôi mang tất cả những thư từ của tôi và Thi tích lũy trong biết bao năm, ra hàng hiên châm lửa đốt. Tôi không muốn gửi những bức thư của chúng tôi cho họ hàng còn ở lại vì không thích ai lục lọi đến những giòng chữ của tình yêu trong quá khứ. Vả lại ra đi lần này, biết bao giờ trở lại!.. Khác với những người bạn ra đi năm 75 trong hoảng hốt, vội vã; Thi và tôi cùng các con ra đi trong một tâm trạng khác hẳn. Không ai đuổi chúng tôi ra khỏi nước cả. Chính chúng tôi quyết định rời quê hương, chọn nước Mỹ làm quê hương mới, quê hương thứ hai. Chỉ vì muốn rời bỏ một chế độ xấu mà phải để đất nước và dân tộc lại sau lưng mình, đó là ý nghĩ rất buồn phiền cho bất cứ ai. Nhưng thôi, cũng đành mà thôi.

Tôi cứ thế ngồi dưới hiên vừa uống rượu vừa đốt, đốt dần và đốt hết. Cuộc đời tôi đến năm 75 đã có 23 cuốn sách được xuất bản, đảng cộng sản Việt Nam đã đốt hết từ lâu. Chỉ còn chút di tích của tình yêu, một tình yêu nam nữ vợ chồng rất bình thường là những bức thư kia, sau cùng tôi cũng phải tự tay mình đốt đi bằng hết... Khi đống lửa đã tàn, tôi dốc ngược xị rượu đang uống xuống đám tro để một lần nữa nhìn làn khói xám trắng cuối cùng bốc lên, mềm mại lách qua mái hiên, theo vào hư không tối đen.

*
* *

Khi đã định cư ở miền tây bắc của quê hương mới, tôi bất ngờ có một niềm vui vì được biết trong thời gian qua, đã có bốn cuốn sách tôi viết được tái bản ở hải ngoại. Và đa số những cuốn còn lại có thể tìm nơi vài thư viện lớn của Hoa kỳ... Dù thế niềm vui này vẫn có gì như thiếu hụt nơi một góc khuất nẻo nào đó trong tâm hồn, có lẽ vì tất cả chứng tích của tình yêu đôi lứa kéo dài trên 25 năm ấy đã chẳng còn gì.

Không lẽ tất cả tan biến hết trong hư không vậy sao. Tôi nhờ bạn bè tìm kiếm và sao hộ tập truyện ngắn *Ngoài Đêm* để tái bản, bởi vì hơn bất cứ tác phẩm nào tôi đã viết, tập truyện này ghi lại tình yêu của tôi và Thi nhiều nhất. Có thể nói thời kỳ yêu nhau và đời sống vợ chồng của hai đứa tôi đã tạo ra tập truyện ngắn này. Sau khi sách xuất bản lần đầu ở Sài gòn, một người bạn tinh tế về văn chương đã cười chế nhạo tôi: "*Ngoài Đêm* thực ra là một truyện dài" Lý do là chỉ có một người nữ duy nhất thể hiện lần khuất, phân hoá, biến thân thành nhiều nhân vật nữ khác trong tập truyện toàn về tình yêu này.Có thể người bạn đó đã nhận xét đúng, tôi thành thực mong như vậy.

Bởi vì có như thế, tình yêu của Thi và tôi, quá khứ của tôi, và có lẽ cả một phần văn học miền Nam của dân tộc tôi, mới không hoàn toàn theo hư không mà đi, như những làn khói xanh bốc lên từ những bức thơ đốt ở chân núi Chứa Chan hay dưới hàng hiên của căn nhà thân thiết ở Sài gòn trong một ngày cuối năm nơi quê hương cũ. □

---

phố đêm

Mưa trót đường dài, trót phố đêm
Ướt lòng lữ khách muốn tìm quên
Mưa khơi tâm sự khơi sầu muộn
Những giọt mưa buồn rớt phố đêm!

Thoáng giấc chiêm bao đời mộng ảo
Mười ba năm một thoáng mây trôi
Thời gian, cánh liếp nào che nổi
Tóc trắng hoa tiêu, trắng bụi đời

U uẩn bút phơi lòng giấy trắng
Ngàn đời cô vợi ý cô miên
Nửa vòng thế kỷ đời dâu biển
Những giọt mưa buồn trót phố đêm

Mà gửi lòng qua mấy đại dương
Mà nghe mưa điểm giọt canh trường
Mà thương thân phận đời ly khách
Mà thả hồn hoài vọng cố hương

Vạn dặm biên cương dài hải lý
Chân trời chỉ thấy một màn sương
Mưa rơi làm trót lòng đêm vắng
Ướt cả trang thơ giọt đoạn trường...

tuệ nga

Lửa Dậy Ruộng Biển

Hồ Trường An



Quê ngoại của Kim Lân ở làng Đạo Ngạn thuộc tỉnh Mỹ Tho. Từ chợ Mỹ Tho, phải ngồi xe thổ mộ khoảng bốn cây số tới Ngã Ba Trung Lương thuộc làng Đạo Thạnh, vượt đường rầy xe lửa nằm song song với quốc lộ, men theo con đường đất rợp bóng mát, đến bến đò qua con sông Bảo Định hẹp tẻ mới tới làng Đạo Ngạn. Đò là một vùng cây cối rậm rạp, thâm u, chuyên trồng dâu nuôi tằm. Đang đi dưới nắng nóng muốn phát hoả, vậy mà vừa đặt chân lên bờ làng Đạo Ngạn, Kim Lân đã nghe mát tới ớn lạnh.

Quê ngoại tĩnh mịch, trù phú, hiền lành. Kim Lân vốn đa cảm, nhu mì, có thể yêu quê ngoại thiết tha nếu không gặp phải cô chị con nhà cậu Hai của chàng: Bảy Phụng Kiều. Cậu mợ chàng không có con gái nên xin đứa con gái của người em bà con xa về làm con nuôi. Cô ả được lũ em trai con nhà cậu chàng xúm lại cưng như cưng hột xoàn. Bảy Phụng Kiều trắng trẻo, xinh đẹp, tinh ranh, hỗn dữ. Lúc nhỏ, cô ả ghét Kim Lân, gọi chàng là Đồng Kim Lân rồi hát chọc:

Đồng Kim Lân có gân dưới đít.

Chỉ có vậy thôi mà Kim Lân cảm thấy bị sỉ nhục, khóc tức tưởi. Thấy Kim Lân khóc, Phụng Kiều càng ghét, vỗ tay ré lên:

Mít ướt sút cùi, sụt sùi tuôn lụy
Mặt dữ dằn làm Lưu Bị, ai thương?

Chu choa cái con Bảy Phụng Kiều! Không biết ai dạy mà mới tám tuổi nó đã thuộc lòng những câu hát dơ dáy đem ra xài khiến Kim Lân đau điếng. Mới vừa lớn, Bảy ta đi coi hát cải lương, hát bội. Có lần ả ra chợ Mỹ Tho coi gánh Trần Đắc hát tuồng *Mạnh Lệ Quân Thoát Hài*, về tới nhà ả đã có câu hát:

Mạnh Lệ Quân xách quần đi la
Đông Bình Vương xách dĩa chạy theo

hoặc:

Mạnh Lệ Quân xách quần đem bán
Mưa nắng dọc đường cái háng đen thui.

Cậu mợ Hai kêu trời như bộng. Cái con nầy cốt con gì đầu thai mà nó du côn, dữ như chằn lửa, như gấu ngựa thành tinh, ưa nói trây nói hỗn... Mợ Hai tuy cưng Bảy Phụng Kiều nhưng thấy Kim Lân bị hiếp đáp, bèn "gà" cho cậu nhỏ một câu hầu "trị" cái thứ ăn tục nói phét. Từ đó mỗi khi Bảy Phụng Kiều mở miệng: *"Đồng Kim Lân có gân..."* thì Kim Lân chọi lại liền:

Bảy Phụng Kiều liền nịch cục gân.

Vốn là con cưng, từ nhỏ Bảy Phụng Kiều đã quen thói luông tuồng, chơi đùa với sáu anh trai nên ả ưa leo trèo, tắm sông, đánh đáo, đánh chỏng... ghét búng hột me, đánh chuyền, đánh thẻ, nhảy dây... Nhưng mà, trời sanh giống cái đã ban cho họ cái thiêm bẩm làm mẹ nên Bảy Phụng Kiều vẫn thích chơi búp bê, bồng ẵm, giữ gìn cẩn thận.

Tới 14 tuổi, Bảy Phụng Kiều vẫn chưa biết mắc cỡ, ưa ra bến đò, cà rà nơi quán lá, nghe lỏm chuyện tiếu lâm, học mót những câu hát biến cải của dân quê, khách bộ hành rồi về nhà áp dụng liền, dầu đôi lúc bị cậu mợ, bà ngoại la mắng, lấy roi mây quất đít lằn ngang lằn dọc.

Có lần cô đi coi tuồng *Hoa Rơi Cửa Phật* của soạn giả Trần Hữu. Tuồng nầy thiệt mùi mẫn, du dương. Khi ra về, dì Tư của Kim Lân õng ẹo nói với mợ Hai:

— Chị biết chớ, khi Tư Út nói lối rồi xuống bài Chuồn Chuồn là em rụng rời, khóc thôi ướt cái khăn mù-soa vậy đó.

Dì Năm chắc lưỡi:

— Thiệt Tình, cái câu: *"Em Lan ôi! Tội tình chi mà em phải đoạ ơ..ơ.. đày"* nghe sao mà mùi rệu! Em coi Tư Út đóng vai cậu Điệp sao em thương "ảnh" quá xá! Ảnh hát mùi tận mạng, mùi rụng rún...

Bảy Phụng Kiều ca liền:

— Em Lan ôi! Tội tình chi mà em phải tuột..ơ.. ơ.. quần
Cho khổ sở kiếp hường nhan.
Hỡi nầy em Lan...

Các dì, má và bà ngoại, mỗi người một câu la lối, khủng bố liền:

— Ai dậy mầy hát? Lẽ nào mới từ trong rạp ra bến xe ngựa, may đã học câu hát tục tằn, thô bỉ đó?

— Chèng ơi, nó dám hát cái câu mà bọn đá cá lăn dưa còn nhột miệng không dám hát nữa là...

— Tao mà biết ai dạy mầy câu đó là... tao tròng quần dơ lên đầu nó.

Bảy Phụng Kiều thản nhiên:

— Thì lúc tạm nghỉ hát, con ra ngoài mua mía ghim, nghe mấy anh gác cửa hát, con bắt chước vậy mà!

Trời đất, mới nghe mà đã thuộc lòng, Bảy Phụng Kiều quả là nhân tài xuất chúng!

Bà ngoại thường bảo mợ Hai rằng cái con Bảy Phụng Kiều nầy nếu khéo dạy thì nó có hai ba đời chồng, còn nếu vụng dạy thì nó phải bán trôn nuôi miệng.

Bảy Phụng Kiều nhỏ hơn Kim Lân một tuổi, nhưng là vai chị. Kim Lân với ả thường mầy tao mi tớ, hễ thân thiện thì Kiều ơi Lân à; lúc giận ghét thì Kiều tâu, thằng Lân chó đẻ.

Dầu sao đi nữa, những ngày hè của Kim Lân nơi quê ngoại cũng vui vẻ, rộn

ràng nhờ Bảy Phụng Kiều. Cả hai rủ nhau ra quán lá mua bánh lỗ tai heo chiên giòn, kẹo dừa béo ngậy, kẹo gừng thơm cay rồi chui vào đám dâu chơi trò trốn kiếm hoặc đi moi lỗ dế cơm, lấy tĩn múc đầy nước đổ vào lỗ cho dế chui ra. Dế đó mà độn hột đậu phọng, hột muối rồi tẩm bột chiên giòn, ăn ngon tuyệt vời. Cả hai còn đi tát mương kiếm cá bống dừa, cá bống trứng, cá lòng tong. Chiều mát, tụi nó trèo lên gò cao thả diều giấy. Kim Lân bảo:

— Xứ tao có con cá đuối ở ngoài biển, giống như con diều giấy.

— Nó bay được không?

— Không. Nó chỉ biết lội dưới nước mặn. Thịt nó xào với cải rổ cũng ngon lắm.

— Tao chưa biết biển bao giờ. Biển lớn hơn sông phải không?

Kim Lân mơ màng:

— Sông dầu lớn cách mấy đứng bên nầy cũng thấy được bờ bên kia. Còn biển thì không phải vậy, đứng trên bờ bên nầy trông ra chỉ thấy nước giáp với trời. Mỗi sáng mặt trời chui ra khỏi cái lằn giáp giữa nước với trời đó, đỏ lòm như máu.

— Vậy thì ngộ thiệt! Tao muốn tới nhà mầy chơi rồi đi coi biển một lần cho biết.

Quê nội của Kim Lân ở tại làng Kiểng Phước, thuộc tỉnh Gò Công, cách biển sáu cây số.

*
* *

Năm Bảy Phụng Kiều đi thăm nhà ông bà Đốc học Tiết, ba má của Kim Lân thì cô đã 19 tuổi. Còn Kim Lân 20 tuổi, đã đậu bằng thành chung và tốt nghiệp ngành cơ khí ở sở Ba-son. Lúc đó Tây bị Nhựt cướp chánh quyền. Bảy Phụng Kiều vưng lịnh cậu mợ Hai, ở nhà chàng một thời gian để học nữ công của mẹ chàng. Đến lúc máy bay đồng minh oanh tạc Sài gòn, Tân An cùng hai chiến hạm Lamot Picquet và Admiral Charner đậu ở bến Mỹ Tho gần cù lao Rồng, thì cậu Hai chàng ra lịnh Bảy Phụng Kiều ở luôn tại Kiểng Phước. Trong khi đó, mấy người anh con nhà cậu chàng, người thì đi Cái Thia (Mỹ Tho), kẻ rút về Tầm Vu, Thủ Thừa (Tân An).

Từ Kiểng Phước đi Vàm Láng có ba cây số. Kim Lân nhiều lần chở Phụng Kiều bằng xe đạp đi xem biển. Cả hai vẫn thân thiết như hồi còn thơ ấu. Bảy Phụng Kiều dường như kiếp nảo kiếp nao là dân vùng biển nên hễ thấy biển là mê. Kỳ nào đi biển gặp thiên hạ bán dòm (có người gọi là con cồn tiên, một loại sò đen vỏ ửng xanh lục) hoặc sò móng tay (một loại sò trắng lộn trong cát và bùn ven biển) là nàng cũng mua về nướng hoặc nấu canh hẹ.

Một buổi chiều trên biển, Kim Lân đã hun Bảy Phụng Kiều. Chàng bảo:

— Chưa bao giờ tui coi Kiều như người chị họ.

Bảy Phụng Kiều thở dài:

— Đó là mối đam mê oan nghiệt từ thuở nhỏ, giờ mới phát tác, tui còn biết tính sao hơn!

Và nàng ngả đầu lên ngực có quả tim chàng nhảy rộn ràng.

Rồi Nhựt đại bại sau vụ bom nguyên tử thả xuống Trường Kỳ và Quảng Đảo. Việt Minh thừa cơ lên nắm chính quyền. Ngoài chợ Gò Công, những tay đại điền chủ, những công chức bị bắt, bị thủ tiêu. Ông bang biện Hứa ở Tân Niên Đông vừa cuối canh hai sửa soạn đi ngủ thì bọn người lạ mang mã tấu đập cửa xông vào nhà toan bắt ông ta đem đi. Cậy mình có võ, ông dùng thanh sắt dài bổ vào đầu một tên, ai dè tên nầy cũng có võ nghệ, né được rồi cả bọn vây lấy chém ông rụng đầu.

Thầy giáo Bình, lúc nầy được cử làm trưởng thôn làng Kiểng Phước, vốn là bạn thân ông Đốc học Tiết, một buổi tối tìm ông khuyên:

— Tốt hơn là anh và cháu đừng ngủ nhà đêm nay.

Quả nhiên cuối canh hai, sau khi ông Đốc học Tiết và Kim Lân lòn ngã sau trốn trong chiếc am của người chị ruột ông trên con đường từ Kiểng Phước đến Vàm Láng, thì một toán người đập cửa xông vào nhà, bảo rằng "lịnh trên" cho trát "mời ông Đốc học Tiết". Bà Đốc học trả lời:

— Ông nhà tui sáng qua đi Mỹ Tho thăm bà con rồi.

Sau khi lục soát khắp nhà, cả bọn kéo đi. Đêm đó, bà Đốc học, Bảy Phụng Kiều và hai người chị của Kim Lân không ngủ, cứ bàn tán tìm cách đưa ông Đốc đi qua Chợ Gạo, giả dạng tăng sĩ tá túc ở một ngôi chùa mà người chú ruột ông Đốc đang trụ trì.

Bảy Phụng Kiều bảo bà Đốc:

— Thưa cô, sẵn cái áo nhựt bình cô may cho pháp sư chùa Thầy Sạn ở Tân Niên Đông, cô cứ đưa cho cháu. Cháu có con bạn ở chợ Gò Công, ba nó có xe hơi. Cô chỉ cần cạo đầu dượng rồi cho dượng mặc áo nhựt bình là xong. Tài xế sẽ chở dượng vượt qua bắc Chợ Gạo là khoẻ ru...

Một tay Bảy Phụng Kiều lo vụ lánh nạn cho ông Đốc học. Nàng còn òn ỉ với Huỳnh, anh cô bạn nàng, thu dụng Kim Lân trong ban đúc lựu đạn chống Tây ngoài chợ Gò Công.

Thuở đó, vừa khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, bao nhiêu súng ống trong thành lính Tây đều bị tịch thâu. Nhưng súng ống ít ỏi quá, vài ba khẩu súng lục, dăm khẩu "mút-cơ-tông" chẳng thấm vào đâu. Họ vào nhà việc làng, các đình thần trưng dụng binh khí cắm trong giá thờ như trường kiếm, đoản côn, xà mâu, nhuyễn tiên, thiết giản... Chưa hết, họ còn ra lịnh đốn tầm vông vạt nhọn làm vũ khí. Lúc đó lực lượng Thanh Niên Tiền Phong đã bị cộng sản trà trộn, nhưng ở nhà lồng chợ và khắp các trụ sở đều cắm hai thứ cờ: cờ Thanh Niên Tiền Phong nền vàng ngôi sao đỏ có thêm hàng chữ đỏ "Thanh Niên Tiền Phong", còn cờ Việt Minh thì có nền đỏ ngôi sao vàng.

Kim Lân lâu lâu về thăm nhà, có giấy chứng nhận của Phó trưởng ban Sản xuất Tạc Đạn lận lưng. Nhưng nhà ông Đốc học Tiết thì cứ cách tuần là bị đập cửa ban đêm xét nhà. Kim Lân và Huỳnh thì đi kiếm ống nước, ống sắt cưa từng khúc hơn nửa gang tay, dồn thuốc nổ vào làm lựu đạn. Huỳnh cũng biết chế ngòi nổ, chốt an toàn. Kỳ thử "trái" lựu đạn đầu tiên, Huỳnh đắc chí đía vang rân vì miếng lựu đạn của chàng chém ngọt gốc cau tơ và làm chết con vịt xiêm chạy lạch bạch ngang qua gần chỗ ném. Huỳnh được tuyên dương công trạng, được các đồng chí ủy ban tỉnh mở tiệc ăn mừng. Rượu chát hiệu con bò, con dơi, rượu đế có dịp chảy như suối. Con vịt xiêm tử nạn kia được làm món luộc, đặt trên cái mâm đồng, mỏ ngậm một bông hường và phủ vải hồng điều. Sau màn "đít-cua" do ông chủ tịch đọc đề cao, tuyên dương công trình sáng chế của Huỳnh, mâm vịt luộc được đặt trước mặt Huỳnh. Chị Chủ tịch Hội Phụ Nữ Tiền Phong tỉnh trịnh trọng cuốn lớp vải hồng điều, Huỳnh cầm con dao thẻo cái phao câu vịt rồi chấm nước mắm gừng, bỏ vào miệng nhai nhồm nhoàm trong tràng pháo tay lốp bốp của quan khách.

Hai người chị của Kim Lân là Nguyệt Yến, Nguyện Kiều đều bị bắt tham gia hội Phụ Nữ Tiền Phong tỉnh. Mụ chủ tịch hội vốn là con gái ông thợ mộc, nhà gần Phủ Thờ (đền thờ Đức Từ Dũ) cách chợ Gò Công ba cây số. Mụ biết

đọc biết viết biết xem báo. Nhưng theo miệng lần lưỡi mối, mụ là tình nhơn của tên Minh Đơn, trưởng phòng công an Quốc gia Tự vệ cuộc. Mụ có chút đỉnh nhan sắc, học lực mới tới lớp nhì, vì gia cảnh eo nghèo ót ngột, mụ phải nghỉ học, kết hôn với tên Chà Và góp tiền chỗ ngoài chợ. Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, không hiểu tên Minh Đơn, thợ hớt tóc làng Vĩnh Trị, chài mụ cách nào mà mụ ăn nói văn vẻ, ra điều văn minh cách mạng lắm. Thằng chồng Chà Và của mụ sợ, dông tuốt lên Sài gòn. Mụ lấy căn nhà bánh ếch lợp ngói móc của mình làm trụ sở Hội. Cứ ba ngày, Nguyệt Yến, Nguyệt Kiều phải quá giang xe ngựa ra chợ Gò Công họp một lần.

Mụ chủ tịch vốn tên là Hai Ớn, nay đổi tên là Nắng Hồng. Mụ chỉ trích hai người chị Kim Lân:

— Đồng chí Nguyệt Kiều, tên của đồng chí là tên vợ thứ ba của một lão vua đã thê phong kiến, tên đó không thể biểu dương cho lớp phụ nữ tiến bộ được. Còn đồng chí Nguyệt Yến, Yến là tiếng đọc trại của chữ Ánh. Bởi thằng vua Gia Long có tên Nguyễn Ánh nên nó bắt dân chúng phải cữ tên nó. Yêu cầu đồng chí sửa lại thành Nguyệt Ánh cho tôi. Còn đồng chí Nguyệt Kiều từ đây phải dùng tên khác.

Cũng bởi Nắng Hồng kiêu kỳ, phùng xoè, ra cái điều cứng cỏi quá nên ai cũng ghét. Mấy bà già nào có ưa đám Phụ Nữ Tiền Phong xuất thân từ giai cấp hạ lưu, gặp thời hống hách, xí xọn. Họ gán cho mụ hỗn danh "con đĩ cà ri" để chỉ việc mụ lấy chồng Chà.

Chưa hết đâu, Nắng Hồng còn tổ chức ban cứu thương với các cô đội khăn trắng, đeo dấu thập đỏ. Con Mười Én gánh nước mướn có nước da đen thui, nay đến áo sơ-mi tay phùng, đội nón mang dấu thập đỏ coi cũng bớt quê, khiến thằng Đực bên lực lượng Nông Công Dân Cứu Quốc mê mẩn. Thời đại mới, Trần văn Đực đương thèm chịu nhận cái tên Đực thô lỗ. Nó lấy tên là Thanh Đức. Con Mười Én cũng đổi là Phi Yến. Thiên hạ lại có dịp xậm xì xậm xịt:

— Bà con biết không? Bởi con đĩ cà ri có cái tên nghe mọc ốc, nổi da gà nên nó chọn tên Nắng Hồng cho... ấm áp hơn.

— Hồng Thập Tự gì nà! Hồng nập nợn đúng hơn. Tui thấy con Mười Én, con Chín Điện, con Hai Thước lượn theo mấy tên Quốc Gia Tự Vệ Cuộc mà ưa gan.

*
* *

Bà Đốc học Tiết thưởng rầu rĩ:

— Thời cuộc đảo điên, biến cố xảy tới rùm rụp, làm mình day trở không kịp.

Sở dĩ bàn than thở như vậy vì các vụ Nhựt cướp chánh quyền Tây, rồi Nhựt bại trận, Việt Minh lên xảy ra trong một thời gian ngắn, mà Việt Minh thì gây xáo trộn dữ quá. Trong vùng Gò Công, những kẻ hào phú nổi tiếng như ông Hương hào Nhung, ông Hội đồng Lợi, ông Huyện hàm Học, thầy Thôn Khánh đều bị bắt, không kể ông Bang biện Hứa bỏ mạng trong đêm họ đập cửa xét nhà.

Lúc đầu, lực lượng Thanh Niên Tiền Phong nắm chánh quyền do bộ ba Huỳnh văn Tiếng, Mai văn Bộ, Lưu Hữu Phước ở Sài gòn điều khiển. Tại Gò Công, lực lượng nầy gồm những thanh niên từ 30 trở xuống, ăn mặc giống như Hướng Đạo: quần sọt, áo sơ-mi cụt tay bỏ trong quần, đội nón rộng vành đan bằng lá buông, chơn mang giày vải bố. Đâu chừng hơn một tháng, bọn Việt Minh bắt đầu ló dạng, ra chỉ thị rằng: "Song song với lực lượng Thanh Niên Tiền Phong, có thêm lực lượng Nông Công Dân Cứu Quốc, ai muốn theo lực lượng nào cũng tốt". Nói là nói vậy, nhưng bọn Nông Công Dân Cứu Quốc, thối thân của Việt minh Cộng sản kia, cứ đi ve vãn dân thợ thuyền, tá điền, những người có thành kiến xấu với bọn nhà giàu, những kẻ kém may mắn trong việc mưu sanh, những tên lạt lòng say mê lý tưởng phù phiếm. Lần hồi, lực lượng Thanh Niên Tiền Phong ở tỉnh thỏn mỏn dần rồi rút lui vào trong bóng tối êm ru bà rù. Thiên hạ hăm hở nhảy qua Nông Công Dân Cứu Quốc Đoàn.

Từ đầu cuộc xáo trộn, guồng máy hành chánh tỉnh Gò Công gồm có ông Chủ tịch Ủy ban Nhơn dân tỉnh tên Hai Hạc, gã Trưởng phòng Quốc gia Tự vệ cuộc tên Minh Đơn xuất thân là thợ hớt tóc, và tên Thủ lãnh Thanh niên Tiền phong tên Khảo. Khi lực lượng Thanh niên Tiền phong giải tán, Khảo vẫn còn văn phòng ở ngôi nhà bánh ếch nằm trên đại lộ Rodier. Anh trở thành trưởng đoàn văn công, tập hát cho thanh niên nam nữ, thiếu nhi. Khảo đẹp trai, lại là dân ăn học, có bằng thành chung, nên được các cô thiếu nữ thuộc giới trung lưu mê mệt, trong đó có hai chị em Nguyệt Yến, Nguyệt Kiều (nay thành Nguyệt Ánh và Băng Tâm)

Hai Hạc, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân đã từng đi tù Côn đảo, người chậm chạp, khù khờ, biết đánh vần nhưng đọc chữ không trôi. Bởi vậy hắn luôn luôn có một tên vóc vạc nhỏ thó đi theo. Gã nầy có gương mặt choắt như mặt chuột nhưng cặp mắt y ta thiệt lanh, sáng ngời ngời, đưa qua đẩy lại thiệt mau. Mọi người kêu y là Mười Thêm. Lại có lời ong tiếng ve:

— Nó lấy tên Thêm là phải. Mặt nó, mình mẩy nó coi bộ thiếu hơi nhiều. Nếu lấy tên Mười Bớt chắc nó phải đi nhà thương trị ho lao.

Người ta đồn Mười Bớt là bí thơ của Hai Hạc. Mặt hắn lầm lì như cái cối đá, ánh mắt lạnh ngắt nhưng khi gặp Bảy Phụng Kiều thì đưa đẩy rất mau. Còn Năm Minh Đơn có cặp mày thưa trên khuôn mặt trắng phi nộn. Nếu cặp mày hắn rậm hơn và để thêm hàng râu cá chốt thì khuôn mặt đó đỡ giống tảng bánh đúc biết mấy!

Khi làm Trưởng phòng Quốc gia Tự vệ cuộc, Minh Đơn trưng dụng lính gác dân sự (garde civil) vào lực lượng của mình. Lính gác dân sự hồi đó thay cho lính mã tà (police) để gác ở những chỗ quan trọng như trước cửa dinh quan chánh tham biện Tây (chánh chủ tỉnh) chẳng hạn. Họ mặc đồ vàng, áo tay dài bốn túi, cổ đứng, quần dài có quấn ghệt (xà-cạp) xanh nhưng lại đi chơn đất, đội nón lá bọc vải ka-ki vàng, trên chóp có gắn gù bằng đồng nhọn lếu. Đặc biệt, họ thắt dây nịt lớn bản, có giắt lưỡi lê bên hông. Hồi trào Tây, tỉnh Gò Công có số *code postale* là 18 nên góc cổ áo lính gác dân sự có đính số 18 (tỉnh Gia Định có số 01).

Từ khi đổi thành lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc, lính gác dân sự mặc đồ đen bằng vải ú hoặc vải xiêm, chơn đi giày bố, xăng-đan hoặc guốc vông, nhưng vẫn thắt nịt và đeo dao găm. Để ra vẻ trịnh trọng, họ dùng dầu dừa, dầu sáp (hiệu Brillantine) chải tóc bóng láng, con ruồi đậu phải chống gậy.

Minh Đơn trọn quyền bắt hay thả người khiến ai ai cũng khiếp đơm kinh tâm hắn. Gã để ý đến Nguyệt Kiều. Mỗi khi đi viếng mụ Nắng Hồng, hắn bứt rứt khi lén lút nhìn Nguyệt Kiều. Hắn thầm nghĩ:

— Cái đít nó tròn vo y như con vợ mình hồi mới cưới. Con Hai Ớn đầu óc thông minh nên trời bù trừ nó có cái ngực bằng tháng, cái đít teo ngắt. Con vợ mình sanh đẻ mấy lượt cũng thịt ít

xương nhiều. Một đằng thì khô cá hố, một đằng thì khô cá lẹp. Cái con Băng Tâm nầy mới thiệt là thứ đớn bà mình trước ao. Mà con chị Nguyệt Ánh của nó cũng sắc lẻm, bóng bẩy lắm.

Một hôm, Minh Đơn gọi Nguyệt Kiều lên văn phòng Quốc gia Tự vệ cuộc, bảo:

— Qua biết tía của cô em sợ bị bắt nên trốn lánh đâu đó. Việc gì mà ổng sợ hổng biết! Bắt hay thả là do qua đây. Có qua bảo bọc, chở che thì không ai dám ho dám ngáp trước mặt ổng chớ nói chi tới chuyện đụng chạm ổng.

Phước chí tâm linh, Nguyệt Kiều trả lời:

— Tía em đi Sài gòn thăm bà con, nay mai gì rồi cũng về. Việc gì mà ổng trốn lánh ai?

— Ủa, chớ việc nửa đêm anh em Quốc gia Tự vệ cuộc ở làng Kiểng Phước xét nhà đó là tin đồn thất thiệt hay sao?

— Làm gì có? Họ mời ba em đi họp chớ đâu phải họ định bắt ba em.

— Nghe qua nói đây, tía em hồi xưa giao du với bọn chó săn của thực dân, ra vô toà bố như cơm bữa. Nếu ổng muốn về nhà sum hiệp với vợ con, để làm ăn thong thả thì em nên nghe lời qua.

Hắn tiến đến gần Nguyệt Kiều, cười hề hề. Cánh cửa văn phòng sau lưng nàng đã khoá chặt từ hồi nào.

— Để anh cưng em cho đỡ thèm.

*

* *

Từ khi Nông Công Dân Cứu Quốc Đoàn ra đời, nông dân cứ nay họp mai họp, ban ngày lây qua ban đêm khiến họ không có thời giờ dọn đất làm mùa sắp tới. Từ trận mưa đầu mùa trong tháng ba âm lịch tới tháng tư là ruộng phải được đốt hết gốc rạ, đợi tới tháng năm đất bắt đầu mềm, nhà nông có thể cày ruộng được.

Gò Công là vùng ruộng biển tức là ruộng giáp với sông có nước mặn. Vào mùa mưa, nước mặn lơ lớ, qua mùa nắng, nước mặn chát. Gò Công có bốn mặt nước vây quanh. Phía đông là biển. Phía tây là Chợ Gạo. Phía bắc là sông Soài-rạp giáp với sông Vàm Cỏ. Phía nam là sông Cửa Tiền. Bởi vì hai con sông Soài-rạp, Cửa Tiền tiếp giáp và đổ ra biển nên quanh năm không có nước ngọt. Riêng sông Chợ Gạo vào mùa mưa nước hoàn toàn ngọt, mùa nắng cũng chỉ lơ lớ mặn mà thôi. Những nơi có nước mặn, ruộng biền thì chủ đất khó lập vườn. Ruộng biền cũng không được phì nhiêu như ruộng miệt Rạch Giá, nhưng lúa nào chịu được nước mặn thì hột lớn, tròn và nặng hơn, nhứt là lúa tiêu, hột tròn và thơm nào thua gạo Ba Thắc ở Cần Thơ.

Dân quê Gò Công thời Việt Minh nắm chánh quyền cứ nơm nớp lo không đủ ngày giờ làm mùa cho kịp vì tháng chín âm lịch mưa nhiều, ruộng ngập mình mông. Tháng tám âm lịch là tháng chót, phải kết thúc công việc cày, bừa và trục đất cho hết. Từ đầu tháng ba, nông dân bị rúng ép đi họp, học tập nên họ lo teo ruột. Đêm đêm trên vùng ruộng biền khô nẻ, lửa đốt rạ cháy đỏ rực một góc trời. Con Tám Lươn chuyên sống bằng nghề cắt cỏ cho ngựa ăn, lén lút bỏ trốn mấy kỳ học tập vì lẽ cắt cỏ bữa nào ăn bữa nấy, nếu đi họp là nó phải chịu bể nồi cơm, ơ cá. Mụ Nắng Hồng hét:

— Tại sao chị không đi học tập? Ai xúc xiểm chị? Ai dụ dỗ chị từ chối dịp may để học tập thành người tiến bộ? Chị mà còn trốn học, tôi buộc lòng phải đưa chị lên phòng Quốc gia Tự vệ cuộc!

Phòng Quốc gia Tự vệ cuộc! Nguyệt Kiều vừa bước ra là như chóng mặt lao đao. Nguyệt Yến cũng vào đó rồi bước ra như cái xác biết đi.

Chiều tối hôm đó, cách ngày Nguyệt Kiều vào phòng Quốc gia Tự vệ cuộc chừng một tuần, hai chị em bỏ cơm nước, ở lì trong buồng, khóc sưng cả mắt. Bảy Phụng Kiều mặt cứng lại, môi mím chặt, mắt toé lửa nhìn hai cô em họ mà nàng vẫn gọi bằng chị vì họ lớn tuổi hơn nàng. Sau cùng nàng nghiến răng:

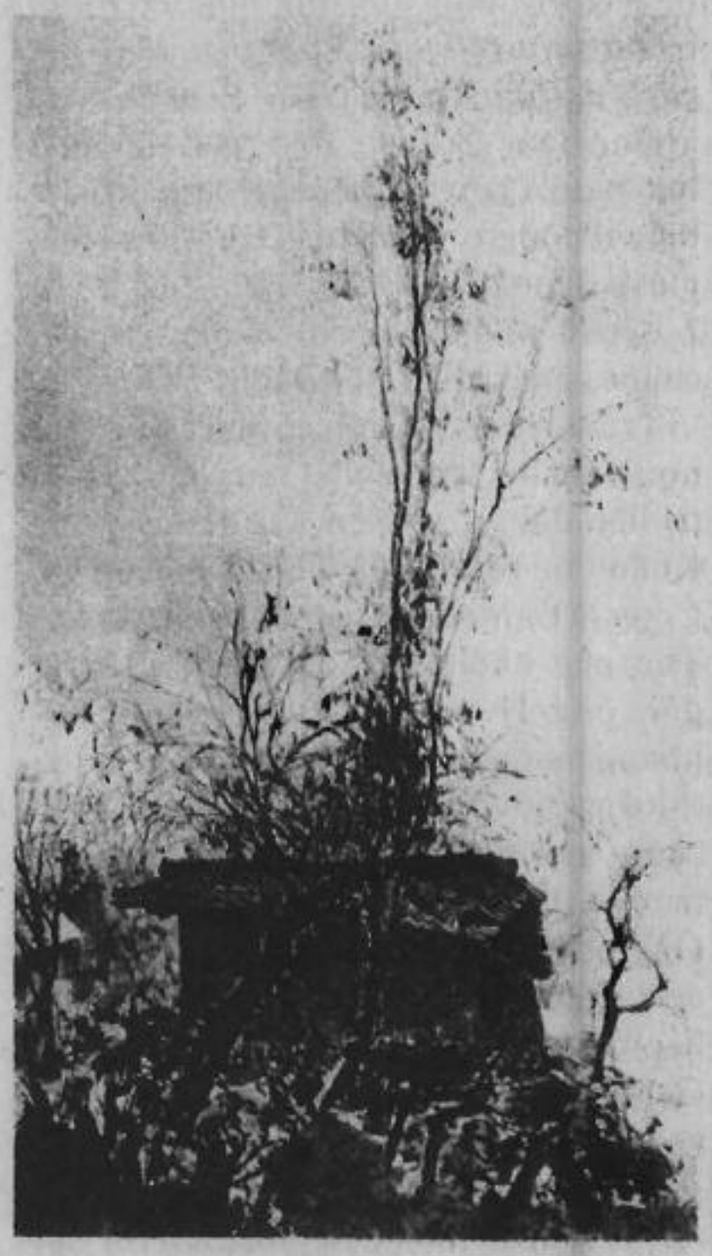
— Quân súc vật như vậy, mình đợi trời phạt nó thì lâu quá! Nhưng thôi, xin hai chị đừng học lại với Kim Lân làm chi. Hắn mà nổi nóng báo cừu rửa hận thì khác nào đem thân vô miệng cọp hay đút đầu cho xe hủ lô cán.

Nguyệt Yến thút thít:

— Phen nầy hai chị em tui khó mà lấy chồng. Từ đây sắp tới, làm sao tụi nầy ở yên với nó đây?

Nguyệt Kiều nói:

— Tui có nghe cô Bảy tui nói thằng cha đó ở tù ngoài Côn đảo vì tội tò tí với vợ người ta. Rồi cặp gian phu dâm phụ bị anh chồng bắt được, nó túng thế đập anh chồng một hèo để mở đường tẩu thoát. Ai dè dện trúng chỗ nghiệt, anh chồng té ra chết. Hắn vô tù. Hồi đó nó ở Thủ Thừa nên toà án xử nó tại tỉnh Tân An. Nay ở đây nó nghinh ngang, tưởng không ai biết gốc tích. Cách mạng gì nó.



Chẳng qua là hồi ở Côn đảo, nó kết giao với mấy ông tù chống Tây nên giờ đây nó trở thành... ông quan cách mạng.

*

* *

Chị em Nguyệt Yến Nguyệt Kiều cũng thường nghe mẹ mình kể rằng sở dĩ trùm trưởng Khôn, tía của Minh Đơn, phải bỏ làng Tân Niên Tây (Gò Công) thiên cư về Thủ Thừa (Tân An) là để trốn nợ. Trùm trưởng Khôn thiếu ông Hương chủ Khánh, ông nội của ba chị em Nguyệt Yến, hai trăm đồng. Số là Trùm trưởng Khôn làm ruộng không khá, xoay qua làm nghề thương hồ. Ai dè khi hành nghề trên sông nước, ông ta bị bối Ba Cụm giựt hết tiền. Trở về Tân Niên Tây, ông ta tìm đến ông Hương chủ Khánh vốn là bạn cũ của tía ông. Dầu có cám cảnh Trùm trưởng Khôn, ông Hương chủ Khánh cũng không sẵn tiền, liền dắt Trùm trưởng Khôn ra chợ Gò Công vay tiền bọn Chà và xả tri (người Chà chetty). Bọn nầy cho vay có đóng "ba-tăng" hẳn hòi chớ không phải cho vay lậu như người Việt mình. Tiền lời cho vay là năm phân, kể cũng là nhẹ. Ông Hương chủ Khánh bằng lòng bảo lãnh cho Trùm trưởng Khôn vay hai trăm đồng. Giấy tín chỉ in hình nữ thần tự do cầm bó đuốc, ghi rõ tên người bảo lãnh.

Ông bà mình thường nói: *Trên đời có bốn chuyện ngu. Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.* Năm 1930 là năm khủng hoảng kinh tế trên toàn cầu. Biết bao người làm ăn thất bại, đem đồ cầm thế tại công ty chú Hoả (Hui Bon Hoa, mệnh danh là *Mont de Piété*), tiền lời từ 1 đến 6 phân mà vẫn không có tiền chuộc, phải chịu mất đồ.

Trùm trưởng Khôn không có tiền trả nợ. Năm đó, lúa lại thất mùa. Chà và xả tri liền đâm đơn kiện ông Hương chủ Khánh tại toà án Mỹ Tho. Thuở đó Gò Công là tỉnh nhỏ, coi như thị xã của Mỹ Tho nên không có toà án. Được trát đòi, ông Hương chủ Khánh bối rối, hoang mang lắm. Hồi xưa ông bà mình thường nói "vác chiếu hầu toà" hoặc "cơm ghe bè bạn" thiệt là đúng trong trường hợp ông Hương chủ Khánh. Ông phải đến Vĩnh Trị mướn ghe cui, đem theo gạo muối, củi đuốc rồi cùng hai người tớ trai chèo ghe ra sông Chợ Gạo đi Mỹ Tho. (Người mình hồi xưa gọi người chèo ghe là *bè bạn*) Ở Mỹ Tho không có nhà quen, ông và hai người tớ trai phải ăn cơm quán rồi tìm một ngôi đình trải chiếu giăng mùng ngủ đợi ngày hầu toà. Kỳ đó, toà xử ông Hương chủ Khánh ứng tiền trả Chà và xả tri, khi nào Trùm trưởng Khôn đỡ ngặt sẽ trả góp cho ông sau. Dè đâu, về sau vợ chồng Trùm trưởng Khôn sanh sứa bài bạc, đã không trả nổi nợ cho ông Hương chủ Khánh lại còn vay mượn lung tung. Dĩ nhiên là ông Hương xót của, mắng nhiếc la ó Trùm trưởng Khôn. Khi Trùm Khôn chạy về quê vợ bên Thủ Thừa để lánh nợ thì có lần ông Hương chủ Khánh tìm tới nhà đòi nợ. Từ Gò Công đi Tân An đâu có xa xôi gì!

Minh Đơn, tên thiệt là Hai Ngoan, lúc lớn lên đã chứng kiến cảnh cha mình bị ông Hương chủ Khánh la ó, mắng nhiếc, nên ghim cái cừu hận trong lòng. Sau khi từ Côn đảo về đất liền, hắn không còn mặt mũi nào ở Thủ Thừa nên trở về Gò Công. Không hiểu vì sao hắn có tiền mở tiệm hớt tóc nhỏ, có hai người thợ phụ. Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, hắn lợi dụng thời gian ở tù Côn đảo, khoe khoang vĩ chống Tây nên bị đi đày chớ không bao giờ nói tới vụ án tình năm xưa.

Một đất nước có nhiều công an thì đâu phải là một nước tôn trọng tự do. Một thời kỳ mà trên các trục lộ giao thông đầy lính gác, xét hỏi giấy khách xuôi ngược là thời kỳ đảo điên. Một xã hội mà người nầy nghi kỵ người kia, người kia dò xét người nọ là một xã hội chông chênh, bất ổn. Ở đâu xa không biết, chớ ở Gò Công có đủ các tệ nạn trên.

Con Hai Cơ, đứa ở gái của bà Đốc học Tiết làm việc nhà chỉ có buổi sáng. Nó siêng đi học tập, họp hành hơn ai hết. Từ lúc nó "làm việc nước", cả nhà phát sợ nó. Ba má con bà Đốc có việc quan trọng, phải đợi nó đi khỏi rồi mới bàn bạc. Nó không thèm xách nước, bửa củi nữa, chỉ có nấu ăn mà thôi. Mỗi bữa cơm, nó ăn chung mâm với chủ, cười nói bô bô chớ không ăn âm thầm dưới bếp nữa.

Từ hôm được mụ Nắng Hồng mời ra trụ sở hội Phụ Nữ tỉnh, con Hai Cơ tỏ ra mềm mỏng với chủ nhà hơn. Nó cho biết sắp có lễ tưởng niệm anh linh các nghĩa sĩ bỏ mình vì chống pháp và hội Phụ Nữ tỉnh sẽ mời bà Đốc học Tiết tham dự và đại diện để niệm hương.

Hai hôm sau, Chủ tịch Ủy ban Nhơn dân Tỉnh chánh thức mời bà Đốc học Tiết trong ban niệm hương và Kim Lân trong ban tế lễ. Bà Đốc học phải mặc áo dài đen, còn Kim Lân cũng mặc áo dài đen, đầu bịt khăn be. Bà Đốc có hai cái áo dài đen, một bằng the La Cải, một bằng tố. Còn Kim Lân phải lấy áo dài tố đen của cha mình dùng đỡ.

Cuộc lễ nầy coi bộ long trọng nên bà Đốc học Tiết hồi hộp lắm. Tuy nhiên bà rất vui: được đứng ra niệm hương là cả một vinh dự, từ đây về sau bà sẽ được cái "chức" niệm hương rửa mặt rửa mày với xóm giềng. Con Hai Cơ xúi bà mặc áo tố. Bà thì thích áo the. Nguyệt Yến nói áo tố láng và mịn, mặc sang hơn. Nguyệt Kiều và Bảy Phụng Kiều thì cho áo the mặc nhã hơn. Sau cùng, con Hai Cơ nói:

— Để con vô buồng lấy hai cái áo ra. Hễ áo nào mặc đẹp hơn thì hôm đó bà sẽ mặc cái đó.

Nói xong nó te te vô buồng, mở tủ lấy áo the đem tới cái móc sắt đâm lủng một lỗ rồi quậy cho lỗ rách thêm rộng. Thế là bà Đốc học Tiết đành dùng cái áo tố đen để đi niệm hương.

Ngày lễ niệm hương cho vong hồn các nghĩa sĩ chống Pháp vào buổi tối thật long trọng. Chiếc áo dài của ông Đốc hơi rộng làm Kim Lân như bơi trong áo. Ở khán đài có Hai Hạc, Mười Thêm, Minh Đơn, Khảo, mụ Nắng Hồng ngồi hàng ghế đầu. Hàng ghế đó xưa kia dành cho quan chánh tham biện, ông cò-mi, các chánh chủ quận... Bàn thờ đặt đối diện với khán đài với chân đèn, lư hương. Chiếc bình da rạn cao quá gối cắm nào là bông trang, bông huệ, bông điệp, bông nở ngài, bông sao nhái... Chiếc cổ bồng có dĩa quả tử chưng chuối cau, mãn cầu, đu đủ, cam, quít... Ngũ hoa ngũ quả đầy đủ. Bát nhang đặt sau lư hương đốt nhang vòng. Sau bàn thờ là lá cờ đỏ sao vàng căng rộng. Hai bên bàn thờ là hai cái lọng nhiễu vàng thêu cườm ngũ sắc. Kế đó là hai chiếc giá cắm đầy binh khí.

Các bô lão niệm hương trước tiên. Họ mặc áo thụng xanh như bốn ông đầu não trong ban hương chức hội tề.



hãy kêu nhau
đánh những
tiếng chuông

Nếu sợ chết đã không đương đầu
Chẳng sợ chẳng lo
Các thầy tĩnh lặng
Khi bên ngoài Phật tử xôn xao

Ôi đâu chỉ buồn đau
Còn căm hờn phẫn nộ
Bầy ác quỉ đem sư tăng ra xử
Cái án tử bất nhân

Kế đó là các bà cụ áo đen niệm hương thay mặt cho phụ nữ. Sau hết là nhóm thanh niên mặc áo dài đen, đầu bịt khăn be trong đó có Kim Lân rót tuần rượu cúng.

Phần nghi lễ chấm dứt. Cuộc đốt lửa trại và trình diễn văn nghệ bắt đầu... Nhưng đã có hai đoàn viên lực lượng Quốc gia Tự vệ cuộc lễ phép mời hai mẹ con bà Đốc học Tiết vô trình diện Minh Đơn.

Bà Đốc và Kim Lân bị bắt, bị kết tội gián điệp khi hai chiếc áo dài tố đen được tháo tả, tháo lai áo ra.

Kim Lân rên rỉ:

— Thưa đồng chí trưởng phòng, oan cho má con tôi lắm. Tố là thứ lụa do dân Lang sa chế ra từ bên xứ họ rồi nhập cảng vô xứ mình. Ở mỗi biên tấm lụa đều có kẻ vạch đỏ vạch xanh để tượng trưng cho cờ xứ họ. May áo mà cắt bỏ biên đi thì đường chỉ dệt sẽ bung ra, bởi vậy thợ may lộn biên vô trong may cho chắc...

Minh Đơn sa sầm mặt:

— Chú mầy đừng có lẽo lự, ngụy biện. Tía má chú mầy với chú mầy là thứ phản quốc, làm gián điệp cho Tây. Cờ tam sắc rành rành mà chú mầy còn kêu oan gì nữa!

*

* *

Tháng 6 năm 1945, Nhựt đầu hàng, Việt Minh lên nắm chánh quyền. Tháng 8 Tây trở qua Sài gòn nhưng tới tháng 9 Tây mới chiếm lại Gò Công.

Ngày hôm đó, mưa mù trời mịt đất. Tàu Tây theo sông Chợ Gạo tiến đến bắc Chợ Gạo. Súng cà-nông vừa nổ rền trời thì ở các vùng lân cận, mõ ống mỗ đình đánh cum cum. Thứ mõ bằng ống cây mù u dài cỡ hơn một thước được khiêng tới chỗ công cộng.

Từ chợ Gò Công, hai chiếc xe cam-nhông chở lựu đạn do Huỳnh đúc chế tiến ra bắc Chợ Gạo cùng một toán thanh niên trang bị súng tịch thâu được trong căn cứ lính Tây hồi đầu mùa phong trào Thanh niên Tiền phong. Nhưng khi tới gần bắc, bọn Tây vừa thấy dạng xe liền bắn vãi vô xe. Tài xế hoảng hốt mở cửa chạy xuống ruộng tẩu thoát, cứt đái vãi đầy quần. Các chàng dũng sĩ quăng súng, bỏ mớ "lựu đạn ống" lại trong xe, chạy vắt giò lên cổ. Hai xe cam-nhông nằm chình ình trên quốc lộ cách bến bắc chừng 800 thước.

Tây lúc đầu vì khinh địch nên bị thiệt hại. Sau nầy, chúng cẩn thận hơn, lấn chiếm từng bước. Chiếm được chỗ nào, chúng đặt chốt và cho xe tuần tiễu chạy tới chạy lui các chốt để dễ bề kiểm soát.

Ủy ban Nhơn dân tỉnh Gò Công cùng các trụ sở khác được lịnh tản cư. Trong lúc lộn xộn, Bảy Phụng Kiều đã cứu được Kim Lân. Cô Bảy chịu thất thân với tên phó trưởng phòng để thừa lúc tản cư, hắn thả Kim Lân, còn cô bằng lòng theo hắn. Trong đêm tối, khi đoàn người tản cư qua cầu nối liền Tân Niên Đông và Tân Niên Tây, một tiếng thét vang lên, xác người từ cầu ngã xuống con rạch Tổng Châu bên dưới. Nhưng vì sợ Tây đuổi nà nên mạnh ai nấy chạy.

Kim Lân lẩn quẩn ở nhà của Huỳnh chớ không dám về làng Kiểng Phước. Tây chiếm tỉnh Gò Công, khám phá ra các phòng giam, nhưng tù nhơn bị bọn Việt Minh dẫn theo, trừ bà Đốc học Tiết nằm chết trên sàn gạch bông, cổ còn in dấu ngón tay máu đọng tím ngắt, lưỡi le ra, mắt trợn ngược.

Trong số xác người trôi trên kinh Tổng Châu có xác tên phó trưởng phòng Quốc gia Tự vệ cuộc, một lưỡi dao hiệu con chó cắm xuyên qua

---

Mà tội gì các kẻ tu hành
Tội dịch kinh in sách
Tội thuyết giảng
Những thông điệp Phật
Trước bạo lực vẫn dấn thân
Trước ác quỉ chẳng qui hàng

Chẳng có nơi đến
Chỉ có lên đường
Ra pháp trường đâu phải là kết thúc
Cuộc hành trình giáo độ chúng sinh
Chết chỉ là rời cái giả thân
Còn linh hồn bất khuất
Sẽ sống với muôn triệu con tim
An ủi người quằn quại điêu linh

Các thầy ngồi yên
Nhưng Phật tử đứng lên
Họ kêu nhau đánh những tiếng chuông
Báo động với lương tâm nhân loại
Về tội ác đảng đoàn che đậy
Bằng luận điệu cởi mở ngụy trang
Thế giới có thể lầm tin
Vì cần sống trong cảm giác bình an
Trong khi sáng suốt
Vẫn chỉ là chính những nạn nhân

Chúng tưởng cầm tù
Dày đọa xác thân
Là các thầy khuất phục
Nhưng chỉ làm tăng thêm bi trí dũng
Vì chính ý nghĩa sống
Là thực nghiệm khổ đau
Là chứng Phật pháp nhiệm màu

Có ai tìm giải đáp cho câu
Tại sao các thầy bị bắt?
Vì âm mưu phản loạn
Hay vì thể hiện đấu tranh
Cho tất cả chúng sinh
Đang bị lửa vô thần thiêu đốt

Chúng ta sống đau đớn
Trong thời bạo ngược
Tôn giáo bị đàn áp thẳng thừng
Vì Đảng biết chính nơi đức tin
Là điểm tựa cho muôn sức bật
Của những kẻ khốn cùng
Đang hàng ngày bị khủng bố dã man
Từ vất vả kiếm cơm
Đến suy tư hành động
Ôi chính vì lòng từ vô lượng
Mà các thầy đã hy sinh
Đem thân ra đối kháng lẫy lừng
Trước bầy thú giơ vuốt giương nanh
Các thầy vẫn chuyên chú thở
Càng sợ hãi cuồng cuồng chế độ
Bởi có dập tắt được đâu
Đuốc từ bi ánh lửa

Trong kinh sách các thầy đang dịch dở
Đảng moi ra được một âm mưu
Phổ biến những pháp từ phản động
Lập tức Đảng châm bùng ngọn lửa phần thư
Hủy diệt những móng nền tín ngưỡng
Nếu đức Phật hôm nay còn sống
Đảng chắc gì đã chịu nương tay

Nếu các thầy phải chết
Thì thật không may
Không phải cho các thầy
Mà cho chúng ta tất cả
Vì các thầy sống chết vô thường
Nhưng chúng ta mất đi ít nhiều điểm tựa
Cho nguồn lực đấu tranh

Là Phật tử hay không Phật tử
Hãy kêu nhau đánh những tiếng chuông
Cảnh tỉnh thức giục những trái tim
Đang tự bọc thép dửng dưng
Không ai có quyền im lặng
Hãy tố cáo cộng sản Việt Nam
Đang thẳng tay huỷ diệt nhân quyền
Hãy cùng nhau can đảm đứng lên

bắc phong

bụng hắn.

Ông Đoc học Tiết từ Chợ Gạo trở về. Hai chị em Nguyệt Yến, Nguyệt Kiều thu xếp nhà cửa rồi ra Gò Công mua một căn nhà nằm trên đại lộ Rodier để ở với cha. Từ đầu vụ Tây tái chiếm không ai biết Bảy Phụng Kiều xiêu lạc phương nào.

Bảy Phụng Kiều hiện giờ là tình nhơn của tên Trưởng phòng nhì Pháp. Cô không bao giờ ra khỏi biệt thự của hắn, nhưng cho người theo dõi, điều tra gia đình của tên Minh Đơn.

Chánh quyền Pháp khi tái chiếm Gò Công có lời chiêu dụ dân chúng ai ở đâu về đó làm ăn như thường, chỉ trừ năm tên Hai Hạc, Mười Thêm, Minh Đơn, Khảo và Nắng Hồng là bị truy nã. Riêng Huỳnh thì không hề hấn gì vì khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, nhiều người bị chúng rúng ép theo chúng. Về sau, Huỳnh được tuyển vào làm trong hãng sửa chữa xe hơi tại Sài gòn.

Trong lúc ân ái mặn nồng với tên Trưởng phòng nhì, Bảy Phụng Kiều tiết lộ:

— Em biết nhà vợ Minh Đơn ở làng Vĩnh Trị, áp lưng làng Vĩnh Lợi bên chợ Giồng Ông Huề. Vĩnh Lợi mới có đồn bót còn Vĩnh Trị là làng nhỏ, xa đồn, tối tối bọn Việt Minh lén về thăm nhà.

— Em nói đúng, nhưng sao em rành quá vậy?

— Phải suy luận chớ. Anh nghĩ coi, mấy mụ đờn bà ở các điểm nóng (les points chauds) khai chồng chết mà hết mụ nầy mang thai tới mụ kia có chửa. Đờn bà nhà quê xứ em đâu dám lang chạ với ai ngoài chồng mình. Lại nữa, bọn tiểu yêu của em đã dò la biết con vợ thằng Minh Đơn cứ đầu tháng ra chợ Gò Công mua cà phê, thuốc lá Bastos, Mélia xanh. Em chắc mụ ta mua mấy thứ đó không phải để mụ xài đâu.

Jacques Dupont, tên Trưởng phòng nhì hôm sau liên lạc với tên xếp bót làng Vĩnh Lợi, bố trí cuộc phục kích Minh Đơn. Mỗi tối, có hai tiểu đội rình rập chung quanh khoảng vườn của nhà vợ y ta.

Đâu chừng ba hôm sau, vừa lúc thôn xóm lên đèn, Minh Đơn lót tót về nhà. Hắn bị bắn gục ngay chỗ cổng vườn sau. Tên trưởng toán phục kích dùng dây luộc buộc vào cổ hắn rồi cho xe cam-nhông kéo ra ngoài lộ Dây Thép, treo hắn lên cây dái ngựa ven lộ cho gia đình những nạn nhơn của hắn nhìn mặt.

Ba tháng sau, Kim Lân nhận được thơ của Bảy Phụng Kiều:

Sài gòn, ngày...

Đồng Kim Lân thân mến,

Khi Lân được thơ nầy thì Kiều không còn ở Sài gòn nữa. Trong đời Kiều có hai việc mà Kiều mát lòng thoả dạ: được Lân yêu và báo cừu rửa hận cho gia đình Lân.

Kiều đã liều thất thân với tên Sáu Hải, phó trưởng phòng Quốc gia Tự vệ cuộc để phóng thích Lân trong lúc lộn xộn. Và khi tản cư qua rạch Tổng Châu, Kiều buộc lòng đâm chết Sáu Hải để thoát thân.

Kiều đã bố trí bắt con Hai Ớn nhưng hụt, tuy nhiên Kiều để được hai dấu thẹo thiệt sâu trên mặt nó, từ đây đờn ông thấy nó sẽ tránh xa một chục cây số. Nay nó vô hưng rồi. Kiều cũng tìm cách giết được Minh Đơn và cứu Huỳnh khỏi bị bắt bớ để báo ơn anh ta đã cưu mang Kim Lân suốt thời gian Việt Minh lên nắm chánh quyền.

Kiều chỉ ân hận không sao giết được con Hai Cơ hoặc lấy thẹo mặt nó. Nhưng mà Lân ơi, con Hai Cơ gầm cho cùng là thứ trẻ người non dạ, bị mụ Hai Ớn xúc xiểm, mua chuộc, gài nó vô nhà mình.

Kiều biết Lân hãy còn yêu Kiều đậm đà. Nhưng mà, hãy giữ tình yêu trong sạch đó. Kiều trong lúc dấn thân làm những chuyện động trời lại đâm ra say mê một cuộc đời mới. Tâm hồn và trái tim Kiều đã đổi khác. Yêu Lân, trân trọng mối tình đầu với Lân thì Kiều vẫn giữ, để thỉnh thoảng gợi lại, sống trong phút giây thơ mộng. Nhưng song song với mối tình đó, Kiều đã khám phá nếp sống mới, hợp với tánh phóng túng, với hoài bão của Kiều, bởi đó Kiều không trở về với Lân đâu, Lân ơi!

Thúy Kiều không chịu nối duyên cầm sắt với Kim Trọng để giữ mối tình cả hai được thanh cao. Nhưng con Kiều nầy đâu phải vậy. Thề có đất trời và hai bên vai vác chứng giám, Kiều lúc nào cũng yêu Lân. Nhưng trở về làm vợ Lân là Kiều sẽ làm hại Lân và làm hại chính mình. Có nhiều mối tình chỉ đẹp trong tâm tưởng. Nếu biến đổi thành tình chồng vợ, nó sẽ trở nên nhàm chán, tầm thường, dần dà trở thành miễn cưỡng.

Lân đừng nghĩ rằng Kiều đau khổ trên dòng đời phóng đãng. Trái lại, Kiều rất hạnh phúc vì Kiều biết mình muốn gì, nghĩ gì... Không bao giờ Kiều làm những việc trái lòng mình đâu.

Thôi nghen, khi nào ở yên nơi yên chốn, Kiều sẽ tìm cách liên lạc với gia đình Lân.

Kiều kính lời thăm dượng Ba, hai chị Nguyệt Yến, Nguyệt Kiều. Chúc cả nhà vui mạnh, chơn cứng đá mềm.

Thương mến lắm

Trần thị Phụng Kiều □



Lễ Cô-Đơn

Ngọc Khôi

Người ta có lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, Thăng Thiên, Quốc Khánh.v.v.. còn tôi có một lễ duy nhất gọi là lễ Cô Đơn. Chẳng cần tới lễ, bình thường tôi vốn đã ky chủ nhật. Siêu thị chỗ tôi làm mở cửa bảy ngày một tuần, tôi xin lấy thứ ba và thứ tư làm ngày nghỉ mỗi tuần. Hai ngày này phố xá đông đúc, sinh hoạt bình thường, tôi đi làm giấy tờ hay mua bán gì cũng vui, cũng tiện. Còn cuối tuần, trong khi mọi người mê man du hí mà mình không có "mối" mới chán ơi là chán. Thà ngồi ở két tính tiền, nhìn thiên hạ diễn hành qua "khán đài", lâu lâu đưa đẩy vài câu với chàng bô trai cũng thú. Ngoài ra còn mấy ông bà già hay kể cà nán lại kể chuyện mưa nắng cũng tiêu thì giờ dễ dàng. Ngày lễ tôi còn kẹt hơn chủ nhật, nên bao giờ tôi cũng xin trực rồi nghỉ bù qua ngày thường khác. Do đó tôi như món quà trên trời rơi xuống cho con Béatrice, thâu ngân viên đồng nghiệp với tôi, tha hồ nghỉ cuối tuần và ngày lễ mà không bị ai tranh giành.

Vậy mà kỳ nghỉ lễ lần đó kèm hai ngày cuối tuần, người ta lại thân ái buộc tôi nghỉ trọn ba ngày liền, ba ngày nghỉ bằng vàng công nhân viên chức vẫn mơ ước. Tôi vừa ngập ngừng phản đối thì tên điều hành nhân viên đã tươi cười: "Cô làm việc dữ quá, có quyền được nghỉ ngơi chứ! Vả lại Béatrice có việc riêng cần giải quyết trong ba ngày thứ ba, thứ tư và thứ năm nên cô ấy muốn làm bù kỳ nghỉ cuối tuần cùng ngày lễ. Cô không có gì gấp, chắc đổi đặc biệt cho Béatrice được?" Dĩ nhiên là tôi không có gì gấp. Viễn ảnh ba ngày đằng đẵng sắp tới để ngủ và để... chán hiện ra làm tôi rùng rợn. Paris sẽ vắng như chùa Bà Đanh, hàng quán im lìm, muốn mua khúc bánh mì cũng khó. Ra phố mà như đi giữa cánh đồng; còn rút vô nhà thì chao ơi, sẽ không có một tiếng động, không có cả đến một con ruồi, con muỗi. Tôi đã từng trải qua những ngày lễ và chủ nhật tương tự nên bây giờ tôi bị dị ứng, cứ nghe đến "lễ" đến "nghỉ" là tê tái. Tôi run run gật đầu cám ơn rồi bắt đầu dàn trận chuẩn bị chương trình cho kỳ nghỉ.

Phải, tôi cũng có chương trình chứ sao, còn lũ bạn nữa chi? Hiềm nỗi ở cái tuổi xuân muộn của tôi, đám tiểu yêu đã thành hiền phụ gần hết; đứa nào chịu chơi, chưa "thành gia thất" thì cũng "đà sống chung". Tôi điện thoại tứ tung thăm dò, cặp thì có mục du hí riêng, cặp thì đóng cửa vui vầy con cái. A-lô, khoẻ không? Có chàng chưa?.v.v.. nhăng nhít một lúc rồi cúp, không ai ngỏ lời rủ tôi tháp tùng hay đến dùng một bữa cơm đạm bạc, mặc dù giọng nói tôi trong điện thoại đã vô cùng êm ái, dịu ngọt và hết sức sẵn sàng, chỉ chờ một tiếng hô là có mặt. Thật là một lũ bạn khốn nạn!

Nói cũng tội cho chúng, biết tôi "gấp" nên thường trong chỗ quen biết, hễ có khuôn mặt nào "mới" là chúng phôn tôi lập tức, rồi bố trí, đạo diễn cho tôi gặp người. Nhưng mãi mà cá vẫn chưa cắn câu, hoặc có khi cắn nhưng câu không chịu giật. Do đó tôi nổi tiếng là "người cô đơn" trong đám bạn bè.

Những kẻ chưa nếm mùi cô đơn thì chưa thể hiểu cô đơn nó ghê gớm đến mức nào. Đọc sách, nghe nhạc, phải lắm! Nhưng hai, ba tiếng đồng hồ thôi chứ làm sao nghe, đọc nguyên một ngày — một mình — rồi ngày mai, ngày mốt? Đạo nhàn thích thật nhưng nhàn mà bóng "chàng" phải quanh quẩn đâu đó trong nhà kìa. Lâu lâu đến hôn một cái hay gọi vọng từ buồng tắm ra: "Em ơi, xà bông hết rồi, chiều vợ chồng mình đi mua nghe em... Cái xì-líp đỏ của anh rách ở dưới... tối rảnh khâu dùm anh nghe!" Còn nhàn mà nhà cửa đìu hiu lạnh lẽo, nói không ai nghe, cười không ai biết, vô buồng tắm một mình, ra phòng khách ngồi một mình, tới bữa ăn một mình rồi leo lên giường ngủ một mình... thì là chết chứ đâu phải nhàn!

Có lẽ tôi bị bịnh "dị ứng với cô đơn". Gọi là bịnh, vì thiếu gì kẻ sợ đám đông, chỉ chờ dịp là thoát ra nơi thanh vắng, trầm tư mặc tưởng một mình? Nhưng tôi là con gái, tuổi 35 lại gần kề thì tôi có lý do để sốt ruột chứ. Tôi chỉ sợ mình cô đơn lâu quá, tính tình thay đổi hoá ra bẳn gắt, đến khi lập gia đình lại cảm thấy tự do bị xâm phạm để đến nỗi tan vỡ thì lúc đó chỉ có nước cam phận gái già. Nghĩ thế chứ cho tới bây giờ tôi cảm thấy mình còn nhiều "khả năng hội nhập" lắm. Trời Phật thương sao cho tôi gặp "chàng", tôi sẽ hy sinh hết quyền lợi riêng tư, chàng muốn gì sẽ được nấy, tôi sẽ hầu hạ chăm sóc chàng hết mình!

Nói vậy thôi, chàng của tôi dù gì cũng phải hội đủ một số điều kiện, gấp thì gấp chứ tôi không thể vơ quàng vơ xiên. Không được thì thà ở vậy cho... sướng. Nghĩ đến chữ "sướng" tôi lại tê tái. Hiện tại thì nỗi cô đơn khủng khiếp vẫn vây bủa, giam hãm tôi trong khối không gian bất động vô hồn. Mỗi ngày trôi qua sao quá giống nhau, nhất là những ngày nghỉ. Buổi sáng mở mắt lười biếng, rã rời chờ giờ đi ngủ, biết rằng giữa hai thời điểm sẽ không có gì xảy ra, không có cái hẹn nào chờ đợi, không có cú phôn nào gọi tới.

Dù sao, tôi đã quyết định không trải qua ba ngày vô vị. Ba ngày địa ngục đó chưa đến nhưng tôi đã thấy trước từng diễn tiến, từng cử động của mình, như một hồn ma bóng quế lang thang thất thểu từ phòng này sang phòng nọ, lặng

lẽ nấu ăn, dọn dẹp một cách máy móc. Sao lúc nào tôi cũng một mình, một mình và một mình? Tôi đâu có ích kỷ, sao rốt cục tôi chỉ sống cho tôi, làm cho tôi, không dính dáng gì đến ai? Trải đủ ba ngày đó xong, không chừng tôi thành ma thật, sẽ ngủ một giấc bình yên, giã từ cõi trần ô trọc. Nhưng tôi không thể lìa đời tầm thường như vậy. Vẫn biết mình là "gái trời bắt xấu", nhưng tôi dám chắc có lắm đứa còn xấu hơn tôi vậy mà cũng kiếm được tấm chồng đàng hoàng. Tại tôi cao số chăng? Tôi phải vùng lên, phải cách mạng. Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều mà!

Tôi mím môi suy nghĩ. Một ý tưởng cũ rích vừa đến trong óc: hay là ghi tên đi du lịch theo đoàn? Ngày lễ, các hãng du lịch thường tổ chức các chuyến đi chơi bằng xe ca từ Paris đến các tỉnh khác của Pháp. Vừa rẻ tiền, vừa vui. Tôi đã đi thử mấy lần, tuy chưa câu được con cá nào nhưng cũng có dịp ngắm cảnh, đầu óc lại khuây khoả.

Tôi hối hả lục chồng giấy tờ, kiếm tấm quảng cáo chương trình mới nhất. Tôi không thích la cà một mình trong mấy hộp đêm, tuy khung cảnh có "nóng bỏng" và thuận tiện nhưng tôi thấy mình hạ giá làm sao, còn nguy hiểm nữa. Đi du lịch thì tôi rất chịu, lại có vẻ đứng đắn.

Lật lật tờ chương trình, tôi mừng rỡ thấy những chuyến đi hai hoặc ba ngày đầy rẫy. Nhưng những chuyến đi ấy thường ra nước ngoài hoặc đi tận đâu đâu cách Paris cả ngàn cây số. Tôi chưa chuẩn bị tài chánh và tinh thần cho những chuyến đi "dữ dằn" loại đó nên chỉ chú ý kiếm những chuyến đi ngắn một ngày. Để coi... đây rồi! Le Touquet, chủ nhật. Khởi hành 7 giờ rưỡi sáng, trở về Paris 23 giờ rưỡi tối. Đã đời một ngày dài. Không cần nhiều, một ngày thôi cũng đủ. Thứ bảy sống trong chờ đợi háo hức, thứ hai trở về với nỗi thoả mãn tê tê. Mà không chừng trở về với "chàng". Tôi vội gạt ngay ý tưởng đó đi. Du lịch là du lịch. Thuần túy. Nghiêm chỉnh. Chuyện gì tới sẽ tới, không tới thì... thôi. Tôi bình tĩnh dặn mình như vậy.

Tôi ghi tên kịp ngay trước giờ khởi hành, may sao còn chỗ. Ở hãng du lịch ra, tôi mới giật mình tự hỏi Le Touquet là đâu, có gì để coi, núi hay biển? Tờ chương trình ghi vỏn vẹn chữ "Le Touquet" với ngày giờ, chắc phải nổi tiếng lắm nên khỏi cần nói. Nhưng tôi bất cần, đi đâu cũng được, cũng vậy thôi...

*
* *

Tôi đứng trước gương ngắm nghía dung nhan mình, thấy không có chỗ nào gọi là hấp dẫn. Tôi nhỏ con, hơi lép, tóc ngắn cũn cỡn. Mũi tôi thấp, mắt quá nhỏ, người mình gọi là "mắt ti hí". Mỗi lần tôi muốn liếc mắt đưa tình với ai chẳng những không công hiệu mà coi lại... gian. Với nhân dáng đó, chỉ có chiếc áo dài và mớ tóc thề trước 75 là còn cho tôi chút vẻ tha thướt yêu kiều. Nhưng mặc áo dài đi làm, đi chơi phố giữa cái đất Âu châu này lại không giống ai. Tây nó còn thích thú hiếu kỳ được xem trình diễn y phục miễn phí, chứ bạn bè Việt chắc tưởng mình khùng hoặc là "yêu nước cực đoan". Riêng mái tóc thề thì tôi toàn quyền, nhưng hồi mới qua tôi lỡ hứng chí cắt phăng và chọn một kiểu thật mốt, tưởng đâu sẽ "đổi đời" thành "con người mới", ai ngờ chỉ xấu thêm. Từ đó tôi hết để tóc dài được dù đã quyết chí mấy lần. Cắt rồi mới biết nuôi tóc dài không phải dễ, mái tóc mọc ì ạch, dài không ra dài, ngắn không ra ngắn, lỡ cỡ nửa chừng xuân làm lần nào tôi cũng sốt ruột vô tiệm nghiến quách.

Điểm qua mấy bộ phận trên thân thể mình, tôi thấy chỉ còn cặp môi là sáng giá một chút. Không biết sao tôi gầy gò khô khan mà cặp môi tôi lại dầy mọng, cong cong bóng nhẫy. Mỗi lần tôi hờn dỗ, nhờ nó mà người đời còn hối hả xuýt xoa xin lỗi. Rồi mỗi khi "nhập cuộc", nó trở nên mềm mại, nóng bỏng. Chưa ai chịu khen tôi đẹp mắt, đẹp mũi, đẹp ngực... dù là khen nịnh, nhưng tất cả những lời khen tôi được nghe trong



35 năm qua đều để tán tụng cặp môi. Tôi hãnh diện lắm, dù người ta nói môi này là môi tham, môi dâm. Dâm hay không tôi không biết, nhưng dường như người ta đến với tôi chẳng ngoài cái "chuyện đó". Họ đến rồi quay bước dễ dàng không hối tiếc, quan niệm kiểu đồng vui đồng hưởng, chẳng ai bóc lột ai. Mà thường thì họ nghĩ tôi "hưởng" nhiều hơn, họ mới là người ban. Đó, xí gái nó khổ vậy đó. Tôi đâu phải hạng luông tuồng gì, chẳng qua hoàn cảnh đẩy đưa, đôi khi hành động ngoài sự kiểm soát của ý thức. Do đó cứ trôi nổi dập dềnh như chiếc lá giữa dòng.

Hồi tôi mới 21, 22 tuổi, tôi cũng có chàng của tôi chứ. Ngày đó chàng mê tôi lắm. Chúng tôi đã bắt đầu tính chuyện tương lai, con cái thì biến cố 75 xảy đến, chàng chạy tuốt qua Mỹ. Ít lâu sau một con bạn cho tôi biết chàng đã lên xe hoa và sản xuất thiếu nhi đều đều... Thiên hạ tiến vù vù còn tôi chậm lụt. Dường như từ khi mất chàng, tôi mất luôn cái "duyên". Người ta đến với tôi chỉ để qua đường.

Tôi nhìn tấm gương lần nữa, định không trang điểm, mặc quần áo xấu xí đi du lịch cho yên chuyện. Tôi đã thất vọng nhiều rồi, không muốn nuôi ảo tưởng nữa. Tôi sợ những chuyến trở về tay không, con đường hun hút, thui thủi một mình. Cuộc vui tan, một giấc mơ vừa chấm dứt, chỉ còn lại dư âm đắng chát.

Tôi sợ cả những chuyến trở về tay nắm tay rờ vồ vập. Những ánh mắt, miệng cười sở khanh cuốn hút, xô đẩy tôi vào cơn mê không thể cưỡng chống. Và những môi hôn gấp rút rơi xuống mặt, cổ, ngực nơi góc phố vắng mở đầu cho đêm vui tan hoang trên chiếc giường ngủ gối chăn xô lệch. Tôi đã chán chê cuộc sống đó, vui gì một đêm rồi ân hận nhiều ngày. Gần nửa năm nay tôi đóng cửa tu tại gia, chịu khổ hình và tìm kiếm sự thanh thản qua văn chương, âm nhạc cùng lũ bạn hiền phụ.

Tôi đâu có lý do gì để diện đẹp. Chuyến đi này nằm trong chương trình tìm kiếm thanh thản cho tâm hồn tôi, thay vì trùm chăn ở nhà. Diện làm chi, đi du lịch chứ đâu phải đi bắt kép? Nghĩ vậy nhưng cuối cùng tôi cũng không cưỡng được ý muốn diện bộ đồ mới trắng tinh vừa sắm. Cái jupe ôm lấy hông và hai đùi tôi trên đầu gối, áo vét nhẹ cùng loại vải khoác lên tấm sơ-mi mỏng cũng trắng có viền đăng ten trước ngực. Sau hết là chiếc nón trắng cùng bộ rất đỏm dáng có kết những đóa hoa li ti màu hồng phấn. Tôi ngắm mình trong gương, hài lòng. Trông tôi thanh lịch và "tây phương" đâu có thua ai. Nhìn xa xa thấy cũng còn hơi giống con gái mới lớn.

*
* *

Tôi đến điểm hẹn trước nửa tiếng. Trời đã sáng rõ nhưng Paris còn ngái ngủ. Vừa đứng uống tách cà phê đen nơi quầy một quán nước gần điểm hẹn, tôi vừa nghĩ ngợi mông lung. Ý nghĩ một ngày sắp được lấp đầy bằng chương trình du lịch khiến tôi hạnh phúc.

Bước trở về điểm hẹn, tôi thấy chỉ có một cặp vợ chồng già đang đứng đợi. Thôi rồi, đi du lịch để trốn cô đơn mà rốt cục chuyến xe cũng vắng tanh hay toàn người già, kể như lỗ vốn. Tôi đến đứng gần hai ông bà già, lòng tiu nghỉu. Thật ra tôi cũng không lạ gì cho lắm, có mấy hạng người thường ghi tên đi du lịch theo đoàn mà tôi đã nằm lòng: một là người già; hai là những cặp vợ chồng hay bồ bịch tương đối phong lưu, không muốn mất công lái xe, vật lộn tìm đường đi; ba là những nhóm bạn trẻ thiếu phương tiện riêng hoặc muốn đi thử cho biết — số này ít, đa số bọn trẻ khoái phiêu lưu, tự túc hơn; bốn là những kẻ độc thân có "vấn đề" như tôi — số này không nhiều nhưng chuyến đi nào cũng thấy. Nhiều khi tôi nghĩ thấy thương bọn độc thân chúng tôi, vì quá cô đơn nên mới ghi tên theo đoàn, hy vọng mong manh ở một cơ hội nào đó, hay ít ra cũng được hưởng ké hơi ấm từ một tập thể trong khoảng khắc.

Xe đến, thoáng nhìn lên, thấy xe đã chật ních người, lòng tôi mừng khấp khởi. Vậy là xe đã ghé rước khách ở điểm khác trước khi tới đây. Tên hướng dẫn viên khoảng 17, 18 tuổi, mặt mũi sáng láng bô trai, bước xuống. Không khí chuyến xe có vẻ trẻ trung, nhưng tên này non quá, chỉ đáng tuổi con tôi. Vừa trình vé cho tên nhóc, tôi vừa nở nụ cười nghiêm chỉnh và xã giao.

Leo lên, tôi quan sát vội tình hình trong xe. Người già chỉ chiếm thiểu số, còn lại là trẻ và những cặp trung niên. Thành phần du khách gần đúng như tôi đã đoán. Hai khuôn mặt Á châu loáng thoáng trong đám đông, một nam và một nữ ngồi xa nhau. Tôi về chỗ của mình, khoảng trên của xe, không xa lưng tài xế lắm. Còn chỗ ông Á châu ở

ngộ tờ lá rơi

buổi sáng ra vườn hốt lá khô
mà nghe lòng vọng chút mơ hồ
hôm nào thở khói phù du nhạt
ngỡ chín từng mây un phất phơ

bắc võng cành cây đếm dấu chân
trời xanh cao cũng lả cho gần
con đường rêu đã mù ươm cỏ
trải đá vườn sau, ơi cố nhân

cứ rụng từng theo mỗi chữ kinh
bài tâm — kinh động lá vô tình
chút hương phấn bướm lơi hàng dậu
ngộ được đời trong cái nhẹ tênh

cái có đùa chơi với cái không
cái ta đùa với cái vô cùng
mốt mai cỏ vẫn len đường đá
lá vẫn rơi từng cái dửng dưng

vũ kiện

---

tít mãi băng cuối của dãy bên kia; bạn nãy nhìn thoáng nhưng tôi cũng đã "nắm" được một gương mặt tai tái, già nua và không có gì đáng chú ý. Cạnh tôi, một bà đầm già mặc váy hoa sặc sỡ chưa chi đã nhắm mắt ngủ gà ngủ gật.

Xe bắt đầu lăn bánh về hướng bắc. Tôi vẫn chưa biết Le Touquet là chỗ nào, xe đưa tới đâu thì đưa, tôi đã trả tiền và được đi chơi, lại có lãi về sự hồi hộp. Ngoại ô Paris đìu hiu vô vị. Đường còn xa. Tôi đứng lên rướn người kéo chiếc xắc bên trên xuống. Một cái liếc nhanh đủ để thấy khuôn mặt nữ Á châu cận thị đang âu yếm nắm tay chàng Tây kế bên cũng đeo kiếng như nàng. Hai anh chị ra dáng một cặp vợ chồng trí thức. Ngồi xuống, tôi lục xắc tìm chiếc Walkman và mấy băng nhạc nghe cho qua thì giờ. Hơn nữa tôi không khoái tiếng ngáy nho nhỏ phát ra từ cổ họng bà đầm bên cạnh. Xe vẫn lăn bánh, ngoại ô đã hết và những cánh đồng lúa mì bắt đầu trải dài bất tận.

Lúc đứng dậy bỏ chiếc xắc vô ngăn đựng đồ, tôi không quên đẩy nhanh tầm mắt về phía cuối xe. Ông Á châu vẫn ngồi yên, nhìn kỹ không già lắm như tôi tưởng nhưng đồng thời cũng bắt gặp một con đầm trẻ ngồi ngay bên cạnh. Bồ hay vợ đây? Ngồi xuống ghế, tôi thấy bực mình với cảm giác bứt rứt của chính mình. Bứt rứt làm chi chứ?

Hắn là cái gì mà tôi phải bận tâm? Tiếng nói cười của đám trẻ lao xao vọng lại. Ai cũng có cặp có đôi cả, chẳng còn dư chỗ cho ai. Mà thật ra còn dư một chỗ đó chứ! Trong lần quan sát vừa rồi tôi nhận ra chuyến xe chật kín hết, trừ một chỗ duy nhất. Cái chỗ trống... không đúng chỗ đó coi mới vô duyên. Vậy ra hôm qua lúc tôi ghi tên chắc còn dư hai ghế cuối, lẽ ra đã dành cho tôi và... chàng của tôi. Tại tôi lẻ bạn nên chuyến xe cũng đành hoá lẻ. Tự nhiên tôi muốn khóc.

*
* *

Trạm dừng đầu tiên, Beauvais. Cho du khách thưởng ngoạn ngôi thánh đường nổi tiếng. Tôi xuống trước, kiếm một góc khuất đứng tô sơ lại son môi. Thành phố tỉnh lẻ nên còn yên tĩnh, ngái ngủ hơn Paris. Trời đẹp, nắng trong vắt rải xuống khoảng sân rộng lát đá vuông cổ kính. Từng người một nối đuôi nhau xuống xe, tay trong tay... Rõ ràng là từ già đến trẻ tất cả đều có cặp hết, chỉ trừ một vài ông bà cụ đi chơi một mình... và trừ hắn! Trừ tôi nữa chứ. Hắn bước xuống sau chót, ngơ ngác nhìn quanh một chút rồi cất bước. Trời ơi, chưa bao giờ tôi thấy chuyến du lịch nào nhiều cặp đến vậy, hay là điềm hên? Nhưng tôi biết hên với ai bây giờ ngoài... với hắn? Định mệnh gì ác độc, trao vô tay tôi một tên đàn ông hoàn toàn không phải mẫu người tôi mong ước! Cái mặt gì tai tái, rầu rầu, coi xỉn không chịu được. Trời đâu có lạnh mà hắn lại vận trên người chiếc áo khoác cũng tái tái màu nhà binh. So với hắn, tôi như một nàng tiên cánh trắng nõn nà. Nhưng thôi, ăn thua gì đến tôi, mình du lịch nghiêm chỉnh mà. Tôi phải đi dạo một vòng thành phố để chụp hình kỷ niệm. Thánh đường đóng cửa, mấy mạng cùng đoàn đứng chăm chăm trước cánh cổng khoá kín như đòi nợ, thấy tức cười. Tôi liếc ra xa, thấy hắn cũng đang rẽ vào phố. Có thế chứ, người Việt chúng tôi ít khi có kiểu cuồng tín kỳ cục vậy. Ỉ, sao tôi biết hắn người Việt? Không chừng Tàu, Nhật, Nam Dương hay... Thái Lan? Không, hắn chỉ có thể là Tàu hoặc Việt, Miên, Lào; chứ người mấy xứ kia trông chúng nó phương phi no đủ lắm, không có rầu rầu như vậy đâu.

Nửa tiếng sau dạo phố trở về, cửa thánh đường đã rộng mở từ hồi nào. Bước vô ngưỡng cửa, một tấm bảng to đập lên mắt: "Để còn mở cửa thánh đường này đến ngày hôm nay cho quý vị đến thưởng lãm, chúng tôi phải chịu những hy sinh lớn lao mà trong đó phí tổn mỗi ngày lên tới 1000 quan. Vậy xin quý vị cho vô hộp này ít nhất 5 đồng mỗi người..." Chúa ơi, vậy thánh đường hết làm chỗ thờ phượng, chỉ còn thuần tuý... dịch vụ du lịch thôi sao? Tuy vậy tôi chẳng hẹp hòi gì, tôi lại có nhiều điều để cầu nguyện lắm.

Thả bước trong thánh đường, tôi thành kính chiêm ngưỡng những đường nét tuyệt tác của người xưa. Lúc vòng ra phía sau đài tế lễ chính, tôi trông thấy hắn. Hắn đang đứng bất động, đầu ngước cao ngắm nghía ánh sáng vạn sắc tỏa ra từ tấm kính ghép vĩ đại, những màu sắc rời được kết hợp khéo léo mô tả lại cuộc đời Thiên Chúa. Trong không gian mờ tối, lớp ánh sáng thiêng liêng phủ ngập trên hắn làm nổi bật thân hình cao ráo cùng hai vai rộng... Hắn chợt quay đầu lại. Tôi nở nụ cười làm quen. Làm quen thôi, không có bậy bạ đâu, nụ cười đồng hương, đồng hội... đồng thuyền mà. Gót giày cao khi không khuyu xuống. Tôi chới với, suýt té. Trời ơi, nụ cười! Nụ cười gì lạ vậy, nó làm thay đổi khuôn mặt, nó rực lên trong bóng tối, nó đẹp y như là... tình yêu. Tôi hấp tấp bỏ đi, đôi giày đáng ghét kêu cộp cộp, cộp cộp vang rân giữa chốn trang nghiêm. Nhiều gương mặt quay nhìn tôi, nhíu mày khó chịu. Tôi bỏ nhà thờ, chạy sang trú ẩn nơi quán cà phê bên kia đường.

Chàng... chàng của tôi đó sao? Không, đâu được, người ta cười xã giao đáp lễ thôi, hy vọng gì? Với lại hắn đâu phải mẫu người của tôi, ngoài nụ cười... Ờ, sao hắn có nụ cười ác vậy, nó làm hắn biến đổi hắn ra người khác, nó chụp cứng thân thể tôi đem tới dí vô hai tay hắn. Tôi nốc cạn tách cà phê, cổ họng bỏng rát.

*
* *

Từ Beauvais trở đi, những cánh đồng lúa mì lại tiếp tục phô bày bộ mặt buồn nản của chúng đến tận chân trời. Hết đồng lúa nguyên tới đồng lúa cắt, rồi những rơm rạ được máy cuốn gọn thành từng cuộn lớn chờ dùng trải ổ cho súc vật... nối tiếp nhau không dứt. Những cuộn rơm tròn trĩnh nằm xếp hàng đều đặn ngay ngắn quá khiến liên tưởng đến những bánh xe lớn hay ống đúc bê-tông vừa chế tạo xong nơi xưởng máy. Cảnh vật chán ngắt. Tôi ngáp muốn sái quai hàm. Đã vậy còn kẹt xe, quốc lộ vừa hẹp vừa dài đặc cứng những chiếc hộp nhỏ li ti nối đuôi nhau di chuyển chậm chạp. Nhưng suốt thời gian đó tôi hết còn lộn xộn quay tới quay lui thăm dò. Tình hình rõ năm trên năm rồi, thăm dò gì nữa. Đối tượng của tôi ngồi đó, trên chiếc băng cuối xe, bây giờ chỉ có "lấy hay bỏ" thôi. Mà chắc tôi bỏ, từ lúc trở lên xe, hắn tựa đầu vô cửa kính ngủ gật y như bà đầm già kế bên tôi, coi hết hấp dẫn. Phải nói là hắn xấu trai, tuy từ khi "bị" thấy hắn cười tôi đã không còn dám chắc. Tôi không thể phê bình mũi hắn cao hay thấp, mặt hắn to hay nhỏ, đó là một gương mặt mờ nhạt không có đường nét rõ rệt, nên tôi chỉ có thể xúc động trên toàn thể, mà cái toàn thể đó tôi lại không ưa, nó tối tăm, tái ngắt, xoàng xĩnh. Nụ cười thánh đường của hắn không cứu vãn nổi, cả cái tướng có vẻ cao ráo cũng vậy. Vả lại hắn ngủ gật có nghĩa là hắn không mảy may chú ý tới tôi. Sao nhiều người có thể vừa đi chơi vừa ngủ gật hay vậy kìa? Tôi thì cảnh vật có chán mấy đi nữa tôi vẫn mở chong hai con mắt, tuy nhìn mà không thấy gì hết.

Đến Le Touquet đã quá ngọ. Hoá ra đây là biển. Tên nhóc hướng dẫn viên suốt chuyến xe vẫn câm như hến, bây giờ mới chỉ dẫn sơ sài đường vô thành phố với bãi biển rồi lặn mất. Tôi đứng lóng ngóng ở bãi đậu xe, phần vì không biết đường phần vì... chờ hắn. Chứ sao, tôi sợ gì không kết bạn bốn phương, đi chung một đoạn đường rồi chia tay, có hai đứa độc thân và cùng Á châu thôi mà.

Hắn xuống xe, không nhìn tôi, bước thẳng. Tôi chạy theo sau, la lên bằng tiếng Pháp:

— Ông! Ông! Nè ông... ông biết đường vô phố không?

Hắn dừng, ném cái nhìn lên tôi:

— Không. Tôi đến đây lần đầu, tên hướng dẫn viên chỉ đâu hướng này.

Hắn lại bước, tôi vẫn chạy theo phía sau. Hắn bỗng dừng chân, quay đầu, lưỡng lự nhìn tôi rồi nói:

— Cô không biết thì theo tôi. Tìm thế nào cũng ra, phố chắc nhỏ thôi.

Tôi tiến lên đi song song. Hắn lầm lũi bước tiếp.

— Không biết chỗ này có gì đẹp không ông?

— Chẳng hiểu. Lát nữa sẽ biết.

Nói năng gì cộc lốc. Tôi muốn gợi chuyện nhưng hết hứng. Bụng tôi cồn

cào, xe đến trễ hơn giờ dự định, chắc ai nấy đều lo đi kiếm gì ăn trước. Tôi nghe gió biển thổi rì rào phía xa và khoảng trống mênh mông của trùng dương thấp thoáng hiện ở cuối đường.

— Ông biết quán ăn nào khá không?

— Không. Mình vô đại quán nào đó, thiếu gì!

Ì trời, tôi chưa đòi mà hắn rủ tôi đi ăn chung trước. Nhưng cái mặt hắn lầm lì, lạnh lẽo, làm như không có chút hứng thú nào được quen với tôi. Rốt cuộc hai đứa cũng ngồi đối diện nhau trên khoảng sân trước của một nhà hàng nhỏ. Thành phố không đẹp lắm nhưng có lối kiến trúc lạ, hơi giống kiểu nhà bên Anh. Kêu món ăn xong, tôi sốt ruột hỏi hắn câu hỏi đã định từ lâu:

— Ông biết nói tiếng Việt không?

Hắn không đáp. Hai con mắt nhìn tôi. Chúng sáng lên một cách kỳ cục, chúng lướt tới rơi trên mặt mũi tôi rồi dừng lại không chịu rời đi nữa. Cái ánh sáng tôi mới "nếm mùi" trong thánh đường. Chân tay tôi bủn rủn.

— Tôi đã tưởng cô không phải người Việt.

Hắn nói tiếng Việt ngon lành, chẳng những trơn tru mà còn trầm ấm quyến rũ kiểu Sài gòn. Trời đất ơi, tôi đang rơi xuống cái hố thẳm nào đây. Tôi đâu có tính "chịu" hắn, sao mạch máu tôi chạy rần rần vầy nè?

— Nếu tôi không phải người Việt chắc ông không chơi? Tôi đốp chát.

— Bậy, người xứ nào mà không chơi được, nhưng đồng hương là cái quý.

Ờ, đúng rồi, hắn chỉ "quý" thôi, hắn đâu có chịu tôi? Nhưng hắn có lý; Tàu, Nhật, Đại Hàn gì cũng "yêu được" hết, nhưng vì hắn là đồng hương nên hắn đã có lợi khí, nên tôi mới bủn rủn kỳ cục. Hai ánh sáng biến đi, hắn lầm lì ăn, ít nhìn tôi. Hắn không hỏi tiếp tôi trước ở đâu, qua đây năm nào... Tôi cũng không buồn hỏi. Hỏi làm gì chứ, ai qua đây đều mang sau lưng một tâm sự riêng, một trời sầu đất thảm, kể tới kể lui cũng vậy thôi. Tự nhiên tôi thèm thấy hắn cười.

Ăn xong, mạnh ai nấy trả tiền rồi hai đứa đi loanh quanh ngắm phố. Phố nhỏ xíu, chưa đi đã hết. Ngoài mấy ngôi nhà lạ mắt với kiểu hàng hiên rộng rinh, thoáng mát phía trước làm gợi nhớ bầu không khí nhiệt đới, còn thì không có gì để xem. Chỉ những cửa tiệm quần áo, nữ trang... là ê hề. Tụi tôi bàn nhau ra ngắm biển, với lại biển là thú giải trí chính của La Touquet mà.

Vừa hí hửng trông thấy biển, chúng tôi cũng thấy luôn một toà bê-tông khổng lồ nằm chình ình trên cát, chiếm gần hết diện tích bãi: Aqua-lud. Toà bê-tông đó tên Aqua-lud. Hai đứa ghé mắt nhìn ké qua mấy tấm kính lớn: bên trong nào là hồ bơi, cầu tuột nước, cây dừa giả bằng giấy... và những nhà hàng bàn ghế bề bộn, vừa ồn ào vừa trơ trẽn giống không khí các cửa hàng ăn uống quốc doanh ở Sài gòn hiện nay. Thiên hạ nằm xếp hàng thỗn thện phơi nắng sau từng ô kính an toàn, kín gió. Không bảo nhau, chúng tôi lặng lẽ rút lui. Tôi không có chút hứng thú nào để đi chơi biển mà còn chui đầu vô toà bê-tông đó, còn hắn thì không biết cùng ý nghĩ, hay tại giá tiền vô cửa? Chung quanh Aqua-lud, trên những khoảng bãi tự do còn sót lại, du khách cũng nằm ngồi la liệt nhưng khổ nỗi toà nhà giải trí đó lớn quá, đứng ở góc nào, điểm nào trên bãi cũng thấy nó, cũng bị cái bóng khổng lồ của nó đập vô mắt.

Tôi với hắn đi dọc theo mé nước về phía những cồn cát cuối bãi. Từng đợt sóng chao lượn chập chùng khắp mặt biển ùa về nằm lênh láng trên cát ẩm, vỡ thành những gợn bọt trắng xóa lăn tăn dưới chân chúng tôi. Trời gió lộng, quất vào mặt mũi làm nổi gai ốc. Tôi níu nón, giữ áo, xách giày, lớp váy dán sát vào hai bắp đùi như cũng muốn bay. Nước biển miền bắc Pháp lạnh như nước đá... Chúng tôi đi ngược gió, khó khăn lắm mới đến được khu cồn cát. Tôi rủ hắn leo qua bên kia cồn. Chỗ này vắng người, bóng dáng khổng lồ của Aqua-lud cùng đám người trên bãi đã bị che khuất. Hắn có vẻ cũng hài lòng với khung cảnh. Hai đứa ngồi nhìn biển, vơ vẩn nhàn hạ. Sao tự nhiên lại

khi ta nhớ

Lâu nay ta nhớ ánh trăng thanh
Nhớ liễu buông lơi phủ trước mành
Nhớ cả con đò phơi bến vắng
Ngày tàn nắng mới thoáng mong manh

Ước gì thấy được bóng chiều quê
Lòng trẻ nôn nao ngóng mẹ về
Nước mắt chảy dài ôm vạy mẹ
Láng hồn nghe tiếng muỗi vo ve

Kìa rặng trâm bầu đứng đợi em
Bước vừa đủ nhớ sợ lầm tên
Nhờ ơi em biết lòng ai nhỉ
Cầu ván chia hai mộng ước nguyền

Cây bưởi giao mùa mỗi độ hoa
Quen mùi hương tóc bước lần qua
Một trời thu nhỏ quanh bờ giếng
Em đứng vàng hanh áo lụa ngà

Ta nhớ hè về hoa phượng rơi
Rưng rưng máu nhỏ tim bồi hồi
Cổng trường thơ thẩn mong em đến
Tiếng guốc reo vui bước chẳng rời

Chỉ thơ biết được trái tim ta
Lòng giấy mênh mang ý mực nhoà
Nét chữ run run niềm trắc ẩn
Thơ gào từng chữ ngút phong ba

Buồn buồn nhớ lại câu ca dao
Ví thử thân em tấm lụa đào
Phơ phất vào tay thằng phải gió
Ngậm ngùi ta đứng giữa lao đao!

phạm quang ngọc



rủ nhau vào ngồi trong cái góc này, tôi buồn cười tự hỏi, định mệnh nào đây? Một lúc, hắn chợt hỏi tôi:

— Hình như cô thất vọng vì chuyến đi này lắm?

Tôi nhún vai, bí mật:

— Không hẳn, cũng có cái thích thú, khám phá riêng...

Hắn cười:

— Cô biết tôi nghĩ sao về Le Touquet không?

Tôi ngẩn ngơ nhìn: hắn vừa cười! Ơ, hắn vừa cười thiệt. Một nụ cười rất nhẹ. Tôi không thể dối mình được nữa. Nếu chịu khó nhìn gần, nhìn kỹ, hắn dễ thương chi lạ, nhất là khi hắn cười. Nụ cười như cởi bỏ tấm mặt nạ, làm lộ ra một phần tâm hồn người chủ nó. Hắn đâu có quá xấu xí, tầm thường. Hồi xưa, lúc còn trẻ hắn không thể tệ. Thời thế, thất bại đã phủ lên gương mặt hắn một màn sương mù, đã hút dần đam mê và lý tưởng khiến ánh mắt trở nên tăm tối, màu da xanh tái.

— Thành phố này làm tôi nhớ đến một bài hát cũ, tuy nơi này không có núi và bài hát lại không có biển. Cô có nhớ bài hát đó không?

— Ông hát đi!

Tôi nói, cảm thấy một sự thân gần tự nhiên đến giữa hai đứa. Hắn nhìn tôi một thoáng rồi quay nhìn biển, giọng nho nhỏ ấm áp tan đi trong gió:

Phố núi cao, phố núi đầy sương

Phố núi cây xanh, trời thấp thật buồn

Anh khách lạ, đi lên đi xuống...

Trời ơi, hát tiếp đi chứ, sao khi không ngưng vậy. *May mà có em, đời còn dễ thương*. Hắn nín thinh, điệu bộ luống cuống rõ rệt, làm như hắn mới chợt nhớ ra trong bài hát có hai câu "chết người" đó. Vậy ông hát đoạn dưới đi, đoạn dưới cũng hay lắm: *Phố núi cao, phố núi trời gần. Phố xa không xa nên phố tình thân, đi dăm phút đã về chốn cũ, một buổi chiều nao lòng bỗng bâng khuâng*. Hắn không thèm hát nữa. Hắn có vẻ hối hận còn tôi ấm ách. Biển động, mặt biển giận dữ gầm thét. Tôi thấy cần phá tan bầu không khí im lặng đã làm nổi lên quá rõ tiếng gầm gừ của biển.

— Ông có thấy toà Aqua-lud đó là một sự có mặt vô lý không?

Hắn thoải mái trở lại, môi phác nhẹ nụ cười:

— Tôi cũng thấy thế. Nhưng tôi nghĩ cô nên thông cảm họ thì hơn. Miền bắc Pháp không may mắn có được khí hậu nóng ấm, núi biển ngoạn mục nên nếu không muốn đi xa, chỉ còn cách chịu khó tắm biển ở bất cứ khoảng bãi nào dùng được. Cô không thấy họ tội nghiệp sao?

— Tôi muốn nói đến cái khiếu thẩm mỹ. Dân mình tuy đa số học kém, quê mùa nhưng tôi nghĩ cái bản chất nghệ thuật của mình hơn họ.

Hắn cười thật tươi, tươi quá sức. Trời ơi, tôi choáng váng muốn té lăn xuống chân cồn.

— Cô yêu nước quá lắm. Nhưng thật ra tôi cũng vậy, tôi không cãi đâu. Văn hoá của ta khác họ nên không thể so sánh.

Nè chàng, chàng của em, sao không ôm em hôn một cái say đắm, em đang sẵn sàng té vô lòng chàng đây. Nhưng tôi vội xấu hổ. "Xen" mùi mẫn của chàng với tôi lúc này sao giống tiểu thuyết dã sử ái quốc quá, có vẻ không thật. Dù gì thì gì, tôi biết khả năng chống cự của tôi từ giây phút này đã ngưng hoạt động. Hắn hội đủ điều kiện làm "hoàng tử của lòng em". Một luồng gió mạnh len vào khe hở giữa hai cồn cát, thổi tung, làm dậy lên những tấm màn cát mỏng phấp phới rạt rào. Tôi quay mặt, giữ nón. Cát trắng li ti vỗ bập bập bên vành. Hắn cởi áo khoác đắp lên vai tôi. Cơn gió rút đi, những hạt cát lao xao rơi xuống nhập vào nền cũ, run rẩy động đậy một chút trước khi ngừng hẳn.

— Chắc cô cũng tự hỏi vì sao tôi ghi tên đi du lịch một mình?

Tôi nhìn hắn bỡ ngỡ. Mặt hắn đã khép kín, rầu rĩ u ám như trước.

— Lẽ ra tôi đã không đi, cô à. Nhưng suốt ngày cặm cụi sửa chữa máy điện toán, tối về ăn ngủ vội vã chỉ có cuối tuần, ngày lễ là thảnh thơi; đến khi được thảnh thơi lại không biết làm gì cho hết ngày. Bạn bè độc thân đàn đúm thì nhiều nhưng làm sao tìm được người đồng tâm cảnh? Không, tâm cảnh có đấy nhưng hầu hết chúng nó muốn quên, muốn tìm vui trong men rượu. Trước lễ, tôi đã hình dung thấy những bữa nhậu quên trời đất và cái cảm giác đắng chát rời rã của ngày hôm sau thức giấc. Tự nhiên tôi quyết định làm một cái gì khác, tôi muốn một sự thay đổi.

Hắn ngó xa xa ngoài khơi, ánh mắt lạc trong suy tưởng.

— Tôi biết ông có tâm sự buồn, tôi cũng đâu hơn gì. Tâm sự của tôi ở rất xa, tận bên kia biển, bên Mỹ... Tôi nghĩ điều quan trọng là quên và làm lại.

Mắt hắn mở đi, phản chiếu màu xanh chao động của trùng dương:

— Cô nói đúng, ai cũng có tâm sự hết. Tâm sự của tôi cũng là biển, dưới lòng biển...



Hắn chợt ngước đầu lên trời, nhắm mắt rồi mở ra thật nhanh. Một hơi thở mạnh thoát ra từ lồng ngực.

— Tôi làm cô buồn. Chuyện riêng tư, nhàm chán quá sao bắt cô nghe. Mình nói chuyện khác đi.

Tôi muốn nói với hắn: nói đi ông, tôi đang nghe ông đây, tôi sẵn sàng nghe. Chuyện của ông riêng tư và tầm thường vì trùng hợp với hoàn cảnh nhiều người thật nhưng có một người biết lắng nghe, biết chia sẻ cũng cần thiết lắm chứ không sao! Cha mẹ ông kẹt lại, vợ con ông chết ngoài biển ư, hãy giải thoát hết ẩn ức, dằn vặt đó với tôi đi, rồi ông sẽ bay bổng nhẹ nhàng, sẽ làm lại... cùng tôi.

— Tôi bất lịch sự quá cô nhỉ? Không hỏi han gì đến cô mà chỉ kể lể về mình thôi. Chắc cô chưa thấy ai đáng ghét như vậy?

— Không có gì đâu ông...

Sao tôi chỉ nói được có bấy nhiêu? Tôi còn muốn nói nữa mà, tôi muốn nói ông không bất lịch sự đâu, rất lịch sự nữa là đằng khác. Ông không hỏi chuyện tôi vì ông muốn tránh né. Ông dư biết tôi cũng lẻ bạn, cũng cô đơn, gia đình kẹt lại đâu đó bên nhà, ngày lễ buồn muốn chết nên mới ghi tên đi chơi cù bơ cù bất một mình. Trời ơi, sao hắn không chịu làm một "bước đầu tiên", hắn chờ đợi gì nữa, sắp đến giờ xe chạy rồi.

Hắn không nói thêm tiếng nào nữa, lạnh lẽo thờ ơ. Tôi có gợi hắn cũng chỉ ậm ừ tiếng một. Thời gian trôi qua không thương tiếc. Chỉ còn 15 phút nữa hết giờ. Tôi uể oải đứng lên cởi trả áo khoác, hắn cầm lấy không nói, không nhìn. Một ý tưởng điên rồ vụt đến, tôi muốn cởi tung hết mớ quần áo, đồ lót còn lại trần truồng trước mặt hắn. Một lần. Tôi phải đến với hắn một lần bằng đôi môi cong cong đẫm nước biển, ngọt ngào như nữ thủy thần của mộng tưởng hắn vừa chợt bước lên từ mặt nước xanh động cuồng nhiệt buổi chiều nay.

Chúng tôi lặng lẽ đi hàng một nối đuôi nhau rời khỏi cồn cát, giống hệt khi đã đến. Những dấu chân chồng chất dẫm trùng lên nhau cuối cùng giống vết tích bỏ lại của một người duy nhất, cô đơn.

*
* *

Xe ca về tới Paris màn đêm đã buông khắp thành phố. Suốt chuyến xe tôi ngả người bất động trên ghế. Cảnh vật nhàm chán đều đặn lướt qua như một cuốn phim quay ngược. Bà đầm già kế bên vẫn ngáy đều. Hắn không ngủ, nhưng hắn bình thản không buồn nhìn về phía tôi. Quay tới quay lui chỉ mỏi cổ nên tôi buông mình nhắm mắt. Vậy là hết. Cảm giác chán ngán dâng lên tận cuống họng, cái vị đắng chát rã rời như hắn sau mỗi lần tỉnh rượu, như tôi sau mỗi cơn hoan lạc trở về. Tôi thấy đau như đứa con gái trinh tiết mãn cuộc mới hay bị phản bội, bị lừa dối, dù hắn chưa thèm đụng tới sợi lông măng tôi. Còn gì nữa, những tình cảm, cái nhìn, lời nói tôi trao cho hắn trong cồn cát chúng trong trắng, thành thực quá sức. Tôi đến với hắn đường hoàng, chân tình mà. Tôi đâu có đem xác thịt ra cám dỗ hắn? Tôi đến với hắn bằng tấm lòng của đứa con gái còn trinh, hắn rờ rẫm, xé rách rồi thẳng tay dứt bỏ. Cái đau nằm trong óc, trong tim buốt rát hơn cái đau thể xác. Hay tại tôi đứng đắn quá nên hắn mất hứng? Tại tôi không biểu diễn cặp môi dẫy lợi hại đầy nhục dục khiến hắn chán nản rút lui? Đúng rồi, hắn cũng cá mè một lứa như tất cả bọn đàn ông khác đã từng chồm qua thân xác tôi. Tầm thường, thô bỉ quá!. Tôi mở hộp trang điểm tô lại phấn, đánh lại môi. Đường viền đen dưới mắt lấm lem, tôi lau sạch, kẻ lại thật đậm. Tôi cần rực rỡ khi bước xuống xe. Tôi cần làm một kiện tướng hiên ngang thản nhiên rong ngựa trở về. Tôi không phải là kẻ chiến bại. Tôi tháo nón, sửa lại những cánh hoa hồng phấn đã tơi bời vì gió.

Xe đỗ bến. Cùng một chỗ với buổi sáng. Thành phố vẫn vậy. Cuộc đời vẫn thế. Căn nhà hoang lạnh, cái két tính tiền trong siêu thị, ngày mai, ngày mốt và những ngày tiếp nữa, rồi những cuối tuần, những ngày lễ mới. Tôi bước xuống, đặt chân lên mặt đất của cái thành phố đã háo hức rời bỏ buổi sáng, cảm thấy tất cả sự trống trải của một kiếp người. Tôi bỏ xe ca, lững thững cuốc bộ ra bến tắc-xi. Liếc mắt, thấy đoàn người cùng chuyến đã bắt đầu tản mát. Hắn cũng quay lưng, đi về một hướng khác. Vậy cho xong, không một lời chào giã biệt. Có gì mới mẻ đâu? Tôi thấy giận cái liếc mắt của mình, bộ đáng vấn vương, tiếc nuối gì sao? Bến tắc-xi thấp thoáng hiện ra. Không biết sao tôi lại dừng, lại quay đầu, liếc thêm một cái. Bọn trẻ cười nói vang rân một góc, mấy ông bà già còn tụ lại tán chuyện kể cà, một bà cụ cô đơn xách túi băng ngang con lộ. Và hắn đứng đó, nhìn tôi.

Rồi tiến đến. *Au revoir* cô, chúc về mạnh giỏi. Vô duyên chưa? Cám ơn. *Au revoir* ông. Rồi quay lưng đi. Rồi quay lưng lại. Rồi dúi vô tay mẩu giấy xé rời có ghi nhiều con số. Điện thoại tôi, nếu cô muốn.. Bối rối. Dợm bước. Cái mặt thấy tội nghiệp. Bốn chục tuổi đầu mà như con trai mới lớn. Tôi níu cánh tay hắn:

— Ông về tính ăn gì, ăn đâu?

— Chắc mì gói hay vô đại quán nào... Trễ quá nấu ăn không kịp. Ấp úng đáp.

— Tên hướng dẫn viên ác thiệt. Trễ giờ, tính chạy luôn một mạch về Paris không ngừng cho mình ăn, thì hồi ở Le Touquet phải báo trước để cho mình mua bánh mì, thức ăn mang theo chứ phải không ông? Tiết kiệm lời nói thấy mà sợ... Bây giờ đói muốn chết.

— ....

— Nhà tôi còn nồi thịt kho sẵn, có củ hành, dưa giá muối nữa. Chỉ cần bắc nồi cơm thôi. Lâu rồi chắc ông không có dịp ăn cơm Việt Nam nấu ở nhà. Hay ông ghé tôi, ăn luôn...?

Tôi tính nói thêm, ông có thấy vô lý không: ông thì không có ai nấu cho ăn, còn tôi không biết nấu cho ai. Hai cái "không" sao không ráp lại thành một cái "có"? Nhưng có lẽ chẳng cần nói thêm một điều gì nữa.

— Ừ, như vậy đi!

Hắn đã đáp với một nụ cười. □

---

thơ
nguyễn văn ngọc

nhớ

em che dù qua phố
mưa trót vạt áo bay
hiên người tôi đứng nhớ
mưa Đà lạt quất quay

gọi

bên kia biển là nhà
rào kín bằng chủ nghĩa
hỡi những ai hẹn về
góp tay cùng xuyên phá.

khuất

hạn hán có khi mưa
sau mùa đông, nắng tới
tình đã chết xa xưa
đâu dễ gì sống lại.



Thượng-Uyển Bỏ Hoang

Trần Vũ

Trời xế trưa, nắng gay gắt và vàng sậm. Tôi dựa lưng vào vách tường hoen ố phía sau, đổi cách ngồi cho đỡ mỏi. Những người chung quanh cũng vươn vai, đổi chỗ và xê dịch sao cho được thoải mái. Ba bốn tiếng đồng hồ chụp giật làm ai nấy thấm mệt. Lợi dụng lúc thưa khách, mọi người lui vào lề tìm chút bóng râm. Tôi kéo thấp chiếc nón lá che ánh nắng đang nung dòn trên mặt. Nắng từ mái tôn cũ tả tơi, rơi đổ lên đám người lây lất lúp xúp dưới đất. Màu da mọi người bình thường xanh xám, lúc này pha trộn màu nắng thành màu vàng đặc biệt. Không phải màu vàng nghệ hay màu vàng lá mạ cổ điển mà là màu vàng úa gần tiệp với màu lá chuối, tựa tựa phân ngựa. Thứ màu ngày xưa tôi thường dùng để đánh lớp đầu tiên cho dầy phông. Tôi biết mình cũng giống như những người ngồi đây, đang phát sinh cho xã hội một trường phái mới. Một trường phái thực tiễn sống mà ngoại kiều về nước ai trông thấy chúng tôi cũng đều liên tưởng đến những tranh lập thể, mang hình thù kỳ dị. Thật vậy, nhìn lũ chúng tôi thân thể tiều tụy, màu da vàng tái không ai không nghĩ đến những người mẫu trong tranh, cổ dài ngoẵng và chân tay khẳng khiu. Tuy nhiên sáng hôm nay, những bức họa lập thể ấy đều tỏ vẻ hài lòng, ít hằn học so với ngày hôm qua. Quả tình nếu hình thù chúng tôi có vẻ lập dị, thì đầu óc lại rất đơn giản. Chỉ cần nửa ngày trôi qua bình yên, không phải ôm đồ chạy tháo thân là chúng tôi mãn nguyện.

Giờ mua bán đã qua, con đường trở lại thưa vắng và yên lặng. Tôi thả rơi tầm nhìn mệt mỏi lên khu phố một thời là đại lộ chính của Sài gòn. Những buyn-đinh cũ được sơn phết, nhiều tấm bảng mới sơn, màu hãy còn tươi; bồn nước đang phun, đồng hồ được thay pin tiếp tục quay; một số hàng rào mái ngói được sửa sang phô diễn cố tình làm đẹp, đập vào mắt du khách. A thì ra nhà nước đang ra sức kiếm ngoại tệ bằng công trình xây cất của Ngụy ngày xưa. Tia nhìn tôi vừa chạm phải hình ảnh toà nhà Hữu Nghị. Tòa cao ốc vòi vọi, ngất ngưởng cho tôi cảm giác đang ngồi dưới đáy vực. Thời trước, mỗi lần đi ngang hotel Palace tôi đâu có mặc cảm thấp hèn như bây giờ. Kể cũng không có gì lạ , thường người ta chỉ biết mình ngã xuống vực khi đã rơi đụng đáy, còn mới trượt chân thì không ai biết mình đang rơi.

Có tiếng lục đục bên cạnh. Ông cụ thuộc diện không còn sức lao động, nuôi tuổi già bằng nghề bơm rửa viết máy, lấy trong bọc ra một gói khoai

sắn, chậm rãi đưa bàn tay dính mực lên vuốt cổ họng sau mỗi bận nuốt xong một miếng sắn. Ông cụ là một trong số ít người còn giữ thói quen ăn trưa. Đại đa số chúng tôi thường bỏ bữa trưa, phần vì muốn tiết kiệm, phần vì dạ dày đã quen với khẩu phần ít ỏi thường nhật, không ăn được nhiều vì bụng sẽ đau.

Lề đường lúc này bừa bãi. Những món hàng mà mọi người chất xếp lây lất hờ hững. Trong ngày, có lẽ giấc trưa là lúc những kẻ chợ trời như tôi đăm chiêu và ít tha thiết với vốn liếng của mình nhất. Ở cái lúc mà khách mua đã vãn, đã về nhà dùng cơm hay quay về sở làm, người bán chợ trời không biết làm gì hơn là thả rơi suy tư của mình vào khoảng không. Ít ai ngờ những kẻ sống lê lết trên vỉa hè tìm cơm áo qua ngày như lũ chúng tôi lại hay suy tưởng như một triết gia. Từ lâu tôi đã sớm nhận rõ tính ưu việt của chế độ này là giúp cho con người biết tách rời cái tâm của mình ra khỏi thân xác. Tất cả người dân Sài gòn "tiên tiến" đều hướng nội, điều khiển tâm thức như một thiền sư. Những khi đói khổ, người ta cho tâm sống với quá khứ, dĩ vãng một thời ấm no. Gặp lúc tuyệt vọng tâm sẽ được cho đi trước thời gian để sống với mơ ước về một vùng đất mới hay một đổi thay. Bằng cách này hay cách khác, người Sài gòn sống ở ngoài không và thời gian thực tại. Họ sống ở hai đầu mốc thời gian, hoặc ở tận cùng quá khứ, hoặc bên kia tương lai, nhưng không bao giờ giữa thì thực tại. Thực tại giản dị đã trở thành một thì của u tối. Chỉ cần ngồi ở lề đường này vài ba tuần lễ, qua những giấc trưa im lìm như hôm nay là tôi khám phá ra được điều ấy. Những tia nhìn quen thuộc của bạn hàng mà hằng ngày tôi bắt gặp rơi rớt trên vỉa hè, vào giữa trưa như có sức bay bổng chuyên chở cả một phần đời người mang nó. Những tia nhìn ban đầu khởi đi từ tròng mắt luôn ánh màu xanh hy vọng, trôi ra xa mông lung chơi vơi một lúc trước khi hụt hẫng để rồi sau cùng chỉ còn màu xám u uất. Tôi ở trong cùng tình trạng với các đồng nghiệp đang ngáp ngắn ngáp dài chờ khách. Nhưng tôi không đẩy tâm thức ra xa, không giết nỗi lo âu buồn bã, đói lạnh của mình bằng cách ấy. Có lẽ vì tôi theo ngành hội hoạ từ thuở niên thiếu, nên gặp lúc khốn khó, tôi tập nhìn đời như nhìn những bức tranh, không để ám ảnh bởi màu sắc hay khủng hoảng bởi hình ảnh. Tôi cố tìm cho mỗi bức tranh đường nét, góc cạnh và vị trí riêng nó, để tôi có thể nhìn bức hoạ của chính mình, của những âu sầu khốn khổ ở góc cạnh tương đối bớt phũ phàng, một góc tiếp thu riêng biệt mà tôi có thể lọc lại màu sắc, làm vơi dịu bớt cường độ mà người thợ sơn cộng sản đã áp đặt bằng bạo lực. Năm năm qua, từ ngày phải rời hội nhà giáo, nếu cái nghề hội hoạ không còn giúp tôi kiếm sống, ít ra nó cũng giúp tôi chịu đựng, làm vơi dịu màu sắc hằn học của đời khi phải trực tiếp thâu nhận. Lâu lâu tôi vẫn có thể sáng tác, vẽ vời trong trí tưởng...

Mải suy tư, triết lý vơ vẩn mà Cường đến lúc nào tôi không hay. Gã con trai khoá bánh xe đạp, đến bên tôi cười:

— Cô đang "vẽ" phải không? Từ xa thấy đôi mắt cô mơ màng là Cường đoán liền.

— Vẽ vời gì, tôi chỉ nghĩ lung tung cho qua thì giờ.

Tôi hơi ngước mặt, đủ để cho tầm nhìn đọng lại trên khuôn mặt Cường mà không bị nắng chói.

— Cô bán được khá không?

Tên con trai hỏi, nụ cười vẫn còn nở trên môi.

— Cũng tạm. Bán được ba ống kem đánh răng và một bịch sữa bột Liên xô. Hy vọng chiều khá hơn.

Tôi vừa trả lời vừa đưa tay chỉ mấy món hàng còn lại bầy trên tấm ny-lông. Kể ra bán chừng ấy là gia đình tôi đủ sống hôm nay, nghĩa là có đủ tiền mua nửa ký mì sợi và ít ngô khoai cho hai đứa con tôi và mẹ chàng. Nhưng nếu muốn bữa ăn có thêm rau cải và chút cá kho thì thật tình tôi cần phải bán thêm gấp năm, sáu lần những món đồ vừa bán. Nói vậy để so sánh chứ tôi làm gì có vốn để mua nhiều mặt hàng.

— "Đạt" rồi, cứ coi như cô không bị cháy giáo án hôm nay.

Gã con trai nhìn tôi cười chế giễu, mặt mũi nó sạm nắng, tóc tai chấm ót.

Cường là học trò tôi hồi còn dạy hội hoạ cho trường Lasan Taberd. Tôi tình cờ gặp lại nó năm ngoái, trên vỉa hè cư xá Tam Đa. Cường cao lớn và có dáng dấp thanh niên so với hình ảnh đứa học trò nhỏ năm xưa nên tôi không nhận ra. Cường phải nhắc rõ tên tuổi và lớp cũ tôi mới nhớ. Lúc đó tôi đã bắt đầu lây lất ở chợ trời. Cường khuyên tôi bỏ lề đường Lê Thánh Tôn, dọn về bán ở hè phố Nguyễn Huệ vì theo Cường, đại lộ Nguyễn Huệ "sang" hơn, có nhiều cán bộ cao cấp và vợ con từ Bắc vào mua sắm. Nguyễn Huệ cũng kém xô bồ và ít náo động hơn các khu khác, lại có nhiều kiosque bán hoa và sông nước Bạch Đằng thơ mộng, thích hợp cho tâm hồn một cô giáo dạy vẽ như tôi! Từ đó Cường thường hay lui tới chỗ tôi ngồi, chuyện vãn và cùng "phụ" suy tư với tôi những khi vắng khách. Cường đã thôi học từ năm 77, hành nghề mua đi bán lại đồng hồ cũ mà khách phần lớn là bộ đội miền Bắc. Công việc theo lời Cường rất khả quan, tuy nhiên Cường dấu nhẹm địa điểm buôn bán và chẳng bao giờ muốn bàn với tôi về việc buôn bán của nó, vì lý do nào thì cho đến hôm nay tôi vẫn chưa rõ.

Gã con trai ung dung ngồi xổm trên đất, lôi trong túi giấy đem theo hai trái bắp nướng và một bọc xôi vò.

— Sáng nay Cường vô mánh, chớp được cái đồng cũ mà bán cho anh bộ đội lời quá. Cường mua chút đồ ăn cải thiện, cô cưa đôi với em nghe.

Cường chìa cho tôi trái bắp nướng sau khi khoe thành tích, nụ cười hĩnh như ít khi tắt trên môi nó. Cường đang ở vào lứa tuổi đẹp nhất của đời người, lứa tuổi mới lớn, hồn nhiên đón nhận cuộc sống bằng tấm lòng cởi mở, bao dung. Dù xã hội bây giờ khó khăn và tàn bạo, tuổi trẻ vẫn không than van vì giản dị là chúng chưa biết hận thù. Cái ngày mà Cường biết đến thù hận, chắc sẽ làm tôi đau đớn lắm. Thế hệ chúng tôi đã không cứu vớt được tuổi trẻ hôm nay, thế hệ sinh sau đẻ muộn giữa oán thù, tranh chấp mà hoàn toàn không hiểu vì sao.

— Sao Cường cho tôi hoài thế? Tôi nợ em nhiều quá biết lấy gì mà trả!

Tôi ngập ngừng, ngại ngùng khi đón nhận trái bắp từ tay đứa học trò. Nó nuôi tôi bằng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Không có Cường chắc tôi đã bị lừa gạt, bị bắt hay sạch vốn liếng từ lâu. Và nếu Cường không đến như cơn gió mát làm dịu bao trưa nồng oi ả, chưa chắc tôi đã chịu đựng được một mình gần năm trời, đơn độc không bạn bè, không chút an ủi trên vỉa hè thành phố.

— Sao cô cứ kể lể ơn nghĩa làm em mệt. Sống lúc này có đồng nào mình phải ăn ngay vô bụng đồng đó, để lâu... nhà nước dám đổi tiền nữa! Cô ăn đi chớ, dòm Cường chi dữ vậy. Ăn bắp bây giờ là mốt đó cô biết không?

— Ăn bắp nướng mà cũng có "mốt" nữa à?

— Suya! Ăn bắp nướng là phong trào được nhân dân cả nước ưa

chuộng. Này nha, bắp nướng có thể để dành hai, ba ngày mà không sợ hư. Khi ăn tập thể, dễ dàng chia khẩu phần, còn lúc nhơi một mình mà muốn cần kiệm thì ăn một hàng thôi, mấy hàng kia để dành ngày mai. Ăn hết còn đói... mút cái lõi cũng đã!

— Hay quá mà tôi không biết!

— Chứ sao cô. "Nhân dân ta anh hùng luôn có truyền thống phát huy tính thực tiễn Mác-Lê, phổ cập vào đời sống..."

— Thôi đủ rồi cậu nhỏ!

Tôi xua tay nhắc cho Cường biết đang ngồi ở vỉa hè chứ không phải giữa hội trường kiểm thảo. Đặc điểm của lớp trẻ như Cường là nói năng thuần thục và nhuần nhuyễn những từ mới, những châm ngôn cổ động mà nhà nước không ngừng ra rả trên các loa phóng thanh nơi phường, khóm. Riêng Cường thì mỗi bận sửa được một từ mới thì nó hả hê và thích thú lắm, tự cho rằng đã thấm nhần sâu rộng tư tưởng Cách Mạng. Chẳng hạn như hai câu "Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" và "Bàn tay ta làm nên tất cả, dưới sức người sỏi đá cũng thành cơm", giới trẻ Sài gòn sửa lại là "Đâu cần thanh niên trốn, đâu trốn được có thanh niên" và "Bàn tay ta làm nên tất cả, dưới sức người sỏi đá vẫn còn nguyên" mà Cường rất thích, đọc đi đọc lại cho tôi nghe.

— Này cô,...

— Gì?

Tôi hỏi, lúng búng những hạt bắp trong miệng.

— Cường vừa sáng tác được một bức tranh mới chiến lắm.

Gã con trai vừa nhai vừa kể. Nét mặt nó thôi tinh nghịch, vẻ quan trọng như lúc sắp đem nộp bài thi. Từ lâu tôi và Cường thường hay trao đổi hoạ phẩm trong trí tưởng cho nhau "xem". Một cách giải trí vô hại mà không tốn tiền. Nếu Cường có vẻ bương chải và hơi du côn ngoài đời, thì nó lại cũng rất nghệ sĩ. Cường đam mê hội hoạ như tôi, nó lại rất thích vẽ tưởng tượng trong đầu vì cho rằng dễ dàng bôi xóa.

— Để em kể cô nghe.

Cường nói mà mắt chong lên bầu trời rợp bóng me.

— Cường vẽ bức tranh có bầu trời trên một thành phố. Bầu trời lớn chiếm hai phần ba bề dọc khung. Nền trời hình thang ngược hai bên góc và nhỏ dần chính giữa cho bức họa có chiều sâu. Đố cô nền trời em tô màu gì?

Cường chợt quay lại, bí mật.

— Xanh lơ hay xanh cẩm thạch?

— *Chật lắt!* Mấy màu đó thường lắm. Cường chơi màu đỏ, đỏ tươi pha chút xíu boọc-đô thôi.

— Bầu trời ai sơn màu đỏ, bộ tranh lập thể à?

— Vậy mới hay!

Cường cười sung sướng, đắc chí. Nó lim dim đôi mắt, say sưa:

— Không phải tranh lập thể, em vẽ tranh thường thôi nhưng có ý nghĩa. Màu boọc-đô đánh đậm ở giữa chỗ phát xuất chiều sâu, toả dần ra thành màu đỏ đậm rồi đỏ tươi, đỏ lịm, máu...! Cô hiểu ý Cường không? — Tên con trai giương mắt nhìn tôi dò hỏi — Màu đỏ là màu nóng tượng trưng cho bầu trời nhiệt đới oi bức, màu đỏ cũng là... Cường chợt thấp giọng, liếc chung quanh... là màu của tụi nó! Cái nền trời đỏ rực toả rộng bao trùm lên thành phố nhỏ xíu bên dưới nhìn vô là thấy bị đè nén liền!

Từ giọng kể oang oang hãnh diện lúc nãy, Cường nhỏ giọng gần như thầm thì:

— Đó, sáng tác mới của em đó, cô chấm điểm đi.

— Cũng khá — Tôi gật gù, không quên liếc mắt dòm chừng — Biết cách làm chiều sâu, có tư tưởng, biết sử dụng tông nóng, khác biệt của tĩnh và động. Động là màu đỏ ở trên và tĩnh bên dưới... Nhưng mà Cường định vẽ gì bên dưới mới được chứ? Tôi thắc mắc.

— Thì vẽ thành phố.

Đến lượt nó lúng túng.

— Nhưng thành phố ra làm sao?

— Thành phố vậy thôi! Cô đã chẳng dạy Cường, vẽ ăn thua nhất là ở cái nền à? Mà cái nền đỏ, đục đục của Cường tới quá mức rồi, coi như bức hoạ thành công, đâu cần vẽ thêm gì nữa.

Tôi phì cười, đúng là ngụy biện!

— Nhưng em không vẽ thành phố ở dưới thì ai mà hiểu được ý Cường. Vẽ tranh cũng như làm luận, cần phần nhập và kết thật hay, nhưng cũng phải cần thân bài vì là chỗ để khai triển. Nếu tranh của Cường chỉ có một mảng đỏ như thế thì tôi cho ba điểm.

Cường im lặng, mặt chảy dài tiu nghỉu. Thấy nó thở phì phò, tôi biết anh chàng đang bí.

— Thôi để tôi giúp ý cho em. Bên dưới nếu em muốn vẽ thành phố thì dễ lắm. Thành phố có nhiều nhà, cao ốc hay nhà trệt. Một là em vẽ mấy ngôi nhà lầu thật cao, cho có vẻ vươn lên, hất đẩy cái nền trời đè nặng. Hai là em vẽ những căn nhà thấp tới tàn như đang chịu đựng mệt nhọc, rồi kẻ thêm con đường đậm như một tì vết. Cường thấy sao?

— Tuyệt cú mèo!

Cường bật dậy, ném mạnh cái cùi bắp đã nhai hết lõi. Nó đập tay lên đùi khoái trá.

— Hay thật! Có vậy mà em không nghĩ ra. Cô đúng là giáo sư!

Nắng trưa gay gắt, rợp bóng me gầy gò. Con đường ban trưa phơi mình chịu đựng. Riêng hai thầy trò tôi đang chìm vào một nơi khác, một nơi có nhiều màu sắc và hình ảnh.

— Nè cô, sao mình không vẽ luôn cái đại lộ Nguyễn Huệ này vô. Hai dẫy cao ốc hai bên làm "sức vươn lên" như cô nói. Còn đại lộ là con đường từ chỗ chiều sâu bắt ra, Cường sẽ chơi màu đen đậm cho thật bị tỳ vết!

— Cũng được, tùy Cường.

Đứa con trai cười mãn nguyện. Nó hoàn toàn quên mất vụ vẽ tưởng tượng, làm như đang đứng trước một hoạ phẩm có thật.

— Em muốn vẽ luôn đám chợ trời mình vô cho thêm sinh động.

— Coi chừng ôm đồm nhiều quá tranh lại mất ý chính đấy.

Tôi nhắc khéo.

— Đâu có, nhấn mạnh thêm chớ. Cảnh đám người nghèo khó lây lất bán buôn hai bên đường giữa hai hàng cao ốc được người ta sơn phết giả tạo, che mắt...

Tôi kéo Cường ngồi xuống, ra dấu cho nó nói nhỏ bớt. Vẽ tranh tưởng tượng mà phải đi cải tạo thì nguy hiểm quá!

Dưới nền trời đo đỏ mơ tưởng của Cường bây giờ có thêm những gợn mây trắng pha sắc xanh dương, khách mùa hàng của giấc ba giờ chiều lần lượt đổ ra từ các ngõ hẻm. Gã con trai nhổm dậy, lấy hai tay phủi quần:

— Mải chuyện, thôi em về chạy mánh để cô buôn bán.

— Gấp thế, tôi có khách đâu.

— Nhưng em cũng phải về kẻo tụi bạn trông, còn lo chạy mối kiếm tiền ăn tối nữa.

Cường chắc lưỡi. Gió loà xoà trên tóc nó bụi bậm rối bời. Nó đứng lên, chiếc bóng đổ lênh khênh chơi vơi trên hè. Cường ném cái nhìn lên bầu trời lần cuối, tiếc rẻ:

— Giá mà ghi được lên khung vải thì sướng biết mấy. Mà màu mè gì mắc quá trời!

Cường nói rồi cúi nhìn tôi còn ngồi dựa lưng vào bức tường chói nắng:

— Biếu cô bọc xôi vò mang về cho hai em.

— Đâu được, Cường giữ lại mà ăn quà lát nữa. Hôm nay tôi cũng bán được, để khi về tôi ghé mua cho chúng nó sau.

— Cô nhận cho Cường vui lòng. Nay bán được nhưng mai biết đâu, cô cất tiền phòng thân. Vả lại em lớn rồi, đâu còn nhỏ nhít gì nữa mà ăn quà. Sao cô khinh Cường thế?

— Nhưng em nuôi tôi hoài.

— Thì Cường là "anh nuôi" chiến sĩ mà. Cô cũng là chiến sĩ trên mặt trận kinh tế.

Gã con trai toét miệng cười. Nắng lốm đốm rơi trên chiếc áo trắng ngả màu của nó. Chiếc áo trắng của đứa học trò sớm vào đời nổi lên trong chiều nắng trông tang thương, như hình ảnh một thế hệ bị lãng quên, thiếu chăm sóc. Nhưng còn ai chăm sóc chúng khi lớp thầy cô giáo chúng tôi đều đã ra ngồi hết ngoài đường? Không thể trách tuổi trẻ bây giờ, nhỏ mà sớm biết mánh mung. Lỗi không ở đứa con trai mới lớn đang đứng trước mặt tôi, cũng không phải lỗi ở đám bạn bè hư hỏng đồng trang lứa rủ rê nó. Lỗi chính là ở lớp người lớn chúng tôi, ở thế hệ đàn anh đi trước đã không biết gìn giữ và bảo vệ một miền Nam châu ngọc.

— Cảm ơn Cường cho các em quà, nhưng thôi Cường về cho kịp, đứng đây chàng ràng tối hồi nào không hay. Có bán buôn cũng nên cẩn thận...

Tôi dặn với khi Cường mở khoá xe. Nghe dặn, nó ngẩng đầu lên bỡn cợt:

— Cô yên chí, em ở trong ngạch mại đồng có phương án chỉ đạo làm ăn nghề nghiệp lắm!

Tôi định la nó vài câu về tội ăn nói bộp chộp thì có mấy người khách. Loay hoay bán được hai cây viết Bic, lúc ngẩng lên thì Cường đã đi mất.

Con đường về chiều nắng dịu, như cơn sốt đã hạ chỉ còn hơi nóng rã rượi trên thân thể con bệnh. Vài chuyến xích lô đạp qua trong bụi bậm. Dăm người bộ đội nắm tay nhau vung vẩy, họ nói chuyện và cười đùa hồn nhiên. Sài gòn chùng xuống sau một ngày cơm áo, thêm một ngày đi qua trong chật vật lặng lẽ, mệt nhọc.

*
* *

Buổi sáng Sài gòn gây gây lạnh. Mọi người co ro trong tinh sương của màn trời tím nhạt, mặt trời lên chậm ngoài xa trên khu Khánh Hội. Đường phố chưa tỏ, lờ mờ chút sương sớm bàng bạc. Tôi co vai, ôm chiếc nón lá hứng chịu những cơn gió lạnh thổi hắt lên từ bờ sông. Chưa đến 6 giờ sáng. Giấc này những cán bộ miền Bắc chưa ngủ dậy, hoặc còn đang điểm tâm. Người miền Nam đại đa số trên đường đến xí nghiệp, vả họ cũng chẳng dư dả để mua sắm. Còn phải đợi hai, ba tiếng đồng hồ trước khi nghe tiếng chân của người khách đầu tiên. Tuy chỉ buôn bán từ 9 giờ sáng trở đi, nhưng ngày nào tôi cũng dậy sớm ra ngồi ở đây. Không riêng tôi, những bạn hàng thường nhật cũng đều có mặt. Không ai muốn mất chỗ tốt và bị đẩy lui về khoảng trống trước công an phường 13. Ngồi xa có gì còn chạy kịp, chứ ngồi ở đó thấp tha thấp thỏm sợ bị bắt lúc nào không biết.

Gió sông Bạch Đằng thổi lên, mùi sinh tanh nhờn nhợn. Tôi cố ngồi sát tường nhưng không dám dựa. Tường vừa được quét vôi lại, còn ướt. Từ hôm kia chúng tôi thôi không còn bán chợ trời bên khu thương xá Tam Đa nữa, mà di tản qua phía nhà ngủ Hữu Nghị. Dãy thương xá Tax cũng đang được sơn phết và tô điểm lại. Nguyên dãy phố từ chợ Bến Thành ra rạp Rex xuống bến Chương Dương, tất cả nhà cửa bùng binh đều được nhà nước cho chỉnh trang. Để làm gì thì quả tình đang là đề tài cho dân chúng bàn tán.

— Kể ra họ cũng biết sạch sẽ, bỏ thì giờ ra sửa sang chỗ làm ăn cho chúng mình đấy chứ nhỉ?

Ông cụ bơm rửa viết máy nhận xét, rồi như sợ lỡ lời, vớt vát:

— Công tác tập thể của Cách Mạng thường là có mục đích... tốt cả.

Câu nói của ông cụ có phản ứng ngay. Một chị đàn bà gần đó đốp chát, không chút nể nang:

— Tốt mẹ gì! Họ đón tụi Liên xô chớ sửa sang gì cho mình! Nhà tui trên sông Cầu Kiệu, bùn dơ tràn vô nhà mà có ma nào thèm "liên hệ xây dựng" cho đâu!

Ông cụ im lặng, không dám tranh luận trong lúc đám chợ trời nhao nhao, mỗi người một ý:

— Không phải đón Liên xô đâu. Tụi đó cũng chuyên chính vô sản như mình thì ăn cái giải gì! Có lẽ là Việt kiều bên Pháp về, họ muốn khuếch trương du lịch.

— Đéo mẹ... mấy thằng ngu thế, đã sang được bên kia còn mò về địa ngục!

— Nhỏ chứ. Vạ mồm vạ miệng lại đi cải tạo ở trường phục hồi nhân phẩm Xuyên Mộc thì khốn!

Lời cảnh cáo của một mạng làm đám chợ trời xìu xuống, câu chuyện chìm hẳn đi. Tôi ngồi yên lắng nghe, nhưng không tham dự. Phần biết không đi đến

thơ *thụy ý*

cô đơn
Tôi qua phố một mình
Nỗi buồn như gai nhọn
Dường như rất vô tình
Châm chích tôi đành đoạn.

một nỗi
Buổi trưa nắng lấp loá
Sợi dây thần kinh căng
Trong đầu bỗng trắng xóa
Nỗi chán chường đóng băng.

cho
Tình cho không lấy lại
Dù đoạ đày nhau mãi
Hỡi người tình ngu si
Chơi cuộc chơi lỡ dại

tan tác
Người đi hàng lệ nhỏ
Miền trần gian hôm nay
Ai tay che trời gió?
Thôi, thân đành bụi bay.



đâu, phần cũng sợ vạ miệng. Thời buổi cuốn theo chiều gió, biết tin ai được!

— Đ.M. Dính trây trét hết lên áo rồi!

Tiếng la thất thanh của một thằng nhỏ cỡ 16, 17 tuổi ngủ gục dựa lưng vào tường bị vấy sơn làm tôi giật mình.

— Đ.M. Tiêu cha cái áo vía. Tiên sư cha sáng sớm ra chưa bán đã lỗ. Sơn quốc doanh con c. gì lâu khô quá! Đ. mẹ họ, lựu đạn nó!

Thằng nhỏ tiếp tục chửi đổng, văng tục chán chê mãi rồi mới im. Cái dáng con trai mới lớn, gầy gò vì ăn uống thất thường của nó làm tôi chợt nhớ đến Cường, không biết công việc làm ăn của nó có trôi chảy. Hai ba ngày rồi tôi không gặp nó. Mấy bữa nay không hiểu chính sách mới thế nào mà chúng tôi bị bố ráp liên miên, cứ ngồi bán được 15, 20 phút là tất tả chạy. Tôi không bán được đồng nào, còn ăn lậm vào vốn, không đủ tiền mua thêm hàng mới. Tôi chỉ còn lại dăm cây viết Bic, một bịch đường Cuba và xấp vải gin Trung quốc. Đến chiều mà không bán được là gia đình tôi lại nhịn đói.

Tôi thở dài, ngó ra mặt sông. Những tàu hàng quốc doanh và Đông Âu đậu trong bến làm tôi mơ một chuyến đi xa đến một vùng trời khác, nhưng mãi mãi tôi biết chỉ là ảo vọng. Vả chăng chồng tôi còn trong tù, tôi không thể đành lòng ra đi. Gió sông Bạch Đằng lại đưa lên mùi sình tanh hôi, nhìn những giấy rách nát gió lùa qua mặt đường, tôi chợt nghĩ mình cũng đang hoá thân thành rác rưởi bay vương vãi trên hè phố.

Buổi sáng hôm sau nữa, tôi vừa bày hàng ra thì Cường ở đâu chạy đến, mặt mũi nó tái xanh, tóc bết mồ hôi, hơi thở hổn hển, đứt quãng:

— Cô dọn qua bên này làm Cường kiếm hụt hơi.

— Em đi đâu mà chạy dữ vậy, bịnh hay sao mà coi xanh quá?

Cường lắc đầu, thở dốc, đưa bàn tay mảnh khảnh lên vuốt mớ tóc ướt nhẹp.

— Không có bịnh, bị tụi nó truy quét, xém chút nữa là bị chụp...

— Tôi đã dặn em phải cẩn thận...

Tôi thật tình thương nó, thằng nhỏ đáng lẽ bây giờ phải đang ngồi trong lớp học đã phải lăn vào đời kiếm sống.

— Cẩn thận cũng bị. Tụi nó cải trang làm nhân dân, núp trên đường Pasteur đông lắm. Cường nhờ tống hết ga mới thoát.

Đứa con trai ngước nhìn tôi, nụ cười quen thuộc vắng bóng.

— Thế xe em đâu?

— Thằng bạn lấy đi tẩu tán rồi, sợ tụi nó ghi được số xe. Không biết tụi nó có mò xuống dưới này không?

Cường vừa nói một mình, vừa ngó dáo dác. Tôi thấy nó thật sự mất bình tĩnh. Bình thường Cường vui và hay đùa cợt, chuyện gì nó cũng giễu được.

— Thôi cứ ngồi yên ở đây một lúc cho qua, chắc họ không xuống tận dưới này đâu. Uống ngụm nước mát cho khoẻ.

Tôi rót cho Cường một nắp nước từ bi đông luôn mang theo mình. Lần đầu tiên tôi mới biết Cường chạy mánh bằng honda, trước tôi cứ ngỡ nó quanh quẩn lây lất trên một vỉa hè nào đó như tôi. Cường uống chậm rãi, da mặt đã bớt xanh.

— Chắc cô buôn bán ế ẩm? Em cũng ế lắm không được mối nào.

Cường chớp mắt, nó nhìn xấp vải và bịch đường hôm nọ nên đoán ra.

— Thì buôn bán ngày được ngày không. Ai cũng phát tài thì thiên hạ kéo nhau ra đường hết.

— Nhưng sao lúc này cán bộ, bộ đội ít đeo đồng hồ quá...

Cường tiếp tục than thở, nhưng hình như nó buột miệng nói không suy nghĩ nên có vẻ ngượng ngập sau đó. Tôi không để ý lắm, nói tránh sang chuyện khác cho nó vui lên:

— Tôi mới vẽ được bức tranh đẹp lắm, Cường có muốn tôi tả cho em "xem" không?

Cường nhìn tôi đăm đăm, đôi mắt một phút rực sáng. Một chút màu sắc tưởng tượng đủ làm nó quên hết cuộc đời nguy hiểm, bất bớ và gian truân.

— Cô kể liền đi, Cường mê tranh lắm.

— Cường còn nhớ cái nền đỏ, đục đục trong bức họa hôm nào Cường vẽ tôi xem không?

— Nhớ chứ cô, bức "tủ" của em mà.

— Tôi dùng cái nền đó và sửa đổi thêm thắt cho bóng bẩy hơn. Tôi đặt tựa cho bức tranh là "Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang".

Gã con trai xuýt xoa và chăm chú lắng nghe. Đồng hồ công viên điểm 10 giờ sáng. Nắng toả lan dần, vàng ửng nhẹ tàn me xanh lá. Tôi biết hai thầy trò sắp ra khỏi cuộc đời bằng cánh cửa hội hoạ.

— Tôi giữ nguyên cái nền với cùng ý nghĩa mà Cường muốn nói. Công nhận là cái nền đỏ hôm đó Cường vẽ thành công lắm. Tôi chỉ thêm màu sắc sáng



tươi vào hai dãy phố chung quanh con đường tỳ vết cho thành phố có dáng vẻ lộng lẫy của thời thịnh trị...

— Đâu được cô, như vậy khách xem tranh lại tưởng nhờ cái nền đó mà thành phố trở nên huy hoàng thì hỏng bét!

Cường ngắt lời tôi, phản đối.

— Khoan đã, em để tôi nói hết. Em cứ phát biểu linh tinh như vậy làm sao tôi diễn tả cho xong. Cường có thấy bên ngoài bây giờ thành phố được chỉnh trang cho đẹp đẽ không? Cường nhìn bức tường sau lưng tôi là biết.

Tôi hơi gắt, la cái tật bộp chộp của thằng nhỏ.

— Rồi, "nhất trí" với cô chuyện "rửa" tường.

— Dưới cái nền đỏ của Cường, tôi muốn ví thành phố như một khu vườn: những dinh thự, nhà cửa là cổng rào khu vườn đó. Thành phố đã có thời là hòn ngọc viễn đông nên khu vườn ngày xưa là thượng uyển, cây trồng bên trong tươi tốt nhờ được người làm vườn cũ sốt sắng, tận tình chăm sóc. Trái lại hôm nay, người làm vườn mới nếu chịu khó sơn phết hàng rào thì lại bỏ bê không dòm ngó gì đến cây cỏ. Những loài thảo mộc quý tàn tạ và héo úa. Trong vườn chỉ còn cỏ dại và những hạt giống cũ sót lại vừa nẩy mầm, nhưng vì không được vun xới, săn sóc nên đã sớm bị sâu ăn...

Cường mở to mắt, thán phục:

— Hay quá! Phải công nhận là "tranh giáo viên" có khác, sâu sắc. Nhưng cô định vẽ gì trong thành phố chỗ con đường tỳ vết của Cường?

— Tôi vẽ các em.

— Tụi em?

— Ừ, nhưng tôi không vẽ chân dung Cường và các bạn. Tôi vẽ những cây bắp.

— Cây bắp?

Mặt tên con trai đờ ra, hai mắt tròn xoe và trán nhăn lại suy nghĩ. Những nếp nhăn sớm vì lầm than bây giờ khiến khuôn mặt nó ngộ nghĩnh khiến tôi bật cười. Cường vẫn chưa hiểu.

— Các em là những cây bắp mọc lên từ những hạt giống còn sót lại. Nhưng thân bắp chưa có trái mọc hỗn độn không thành hàng lối, lẫn với đám cỏ dại và gai rừng của người làm vườn đem từ Trường Sơn về. Cường là một cây bắp non, sớm bị sâu ăn.

— Cường hư dữ vậy sao?

— Tôi không trách em hư. Tôi chỉ trách họ không săn sóc em đúng mức, bỏ bê và xua đuổi các em vào hố thẳm của đời sống.

— Ở... ờ... có lẽ. Nhưng cô có vẽ cô vào tranh luôn không?

Tôi gật đầu. Cường đâu biết bức hoạ này là hiện thực của chính chúng tôi.

— Thế cô là cây gì?

— Không là cây gì cả. Lũ người lớn chúng tôi là đất, đất trong vườn ngày xưa có nhiệm vụ bồi bổ, nuôi dưỡng cho cây tươi tốt và đơm hoa kết trái. Bây giờ người làm vườn mới không bón phân, tưới nước nên đất khô cằn thiếu chất bổ, không đủ dinh dưỡng cho cây nẩy nở viên mãn. Nếu bên ngoài tôi chọn những màu sắc tươi sáng để tô vẽ dinh thự, làm cổng rào cho vườn thì bên trong vườn phải dùng những màu thật buồn. Chẳng hạn màu xanh tím trộn đen cho lá ngô, màu vàng "ấm" pha mạ nhạt cho thân bắp. Đất cũng không thể có màu nâu 'thổ" bình thường mà là xám tro.

— Xám tro?

— Ừ, xám tro vì đất đã hết màu mỡ, phai lạt khô cằn. Mình chọn những tông lạnh và nhạt tạo về tương phản với sắc đỏ rực rỡ của hàng rào và nền trời trên cao.

— Mình có cần vẽ "thằng" làm vườn đứng gác ngoài cổng không cô?

— Tôi nghĩ không cần thiết. Người xem tranh nhìn cái nền đỏ gay gắt của Cường là họ hiểu. Dưới ảnh hưởng của sức nóng quá độ, thảo mộc héo úa.

— Cường muốn xin cô một điều.

Người nam sinh đã một lần là học trò tôi, mấp máy đôi môi. Đôi mắt thường khi trong sáng, bây giờ phảng phất buồn.

— Em nói đi.

— Cường muốn xin cô bức "Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang".

— Em quên rằng mình vẽ trong trí tưởng.

— Cường không quên, nhưng Cường muốn xin cô vẽ riêng cho Cường thôi, đừng diễn tả lại cho ai khác.

Người nam sinh nuốt nước bọt, ánh mắt tối lại.

— Em... sắp phải đi xa, nên muốn có chút gì của cô đem theo mà không bao giờ đánh mất.

— Cường đi đâu?

Tôi vụt nghe chỗ ngồi mình hụt xuống, toà cao ốc Hữu Nghị cao thêm và vực thẳm sâu hút.

— Lúc nãy em ghé định báo tin cô biết, nhưng thấy cô đang vẽ nên không tiện nói. Em... bị trúng tuyển nghĩa vụ quân sự rồi. Tụi nó gởi liên tiếp hai, ba giấy đến nhà giục khám sức khoẻ. Chậm lắm là tuần sau em đi.

Một chiếc Molotova chạy ào qua. Sức gió thổi mạnh, hất tung lớp bụi. Những vụn cát nhỏ bay vào tròng mắt đau xót.

— Cường có định trốn không?

Tôi nghe giọng mình nhỏ, lạc hốt hoảng.

— Trốn đâu bây giờ? Mình không có hộ khẩu ai mà dám chứa. Ở chưa hết ngày, công an khu vực và tổ trưởng đã biết mặt rồi_Cường cúi đầu, tóc lưa thưa như lông một con chim sẻ bị thương dúi mỏ vào cánh_Trốn được nhiều lắm vài tháng, làm sao trốn cả đời?

Làm sao trốn cả đời? Đứa con trai nói lên tâm trạng bi đát tuyệt vọng của 60 triệu người Việt Nam. Một đời người sinh ra chỉ để trốn tránh? Như thế đâu còn là đời sống, chỉ là duy lý sinh thể. Một tập hợp tế bào may mắn giữ được sự sống khi phần tâm linh đã mất. Tôi nắm lấy tay Cường, bàn tay nhỏ xương, ngón tay trầy trụa và đất cát: những ngón tay của đứa trẻ hoạ sĩ không được cầm cọ.

— Đi bộ đội là qua đời cô biết không?

Cường tiếp sau thoáng im lặng cúi mặt.

Tôi cầm tay Cường mà thấy tay mình run theo từng hơi thở của nó. Tôi muốn nói điều gì cho Cường bớt buồn, an ủi gầy dựng lại ánh lửa nhỏ tin tưởng đang tàn lụi trong lòng thế hệ trẻ. Tôi muốn kể một câu chuyện nhưng không kể được. Cảm giác đang vẽ bức tranh "Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang" lúc nãy chỉ còn lại khu vườn trụi lá. Những thân bắp ngả nghiêng, xiêu vẹo vì cơn giông vừa ùa đến. Lần đầu tiên tôi biết, không thể sống chỉ bằng chọn đãi lọc lựa màu sắc. Có thứ màu đen thê thiết, khủng khiếp mà không phiến lọc nào ngăn được. Tôi nghẹn ngào:

— Bức hoạ "Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang" là của chính em...

Tiếng nói tôi bỗng chìm vào âm thanh hỗn độn vang lên từ ngã tư đường. Bức tranh "Vườn Thượng Uyển..." trước mắt tôi còn đó, nhưng đã ngập tiếng huyên náo. Quang cảnh náo loạn, bùng vỡ với thác người đổ ngược về phía chúng tôi. "Chạy... chạy..." Tiếng hô hoán của đám chợ trời xô đẩy nhau tìm đường thoát. Cường bật dậy thu dọn đồ hàng tôi bày trên vải ny-lông. Ông cụ bơm rửa viết máy cạnh tôi bị những người bỏ chạy hất ngã chúi, thùng đồ nghề rơi vỡ tan hoang.

— Chạy cô ơi!

Cường chụp tay tôi vùng lôi mạnh. Tôi có cảm giác toàn bức hoạ bị giật đổ, màu sắc bê bết. Tôi vừa chạy theo Cường vừa chết lặng, sợ hãi của bao lần bị vây bắt bừng bừng trỗi dậy trong đầu. Tiếng chân người xô lấn chạy huỳnh huych, tiếng công an la hét lẫn với tiếng súng AK lạch tạch. Miền thượng uyển bị dẫm nát, dày xéo. Đây đó vang vọng tiếng la hét thất thanh. Hình ảnh ông cụ già hàng xóm ngã xấp mặt trên hè đường, máu mũi đổ chan hoà, trộn với mực tím chồng lên bức hoạ. Ai đó đang lấy một tấm pa-lét màu bẩn trây trét, đập thật mạnh lên bức tranh tôi vừa vẽ...

*

* *

Tôi trở lại con đường Hàm Nghi sau một thời gian khá lâu vắng mặt. Lúc còn bán trên đường Nguyễn Huệ, ít khi nào tôi ra Chợ Cũ. Phần không phải chỗ mình buôn bán, phần cũng không có việc gì làm ở đây. Tôi trở lại nghề chợ trời sau khi đi thăm chàng ở Yên Bái. Sau buổi chia tay với Cường trong một ngõ hẻm nhỏ thoát thân, tôi về nhà nhận được giấy thăm chồng đi cải tạo. Lần đầu tiên từ 75 tôi được phép đi

thăm chàng nên dầu không có tiền, tôi cũng rán vay mượn và bán đi chiếc nhẫn cưới, món nữ trang cuối cùng còn lại làm lộ phí và mua đồ thăm nuôi chồng.

Rồi tôi ở Bắc về, lao đao như người bệnh. Dáng Thịnh gầy ốm, già nua và mất không hồn lớn vớn, chập chờn trong đầu tôi suốt mười ngày đường xe lửa xuyên Việt. Về đến Sài gòn, tôi vội vàng ra ngay chợ trời kiếm sống, để trả nợ và để quên nhân dáng đau thương của chồng. Tôi ra chợ trời cũng để kiếm Cường. Một thằng bạn nó mà tôi tình cờ gặp ở ga xe lửa hôm về, cho biết Cường đã đào ngũ và trở lại Sài gòn. Khi tôi hỏi Cường ở đâu, thằng Tâm không cho biết, chỉ nói Cường không muốn gặp tôi rồi nó vùng bỏ chạy.

Tôi đi rảo từ đường Nguyễn An Ninh cửa tây chợ Bến Thành qua ngả nhà chú Hoả, rồi vòng xuống Chợ Cũ. Từ khi cao trào quét sạch tàn dư được phát động, song song với việc làm đẹp thành phố để đón Việt kiều về nước, công an được tung ra lùng bắt chúng tôi. Không dám ngồi một chỗ, tôi đành "đứng" chợ trời. Rời đại lộ Nguyễn Huệ, thí điểm của chiến dịch, tôi lê la trên những con đường khác, cố làm ra vẻ một người dạo mát. Gặp đâu bán đó, vừa đi vừa bán, không dám đứng lâu chỗ nào sợ bị tình nghi. Tôi đi mà dòm chừng để ý kiếm Cường. Tôi biết chỉ có thể gặp nó trên những ngõ ngách chợ trời. Chắc chắn Cường không dám về nhà vì sợ bị bắt. Nó trốn đâu đó và chỉ thò mặt ra chợ để sinh sống. Tin Cường trốn nghĩa vụ làm tôi hoang mang không ít, mặc dù đó là phản ứng rất bình thường và phổ cập của lớp thanh niên trước hiểm nguy của cuộc chiến tranh phi lý bên Campuchea. Cường đã chọn con đường sống ngoài vòng kiềm toả của chế độ. Tôi cần phải gặp Cường dù chưa biết giúp được gì cho nó. Tôi chỉ biết mình không thể bỏ rơi Cường, tuổi trẻ liều lĩnh nhưng rất dễ lầm lẫn.

Tôi đi ngang chợ thú cũ. Những lồng mèo chó đã biến mất. Đây đó vài người dựa gốc cây, ôm trong lòng một con thú ốm. Dưới chân họ là miệng bao bố mở sẵn, chỉ cần một dấu hiệu là họ bỏ "hàng" vào bao ôm chạy thật lẹ. Tôi đang sống trong một xã hội mất trước mất sau, một xã hội "khẩn trương tranh thủ tình hình" xen lẫn với nghi ngờ, đố kỵ và sợ hãi.

Tiếng máy của một chiếc Honda rú lên, xen lẫn với tiếng the thé của một mụ đàn bà Bắc. Tiếng mụ cán bộ tru mỗi lúc một lớn. Ba bốn bóng công an áo vàng không biết từ đâu xuất hiện chạy về phía ngã tư. Liên tiếp là tiếng súng AK vang vang... Một vài người đứng gần tôi vụt chạy vào các ngõ hẻm. Tôi lùi lại theo bản năng sinh tồn, đáo dác tìm đường thoát. Nhưng tôi tự trấn an ngay. Không phải một vụ truy quét của Cách Mạng. Thay vì bỏ trốn, người ta chạy về phía có tiếng thét lanh lảnh. Đám đông dồn về ngã tư, có lẽ là một vụ đánh ghen của các bà Bắc kỳ hay một trận ẩu đả giữa cán bộ. Thúc đẩy bởi tính hiếu kỳ, tôi mau chân chạy theo đoàn người. Thêm một tính ưu việt của chết độ mà tôi làm nạn nhân không ý thức. Sự yếu kém gần như không hiện hữu của phương tiện truyền thông một chiều hay bóp méo sự thật làm con người khao khát, tò mò trước những hình ảnh lạ. Không còn tin vào báo chí, nhân dân chỉ thích nghe và tin vào những điều gì mình tận mắt chứng kiến. Tôi chen giữa đám đông, luồn chui qua nhiều cái nách trước khi nhón được đầu nhìn thấy cảnh tượng...

Ngọn gió thổi qua khu vườn trơ trụi. Cơn gió nóng hầm dưới nền trời đè nặng. Bầu trời đã thay màu đỏ bằng màu đen thê thiết, thứ màu đen xỉn không thể lọc đãi. Trên lớp đá sỏi khô cằn, những cây bắp hoang còn sót đã bật gốc. Người làm vườn mới nhận ra những cây bắp non đã bị sâu ăn. Thay vì xịt thuốc chữa trị, hắn đã thẳng tay dùng rựa phạt ngang. Thân bắp gẫy gập, mủ tràn ra đất. Màu đất khô thấm mủ trở nên sẫm đậm như màu tiết khô lâu ngày. Tên làm vườn sau khi làm công việc phát gốc, bình thản bỏ đi để lại khu đất trống hoang, trơ trọi...

Tôi chết lặng giữa đám đông đang tản mát. Bầu trời đen quay cuồng và màu sắc bức hoạ đảo lộn. Những màu sắc tan loãng, nhạt nhoà theo những giọt nước ứa ra từ khoé mắt. Túi ny-lông tôi đựng hai xấp hàng bà ba và một bịch đường thẻ chưa bán, rơi xuống đất đã bị ai lượm mất hồi nào. Tôi điếng lịm tê tái khắp mình mẩy, đau khắp các tủy xương như chính mình vừa hứng chịu những báng súng AK tàn bạo. Hình ảnh chiếc Honda nằm đổ nghiêng, bình xăng vỡ chảy lênh láng trên đường và mặt mũi đứa con trai bầm dập, máu mũi máu miệng trào ra dưới báng súng cùng gót giày công an còn chờn vờn làm quặn thắt tim gan tôi. Chiếc áo trắng học trò bê bết máu tươi, đứa con trai bị còng tay đẩy lên xe, mặt mũi sưng húp, mếu máo. Mụ cán bộ còn một mình giữa mặt đường, tiếp tục chửi bới, tru rú:

— Đánh cho nó chết. Đánh dập mặt, văng của quý nó ra cho bà. Quân lưu manh, ăn cướp! Bà từ A và B công tác mà nó dám giật đồng hồ của bà . Cái đồng hồ "giây-cô" hai cửa sổ, không người lái bà vừa mua mới tinh...

Buổi chiều trên khu vườn chậm chạp, ai oán. Lớp đất sỏi tan hoang vì dấu chân người qua, ngoại trừ những dây gai rừng và đám cỏ dại, không có cây cối nào được trồng xuống thay thế hàng bắp mới bị nhổ đi. Bên trong cổng rào vừa được sơn phết, màu sắc khu vườn tàn lụi. Nền trời lúc đỏ gắt, lúc đen thẫm mịt mù. Tôi biết mãi mãi miền thượng uyển đã chết; miền thượng uyển bỏ hoang không thuộc về tôi, không là của Cường. Và mãi mãi rồi sẽ không còn loài thảo mộc nào nẩy mầm được trên đất đã hoá đá. Gió thổi lơi trong nắng chiều... Trong vườn thượng uyển bỏ hoang bây giờ, lẫn trong tiếng gió chỉ còn văng vẳng tiếng một mụ cán bộ Bắc kỳ say sưa tru tréo... □

[redacted]

thương nhớ

Ai đưa em về đường trăng soi
Tóc em nghìn sợi vướng tơ trời
Đường trăng xanh biếc, đêm xưa cũ
Em cúi đầu nghe chuyện lứa đôi.

Ai đưa em về đường muôn nơi
Trăm nhánh sông xuôi nhập biển đời
Đá cuội thân ta hoài lăn lóc
Thương bọt bèo em, phận chơi vơi!

Ngày nảo ngày nao, chiều mưa rơi
Mắt em tìm tím một khung trời
Tay nắm vào tay, bàn tay ấy
Để thấy muôn đời, thương nhớ ơi!

Nhỡ gió mưa về trong tối nay?
Đã vắng mười năm một vòng tay
Ta có tình đâu cho lòng ấm,
Em có chờ ai chiều hôm nay?...

ảo ảo

Bản Đàn Thôn-Dã

Mai Kim Ngọc

(phỏng dịch)

nguyên-tác: La Symphonie Pastorale

của ANDRE GIDE

Ngày 10 Tháng Hai, 189-.

Đã ba hôm nay tuyết rơi không ngớt cơn. Lẽ ra tôi phải đi làm lễ tại tỉnh R. như thông lệ đã mười lăm năm nay, cứ hai chủ nhật một lần. Nhưng giao thông hoàn toàn bế tắc, nên tôi đành ngồi nhà. Nhân dịp rảnh rỗi, tôi lấy bút mực ra chép lại tất sự việc đã xui khiến tôi đón Gertrude về nhà nuôi nấng.

Tôi sẽ cẩn thận ghi lại từng bước sự phát triển và trưởng thành của tâm hồn ngoan đạo này, cái tâm hồn tôi đã mang từ bóng đêm u tối ra để tôn quý và yêu thương. Cám ơn Thượng Đế đã giao phó cho tôi nhiệm vụ này.

Câu chuyện khởi đầu đã đúng hai năm sáu tháng. Hôm đó tôi có việc phải thăm làng Chaux de Fonds. Vừa về đến nhà, tôi lại được mời đi làm lễ cho một bà cụ mới mất. Theo lời con bé đưa tin, bà cụ ở cách nhà tôi chừng bảy cây số. Sắn cỗ xe còn thắng ngựa, tôi vội vã lên đường. Áng chừng tới khuya mới xong việc, tôi cẩn thận đem theo cây đèn bão.

Con bé ngồi bên hướng dẫn. Tôi vẫn tự cho là mình thông thạo đường lối vùng này, vậy mà vừa quá khúc rẽ sau sơn trại Saudraie, tôi đã cảm thấy như đang ở miền đất lạ. Tuy nhiên đi thêm hai cây số nữa, cảnh vật lại trở nên quen thuộc, và tôi nhận ra cái hồ nhỏ bên tay trái, nơi ngày xưa còn trẻ tôi vẫn thường đến trượt băng. Té ra chỉ tại hơn mười lăm năm không có dịp trở lại, tôi đã quên bẳng vùng này. Giờ đây giữa nơi xa lạ trong buổi hoàng hôn, chợt nhận ra cái hồ quen thuộc, tôi tưởng như thấy lại cảnh cũ từ một giấc mơ xưa.

Con đường men theo giòng sông nhỏ phát xuất từ hồ chạy xéo theo mép rừng đến một vũng đầm lầy. Bây giờ thì quả thật là đồng đất xứ người, và tôi chưa từng đặt chân đến đây.

Mặt trời vừa lặn. Chúng tôi chạy xe trong bóng hoàng hôn một lúc khá lâu mới tới địa điểm. Tang gia là một mái tranh tiều tụy, nằm xiêu vẹo bên sườn đồi, mới trông đã tưởng bỏ hoang, nếu không có làn khói mảnh từ lò sưởi lơ lửng bốc lên không trung. Tôi buộc ngựa vào cây táo hông nhà, rồi theo con bé bước vào một căn phòng tối tăm.

Quang cảnh thật trang nghiêm. Có người đàn bà trẻ đang quỳ bên giường người chết. Con đày tớ gái mà tôi đã tưởng là cháu bà cụ, bước tới cuối phòng châm đèn, ngọn lửa vàng vọt khói um. Rồi nó lặng lẽ tới đứng bên giường. Con bé có vẻ kín miệng. Dọc đường nó chỉ đối đáp vắn tắt mỗi khi tôi gợi chuyện.

Thiếu phụ lễ phép đứng dậy tiếp tôi. Tôi đã đoán lầm, bà không phải người nhà, mà chỉ là chỗ hàng xóm tốt bụng. Được đứa ở gái cho hay bà cụ sắp lả, bà đã sốt sắng chạy sang giúp đỡ. Bà tình nguyện ở lại canh người chết, để nó rảnh tay đi tìm mục sư.

Tôi nghe bà cụ ra đi nhẹ nhàng. Tôi bàn bạc với bà hàng xóm về tang lễ cho người mãn phần. Trong miền đất hẻo lánh này, nhiều lần tôi đã phải tự tay cắt đặt mọi chuyện cho tang gia. Tôi thoáng thấy không yên tâm vì phải giao phó căn nhà cho người hàng xóm và đứa con ở gái. Tôi nghĩ dù đây chỉ là mái tranh nghèo nàn, nhưng biết đâu lại chẳng có bảo vật cất giấu trong xó xỉnh nào. Lo vậy, nhưng thật ra tôi cũng không làm gì hơn được. Tuy nhiên tôi cũng hỏi xem ai là người thừa kế.

Nói đến thừa kế, bà hàng xóm như sực nhớ ra, vội cầm cây nến bước tới góc nhà. Dưới ánh sáng lờ mờ, tôi thoáng thấy có bóng người bên bếp lửa, trông như đang say ngủ, tóc tai rũ rượi bù xù che hết gương mặt. Bà giải thích:

- Con bé này là người thừa kế. Nó mù cả hai mắt. Theo con người làm thì đây là cháu bà cụ. Tôi nghĩ gia đình chỉ có hai bà cháu. Chắc rồi phải gửi nó đi cô nhi viện. Nếu không, biết ai trông nó bây giờ.

Thấy bà lớn tiếng bàn bạc về số phận con bé ngay trước mặt nó, tôi cảm thấy áy náy. Để nhắc khéo bà nên chút tế nhị, tôi nhỏ nhẹ:

- Chúng mình khẽ chứ. Để cho em bé ngủ.

- Ồ, nó không ngủ đâu. Con bé... kể như đần độn. Nó không biết nói, mà cũng không hiểu gì. Từ sáng đến giờ tôi chưa hề thấy nó cựa quậy. Mới đầu tôi tưởng nó điếc. Nhưng không phải vậy. Chỉ tại bà cụ cũng điếc lại không hay nói, nên nó chẳng có dịp chuyện trò với ai...

- Không biết nó mấy tuổi rồi?

- Chắc độ mười lăm. Thật ra, tôi cũng chỉ đoán vậy thôi.

Thoạt tiên tôi không hề tính lãnh con bé mồ côi về nuôi. Nhưng lúc đọc kinh cầu nguyện, tôi chợt nhận thức được ý Chúa. Ngài đã đặt trước tôi trách nhiệm này. Trốn tránh thì quả thật là hèn nhát. Bài kinh cầu đọc xong thì ý tôi đã quyết. Tôi sẽ mang con bé đi ngay đêm nay, tuy tôi chưa có kế hoạch dài hạn cũng như chưa nghĩ ra ai để gửi nuôi giùm. Tôi dừng lại nhìn người chết vài giây. Khuôn mặt bà cụ như say ngủ, cái miệng nhăn nhúm khép kín như khư khư không chịu tiết lộ bất cứ chuyện

gì. Tôi cho người hàng xóm biết ý định của tôi. Bà ta nói:

- Tốt nhất là dẫn con bé ra khỏi đây trước khi phu đòn tới chở xác bà cụ đi.

Thật là dễ dàng. Chuyện đời sẽ giản dị biết mấy, nếu ta không tưởng tượng ra những chướng ngại nọ kia. Từ thủa ấu thơ, bao nhiêu việc ta đã không làm được, chỉ vì chưa làm đã sợ khó khăn.

Con bé mù bước theo tôi như một cái xác không hồn. Khuôn mặt nó đều đặn dễ coi, có thể gọi là xinh xắn, nhưng hoàn toàn ngu độn. Tôi tới ổ rơm chỗ nó thường nằm dưới gầm cầu thang nhặt tấm mền của nó. Thấy tôi bận rộn quấn tấm mền lên người con bé để phòng đường xá ban đêm lạnh lẽo, bà láng giềng cũng nhanh nhẩu tới giúp một tay. Trên xe, con bé câm lặng như một thây ma, nhưng tôi biết sự sống tối tăm hoang sơ đó vẫn còn, qua hơi nóng thân nhiệt từ nó truyền sang chân tôi.

Dọc đường có lúc tôi thắc mắc là nó đang thức hay ngủ. Mà ngủ trong giấc ngủ tối tăm nào. Tội nghiệp, đời sống của nó cho đến bây giờ đâu có khác gì giấc ngủ. Lạy Chúa. Trong tấm hình hài tục lụy này biết đâu chả có một linh hồn đang bị giam giữ, đang khao khát mong Chúa ban cho chút ơn lành. Xin Chúa cho tình thương của con được đưa cái linh hồn tội nghiệp này ra khỏi tối tăm hãi hùng...

Tôi muốn ghi lại sự việc hết sức trung thực, nên không dám bỏ qua sự tiếp đón lạnh nhạt của vợ con khi tôi mang đứa trẻ bất hạnh về nhà. Vợ tôi là một người đàn bà đầy tính tốt. Ngay những lúc đen tối nhất của đời sống vợ chồng, chưa bao giờ tôi phải hồ nghi lòng tốt của nàng. Nhưng lòng thương người của nàng không chấp nhận những chuyện không dự tính trước. Nàng ngăn nắp thứ tự, và với bổn phận thường nhật, nàng không thái quá mà cũng chẳng bất cập. Lòng từ thiện của nàng đắn đo cân nhắc, hầu như tình thương cũng có giới hạn như những chuyện khác trên đời, nếu đem cho nhiều chỗ này, chỗ kia tất sẽ vơi đi. Thật ra vợ chồng tôi chỉ có điểm này là không tương đồng...

Đêm đó mới thấy tôi mang con bé mồ côi về, phản ứng chống đối của nàng đã quá rõ ràng:

- Anh lại hứng lấy chuyện gì vậy?

Trẻ con nhà tôi tò mò xúm lại, mồm há hốc ngạc nhiên. Tôi không ngờ nhà tôi lại tiếp nhận nghĩa cử của chồng như vậy. Chỉ có con Charlotte, con gái út của tôi là vỗ tay reo mừng. Nhưng nó mừng không lâu. Anh chị nó bị mẹ uốn nắn từ tấm bé, đã chế giễu nó và làm cho nó cụt hứng tức thì.

Có lúc quang cảnh nhà tôi vô cùng hỗn loạn. Vợ tôi và bầy trẻ không biết con bé bị mù lòa nên ngạc nhiên thấy tôi đặc biệt gượng nhẹ khi dẫn nó vào. Rồi đến lượt chính tôi ngỡ ngàng khi con bé cất tiếng rên rỉ lúc tôi buông tay nó ra. Âm thanh phát ra không giống tiếng người, mà nghe ăng ẳng như tiếng chó con. Nó khuỵu chân muốn ngã, tựa hồ không còn bàn tay dẫn dắt, nó bỗng dưng mất nơi nương tựa quen thuộc. Tôi đẩy ghế cho nó ngồi, nó cũng không biết ngồi để đến nỗi ngã trườn xuống đất. Khi được dẫn đến gần lò sưởi, nó tức thì xụp xuống, dựa mình vào tường, thoải mái trong thế chồm hổm hàng ngày khi còn ở nhà cũ với bà. Tôi chợt nhớ ra ra suốt dọc đường đến đây, nó đã không ngồi trên nệm, mà tụt xuống đáy thùng xe, co ro một đống bên cạnh chân tôi.

Vợ tôi bước tới đặt con bé ngồi lại ngay ngắn. Phản xạ đầu tiên của nàng bao giờ cũng nhân từ phúc hậu. Chỉ có cái đầu óc suy tính là luôn luôn ngăn cản lòng tốt nơi nàng. Đặt con bé mù yên vị xong, nàng quay lại hỏi tôi:

- Anh tính làm gì với cái ngữ này?

Tiếng "ngữ này" làm tôi rùng mình, và tôi phải tự kiềm chế để khỏi lộ nỗi bất bình. Tuy nhiên nhờ suốt dọc đường suy ngẫm ân Chúa, tôi đã giữ được bình tĩnh. Tôi đứng thẳng, nhìn vợ con quay quần trước mặt. Một tay đặt trên trán con bé mồ côi, tôi long trọng tuyên bố:

- Hôm nay, anh mang con chiên lạc về chuồng.

Nhưng Amélie không bao giờ chấp nhận là trong lời Chúa dạy lại có những chuyện không thực tiễn như vậy. Biết nàng sắp kỳ kèo này nọ, tôi ra hiệu cho thằng Jacques và con Sarah dẫn hai đứa em nhỏ ra khỏi phòng. Thấy nhà tôi vẫn còn ngần ngại vì sự hiện diện của con bé mù, tôi bình tĩnh nói:

- Em khỏi phải giữ miệng. Nó chỉ là một con bé đần độn, nó không hiểu gì đâu.

Amélie mở màn tuyên bố là đâu có điều gì để kỳ kèo nhau -câu nhập đề thường lệ cho những vụ cằn nhằn dai dẳng tiếp theo- và bao giờ nàng chẳng phục tùng chồng mà thi hành những chuyện tôi bày vẽ ra, dù những chuyện ấy có không thực tiễn và trái khoáy đến đâu. Tôi đã nói ở trên là tôi chưa hề nghĩ ra giải pháp dài hạn cho đứa bé. Thật ra tôi chưa có ý định lãnh nuôi nó. Ý kiến này chính Amélie đã gieo vào đầu tôi, khi nàng hỏi tôi không nghĩ là nhà đã chưa đủ đông người hay sao. Nàng trách tôi là chuyện gì cũng tự ý tiến tới mà không hề nghĩ vợ con có theo kịp hay không. Năm mặt con rồi, còn hiếm hoi nỗi gì. Sanh đến thằng út Claude (thằng bé nằm trong nôi nghe nhắc đến tên bỗng khóc ré lên), nàng đã kiệt sức rồi.

Lúc nàng bắt đầu cằn nhằn, tôi toan nhắc lại những lời Chúa dạy đang xôn xao trong tâm can. Nhưng tôi lại đổi ý, vì không muốn núp uy Chúa trong vụ cãi vã này. Đến khi nàng nhắc đến nỗi vì con phải mỏi mòn, tôi khựng lại. Thú thực đã nhiều lần trong đà yêu thương thiếu tiết độ, tôi đã để cho vợ phải gánh vác hậu quả nặng nhọc của luyến ái vợ chồng không suy tính. Tuy nhiên lời vợ cằn nhằn lại gợi ý cho tôi. Tôi bèn năn nỉ nàng, xin nàng hãy xét xem, vào địa vị tôi, nàng có thể nào nhẫn tâm bỏ rơi một đứa bé mồ côi mù lòa không nơi nương tựa. Tôi không dám coi rẻ gánh nặng chính mình vừa mới gây ra, và tôi sẽ hết sức tiếp tay với nàng trong việc săn sóc đứa bé. Sau cùng tôi van xin nàng đừng đổ lên đầu nó nỗi bực mình do tôi tạo ra. Tôi cũng nhắc nàng con Sarah đã khôn lớn có thể giúp việc lặt vặt, còn thằng Jacques không còn bé bỏng nữa, có thể tự lo liệu lấy rồi. Tóm lại, Chúa đã giúp tôi những lời lẽ tha thiết để thuyết phục vợ. Thật ra, trong thâm tâm tôi biết vợ tôi đằng nào

cũng sẽ sẵn lòng cáng đáng bổn phận này, nếu cho nàng đủ thì giờ suy nghĩ. Lỗi là tại tôi đã để sự việc xảy đến một cách vừa bất ngờ vừa khó chịu.

Câu chuyện dần dà ổn thỏa, và vợ tôi dịu dàng bước tới con bé tật nguyền. Nhưng sau khi cầm đèn ngắm nghía con bé, nàng bỗng giây này, cơn giận mới nguôi lại bùng cháy lại. Con bé bẩn thỉu một cách ghê tởm. Nàng tru tréo:

- Sao mà nó có thể dơ dáy đến thế này. Khiếp quá. Anh có đi rũ quần áo đi không? Ra ngoài sân mà rũ. Lạy Chúa. Sợ rồi lây hết sang con mình. Trên đời tôi không sợ gì bằng chấy rận.

Quả thật con bé mồ côi chấy rận đầy mình. Nghĩ đến lúc trên xe nó co ro ngồi ôm chân tôi, tôi bỗng thấy ghê tởm. Mấy phút sau, sau khi tắm rửa kỳ cọ kỹ càng, tôi trở lại phòng. Vợ tôi rũ rượi trên ghế bành, hai tay ôm đầu ngồi khóc nức nở. Tôi âu yếm an ủi:

- Thực tình, anh không ngờ lại đem đến cho em một thử thách nặng nề như vậy. Thôi khuya rồi, em bỏ đó đi. Tối nay để nó ngủ tạm ngoài này, anh sẽ thức canh lửa cho. Mai anh sẽ cạo đầu nó rồi tắm rửa cho nó sạch sẽ. Để nó tươm tất hơn chút đỉnh rồi em hãy đụng tới nó.

Tôi năn nỉ nàng đừng nói chuyện chấy rận với tụi trẻ.

Lát sau đến giờ ăn tối. Tôi lấy chén cháo bưng tới cho con bé mù. Nó vồ lấy ăn như người chết đói. Vú già Rosalie vừa bày bàn, vừa hậm hực lườm nguýt con bé. Suốt bữa ăn không ai nói một câu. Tôi muốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tụi trẻ, để chúng xót thương mà có chút cảm tình với con bé tật nguyền Chúa đã gửi gấm chúng tôi. Nhưng tôi vẫn ngồi yên, sợ câu chuyện khơi lên lại làm cho vợ bực mình. Mọi người làm ngơ không nhắc đến sự việc, tuy đó là mối bận tâm chính của cả gia đình.

Tôi vô cùng cảm động khi khoảng độ một giờ sau, khi ai nấy đã lui về phòng, bé Charlotte mặc áo ngủ đi chân đất rón rén bước ra nhà ngoài. Bé tới ôm cổ bố, và thì thầm vào tai bố:

- Con quên không hôn bố trước khi vào giường.

Rồi chỉ con bé mù đang ngồi bên lò sưởi, Charlotte hỏi:

- Con hôn chị ấy nhé.

Dẫn Charlotte về phòng, tôi nói với con:

- Mai bố cho con hôn chị ấy. Bây giờ để cho chị ấy ngủ.

Tôi trở lại ghế đọc sách, và ngồi thức soạn bài giảng cho tuần tới. Tôi nghĩ con Charlotte có tình hơn mấy đứa lớn. Nhưng nghĩ lại, con tôi ở tuổi này, đứa nào cũng nhiều tình cảm. Thằng Jacques bây giờ lạnh lùng dè dặt, hồi bé cũng thật là dễ thương...



Ngày 27 Tháng Hai.

Đêm qua tuyết vẫn rơi nặng. Trẻ con nao nức, hy vọng tuyết sẽ lấp đầy cửa chính và chúng có dịp dùng cửa sổ để leo ra leo vào. Quả thật, sáng nay cửa chính đã bị tuyết phủ kín. Hôm qua tôi đã lo dự trữ lương thực và các nhu yếu phẩm khác cho dân làng, phòng xa bị tuyết cô lập. Đây không phải là lần đầu tiên làng bị cô lập vì thời tiết, nhưng tôi nhớ chưa bao giờ tuyết lại dầy đến thế. Âu cũng là dịp tốt để tôi tiếp tục công việc viết lách phải bỏ dở hôm qua.

Tôi đã viết ở đoạn trên là khi mang đứa bé tật nguyền về nhà, tôi không nghĩ đến chuyện nơi ăn chốn ở cho nó. Tôi biết vợ sẽ rầy rà, và tôi cũng dư biết mình nhà cửa không rộng rãi, mà phương tiện cũng không dồi dào. Như thường lệ, tôi đã hành động theo hứng khởi tự đáy lòng thay vì nguyên tắc này hay phương châm nọ, và không bao giờ nghĩ đến tốn kém (tôi nghĩ tính toán suy bì như vậy thật không đúng với tinh thần Phúc Âm). Mới nghe thì tưởng như thánh thiện, nhưng nhiều khi nghĩ lại tôi e sợ chẳng qua là

mình ỷ lại vào Phúc Âm để tự bào chữa, và hành động nhân đạo của tôi thực ra chỉ đem nặng nhọc cho người thân. Rồi tôi nhận ra là mình đã đẩy cho vợ một gánh nặng, nặng đến nỗi làm tôi cảm thấy bối rối hổ thẹn.

Sáng hôm sau, tôi tự tay cạo đầu cho con bé mù, công việc mà vợ tôi vô cùng ghê tởm. Nhưng còn tắm rửa cho nó, thì vợ tôi lại phải làm. Thế là phần việc cực nhọc đã không đến tôi đảm nhiệm. Tuy nhiên Amélie không còn cần nhắn nữa. Tôi nghĩ nàng đã suy nghĩ suốt đêm, và đã chấp nhận nhiệm vụ mới này. Có lúc nàng còn tỏ vẻ thích thú, và nàng mỉm cười khi mặc xong quần áo cho con bé. Nàng lấy chiếc mũ trắng đội cho nó để che cái đầu trọc vừa bôi đầy thuốc mỡ. Nàng lấy quần áo cũ của Sarah để thay cho nó, còn mớ rẻ rách nó mặc lúc tới thì vứt vào lửa hỏa thiêu. Charlotte chọn tên Gertrude cho con bé mù, và cả nhà đồng ý. Thật ra không ai biết tên thật của nó, và chắc nó chỉ nhỏ hơn con Sarah chút đỉnh, quần áo năm ngoái của Sarah nó mặc vừa in.

Tôi phải ghi nhận là đã thất vọng sau những ngày đầu. Hồi đó vì quá lạc quan khi bắt đầu dạy dỗ Gertrude, nên tôi đã mua lấy thất vọng.

Nét mặt ngu độn thờ ơ, tuyệt đối không chút xúc động hay giao cảm, làm lòng hăng say ban đầu của tôi cùn nhụt. Con bé suốt ngày ngồi bên lò sưởi, đối với ngoại giới lúc nào cũng sẵn sàng tự vệ như một con chó hoang. Khuôn mặt nó đanh lại mỗi khi nghe tiếng người, hay có ai tới gần. Ngoài nét hận thù đối nghịch, tôi không thấy một cảm xúc nào khác trên gương mặt nó. Nghe gọi đến tên là nó bắt đầu gầm gừ như một con thú. Nó chỉ hết hờn giận khi tới bữa. Tôi tự tay cho nó ăn, và khi ăn nó chồm tới như một con vật bỏ đói lâu ngày, trông vô cùng thảm thương. Vẫn biết tình thương sẽ đem lại tình thương, nhưng sự khước từ lì lợm của tâm hồn thù nghịch này có lúc làm chính tôi cũng cảm thấy ghét bỏ. Thú thật, sau mười ngày, tôi bắt đầu ngã lòng. Thậm chí có lúc không còn tha thiết, đến nỗi tôi hối tiếc mối nhiệt tâm ban đầu, và ân hận đã đem nó về nuôi.

Lại còn nỗi bực mình là vợ tôi tỏ ra khoái chí khi chồng ngã lòng. Thấy tôi vất vả và bực dọc vì Gertrude, vợ tôi đổi lại thái độ như để trêu ngươi. Nàng làm bộ thích thú trong việc tận tụy săn sóc con bé.

Tôi đã toan bỏ cuộc thì có anh bạn bác sĩ Martins từ làng Val Travers nhân đi thăm bệnh trong vùng, ghé lại chơi. Anh rất lưu tâm đến trường hợp con bé, ngạc nhiên là chỉ vì mù mà nó trở thành đần độn đến thế. Tôi cho anh hay là không những Gertrude mù lòa, mà bà nó lúc sống lại điếc nặng nên không bao giờ trò chuyện với nó. Con bé sống trong một môi trường trống rỗng bất thường, không chút liên hệ giác quan với ngoại giới. Vỡ chuyện, anh khuyên tôi chớ vội nản chí. Tôi thất bại chẳng qua là hành động không có phương pháp. Anh bảo tôi:

- Anh như người muốn xây nhà mà không chịu đắp nền. Anh hãy tưởng tượng cái tâm hồn này tựa như một khoảng trống không chưa có gì để bám víu. Bắt đầu, anh hãy lợi dụng những cảm xúc thật cơ bản sẵn có, như sờ mó, như ăn uống, mà móc vào đó một chữ, một tiếng. Phải lập đi lập lại nhiều lần, và rán bắt nó nói theo. Cốt nhất là đừng nóng ruột. Giữ giờ giấc thật đều đặn khi dạy nó. Mà mỗi buổi học cũng đừng kéo dài quá lâu...

Sau khi giảng giải tận tình phương pháp giáo dục mới, anh nói:

- Thật ra không có gì là ảo thuật. Phương pháp này không phải tôi mới phát minh ra, mà người ta đã áp dụng nhiều rồi. Anh nhớ không, hồi học chung ban Triết với nhau, nhân vụ Condillac, tụi mình đã được các thầy kể cho nghe một câu chuyện tương tự... Cũng có thể về sau tôi mới đọc chuyện này trong một tạp chí về Tâm Lý Học, nhưng không sao... Tôi vẫn còn nhớ cả tên cô bệnh nhân đó. Cô ấy tật nguyền còn nặng hơn Gertrude nhiều, đã câm lại còn điếc nữa. Câu chuyện xảy ra vào thế kỷ trước. Một bác sĩ tại một quận bên Anh Cát Lợi, tôi quên mất địa danh, đã đón cô ấy về trị liệu. Cô bé tên là Laura Bridgeman. Ông bác sĩ lập hồ sơ cẩn thận, anh cũng nên làm như vậy, để ghi chép những tiến bộ của bệnh nhân, hay ít nhất trong buổi đầu, những cố gắng của chính mình. Ngày này qua ngày khác, ông bắt cô bé sờ mó hai món đồ, một cây kim và một quản bút, rồi lại bắt cô ấy sờ một trang giấy có viết nổi hai chữ "Kim" và "Bút". Mấy tuần lễ trôi qua như vậy, nhọc nhằn mà không chút kết quả. Thể xác cô bé trống rỗng, như không có linh hồn, không có trí tuệ. Vậy mà ông ta không nản lòng.

Ông cảm thấy như đang đứng trên miệng giếng sâu, tay cầm sợi giây thừng dài gióng xuống đáy giếng, quơ qua quơ lại, hy vọng sẽ có người bắt lấy. Ông không ngã lòng, vì ông chắc chắn có kẻ đang kẹt dưới đáy giếng, và sau cùng thế nào cũng có bàn tay nắm lấy đầu thừng. Rồi một hôm, gương mặt của Laura, thường ngày vô hồn đần độn, bỗng sáng lên với một nụ cười.

Tôi tưởng tượng nét mặt của người thầy thuốc lúc đó. Chắc ông ta sẽ quỳ xuống, giàn giụa nước mắt, của phước lành và của tình thương, để tạ ơn Chúa. Đột nhiên cô bé Laura hiểu được bác sĩ muốn nàng làm gì. Thế là Laura được cứa thoát để trở về đời sống của loài người. Từ hôm đó nàng bắt đầu chú ý. Nàng tiến bộ mau chóng. Chả mấy chốc nàng biết tự học, và sau cùng trở thành hiệu trưởng một học đường cho trẻ em mù. Cũng có thể tôi lầm chuyện Laura Bridgeman với trường hợp một bệnh nhân khác, nhưng trường hợp như vậy về sau nhiều lắm. Báo chí tranh nhau đăng tải, và tỏ ra ngạc nhiên (theo ý tôi, một cách ngớ ngẩn) là con người thiếu giác quan đến như vậy mà cũng ý niệm được hạnh phúc là gì.

Tất nhiên là không cần giác quan để ghi nhận ngoại giới, con người vẫn ý niệm được hạnh phúc. Chỉ có điều không biểu lộ ra được mà thôi... Như thường lệ, nhà báo lại mượn cơ hội để giảng luân lý, mỉa mai những người đủ cả giác quan mà lúc nào cũng than thân trách phận...

Tới đây bác sĩ Martins và tôi thảo luận chung chung về lòng bi

quan của anh với giác quan của nhân loại. Theo anh, giác quan chỉ làm cuộc đời phiền toái và đau khổ. Anh lý luận:

- Tôi không bi quan như anh tưởng. Tôi chỉ muốn nói là tâm hồn nhân loại tự nó có thể hình dung được những gì chân thiện mỹ một cách dễ dàng. Dễ dàng hơn là hình dung những điều lộn xộn hay tội lỗi. Vậy mà giác quan lại liên hệ mật thiết với lộn xộn, tội lỗi, cũng như những xấu xa đang hiển hiện khắp nơi ngoài ngoại cảnh, đang hủy diệt tha hóa cái thế giới này. Đến nỗi trong kinh Virgile, tôi muốn chắp theo câu Fortuntos nimium mệnh đề si sua mala nescient, thay vì mệnh đề si sua bona norint như chúng mình đã học. Loài người sẽ sung sướng biết bao nếu không phải thấy những điều xấu bên ngoài mà giác quan ghi nhận.

Rồi anh nhắc đến một cuốn truyện của văn hào Dickens, có lẽ đã được cảm hứng từ trường hợp Laura Bridgeman, và anh hứa sẽ gửi cho tôi đọc. Bốn ngày sau tôi nhận được cuốn "Con dế mèn bên lò sưởi". Tôi đọc ngấu nghiến. Câu chuyện khá dài, có đoạn khá bi ai, về một cô bé mù và người cha làm nghề chế tạo đồ chơi trẻ em. Cô bé sống trong một thế giới huyền thoại, thoải mái, dựng trên những mẩu chuyện do cha kể cho. Dickens tìm thấy thánh thiện trong sự dối trá của người cha đáng thương khi ông mô tả lại ngoại giới cho đứa con gái mù. Lạy Chúa, tôi chưa từng phải dối trá với Gertrude.

Ngay ngày hôm sau tôi hăng say áp dụng phương pháp mới của bác sĩ Martins. Bây giờ tôi tiếc là đã không lập hồ sơ như anh dặn, để ghi lại những bước chập chững của Gertrude trên con đường tranh tối tranh sáng, và những mò mẫm của chính tôi trong nhiệm vụ giáo dục khó khăn này. Những tuần lễ đầu tiên vô cùng vất vả, không những tại phương pháp dạy quá đặc biệt mà còn vì gia đình cằn nhằn trách móc. Tôi rất buồn lòng là chính Amélie lại trách tôi nhiều nhất. Tôi không còn hận nàng, nhưng chỉ muốn lưu lại sự việc, phòng khi về sau nàng có dịp đọc những hàng chữ này. Tôi cũng phải ghi nhận rằng ngay lúc bị vợ cằn nhằn, tôi không oán giận vì bị trách cứ là đã dành nhiều thì giờ cho Gertrude, mà chỉ buồn vì nàng không tin cố gắng của chồng sẽ đạt được thành công. Nàng thiếu đức tin làm tôi phiền lòng. Đã bao lần nàng cằn nhằn:

- Nào thấy được tiến bộ gì cho cam.

Nàng đinh ninh thế nào tôi cũng thất bại. Vì suy nghĩ như vậy, nàng lại càng trách tôi đã phí phạm thì giờ lẽ ra dành cho chuyện khác. Mỗi lần thấy tôi dạy Gertrude, nàng lại nhắc đến những công việc bừa bộn đang chờ tôi, và tôi đã xao nhãng gia đình để dồn thì giờ cho con bé người dưng nước lã. Tóm lại, tôi thấy có chút ghen tuông của tình mẫu tử, vì đã nhiều lần nàng nói:

- Em chưa thấy bao giờ anh chăm con mình như vậy.

Nàng nói đúng. Tôi rất thương con, nhưng không bao giờ nghĩ rằng tôi phải đích thân chăm sóc chúng.

Tôi nhận thấy có những kẻ rất ngoan đạo, rất thánh thiện, mà vẫn chưa hiểu nổi ý niệm về con chiên lạc đàn. Cái mà họ không hiểu nổi là bất cứ con chiên nào đặt ra riêng rẽ sẽ quý hơn tất cả bầy chiên họp lại. Và cái thí dụ sáng ngời tình thương Phúc Âm về người mục tử bỏ 99 con chiên không canh giữ trên núi, để đi tìm con chiên lạc đàn, là chuyện vô cùng bất công với họ, nếu họ được phép thật tình phê phán.

Nhưng nụ cười đầu tiên của Gertrude đã đền bù lại tất cả những ưu phiền cũ, và đã muôn vàn tưởng thưởng công lao vất vả của tôi. Vì Phúc Âm đã dạy "Này các con hãy tin lời ta, con chiên lạc đàn kia khi tìm lại được sẽ đem vui mừng cho kẻ mục tử muôn vàn lần hơn nỗi vui mừng từ cả 99 con chiên chưa bao giờ đi lạc". Quả thật chưa bao giờ nụ cười của mấy đứa con tôi đem lại cho tôi một niềm hạnh phúc trong sáng như vậy. Buổi sáng hôm đó, trên khuôn mặt vô hồn đần độn kia bỗng hé nở nụ cười hàm tiếu. Cô bé đã hiểu, và bắt đầu chú ý đến những điều tôi đã tìm cách dạy nàng suốt bấy lâu nay.

Ngày 14 tháng 8. Ngày đó đúng ra là ngày khai sinh. Nụ cười này là một sự thoát hình lột xác. Đột nhiên, tất cả những nét trên gương mặt Gertrude trở nên

nhắn tin

Những ai Thu Hiệp, Kim Hồng
Bạn xưa giờ đã theo chồng về đâu?
Ở đây tuyết lạnh mưa nhàu
Nhiều khi cũng bạc mấy màu thời gian
Riêng ta vẫn sống mơ màng
Hồn xanh mở để hàng hàng mây qua
Còn ai người nhớ đến ta
Chuyện đời xin hãy kể ra mấy dòng
Để ta đợi buổi nắng hồng
Viết lên diều giấy thả rong về trời
Chịu không thì cũng mấy lời
Nhắn nhe bạn cũ đọc chơi vậy mà

đặng thị
quế phượng



linh động... Bất thần như ánh hào quang tím nhạt đột hiện trên đỉnh núi Alpes một buổi sáng tinh sương, khai trương cho bình minh, trả lại đường nét sắc sảo cho những đỉnh hoa cương hùng vĩ tuyết phủ, mới phút giây trước còn đắm chìm trong màn đêm đen tối... Như một sự soi sáng huyền diệu... Như làn nước tù bấy lâu ủ ê trong hồ Bethesda của Phúc Âm vừa được thiên thần tới đánh thức dậy. Tôi lâng lâng hồ hởi ngắm nhìn nét đẹp thiên thần vừa mới xuất hiện trên gương mặt Gertrude. Cái niềm sống động vừa tới ngự trị trong hình hài cô bé, tôi nghĩ không hẳn là Trí Tuệ, mà là Tình Thương. Ơn phước dào dạt lòng tôi, và nụ hôn đầu tiên tôi đặt lên vừng trán bé bỏng kia là nụ hôn kính cẩn tôi dâng lên Chúa.

Bước đầu càng khó khăn bao nhiêu thì những chặng đường sau lại dễ dàng bấy nhiêu. Hôm nay tôi ngồi nhớ lại đường lối giáo dục đã áp dụng. Hình như Gertrude đã tiến bằng bước dài vượt bực, làm những phương pháp giảng huấn của tôi trở thành trò đùa vô nghĩa.

Tôi nhớ lúc đầu tôi chú trọng đến tĩnh từ hơn là danh từ. Thí dụ như nóng, lạnh, ấm, êm, đắng, cứng, mềm, nhẹ, v..v.. Rồi tôi bước sang động từ, như tách rời, ráp lại, nâng lên, chéo qua, ngã xuống, nối lại, phân ra, hợp vào, v..v.. Chẳng mấy chốc tôi không còn cần đến phương pháp, và dạy nàng bằng cách nói chuyện bình thường với nàng mà vẫn không sợ mình đi quá nhanh. Dần dà tôi khuyến khích Gertrude tự ý đặt câu hỏi cho tôi giảng giải. Tất nhiên khi tôi đi rồi, Gertrude còn lại một mình vẫn tiếp tục vận dụng trí óc. Thành thử, nhiều khi trở lại dạy tiếp bài mới cho Gertrude, tấm màn đêm lần trước ngăn cách thầy trò chúng tôi tự nó đã mỏng đi trông thấy.

Tôi thầm nghĩ, nàng Xuân đầm ấm tất phải thắng nổi chúa Đông lạnh lùng. Đã bao lần tôi thích thú ngắm cảnh tuyết tan mỗi độ xuân về. Mới trông tưởng như bất di bất dịch, nhưng thảm tuyết dầy đã hao mòn bên trong. Năm nào vợ tôi cũng mắc lừa về chuyện này. Nàng đang than thở mãi tuyết không chịu tan, thì bất thần từng mảng tuyết mất chân rạn vỡ trôi đi, phơi bày sự sống tưng bừng đã âm thầm hồi sinh tự những bao giờ.

Sợ Gertrude suy nhược vì thiếu vận động, tôi bắt đầu dẫn cô bé ra ngoài dạo chơi. Nhưng chỉ khi nào có tôi cô bé mới chịu đi. Tuy cô bé chưa biết trình bày rành mạch, tôi quá rõ là Gertrude nhút nhát chẳng qua là cho đến bây giờ chưa từng mạo hiểm ra khỏi ngưỡng cửa. Khi còn ở với bà trong ngôi nhà tranh, Gertrude chưa bao giờ được ai săn sóc, ngoài việc được nuôi ăn. Sự săn sóc chỉ ở mức tối thiểu cho khỏi chết. Vũ trụ của Gertrude là căn phòng chật hẹp đó. Mùa hè, dù bên ngoài ấm áp trong sáng, cô bé chỉ dám mon men đến cửa là cùng. Về sau Gertrude cho tôi biết là hồi đó nghe chim hót, cô bé tưởng tiếng chim là do ánh sáng tạo thành. Không khí ấm áp mơn trớn trên má hay trên da bàn tay, với nàng chắc cũng mơ hồ tương tự như nước sôi trong ấm treo trên lò lửa. Thực ra Gertrude bấy giờ không quan tâm đến chuyện gì. Cô bé sống cô lập trong hôn mê tê dại, cho đến hôm được tôi mang về nuôi.

Tôi nhớ mãi nét vui mừng sung sướng trên mặt Gertrude khi được giảng rằng những tiếng hót xinh xắn bé bỏng đó là ngôn ngữ của những sinh vật hình như nhiệm vụ độc nhất trong trời đất là cảm thấy hạnh phúc và ca lên niềm vui chan hòa của tạo vật. (Từ hôm đó Gertrude có thành ngữ mới là "Con vui như chim"). Nhưng cô bé buồn vì không thấy được cái tạo vật huy hoàng mà chim đang ca ngợi. Gertrude hỏi tôi:

- Mục Sư ơi, cuộc đời có đẹp như lời chim kể không. Tại sao loài người không nói về cuộc đời nhiều hơn. Tại sao Mục Sư không kể cho con nghe nhiều hơn. Hay Mục Sư sợ con tủi thân vì những chuyện con không được thấy. Con không buồn đâu. Chim vẫn thường kể cho con biết bao nhiêu chuyện. Con tin là con hiểu được chim muốn kể cho con những gì.

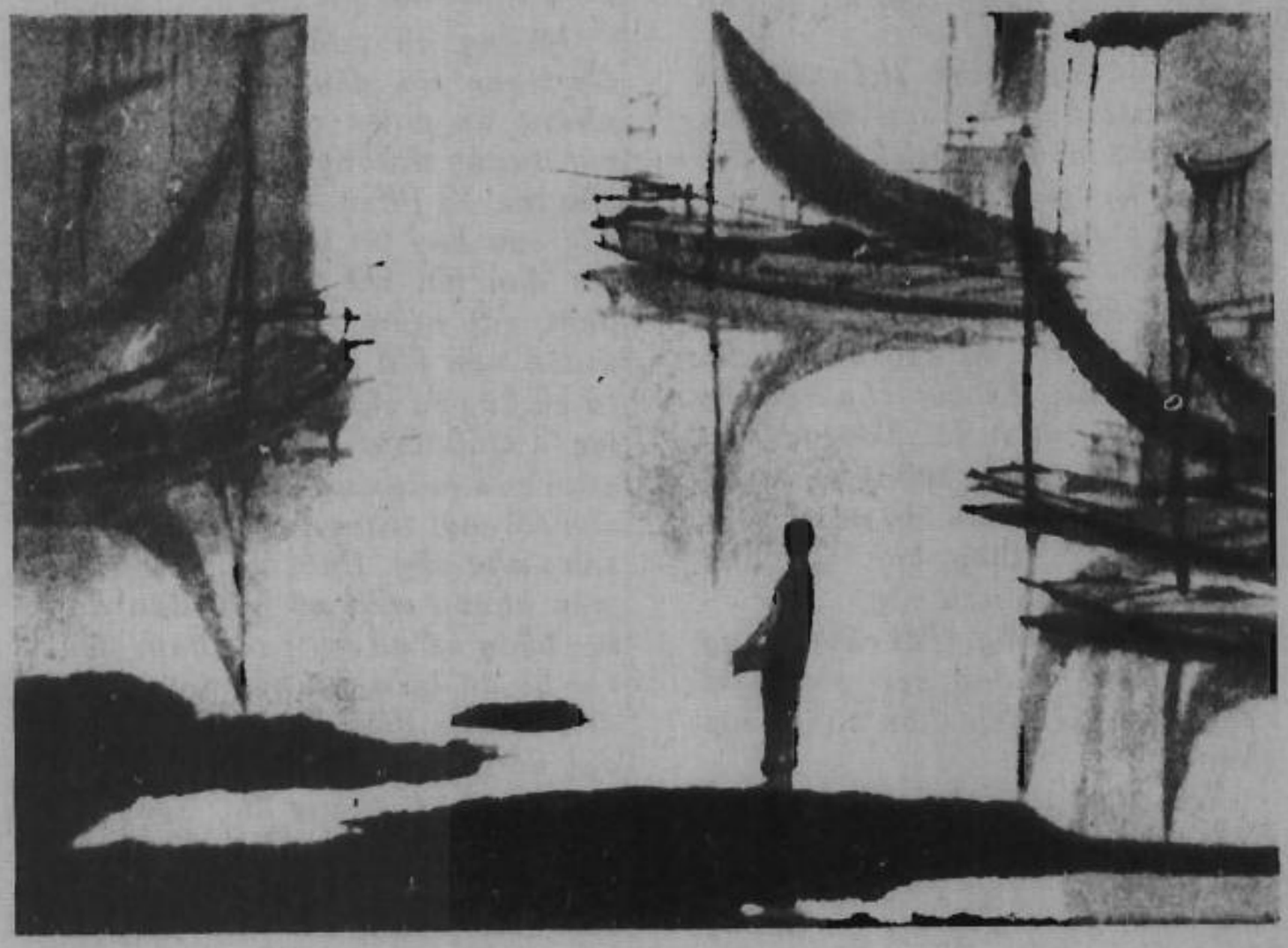
Tôi kiếm lời an ủi:

- Những người có thị giác không biết nghe tiếng chim hót như con đâu.

Cô bé lại hỏi:

- Nhưng Mục Sư ơi sao những sinh vật khác không hót?

Nhiều lúc Gertrude làm tôi phải suy nghĩ. Gertrude bắt tôi phải phân tích những sự việc tôi đã quen chấp nhận mà không thắc mắc. Hôm đó câu hỏi của cô bé làm tôi nghiệm ra là những sinh vật càng nặng nề, càng sát gần mặt đất bao nhiêu thì càng buồn bã bấy nhiêu. Tôi tìm cách giảng cho cô bé ý niệm vừa mới suy ra. Tôi nhắc tới con sóc nhẹ nhàng với những trò chơi tinh nghịch trên cành cây cao.



Gertrude lại hỏi có phải chỉ có chim mới biết bay không. Tôi trả lời là bướm cũng biết bay.

- Thế bướm có biết hót không?

Tôi cắt nghĩa:

- Bướm có cách của bướm để bày tỏ vui mừng. Bướm dùng màu sắc trên đôi cánh để vinh hiển niềm hoan lạc của cuộc đời.

Và tôi tả cho cô bé những màu sắc huy hoàng của loài côn trùng mỹ miều này.

Ngày 28 Tháng hai,

Tôi phải trở lại đoạn trước. Hôm qua ham viết, tôi đã thiếu sót rất nhiều.

Để dạy học Gertrude tôi đã học mẫu tự của người mù. Nhưng chẳng mấy chốc, cô bé đã thông thạo loại chữ này hơn tôi. Tôi vẫn chưa quen, và vẫn còn dùng mắt nhiều dùng hơn tay để nhận mặt chữ. Ngoài ra, tôi không phải là thầy giáo độc nhất của cô bé. Có thời gian Jacques giúp tôi trong việc dạy học Gertrude. Mới đầu tôi cũng mừng, vì công việc giáo khu khá bận rộn, dân chúng lại ở rải rác, di chuyển khá vất vả. Thằng Jacques học thần học ở Lausanne, nhân vụ lễ Giáng Sinh về nhà chơi, đi trượt băng chẳng may ngã gẫy tay. Vết xương gẫy không có gì trầm trọng, và bác sĩ Martins tuy không phải chuyên môn khoa chỉnh hình cũng bó lại được ngay ngắn.. Tuy nhiên cẩn thận vẫn hơn, Jacques nghỉ học ở nhà ít lâu để dưỡng bệnh.

Bỗng nhiên thằng bé để ý đến Gertrude mà cho đến bây giờ hắn vẫn thờ ơ. Jacques bắt đầu dạy Gertrude tập đọc. Jacques chỉ đóng vai phụ giáo được trong thời gian dưỡng bệnh, nhưng trong ba tuần lễ ngắn ngủi đó, Gertrude tiến bộ vượt bực. Có niềm siêng năng cần mẫn mới trong học hành của cô bé. Cái trí tuệ này hôm qua còn ngái ngủ bỗng dưng nảy nở nhanh chóng, tựa hồ như chưa tập đi đã biết chạy. Gertrude có thể tổ chức sắp xếp ý nghĩ một cách dễ dàng, làm tôi phải ngợi khen. Ngôn ngữ của cô bé phát triển trông thấy. Đã không còn ăn nói ngây ngô như trẻ nít, Gertrude lại biết cách hình ảnh hóa tư tưởng bằng những đồ vật nàng biết được, một cách trực tiếp nhờ xúc giác, hay gián tiếp do tôi tả lại. Thật là điều ngạc nhiên thích thú.

Đúng ra tôi cũng không cần nhắc lại tất cả những bước đầu của việc dạy dỗ Gertrude. Sách giáo khoa về người mù chắc cũng đã ghi chép đầy đủ những chi tiết này. Tuy nhiên giảng cho Gertrude về màu sắc là một vấn đề nan giải. (Nhân vụ này tôi tình cờ ghi nhận là trong Phúc Âm không thấy nói nhiều đến màu sắc). Tôi không nhớ người khác dùng cách nào để giảng dạy về màu sắc. Riêng tôi, lúc đầu tôi tả cho Gertrude những màu của quang phổ theo thứ tự xuất hiện trên cầu vồng. Cách giảng đó làm Gertrude lẫn lộn ngay màu sắc với cường độ ánh sáng. Thật là khó khăn cho Gertrude khi lãnh hội rằng mỗi màu có thể đậm nhạt, và các màu có thể pha trộn với nhau cho đến vô cùng. Gertrude bị ám ảnh về vụ màu sắc, và luôn luôn trở lại đề tài khúc mắc đó.

Tuy nhiên một hôm tôi có dịp đưa Gertrude đi Neuchatel nghe hòa tấu. Công dụng của các nhạc cụ khác nhau cho phép tôi trở lại vấn đề phân tích màu sắc mà cô bé vẫn còn bận tâm. Tôi lưu ý Gertrude sự khác nhau về âm thanh của của kèn đồng, đàn, và những nhạc khí bằng gỗ. Rồi mỗi nhạc cụ lại có thể tạo ra âm thanh to nhỏ khác nhau, với cung bậc cao thấp, từ tiếng trong nhất đến tiếng đục nhất. Tôi khuyên Gertrude tưởng tượng màu đỏ hay màu cam trong tạo vật như tiếng tù và hay tiếng kèn trombone, màu vàng hay màu lục như tiếng vĩ cầm, màu tím và màu xanh dương như tiếng sáo, tiếng clarinette, hay tiếng hautbois. Cô bé sung sướng và không còn ngờ vực nữa. Màu sắc chắc phải có thật. Gertrude nhắc đi nhắc lại:

- Như vậy chắc phải đẹp lắm, phải không Mục Sư?

Rồi bất chợt cô bé hỏi:

- Thế còn màu trắng thì sao? Không biết màu trắng thì nghe giống cái gì nhỉ?

Tôi thấy ngay cách đối chiếu màu sắc qua âm thanh của tôi không toàn hảo. Tuy nhiên tôi rán giải thích:

- Màu trắng là cái giới hạn cao nhất của sự hòa tấu giữa các màu tươi. Còn màu đen là giới hạn thấp nhất của những màu tối.

Cả Gertrude và tôi đều không thỏa mãn với giải thích này. Cô bé nhắc cho tôi là nhạc khí bằng gỗ, bằng đồng, hay đàn vĩ cầm, vẫn khác nhau, dù ở những âm thanh cao nhất hay thấp nhất. Cũng như bao nhiêu lần khác, tôi đã phải đứng khựng moi óc tìm những thí dụ cụ thể để giảng dạy cho cô bé. Sau cùng tôi nói:

- Thế này nhé. Con hãy tưởng tượng màu trắng như một màu thật trong sạch, không vẩn đục bởi một màu nào khác. Tựa như ánh sáng thuần túy. Màu đen đại để là một tình trạng quá nhiều màu, đến nỗi màu nọ lẫn lộn với màu kia làm toàn thể đen ngòm...

Hôm nay nhớ lại những mẩu chuyện vụn vặt này, tôi bèn kể lại đây như tiêu biểu cho những khó khăn thường gặp khi tôi dạy dỗ cô bé. Gertrude có tính tốt là nếu không hiểu thì không bao giờ làm bộ nhận là mình hiểu. Những người như vậy đầu óc đầy những dữ kiện sai lầm hay thiếu sót, nên về sau suy luận không còn chính xác nữa. Gertrude lại khác, có chuyện gì chưa biết đến nơi đến chốn thì cứ thắc mắc mãi cho đến khi tường tận mới cam. Lại còn chuyện khó khăn này nữa. Trong đầu óc Gertrude, không biết từ bao giờ, ánh sáng và nhiệt lượng đã luôn luôn dính liền với nhau, chặt chẽ đến nỗi khi dạy cô bé, tôi không thể tách rời hai ý niệm đó ra được. Chính nhờ dạy dỗ Gertrude mà tôi mới nghiệm thấy sự khác nhau giữa thế giới thị giác và thế giới thính giác. Đối chiếu hay suy diễn qua lại giữa âm thanh và màu sắc quả thật không sao mà tránh khỏi hồ đồ.

Ngày 29 Tháng Hai.

Mải viết về âm thanh và màu sắc, tôi quên chưa kịp kể niềm hân hoan của Gertrude khi được nghe hòa tấu ở Neuchatel. Tình cờ chính vở "Bản Đàn Thôn Dã" đã được trình diễn hôm đó. Tôi dùng chữ "chính" vì không có một

vở nhạc nào mà tôi lại muốn cho Gertrude nghe hơn là vở nhạc này. Ra khỏi rạp một lúc khá lâu mà Gertrude vẫn còn như đang đắm chìm trong sảng khoái. Sau cùng cô bé hỏi:

- Những điều mắt thấy có đẹp đến như vậy không?

- Đẹp như chuyện gì, cưng?

- Đẹp như cái cảnh "ven bờ suối" trong bản hòa tấu đó.

Tôi không trả lời ngay, vì tôi nghĩ những lời nhạc ấy không vẽ lại thế giới có thực, mà một thế giới lẽ ra phải có, nếu không có tội lỗi xấu xa chết chóc. Sau cùng tôi nói:

- Những người có thị giác sướng mà không biết mình sướng.

Cô bé vội vã lên tiếng:

- Nhưng con đâu có cần có thị giác mà vẫn biết được hạnh phúc của âm thanh.

Như một đứa trẻ, Gertrude vừa đi vừa nép sát người vào cánh tay tôi:

- Mục Sư ơi, Mục Sư có thấy con hạnh phúc không? Không, con không nói như vậy để làm vui lòng Mục Sư đâu. Nhìn con này: có phải khi người ta nói dối thì chỉ cần nhìn mặt là biết phải không? Còn con, ai nói dối con nghe giọng nói là con biết liền. Mục Sư có nhớ hôm Mục Sư nói là Mục Sư không khóc khi cô con (Gertrude thường gọi nhà tôi là cô) đã trách Mục Sư không bao giờ chiều cô, con đã biết ngay. Chính con hôm đó đã nói là Mục Sư dối con. Nghe giọng nói của Mục Sư là con biết liền. Con đâu có cần sờ má Mục Sư để xem có nước mắt hay không.

Rồi Gertrude bỗng cao giọng, chậm rãi lập lại một mình:

- Không, hôm đó con đâu có cần sờ má Mục Sư.

Tôi lúng túng vì lúc đó chúng tôi chưa ra khỏi khu thị tứ, và câu nói ngây thơ của Gertrude làm mấy người bộ hành quay đầu lại nhìn. Nhưng Gertrude vẫn nói tiếp:

- Mục Sư biết không, đừng hòng giấu con chuyện gì. Thứ nhất, dối kẻ mù lòa là điều phải tội... thứ hai là con không mắc lừa đâu.

Rồi tươi cười, Gertrude hỏi tôi:

- Mục Sư ơi, nói cho con nghe đi. Bây giờ Mục Sư không buồn phải không.

Như để cho Gertrude hay là một phần nỗi sung sướng hiện tại của tôi là nhờ nàng mà có, tôi cầm tay cô bé đưa lên môi:

- Không Gertrude con, ta không buồn. Làm sao mà ta lại buồn được.

- Vậy mà con biết thỉnh thoảng Mục Sư đã khóc.

- Ta cũng có khóc một đôi lần.

- Nhưng từ hôm đó Mục Sư có còn khóc nữa không?

- Không, Gertrude cưng.

- Nói cho con nghe nữa đi. Từ hôm ấy, có bao giờ Mục Sư còn muốn dối con nữa không?

- Không cưng.

- Mục Sư có thể hứa là từ giờ sẽ không bao giờ dối con nữa không?

- Hứa.

- Vậy thì, trả lời con ngay đi: Con có đẹp không, Mục Sư?

Câu hỏi bất ngờ làm tôi sững sờ. Nhất là cho đến bấy giờ tôi không muốn ghi nhận vẻ đẹp như đập vào mắt của cô bé. Vả lại tôi cho rằng nàng biết mình đẹp đâu có ích gì. Tôi hỏi lại Gertrude:

- Con muốn biết lắm sao?

- Con bận tâm chuyện này lắm. Con muốn biết..., con nói làm sao bây giờ..., con muốn biết bản thân con có làm buổi hòa tấu của cuộc sống xấu xí đi không. Điều này nếu con không hỏi Mục Sư thì con hỏi ai bây giờ?

Rán chống đỡ, tôi trả lời:

- Người Mục Sư thường không chú ý đến vẻ đẹp của dung nhan.

- Tại sao, Mục Sư.

- Tại vì với người Mục Sư, vẻ đẹp của tâm hồn đã đầy đủ quá rồi.

- Con biết rồi. Mục Sư muốn cho con hiểu rằng con xấu xí lắm phải không?

Nàng vừa nói vừa bậm môi làm duyên. Không còn chịu nổi, tôi buột miệng nói lớn:

- Gertrude cưng, con cũng biết là con đẹp lắm mà!

Nàng yên lặng không hỏi thêm gì nữa, và từ đấy cho đến khi tới nhà, nét mặt thật đăm chiêu.

Vừa thấy tôi về nhà là Amélie đã cho tôi hiểu nàng không tán thành cách tôi sử dụng thì giờ. Lẽ ra nàng nên phản đối từ trước. Tuy nhiên, như thường lệ, nàng vẫn để yên cho tôi dẫn Gertrude đi nghe nhạc, để dành lấy quyền cằn nhằn trách móc về sau. Nàng không trách móc thành lời, nhưng sự yên lặng của nàng cũng đã quá rõ ràng. Biết tôi dẫn Gertrude đi nghe nhạc về mà nàng không buồn hỏi thăm về chương trình hòa tấu, đã chẳng là chuyện bất thường rồi sao. Tội nghiệp con bé, sự vui mừng của nó sẽ tăng gia bội phần, nếu nàng chỉ tỏ ra mảy may lưu tâm đến nó. Nói cho đúng thì vợ tôi cũng không hẳn lầm lì yên lặng, nhưng nàng chỉ nói những chuyện vặt vãnh không đâu. Đến tối, khi trẻ con đã đi ngủ hết, tôi mới nghiêm nghị hỏi vợ:

- Tôi mang Gertrude đi nghe nhạc mà em cũng bực mình sao?

Nàng đối đáp:

- Chưa bao giờ em thấy anh lo cho người thân trong gia đình này như vậy.

Lại vẫn hờn dỗi cũ. Nàng vẫn không chịu hiểu rằng đứa con lạc đàn trở về bao giờ cũng làm cha mẹ vui mừng hơn là đứa con vẫn ở lại nhà. Nàng không thương hại tật nguyền của con bé. Chút vui thú nhỏ nhoi này là món quà vô cùng hiếm hoi trong cuộc đời bất hạnh của nó. Mà đâu có gì cho cam, tôi thường xuyên bận rộn, chỉ hôm đó mới tình cờ được rảnh rang. Nàng thật là hàm hồ, trẻ con hôm ấy không bận chuyện này thì mắc chuyện kia, còn nàng thì có bao giờ thích nghe hòa nhạc đâu. Những hôm rảnh rỗi, dù có hòa tấu ngay trước nhà nàng cũng không buồn đi dự nữa là. Bực mình hơn nữa là nhà tôi cằn nhằn trách móc ngay trước mặt Gertrude. Tôi có ý dìu vợ ra khỏi tầm tai, nhưng nàng lại chủ ý lên giọng cho Gertrude nghe thấy. Tôi giận hơn là buồn. Lát sau khi Amélie đã vào nhà trong, tôi tới cầm lấy bàn tay bé bỏng của Gertrude đưa lên má tôi:

- Con coi này, lần này ta đâu có khóc.

Nàng rán không buồn:

- Không, lần này là phiên con.

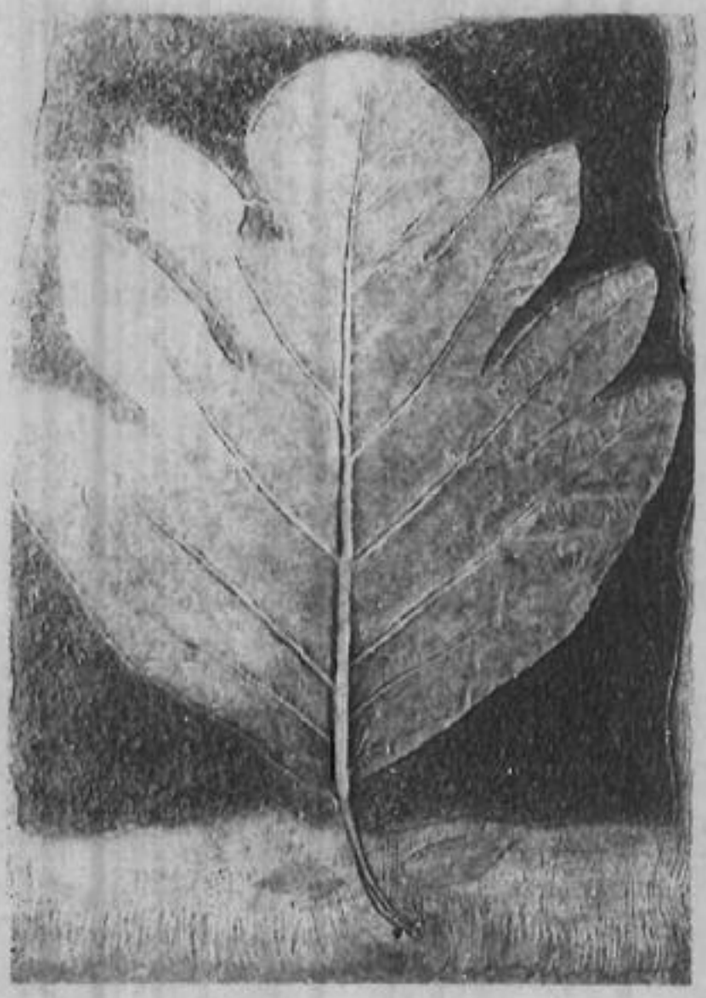
Nàng gượng cười và ngước lên tìm tôi. Tôi thấy một khuôn mặt chan hòa nước mắt.

Ngày 8 Tháng Ba.

Niềm vui độc nhất tôi có thể đem lại cho nhà tôi là đừng làm điều này, đừng làm điều nọ, để nàng khỏi bực mình. Lối yêu

thương hoàn toàn tiêu cực, nhưng là lối yêu thương độc nhất mà nàng muốn hiểu. Nàng đã thu hẹp cuộc sống của tôi đến như vậy mà vẫn không hề để tâm ghi nhận. Lạy Chúa, hãy để nàng đòi hỏi nhiều hơn hơn. Tôi sẽ sung sướng biết mấy nếu nàng đòi tôi những chuyện khó khăn hiểm nghèo. Nhưng Amélie ghét tất cả những gì không thuộc về đời sống bình thường đều đặn. Đến nỗi cuộc đời với nàng chỉ là gom nhặt những chuỗi ngày nhạt nhẽo sắp tới để chồng lên một quá khứ cũng đã nhạt nhẽo như vậy. Nàng không chờ đợi mà cũng không muốn chấp nhận những đức tính mới nơi tôi. Cả đến gia tăng những đức tính cũ cũng không phải là chuyện đáng mừng. Trong Phúc Âm nàng chỉ muốn thấy những chế ngự bản năng con người. Nàng lo sợ thấy ai muốn tìm kiếm trong lời Chúa bất cứ chuyện gì ngoài chuyện khuyên răn khổ hạnh.

Tôi thú nhận là hôm đi Neuchatel tôi quên khuấy lời nàng dặn tới tiệm tạp hóa thanh toán sổ sách cũng như kiếm cho nàng một cuộn chỉ khâu. Nhưng tôi giận mình còn hơn nàng giận tôi nữa. Nhất là lúc rời nhà, tôi đã dặn lòng là không được quên, vì phải trung tín chuyện nhỏ cái đã rồi hãy nói đến thủy chung chuyện lớn. Tôi vẫn lo ngại là nàng sẽ suy diễn theo chiều hướng trên nếu tôi quên mua cuộn chỉ khâu. Thậm chí tôi cầu mong nàng lên tiếng trách móc, vì thật ra tôi thấy mình cũng đáng tội. Khổ nỗi thường thường những buồn phiền ở đời tưởng tượng nhiều hơn là có thực. Cuộc sống sẽ đẹp tốt biết bao nếu ta chỉ ghi nhận những sầu muộn có thực, thay vì để chuyện mơ hồ làm ta bận tâm. Tôi phải ghi nơi đây điều này (Kinh Matt., XII,29: Đừng nên để cho tâm hồn bất an).



Tuy nhiên chủ tâm tôi là chép lại sự tiến bộ về trí tuệ cũng như tâm hồn Gertrude. Vậy thì tôi nên trở lại đề tài này.

Tôi muốn theo dõi sự tiến triển ấy từng bước một, như tôi đã tỉ mỉ kể lại trước đây. Vậy mà không những tôi đã không kể rành mạch từng giai đoạn, mà liên hệ giữa những giai đoạn ấy cũng bỏ qua, nên người đọc chắc phải ngỡ ngàng vì đột nhiên thấy nàng diễn tả tư tưởng chín chắn gẫy gọn như vậy. Nàng tiến nhanh một cách đặc biệt. Tôi phải thán phục đầu óc sắc bén của nàng khi hấp thụ món ăn trí tuệ tôi mang lại. Không những nàng lãnh hội được những kiến thức mới mà còn tiêu hóa được chất liệu này để tạo một cái gì riêng biệt cho chính mình. Nàng làm tôi ngạc nhiên, vì nhiều chuyện tôi chưa nghĩ đến thì nàng đã suy ra. Từ buổi trò chuyện hôm trước tới buổi trò chuyện hôm sau, có khi tôi không nhận ra người học trò cũ của mình nữa.

Ít tháng sau, không ai có thể nghĩ nàng đã có hồi thiếu trí khôn như trước kia. Gertrude còn có nhiều nét chững chạc hơn các thiếu nữ bình thường với thị giác nguyên vẹn mà ngoại giới đã làm xao nhãng vì những chuyện tầm vơ. Tôi nghĩ có lẽ nàng lớn hơn là tôi đã ước đoán buổi đầu. Trên nhiều phương diện, mù lòa đã trở thành lợi điểm cho nàng. Nhiều khi bất giác tôi so sánh nàng với con Charlotte. Khi tôi kèm bài vở cho nó, thấy nó bị lơ đãng vì con ruồi vừa bay qua, tôi thầm nghĩ:

- Nói dại, nếu mắt nó không thấy đường, chắc nó đã chuyên chú vào học hành hơn.

Gertrude mê đọc sách. Nhưng để theo sát tâm trí nàng, tôi không muốn nàng đọc quá rộng -ít nhất những khi không có mặt tôi- và nhất là đọc Thánh Kinh. Điều này nghe có vẻ bất thường với một tín đồ Cơ Đốc như tôi. Tôi sẽ có dịp giảng giải lý do của quyết định này. Trước khi đề cập đến một câu chuyện quan trọng như vậy, tôi muốn kể một sự việc nhỏ có liên hệ đến âm nhạc, cũng vào khoảng thời gian buổi hòa tấu ở Neuchatel.

Phải rồi, chuyện này xảy ra độ ba tuần trước vụ nghỉ hè (thời gian Jacques về sống với gia đình). Bữa đó tôi dẫn Gertrude đến ngồi trước cây đàn phong cầm của nhà thờ thường thường do cô De la M. phụ trách. Gertrude chưa học nhạc với cô và cũng chưa dọn tới nhà cô ở. Tôi tuy yêu nhạc nhưng không giỏi môn này, và ngồi trước đàn tôi cảm thấy không đủ khả năng đóng vai nhạc sư. Hôm đó vừa đặt tay trên phím, nàng đã xin với tôi:

- Mục Sư cho con thử tập một mình.

Tôi sẵn lòng chiều ý nàng. Tôi để nàng tập đàn một mình. Ngồi chung một mình với nàng trong nhà thờ vắng vẻ, với miệng tiếng thị phi, không phải là không bất tiện. Về sau, hôm nào có dịp đi ngang giáo đường, tôi thả nàng ở đấy có khi suốt buổi, xong công việc mới trở lại đón nàng. Gertrude kiên nhẫn tập đàn một mình, lần mò ra những hài âm trên phím. Chiều về, có khi tôi thấy nàng sung sướng với một vài cộng âm nàng vừa đánh thử.

Cứ như vậy cho đến sáu tháng sau, một bữa đầu tháng tám, tôi trở về đón nàng sớm hơn dự tính vì người góa phụ khốn khổ tôi tính viếng thăm lại vắng nhà. Gertrude không dè tôi về sớm, và tôi vô cùng ngạc nhiên thấy thằng Jacques đang ngồi bên nàng trước đàn. Vì tiếng đàn che tiếng chân bước của tôi, cả hai đều không biết tôi đang đi vào. Bản tính tôi không ưa rình mò, nhưng chuyện liên can đến Gertrude, tất nhiên tôi phải để tâm. Rón rén, tôi nhẹ chân leo mấy bực tam cấp lên bệ thờ. Vị trí rất tiện cho việc quan sát. Tôi thú thật suốt thời gian ngồi đó, tôi không nghe được câu chuyện giữa hai đứa. Nhưng Jacques ngồi sát bên Gertrude, cầm tay nàng để hướng dẫn trên phím đàn. Thật là kỳ lạ khi nàng thuận cho Jacques cầm tay hướng dẫn, điều mà trước kia nàng đã từ

chối tôi. Tuy lúc đó tôi không chịu nhìn nhận sự thật, nhưng tôi thấy rất buồn bực và định bước ra can thiệp. May thay, Jacques đã rút đồng hồ ra coi giờ và nói:

- Có lẽ anh về thì vừa. Chắc ba anh cũng sắp tới.

Tôi thấy Jacques cầm tay nàng lên môi hôn rồi cáo từ. Lát sau rón rén xuống bực thang, tôi ra ngoài, để lại ồn ào trở vào mở cửa cho nàng tưởng tôi mới tới:

- Gertrude, tập đàn có thích không con.

Nàng trả lời, giọng hoàn toàn tự nhiên:

- Dạ thích lắm. Hôm nay con tập đàn được nhiều lắm.

Lòng tôi vô cùng buồn bã. Nhưng cả tôi và nàng không ai nhắc đến chuyện vừa mới xảy ra.

Sau cùng tôi có dịp nói chuyện riêng với Jacques. Lúc đó nhà tôi và mấy đứa trẻ đã đi ngủ hết, chỉ còn hai cha con ngồi đọc sách ở nhà ngoài. Tôi chờ phút này đã lâu. Vậy mà trước mặt con, lòng tôi mung lung, tình cảm lộn xộn, đến nỗi tôi đâm ra ngại ngùng không dám đề cập đến vấn đề đang giày vò tâm can. Chính thằng Jacques lại khai mào câu chuyện, cho hay là vụ hè này nó tính ở nhà với gia đình lâu hơn. Vậy mà chỉ ít bữa trước nó đã thưa với cha mẹ là muốn du lịch miền núi Alpes, điều cả hai vợ chồng tôi vui vẻ chấp thuận. Tôi biết bác T., bạn thân của tôi sẽ cùng leo núi với nó kỳ này. Tôi nghĩ ngay là sự thay đổi chương trình đột ngột liên hệ đến cảnh tôi đã chứng kiến sáng nay tại giáo đường. Tôi nổi nóng, nhưng lại sợ làm vậy, nó sẽ không tâm sự với bố nữa. Cũng không muốn vì giận dữ mà quá lời mắng con, tôi hết sức tự kiềm chế. Lấy giọng thản nhiên, tôi nói:

- Ba tưởng bác T. trông đợi con cùng đi leo núi với bác.

Nó trả lời:

- Ô, bác T. thật ra đâu có lệ thuộc vào con trong vụ leo núi này. Bác kiếm người thay thế con đâu có khó khăn gì. Con ở nhà nghỉ ngơi cũng tốt chán, đâu có cần lên núi Oberland. Con nghĩ ở nhà có nhiều chuyện làm có ý nghĩa hơn là trèo núi.

- Té ra con kiếm được chuyện làm cho vụ hè này rồi sao?

Nó nhìn tôi, chắc đã thoáng thấy ý mỉa mai, nhưng chưa hiểu tại sao. Nó trả lời:

- Như ba biết, con bao giờ cũng thích đọc sách hơn là leo núi.

Nhưng nhìn thẳng vào mắt nó, tôi nói:

- Ba biết. Nhưng con ơi, con không nghĩ là dạy đàn phong cầm còn có ý nghĩ hơn là đọc sách sao?

Có lẽ nó cảm thấy hổ thẹn. Nó đưa tay lên ngang trán, như tránh né ánh đèn. Nhưng nó bình tĩnh trở lại, giọng nó tự nhiên hơn là tôi mong muốn:

- Thưa ba, xin ba đừng vội kết tội con. Lòng con không bao giờ dám giấu ba chuyện gì. Con chưa kịp thưa thì ba đã hỏi tới.

Thằng bé ăn nói gẫy gọn, giọng như người đọc sách, mà khi hết lời cũng bình tĩnh chững chạc, như đang bàn chuyện người khác. Sự tự chủ tuyệt vời của nó làm tôi bực tức. Cảm thấy sắp bị tôi ngắt lời, nó đưa tay lên như muốn nói: "không, xin ba cho con thưa hết câu chuyện". Nhưng chụp lấy tay nó lắc mạnh, tôi to tiếng:

- Chẳng thà ba không thấy mặt con nữa còn hơn để cho con làm vẩn đục tâm hồn trong trắng của con Gertrude. Con không cần phải thú tội với ba. Ba đã biết rồi. Lợi dụng tật nguyền của nó, lợi dụng nó ngây thơ khờ khạo, lợi dụng lòng thành thật của nó, ba không ngờ con có thể làm những chuyện tồi bại như vậy. Ba trách nhiệm cuộc đời con Gertrude, và ba cấm con từ nay không được trò chuyện với nó, cầm tay nó, gặp gỡ nó...

Vẫn với giọng bình tĩnh tự tin đã làm tôi nổi điên, Jacques trả lời:

- Nhưng thưa ba, con rất kính trọng Gertrude. Oan cho con, nếu ba nghĩ có gì đáng khinh bỉ trong hành vi hay trong dự tính con dành cho nàng từ tận đáy lòng con. Con yêu Gertrude, con kính trọng nàng cũng nhiều như con yêu nàng. Cũng như với ba, ý nghĩ làm vẩn đục nàng, lợi dụng nàng ngây thơ và tật nguyền là chuyện hèn hạ ngoài sức tưởng tượng của con.

Rồi nó thưa với tôi hảo ý của nó dành cho Gertrude, là nâng đỡ nàng, như một người bạn, như một người chồng. Trước kia nó chưa thưa chuyện với tôi là vì bấy giờ nó chưa quyết định xong. Và quyết định bây giờ của nó, nó chưa chia sẻ với Gertrude, vì nó định trình tôi trước rồi sau mới thổ lộ với nàng. Sau cùng nó nói tóm tắt:

- Thưa ba, đó là tất cả tâm sự của con. Ngoài ra con không còn gì giấu ba nữa.

Lời con làm tôi sững sờ. Tôi nghe mạch máu thái dương đang đập liên hồi. Tôi chỉ sửa soạn để la mắng nó, và khi nó cho tôi tất cả những lý do để hết nóng giận, tôi bỗng cảm thấy ngờ ngàng, không còn có gì để nói nữa. Sau một phút yên lặng, tôi đứng dậy vỗ vai nó:

- Thôi con đi ngủ đi. Sáng mai ba sẽ cho con biết quyết định của ba.

- Nhưng ít ra ba không còn giận con nữa, phải không ba?

- Ba cần suy nghĩ đêm nay.

Sáng sau thấy con, tôi tưởng như mới gặp nó lần đầu. Tôi bỗng nhận thấy con mình không còn trẻ dại nữa mà đã hoàn toàn trưởng thành. Nếu nghĩ nó là con nít, thì mối tình tôi bắt gặp hôm qua thật là quá quắt. Nhưng nó đã khôn lớn thì mọi chuyện thật ra hoàn toàn bình thường lành mạnh. Vậy thì tại sao đã biết nghĩ như vậy tôi vẫn còn bất mãn. Mãi về sau tôi mới hiểu rõ ngọn ngành của nỗi lòng mình. Nhưng lúc đó, việc cần kíp là cho Jacques hay quyết định của tôi. Tôi cảm thấy có gì mãnh liệt như một bản năng bắt tôi phải ngăn cản cuộc hôn nhân này.

Dẫn Jacques ra ngồi góc vườn tôi hỏi nó trước:

- Con đã cho Gertrude hay chưa?

- Dạ thưa ba chưa. Con nghĩ nàng biết con yêu nàng. Nhưng thổ lộ với nàng thì con chưa thổ lộ.

- Nếu vậy thì con phải hứa với ba là con không được cho nó hay chuyện đó bây giờ.

- Thưa ba, con xin hứa với ba. Nhưng có thể nào ba cho con biết lý do.

Tôi ngần ngại suy nghĩ. Không biết những lý do vừa đến trong đầu tôi có phải là những lý do đáng nêu ra không. Thật tình, tâm hồn thay vì lý trí đã dẫn dắt hành động của tôi trong lúc này:

- Gertrude nó còn trẻ dại lắm.

Con nghĩ coi, nó bây giờ cũng chưa rửa tội. Con dư biết nó không như những trẻ khác. Sự trưởng thành của nó đã bị trì trệ khá nhiều. Nó dễ tin, nên dễ rung động với những lời yêu đương mới được nghe lần đầu. Nên chi, điều quan trọng là chưa nên cho nó hay tình cảm của con. Chiếm đoạt những gì chưa biết tự vệ là điều hèn nhát. Con nói tình con dành cho nó không có gì đáng hổ thẹn. Nhưng ba cho là tình đó vẫn có tội, vì đã tới trước hạn kỳ. Gertrude chưa khôn ngoan già dặn, vậy ta phải khôn ngoan giùm cho nó. Đây là một vấn đề lương tâm.

Thằng Jacques có điểm tốt là muốn khuyên can nó điều gì chỉ cần nhắc đến lương tâm. Tôi nói:
- Ba kêu gọi đến lương tâm của con.

Khi nó còn nhỏ, tôi hay răn dạy nó bằng lời giáo huấn này. Nhưng nhìn con, tôi chợt nghĩ nếu Gertrude có thị giác, chắc nàng sẽ ngắm mà không chán mắt cái tấm thân cao ráo vừa rắn rỏ: vừa mềm mại, cái vừng trán phẳng đẹp không nếp nhăn, cái nhìn ngay thẳng, cái khuôn mặt còn trẻ thơ nhưng đã thoáng vẻ nghiêm nghị của trưởng thành. Jacques đầu trần, tóc màu bạch kim để dài, với mấy lọn tóc lùng bùng ngang thái dương che nửa vành tai.

Tôi đứng dạy, nói tiếp:
- Ba có điều muốn yêu cầu con. Con đã định ngày mai lên đường. Vậy thì con đừng trì hoãn nữa. Con cần vắng mặt một tháng. Đừng về sớm một ngày. Con nhớ chưa.
- Dạ. Con xin vâng lời ba.

Jacques trở nên tái xanh đến nỗi môi nó cũng nhợt nhạt. Nhưng tự trấn tâm, tôi nghĩ rằng nếu nó phục tòng lệnh cha một cách dễ dàng như vậy, thì tình yêu của nó chắc cũng không mãnh liệt lắm. Và tôi thở dài nhẹ nhõm. Vả lại thấy con dễ bảo tôi cũng mát lòng. Tôi nói nhỏ với nó:
- Con vẫn là đứa con ngoan của ba.

Tôi kéo nó lại hôn lên trên trán. Tôi có cảm tưởng nó hơi ngả đầu lại phía sau như muốn né tránh. Nhưng lúc đó tôi không muốn bận tâm vì những chuyện như vậy.

nắng sông dài

Trông anh dặm nắng sông dài
Chân mây, bóng khói, nhớ ngày ra đi
Sau lưng, mưa tới kinh kỳ
Thềm sương, cổng gió xanh rì vết rêu
Trông anh sao tím lưng chiều
Mênh mông trời lạnh, tịch liêu bãi cồn
Vời theo con nước hoàng hôn
Lòng đau trải rộng hoang thôn mịt mù

Thôi đêm thắp ánh trăng lu
Đèn chong hiu quạnh, bước thu động vườn
Với hồn lộng gió tha phương
Tha ma ngày tháng, người thương nhớ người

hồ trường an



Ngày 10 Tháng ba.

Ngôi nhà chúng tôi nhỏ hẹp, chuyện riêng tư thật khó khăn, sinh hoạt đôi khi thật là bất tiện. Tôi đã dành riêng một phòng trên gác để làm việc hay tiếp khách. Trẻ con gọi đùa căn phòng là Thánh Địa, vì chúng tuyệt đối không được vào. Tuy nhiên, dùng phòng đó để nói chuyện riêng cũng vẫn phiền phức vì có vẻ quá long trọng.

Nhưng sáng hôm nay, Jacques lên Neuchatel mua giày đi núi. Thấy trời đẹp, ăn sáng xong lũ trẻ cũng rủ Gertrude ra ngoài dạo chơi (Charlotte ân cần với Gertrude làm tôi mất ruột). Thành thử tới lúc uống trà thì chỉ còn hai vợ chồng ở nhà.

Tôi cũng mong đợi dịp này. Vậy mà tôi lại cảm thấy ngần ngại, phần thì đã lâu không có thói quen trò chuyện với vợ, phần thì đề tài quan trọng sắp nói làm tôi ngập ngừng. Tôi lúng túng, tựa hồ như sắp phải bàn chuyện riêng của chính tôi, thay vì vấn đề nhân duyên của con.

Tôi bỗng ghi nhận là vợ chồng chung sống suốt đời, yêu nhau, mà vẫn có thể trở nên xa lạ cách biệt. Câu chuyện trao đổi nghe lạc lõng như những tiếng cồng dọ dẫm, bị dội lại vì một bức tường ngăn cách mà vô tình mỗi ngày trở nên một dày đặc hơn.

Lúc vợ tôi rót trà, tôi vào đề:
- Thằng Jacques vừa nói chuyện với anh. Nó bảo nó yêu con Gertrude.

Hôm qua thằng Jacques bình tĩnh bao nhiêu thì hôm nay tôi lại ngập ngừng bấy nhiêu. Vợ tôi tiếp tục rót trà, trả lời mà mắt không nhìn tôi:
- Nó thưa với anh là phải.

Giọng nàng bình thản, làm như câu chuyện vừa nói không có gì đặc biệt hay đáng ngạc nhiên.
- Nó bảo nó muốn cưới con bé làm vợ. Nó quyết định...

Nàng sẽ nhún vai, khẽ nói:
- Chuyện này thì ai cũng đã tiên đoán lâu rồi.
- Em cũng đã ngờ vậy sao?
- Đâu có gì bất ngờ. Chỉ có đàn ông là không để ý những việc như vậy.

Ý kiến riêng của nàng về đàn ông, tôi không phản đối. Tôi chỉ trách nhẹ:
- Nếu thấy vậy, lẽ ra em nên cho anh hay.

Nàng mím môi cười nhạt, với nụ cười quen thuộc mỗi khi nàng không muốn bàn thêm về một chuyện gì. Rồi khẽ lắc đầu, nàng nói:

- Đi theo anh mà nhắc anh những chuyện anh không để ý thì bao giờ cho hết.

Nàng định ám chỉ gì đây. Tôi không biết mà cũng không muốn biết. Tôi làm làm lơ như không để ý:

- Anh muốn biết ý kiến em về việc này.

Nàng thở dài:

- Như anh vẫn biết, em không bao giờ ưng ý mang con bé về nhà này.

Thấy nàng lại nhắc đến chuyện cũ, tôi rán dằn lòng cho khỏi nóng giận. Tôi nhắc nàng:

- Anh đâu có hỏi ý kiến em về con Gertrude.

Nhưng Amélie vẫn nối tiếp ý nghĩ cũ:

- Ngay từ ngày đầu, em đã nghĩ là con bé chỉ đem lại bực mình cho nhà này.

Nắm lấy cơ hội, tôi nói theo đà:

- Thì ra em cũng không tán thành hôn nhân này. Thực ra, anh cũng mong em nghĩ vậy. Anh sung sướng thấy vợ chồng mình đồng ý điểm này.

Tôi cũng cho nàng hay là Jacques đã ngoan ngoãn vâng lời cha, và nàng không còn phải bận tâm về chuyện này nữa. Ngày mai nó sẽ lên đường để đi du lịch một tháng. Sau cùng tôi nói thêm:

- Anh cũng như em, anh không muốn chúng nó còn gặp nhau nữa khi Jacques du lịch trở về. Anh nghĩ tốt nhất là gửi Gertrude cho cô Louise de la M. nuôi. Anh vẫn có thể tiếp tục đến thăm con bé. Anh công nhận là anh có trách nhiệm với Gertrude. Cô Louise sẵn sàng chiều ý vợ chồng mình. Như vậy, em cũng khỏi bực mình, không còn phải hàng ngày thấy mặt Gertrude. Cô Louise sẽ săn sóc cho con bé. Cô ta rất hài lòng vì vụ sắp xếp này. Cô ta đang náo nức vì sẽ được dạy nhạc cho nó.

Thấy Amélie nhất định không chịu hé răng, tôi tiếp lời:

- Anh muốn ngăn ngừa chuyện Jacques sẽ thì thụt chạy sang nhà cô Louise tìm gặp Gertrude. Anh tính cho cô Louise biết hết câu chuyện. Em nghĩ có nên không?

Tôi trực tiếp hỏi ý kiến nàng, dụng ý buộc nàng nói chuyện. Nhưng nàng mím môi nhất định không góp ý. Tôi lại nói tiếp, không phải có điều gì quan trọng, mà vì thái độ yên lặng của vợ làm tôi khó chịu:

- Có thể khi Jacques du lịch về, nó không còn si mê nữa. Ở tuổi nó, người ta nhiều khi không biết mình muốn gì.

Đến đây, Amélie chêm vào một câu kỳ cục tối nghĩa:

- Ô! Nói chi tuổi nó. Già nữa mà có khi cũng không biết mình muốn gì nữa là.

Bản tính ngay thẳng ghét bí mật úp mở, tôi khó chịu vì giọng điệu đầy ẩn ý của vợ. Tôi quay lại, yêu cầu Amélie hãy nói thẳng ra những gì nàng muốn ám chỉ. Buồn bã, nàng chậm rãi:

- Không em không muốn ám chỉ gì cả. Chỉ tại em tưởng anh dặn em báo động cho anh những chuyện anh vô tâm mà không để ý đến thôi.

- Vậy sao nữa?

- Em thấy cảnh giác được anh không phải là chuyện dễ.

Như đã nói, tôi ghê sợ bóng gió úp mở, và như một nguyên tắc, tôi nhất định không để những chuyện như vậy bận tâm. Tôi đối đáp, giọng có hơi phũ phàng:

- Nếu em muốn anh hiểu điều em cảnh giác, thì em phải nói cho minh bạch rõ ràng.

Vừa lỡ miệng, tôi đã ân hận. Tôi nhận thấy môi nàng run run. Nàng quay mặt tránh mắt tôi, rồi đứng dậy, ngần ngại, lảo đảo, nàng bước đi mấy bước lao chao. Tôi nói với theo:

- Amélie, anh không hiểu sao em còn buồn bực. Mọi việc đã chẳng thu xếp êm đẹp rồi sao?

Nàng ngại ngùng tránh mắt tôi. Lưng quay lại vợ, khuỷu tay chống bàn, hai tay ôm đầu, khốn



khổ, tôi nhỏ nhẹ với nàng:

- Xin lỗi em, anh đã nặng lời với em.

Tôi nghe tiếng nàng bước trở lại, rồi những ngón tay nàng nhẹ nhàng vuốt ve trán tôi. Nàng dịu dàng, giọng đầy nước mắt:

- Tội nghiệp chồng em.

Rồi nàng bước ra khỏi phòng. Lúc đó tôi không hiểu những lời bí ẩn của Amélie. Mãi về sau tôi mới vỡ nghĩa. Hôm đó tôi chỉ ghi lại cho đúng nguyên văn. Chỉ có điều rõ ràng là đã đến lúc Gertrude phải rời khỏi mái nhà này.

Ngày 12 Tháng Ba.

Tôi tự cho mình bổn phận phải dành thì giờ cho Gertrude mỗi ngày. Có khi là vài giờ, có khi là vài khắc, tùy theo công việc hàng ngày bận bịu hay rảnh rang.

Hôm nói chuyện với Amélie, nhân đẹp trời, lại được dịp nhàn rỗi, tôi đưa Gertrude vào rừng dạo chơi. Tôi dẫn nàng tới một vùng gần đỉnh Jura. Cảnh ở đây thật đẹp. Qua hàng cây lơ thơ, quá cánh đồng mênh mông bát ngát, tầm mắt có thể bao quát được tất cả dẫy núi Alpes phủ tuyết ẩn hiện trong màn sương mù mong manh. Khi chúng tôi tới góc rừng quen thuộc, thì mặt trời đã chênh chếch về phía trái. Dưới chân chúng tôi là cỏ nội thấp và dầy, trải dài cho tới xa xăm. Đó đây, vài ba con bò gặm cỏ. Bò miền núi đều đeo chuông ở cổ. Gertrude lắng nghe tiếng chuông leng keng, rồi nói:

- Đàn bò đang tả lại cảnh vật cho con.

Và như thường lệ, nàng đòi tôi tả cho nàng phong cảnh trước mặt. Tôi nhắc nàng:

- Chỗ này con biết rồi. Chính là khoảng rừng thưa nhìn ra núi Alpes đó con.

- Núi hôm nay trông có rõ không?

- Hôm nay núi Alpes huy hoàng và hùng vĩ.

- Mục Sư bảo con là cảnh núi thay đổi mỗi ngày mà. Tả cảnh núi hôm nay cho con đi.

- Để ta thử nhé. Lấy gì mà ví nhỉ? À, ví với cơn khát giữa trưa hè. Lát nữa đến chiều, chắc núi sẽ tan vào không trung mất.

- Con muốn Mục Sư cho con hay là trước mặt mình có thấy hoa huệ đồng nở không.

- Gertrude con, huệ không mọc trên núi cao thế này. Họa chăng chỉ một vài loại hiếm hoi mà thôi.

- Ngay cả những cánh đồng gần Neuchatel cũng không có huệ sao?

- Huệ không mọc ngoài đồng.

- Thế sao Chúa lại phán rằng: Các con hãy chiêm ngưỡng những bông huệ trong cánh đồng?

- Chắc thời Chúa, hoa huệ còn mọc dại ngoài đồng. Có lẽ về sau người ta khẩn hoang canh tác nên không còn nữa.

- Con nhớ Mục Sư vẫn thường giảng là Tin và Yêu là những điều vô cùng cần thiết cho thế giới này. Mục Sư có nghĩ là chỉ cần tin một chút, người ta có thể thấy hoa huệ lại nở trên cánh đồng không? Mục Sư biết không, sau khi nghe lời Phúc Âm này, con quả quyết là con đã thấy được hoa. Mục Sư có muốn con tả cho Mục Sư nghe không? Đây này, hoa đẹp tuyệt vời, hoa giống như những chuông màu lửa đỏ, hay màu thiên thanh, ấm áp hương thơm của tình thương, những cái chuông xinh xắn mà gió chiều đang rung rinh mơn trớn. Vậy mà sao Mục Sư lại bảo con là cánh đồng không có hoa. Con đang ngửi thấy hương hoa thơm ngát đây này. Con thấy hoa nở tràn ngập cánh đồng...

- Gertrude cưng, hoa thật không thể đẹp hơn hoa của con.

- Mục Sư nói đi, hoa thật ít ra cũng không xấu hơn phải không?

- Hoa đẹp in hệt như ý con muốn.

Và nàng đọc lớn, kể lại đoạn Phúc Âm:

- Và ta nói thật cùng các con, Vua Salomon dù lúc cực kỳ hiển vinh, phục sức cũng không thể huy hoàng hơn thế này.

Tiếng nàng du dương như âm nhạc, và tôi có cảm tưởng như được nghe đoạn Phúc Âm ấy lần đầu. Đọc xong, nàng lẩm nhẩm tự lự nhắc lại "Cực kỳ hiển vinh", rồi yên lặng giây lâu.

Tôi nối tiếp câu chuyện:

- Gertrude, ta vẫn nói, những kẻ có thị giác lại chính là những kẻ không biết nhìn.

Và từ đáy lòng, tôi nghe dâng trào lên lời kinh cầu " Con đội ơn Chúa đã chỉ cho kẻ ngu độn những điều mà ngài đã giấu những người tinh thông."

Nàng bỗng lên tiếng, giọng thích thú và cao hứng:

- Mục Sư ơi, con hình dung được tất cả phong cảnh trước mặt rồi. Dễ lắm. Đây này, để con tả cho Mục Sư nhé...

Đằng sau chúng mình, bên trên, cũng như xung quanh, là rừng bách với những cây Mã Vĩ Tùng cổ thụ, thơm mùi nhựa thông, thân cây màu thạch lựu, có những tàn lá xòe ngang ra bên, rên rỉ nhè nhẹ mỗi khi gió thổi uốn cành. Còn dưới chân chúng mình là nội cỏ bao la, xanh ngát, tựa như một quyển sách mở rộng, dựa nghiêng nghiêng trên sườn đồi chân núi. Trên trang sách, có chỗ tô màu lục đậm vì bóng mây, có chỗ lại tô màu vàng vì ánh nắng. Trang sách đầy chữ, mỗi chữ là một bông hoa. Nào hoa khổ-sâm, nào hoa bạch-đầu-ông, nào hoa mao-lương, và tất nhiên là có hoa huệ đồng của vua Salomon. Và có những con bò cổ đeo chuông, bước tới đánh vần từng chữ. Và thiên thần cũng bay tới đọc, vì như Mục Sư nói, mắt người trần gian khép kín không thể đọc được sách này.

Dưới trang sách con thấy vẽ một con sông sữa trắng, phủ sương mù, che giấu một vực thẳm huyền bí, không thấy bờ bên kia, trong khi ngoài cõi xa xăm tận nơi chân trời là núi Alpes lộng lẫy hùng vĩ... Anh Jacques phải đi đến đó phải không Mục Sư. Mục Sư nói cho con đi. Ngày mai anh ấy phải lên đường phải không?

- Đúng, mai anh ấy phải đi. Anh ấy nói với con sao?

- Anh ấy không nói, nhưng con hiểu. Anh ấy phải vắng nhà bao lâu?

- Khoảng độ một tháng... Gertrude con, ta muốn hỏi con là sao con không cho ta hay khi Jacques tới gặp con ở nhà thờ.

- Anh ấy đến cả thảy hai lần. Ô! Con đâu có muốn giấu Mục Sư chuyện gì. Con chỉ sợ làm Mục Sư phiền lòng.

- Con không nói, ta mới phiền lòng.

Tay nàng tìm tay tôi:

- Phải ra đi, anh ấy buồn lắm.

- Gertrude con, anh ấy có nói với con là anh ấy yêu con không?

- Anh ấy không nói. Nhưng

chuyện như vậy, dù không nói con cũng cảm thấy được. Anh ấy không yêu con bằng Mục Sư yêu con.

- Còn con, anh ấy phải lên đường, con có đau khổ không?

- Mục Sư biết quá rồi còn hỏi con. Con chỉ yêu có Mục Sư thôi... Ô, sao Mục Sư lại rút tay lại. Nếu Mục Sư chưa vợ, con đâu dám nói với Mục Sư như thế này. Nhưng mà ai mà lấy người mù làm vợ. Vậy thì tại sao chúng mình lại không được yêu nhau. Mục Sư ơi, nói con nghe đi. Mục Sư có nghĩ như vậy là xấu không?

- Tình thương không bao giờ xấu.

- Trong lòng con con chỉ thấy tốt lành. Con không muốn làm cho Jacques đau khổ. Con cũng không muốn làm cho bất cứ ai đau khổ. Con chỉ muốn mang hạnh phúc lại cho mọi người.

- Jacques muốn hỏi con làm vợ.

- Mục Sư có cho phép con nói chuyện với anh ấy trước khi anh ấy lên đường không? Con muốn anh ấy hiểu là anh ấy phải quên con đi. Mục Sư hiểu con. Mục Sư biết là con không thể lấy chồng được. Mục Sư để cho con nói với anh ấy đi.

- Ngay chiều nay nhé?

- Không, ngày mai, chính lúc anh ấy lên đường...

Mặt trời đi ngủ trong một buổi hoàng hôn cực kỳ lộng lẫy. Không khí ấm áp. Chúng tôi đứng dậy, và vui vẻ trò chuyện trên đường về.

(còn một kỳ nữa)

thơ
nguyễn hải hà

nụ nhớ

Sương đọng giọt chùm hoa tím tím
Nở góc vườn bên đám cỏ xanh
Ta ngơ ngẩn một mình đứng ngó
Ngỡ em cười: nụ nhớ long lanh

em

Con chim lạ đầu tường đứng hót
Chờ bình minh chớm nắng mai hồng
Ta như chim, cũng thầm đợi nắng
Em, nắng hồng sưởi ấm cho tâm.

Nói Với Em Tôi

Nguyễn Văn Bình

Em mến,

Lá thư em gửi anh tuần trước đề cập đến quyết định ra ở riêng sau bốn năm trời sống chung với gia đình cậu mợ làm anh xúc động và lo ngại lắm. Xúc động, vì anh hiểu rằng quyết định, chọn lựa nào, cho dù có vẻ tầm thường đến đâu đi nữa, cũng đều hàm chứa những băn khoăn, xao xuyến. Càng xúc động hơn khi anh biết quyết định của em là bước đầu cho một cuộc sống tự lập, là khởi điểm cho một hướng đi riêng của đời em.

Anh hiểu những khó khăn, tế nhị trong đời sống chung đụng với người khác, cho dù với họ hàng thân quen đi nữa, nhất là trong bối cảnh của cuộc sống hôm nay, khi mà những người đi trước cảm thấy họ không còn chi phối, gây được ảnh hưởng trên đời sống của những thế hệ sau. Những người ấy cảm nhận sự thua sút của chính họ trong việc thích nghi, hội nhập đời sống mới. Do đó, có lẽ họ trở nên chua chát, cay đắng trước những thành tựu của người đi sau. Hiểu như thế, anh không muốn đặt mình vào vị thế ấy. Không, anh sẽ không nói với em về những điều em phải làm, hay không được làm, như cương vị một người anh trong gia đình Việt Nam trước ngày ly tán. Anh đã sống qua những thay đổi như em, đã có những chọn lựa đầy băn khoăn, xao xuyến; do đó viết cho em, anh chỉ muốn trao đổi trong tâm tình chân thành cởi mở, và quyết định cuối cùng vẫn tùy thuộc nơi em. Viết cho em cũng là dịp để anh sống lại chính cuộc sống của anh, một hình thức tự vấn, hay đúng hơn, một đối thoại với nội tâm mà anh vẫn hằng cố gắng giữ nguyên vẹn giữa những đổi thay của cuộc sống hôm nay.

Anh hiểu trong gia đình mình, anh và em thừa hưởng nhiều cá tính của bố, một mẫu người trầm lặng, khép kín mà đôi khi gay gắt mẹ vẫn thường gọi là nhát gan trước cuộc sống. Nhưng sau dáng vẻ thâm trầm ấy, tiềm ẩn một tình yêu sâu đậm và một sự bền chí quả cảm. Anh vẫn hằng cảm phục những đức tính cao quý ấy, nhất là cách sống chân thật với con người nguyên thủy của bố giữa những bon chen.

Càng ngày, anh càng nhận thấy rằng bố đã chọn cắm neo đời mình trong bổn phận, hạnh phúc gia đình. Chính vì vậy mà cuộc sống của bố có vẻ bình thản, không xao động, bởi vì không đổi thay nào có thể lay chuyển được chọn lựa của bố trong việc tự hiến cho gia đình. Nhưng anh cũng hiểu cuộc sống của bố phần nào có vẻ ích kỷ, một sự thật anh chỉ khám phá được sau ngày biến loạn của quê hương. Sự phân ly của biết bao gia đình giúp anh hiểu rằng hạnh phúc chỉ trọn vẹn khi được chia sẻ. Có nghĩa gì đâu một chút hạnh phúc cá nhân khi quê hương đậm một màu tang. Phải chăng cái hạnh phúc khép kín trong cuộc sống riêng tư nhỏ nhoi cũng là một hình thức chiếm hữu ích kỷ? Phải chăng những thành tựu dẫn đến hạnh phúc cá nhân không thể là điểm kết, mà là một lối mở dẫn đến những thực tế bao quát hơn?

Anh biết, việc học với em ngày hôm nay cũng là một hình thức cắm neo, hướng đời mình đến một tương lai xác định. Biết chọn cho đời mình một mục đích như vậy là điều rất quý, vì như thế chúng ta không sống như những viên cuội nằm yên dưới đáy sông, không làm hạt cát trong sa mạc, không làm chiếc lá khô cuốn theo chiều gió; mà chúng ta

biết vươn lên trên những giới hạn tầm thường của cuộc sống. Nhưng có bao giờ em nghĩ đến việc nhổ neo chưa? Có bao giờ em nghĩ đến lộ trình em sẽ đi tiếp, những chân trời em sẽ tới hay em sẽ cắm neo đời mình một lần rồi thôi, như bố đã chọn nghỉ chân trong hạnh phúc gia đình? Em có hiểu rằng đời người là một hành trình vô tận, không ngưng nghỉ; là những tiếp nối, không thể giản lược vào cái hạn hẹp của đời sống cá nhân?

Dường như em chưa cảm nhận được điều đó khi em viết rằng em quyết định ra ở riêng để có thể theo đuổi việc học cách dễ dàng hơn, để những giây phút riêng tư của em không bị xáo động bởi những âm ba của cuộc sống hàng ngày. "Bây giờ em ở một mình một phòng, mình nói mình nghe, mình khóc mình nghe, mình cười mình nghe, không đụng chạm đến ai và cũng không ai đụng chạm đến mình!" Một cái nhìn giản lược như thế về cuộc sống có rất nhiều nguy hiểm em ạ. Trước hết, việc học đối với em đã trở thành một điểm kết, chứ không còn là một lối mở dẫn tới những thực tế chính, cần thiết và bao quát hơn. Như thế, những thành tựu em gặt hái được trên đường công danh sự nghiệp cũng sẽ chỉ dẫn em đến cái hạnh phúc cá nhân nhỏ nhoi, chứ không giúp ích gì được nhiều cho những người khác.

Thêm vào đấy, tính cách thái quá trong việc học của em đang biến em thành một kẻ tuẫn đạo cho ngưỡng vọng của gia đình, lòng ngưỡng vọng không xa lắm với cái tự mãn ích kỷ như khi chúng ta chiếm hữu một kho tàng quý báu. Nói trắng ra, em đang vô tình đền đáp công ơn bố mẹ bằng cách tự hủy chính đời sống cá nhân của riêng em. Anh vẫn thường nghĩ đến cái yên lặng trầm lắng, những sợi khói mỏng bay từ ly trà của bố, đến lời bố dặn buổi tối trước khi em ra đi: "Nếu có những ước mơ bố không thể thực hiện được trong cuộc sống vì hoàn cảnh xã hội và gia đình không cho phép, bố hy vọng rằng anh em các con sẽ làm thế bố". Dù không nói ra, chắc em cũng hiểu ý bố muốn nói gì. Lời nhắn nhủ ấy trở thành một lời trăn trối, một ủy thác mà chúng ta sẽ áy náy nếu không thể thực hiện được.

Nếu những người khác bị choáng mắt bởi những xa hoa của cuộc sống vật chất ngày hôm nay, thì cuộc sống của em lại bị tù túng, đè nặng bởi âm hưởng của quá khứ. Trên cả hai bình diện, chúng ta đều lạc hướng đi, và mất lối về. Anh cảm phục lòng quả cảm và sự hy sinh của em. Nhưng ý nghĩa của sự hy sinh chỉ có thể được biện minh khi nó đem lại hạnh phúc cho cả người hiến dâng và người lãnh nhận. Không sự hy sinh chính đáng nào có thể được xây dựng trên sự tự hủy cưỡng bức, nhưng trên lòng hiến dâng tự nguyện. Hãy phóng tầm nhìn của em về những viễn tượng rộng lớn hơn, và xây dựng việc học của em trên một nền tảng vững chắc hơn em nhé. Hãy chiến đấu như một chiến sĩ gan dạ hy sinh chính thân mình vì tình yêu cao khiết đối với đất nước, dân tộc, và đừng bao giờ tự mãn với những thành tựu em gặt hái được trong ngày hôm nay.

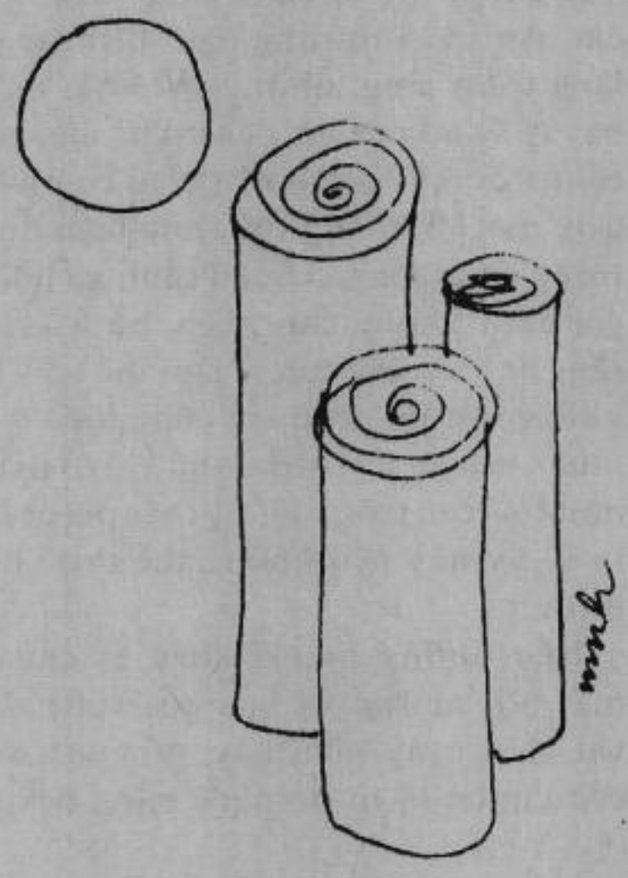
Thực tế hơn và cũng nguy hiểm hơn, là lối sống tự cô lập của em. Em lầm khi nghĩ rằng em có thể theo đuổi việc học cách hiệu quả hơn khi em tự giam mình trong bốn bức tường ngăn cách. Giữa hai nhịp đập của con tim phải có một nhịp nghỉ. Có thế chúng ta mới sống được, và sống cách quân bình. Không trái tim nào chỉ bao gồm những nhịp đập, hay những nhịp nghỉ kéo dài. Cũng thế, đời sống mỗi người cần có những phút giây xao động của chung đụng, cũng như lắng đọng của nội tâm. Không ai có thể sống cô độc và hạnh phúc trên ốc đảo, cũng như không cây nào có thể đơm bông kết trái nếu không lãnh nhận cả mưa lẫn nắng, ngay cả những thay đổi vô tình của thời tiết. Nhưng hơn hết, đời sống con người không thể bị giản lược vào những liên hệ thuần túy vật lý. Sự hiện diện của một người là trung gian dẫn đến những thực tại sâu thẳm, bí nhiệm và bền bỉ hơn.

Anh kể em nghe một kinh nghiệm anh đã sống qua ngay trong gia đình mình, khi ông bà nội vẫn còn sống, và khi gia đình mình vẫn còn quây quần đầy đủ mỗi ngày quanh mâm cơm. Lúc đó, mỗi lần nhìn bà nội, anh đã thầm nghĩ thà chết trẻ trong sự tiếc nuối của người khác còn hơn là kéo lê thân xác già nua bệnh hoạn, hay sống phụ thuộc vào sự giúp đỡ, lo lắng của con cháu. Khi bà mất đi, anh dường như cảm thấy trút đi được một gánh nặng, vì những giây phút đọc sách hay suy nghĩ của anh sẽ không còn bị phá rầy bởi



những lời kinh thì thầm, những câu chuyện về cái quá khứ xa xăm của bà ở miền Bắc, cái quá khứ xa lạ mà càng ngày anh càng cảm thấy thù ghét khi được gợi lại qua giọng kể run run, đứt quãng của bà. Nhưng chỉ ít lâu sau ngày bà mất đi, mỗi lần lên gác, khi anh không còn nhìn thấy bóng dáng lom khom của bà ngồi ở mép giường lần hạt, không còn nhìn thấy bóng bà lần theo ven tường ra trước bàn thờ đọc kinh, không còn nghe giọng bà yếu ớt gợi lại những chân trời yêu dấu bà đã đi qua, anh chợt cảm nhận sâu xa một sự thiếu vắng không gì có thể bù đắp được, và căn gác dường như trở thành một vùng đất xa lạ, một kho hàng hoang vắng lần đầu tiên anh đặt chân tới. Anh chợt hiểu và hối hận nhiều cho sự suy nghĩ nông cạn, thiếu nhân tính của mình.

Không em ạ. Sự vắng mặt của một người không thể bù đắp được cùng cách thế như khi chúng ta lấp đầy một khoảng trống bằng cách kê vào đó những vật dụng cá biệt, bởi vì mỗi đời người là một hiện hữu đặc thù, tự tại, với những chiều sâu thăm thẳm. Có lẽ em cũng cảm nhận rằng có những giây phút em thèm được nghe tiếng người cười nói, cho dù đó chỉ là những mẩu chuyện vô nghĩa, những tiếng cười đưa đẩy; hay em sẽ ước ao được kề cận một người nào đó, cho dù đó chỉ là một sự hiện diện thuần tuý vật lý, không trao đổi, không lãnh nhận. Nhưng những hiện diện bình thường ấy sẽ giúp em hiểu rõ chính mình, vì đó là những khía cạnh đa dạng của đời sống, để từ đó em nhận chân ra cái cá biệt của mình.



Em đừng tự đày đọa mình trong sa mạc hoang vắng; đừng khép kín đời mình như nước ao tù, không luân chuyển do đó không lành mạnh. Không ai sẽ tìm xem hoa huệ giữa nắng cháy và cát nóng của sa mạc; cũng như không ai uống nước ao tù trừ khi bị cái khát dằn vặt đến cùng cực! Cuộc sống của em cần có những giây phút bị xâm nhập bởi náo động của cuộc sống bên ngoài, như khung cửa sổ của một căn nhà cần được mở bung để lãnh nhận những luồng khí mới. Hãy tham gia vào những sinh hoạt tập thể hữu ích, vì đời sống là một trao đổi không ngưng nghỉ, và để thấy rằng em không là con chiên lạc, nhưng là một sự có mặt cần thiết trong cộng đồng dân tộc và nhân loại.

Mong rằng những kinh nghiệm anh viết cho em sẽ như những ngọn đèn cháy bập bùng trong đêm tối, giúp em phần nào nhận ra những hố sâu anh đã vấp ngã. Con đường bùn lầy, nhiều cạm bẫy anh đã đi qua, nhưng dấu chân còn đó, hy vọng sẽ giúp em tìm được hướng đi riêng cho đời em.

Anh của em,

---

thơ
việt nguyên

thục nữ

Em về
rũ áo lụa nhầu
Từ mây thiên cổ
phai màu trùng dương
Bụi rơi rắc
mấy dặm trường
Hài hoa dẫm nát
yêu thương
bao mùa...

hoài cảm

Chiều nay
gió chở mưa về
Em lang thang bước
bên lề khát khao
Nắng xưa
ở lại phương nào
Quanh ta
một vũng ngọt ngào
lá rơi...

Làng Văn 64

huế ơi!

Vàng son uy thế tàn như mộng
Hoàng thành tan vỡ bóng quân vương
Hồn tử sĩ u trầm thê thiết
Chim kêu lạnh lẽo giữa chiều sương

Kinh thành nay hoang vu vắng chủ
Cung lăng này hương khói còn chi
Lớp lớp rêu phong mưa gọi gió
Phòng thâm run lạnh mấy tần phi

Ôi những nàng công tôn huyền nữ
Xiêm y vàng cất dấu rương sâu
Dáng đơn sơ thương vương hồn mộng
Ống mi dài chan chứa muôn sầu

Bên cầu vắng mưa thầm gió rủ
Huế đau buồn ru thảm giòng Hương
Sóng ngã buông dài theo mái đẩy
Hò ơi! văng vẳng tiếng sầu thương.

lệ vân

buồn ai, con nước đục ngầu

buồn ai, con nước đục ngầu?
để người soi bóng chải đầu băn khoăn
buồn ai, con nước lăn tăn?
để xuồng ai lội quẩn quanh, mắc lầy
buồn ai, lá úa trên cây?
đong đưa cái-phận-lưu-đày nước non
buồn ai thiếu phụ mỏi mòn?
mười năm chàng vẫn chịu đòn khổ sai
buồn ai, sóng vỗ phương đoài?
thương cô hàng xóm chết ngoài biển đông
buồn ai, mặt đất tím bầm?
gọi xương máu cũ nảy mầm Việt Nam.

hoàng chính

XÓM CŨ

LTS.—Để gợi lại, chia-sẻ và gìn-giữ những kỷ-niệm, nét đẹp về quê-hương, con người, phong-tục,... tòa-soạn mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về quê-hương đất nước, phong-thổ, nhân-vật địa-phương, rất mong được quý thân-hữu và bạn đọc bốn phương tham-gia góp bút.

Xin hãy ghi-chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi-trải, phổ-biến trước khi tài-liệu có thể bị mai một. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một ngôi miếu mạo, đền chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn lớn lên, thắt chặt một mối tình, một tiếng võng trưa, gà sớm tỉnh-mịch, thân quen... Viết, để nhớ. Viết, để hiểu tại sao tiền-nhân đã đổ máu-xương để gìn-giữ, và bây giờ người dân Việt yêu-chuộng tự-do còn tiếp-tục chiến-đấu để giành lại ...

Tất cả các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại cho đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút tìm về Xóm Cũ...



Món Ngon Địa-Phương

Phạm Thăng

Từ Sài gòn đi về các vùng đất nước có bốn trục lộ quan trọng:

— Về duyên hải, nơi du ngoạn và nghỉ mát lý tưởng với bãi biển xinh tươi muôn trùng sóng vỗ.

— Về Huế, miền Trung xứ dân gầy và miền thùy dương cát trắng bằng quốc lộ 1, còn gọi là đường cái quan. Đường này có ngã rẽ lên cao nguyên đất đỏ nhiều tài nguyên.

— Về miền Tây, miền đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ.

— Về miền Đông, vùng đất nước của cựu trào, nơi Chúa Nguyễn đặt dấu chân nam tiến đầu tiên và làm bàn đạp để bước toả ra các nơi.

Chúng ta đã đi một vòng miền Tây trù phú, đã nếm qua các đặc sản địa phương của vùng đất được thiên nhiên ưu đãi "làm chơi ăn thiệt", giờ đây từ Sài gòn xuất phát về hướng đông với con đường có hai đặc điểm:

Thứ nhứt được nhiều người dân Nam thương nhớ và hướng về vì có trại nhập ngũ Quán Tre, trung tâm huấn luyện Quang Trung. Gia đình nào có con đến tuổi trưởng thành phải làm bổn phận công dân, đều nhập ngũ ở đây, để mỗi cuối tuần, xe cộ khắp nơi đổ về mang theo các bà mẹ quê mà cả đời chưa có dịp rời khỏi xóm làng lên tận Sài gòn xa xôi thăm con; và mang theo các thôn nữ e ấp tay bồng con thơ, tay xách giỏ đựng vài nải chuối chín muồi, một gói cơm gạo đỏ thơm dẻo, lon gô tép chấy và năm ba cái bánh tét gói tròn hương vị đồng quê để cùng ăn với chồng "cho ảnh vui" tại vườn Tao Ngộ.

Đặc điểm thứ hai là có nhiều tên phụ nữ được lưu danh. Ngộ nghĩnh lắm nhé. Là miền đất mới, nhiều vị anh hùng, tiền hiền đã ra công khai phá miền Nam, giúp dân ngụ cư và nằm xuống vĩnh viễn trong thành quả của mình với sự tiếc thương và biết ơn của dân bản xứ nên được lưu danh. Nhưng tại sao tên phụ nữ lại nhiều hơn nam nhân? Có những tên đã được ghi vào sử sách, bản đồ cũng như nhiều tên ở vùng xa xôi mà ta chưa biết đến, nhưng so với địa danh mà nhiều người đã nghe qua như Bà Chiểu (Gia Định), Bà Xếp (quận Ba Sài Gòn), Bà Hom, Bà Quẹo, Bà Điểm (đường đi Tây Ninh), Bà Đen (núi Bà Đen, Linh Sơn Thánh Mẫu ở Tây Ninh), Bà Rịa (tỉnh Phước Tuy), Bà Bèo (cầu Bà Bèo, quận Cai Lậy, Định Tường), Bà Giáo (Bình Phước,

Vĩnh Long), Thị Nghè (sông Thị Nghè, Sài Gòn), Thị Đam (giữa đường Long Xuyên-Châu Đốc)... thì tên các ông như: Ông Chưởng (cù lao Ông Chưởng, An Giang), Ông Trịnh (núi Ông Trịnh, Phước Tuy), Ông Vẻ (cầu Ông Vẻ, quốc lộ 4, Định Tường), Ông Lãnh (cầu Ông Lãnh, Sài gòn), Ông Yệm (nơi ngày trước có tại cải tạo thiếu nhi, Phước Long)... quá ít. Đó là ta chưa kể Ông Năm (thành Ông Năm ở Hóc Môn) vốn là quan năm (colonel) của Pháp ngày trước có đồn bót tại đây, không phải là anh hùng dân tộc; và Ông Tạ (quận 3) vì còn quá mới đối với nhiều người. Ông Tạ được nhắc nhở khoảng 30 năm nay, là người Việt gốc Hoa, làm Thủ Tạ tại chùa nhỏ thuộc quận 3 giáp ranh quận Bình Thạnh. Ông hốt thuốc nam rất mát tay, giá rẻ, người quá nghèo ông không lấy tiền, được mọi người đồn đãi nên dù xa xôi, dân nghèo đều kéo nhau về đây coi mạch hốt thuốc. Ông qua đời khoảng năm 1983. Lúc ông còn sống đã có địa danh: chợ Ông Tạ, ngã ba Ông Tạ.

Chúng tôi sẽ kể lại công trạng các tiền nhân trên một bài khác, bài này chỉ nói về món ngon địa phương, vậy trục lộ mang nhiều tên phụ nữ chắc có món ăn ngon?

Không dám chắc. Chúng ta hãy xuất phát để tìm hiểu. Trước hết ta đi qua Cống Bà Xếp gần chợ Hoà Hưng. Nơi đây còn trong phạm vi đô thành Sài gòn nên chưa mang tính chất đặc trưng, ngoại trừ đi lên vài cây số sẽ đến chợ Ông Tạ, nơi được dân nhậu biết tiếng qua món mộc tồn hay thịt chó. Mộc tồn được bày bán la liệt từ những thúng đậy lá chuối đến những quán lá bên đường, treo lủng lẳng trong tủ kiếng.

Qua chợ Ông Tạ, ta đến Bảy Hiền (ông Bảy hay bà Bảy?). Ở đây là ranh giới đô thành, có bến xe chạy về Tây Ninh, Gò Dầu nên lại có bánh mì bán chạy hơn các món khác.

Xa hơn ba cây số là Bà Quẹo. Vùng này không có món ngon nào nổi danh nhưng được các cụ già miền Nam nhắc nhở vì có loại sản phẩm tuy không do địa phương sản xuất nhưng là nơi tập trung nhiều và được tín nhiệm: đồ gỗ.

Ở đây bán đủ thứ bàn ghế tủ giường. Những cái tủ thờ bằng gỗ trắc, gõ đỏ, bằng lăng nhiều vân, chạm trổ con sóc, trái xoài đánh vẹc-ni bóng loáng; những cái tủ cao lớn, bề thế cẩn xà cừ từ miền Trung chở vào, vân ốc màu ngũ sắc long lanh phản chiếu dưới ánh sáng... quyến rũ các nông dân miền Nam sau mỗi mùa bán lúa xong. Các ông các cụ rờ rẫm, trầm trồ ngợi khen hình ảnh cẩn chạm linh động, nhiều điển hay tích lạ từ thời Đông Chu, Tam Quốc xa xưa... nên sau mấy lần đi rảo từ Bảy Hiền đến Bà Quẹo, lại từ Bà Quẹo đến Bảy Hiền, cuối cùng họ hể hả ngồi bên chiếc tủ cẩn chọn xong, cẩn thận đếm từng tờ bạc xếp thẳng băng, gói giữa hai lần kim gút, trao cho chủ tiệm. Cái tủ cẩn nầy đem về làng sẽ hấp dẫn các ông cụ khác, nên vùng Bà Quẹo được các ông ở quê nhớ hơn bò bảy món Ánh Hồng, bánh cuốn Tây Hồ...

Đi lên nữa chúng ta gặp ngã rẽ đến Bà Điểm. Giới thanh lịch có xe nhà hoặc xe xì-cút-tơ chiều chiều thường chở vợ con, bạn bè đến ăn mì chú Xồi.

Từ ngã ba quốc lộ vào vài cây số sẽ gặp một ngã ba khác dẫn vào Bà Quẹo. Quán mì là căn nhà ngói xưa toạ lạc dưới tàn cây me keo râm mát. Vẫn là chiếc xe mì cũ kỹ, trang trí bằng kiếng màu những chuyện Tây Du, Phong Thần mà sao thiên hạ đua nhau đến đây nườm nượp?

Công thức nấu mì cũng vậy thôi, nhưng chiều chiều chở nhau ra khỏi đô thành để hưởng gió đồng nội, rồi vào đây ăn tô mì nước ngọt, thịt nhiều lại có tí sốt lạ hơn nơi khác... sao mà ngon vậy! Có thể ăn hai tô cho no để khỏi ăn cơm chiều.

Mì Bà Điểm nổi danh hơn mì Cây Nhãn Đa Kao nhờ thế, nhưng món này chỉ được ăn mà không được tình vì không ai mang về để biếu được. Bà Điểm có loại khác nổi tiếng xa gần và có thể đem về biếu xén nhưng số người dùng cũng rất hạn chế, đó là trầu và cau Bà Điểm.

Các bà mẹ nhai trầu bỏm bẻm ở thành đô đều mua trầu lẻ ăn mỗi ngày (để lá trầu lúc nào cũng tươi). Dù mua tại các chợ nhỏ ở quận, các bà vẫn sung sướng hả hê vì được ăn lá trầu Bà Điểm.

Cau tươi thường được chở từ Mỹ Tho, Cai Lậy tiếp tế cho Sài gòn, nhưng trầu lá thì không nơi nào bì kịp trầu Bà Điểm, vừa thơm vừa dòn gần thành phố, khoảng đường chuyên chở rất gần nên lá trầu luôn luôn tươi.

Đặc biệt là người dân ở đây chở trầu về Sài gòn không bằng các loại xe hàng, xe khách. Nếu chủ vườn là người khá giả có xe nhỏ chở hàng bông (rau cải), họ sẽ tự chở lấy tránh cho lá trầu khỏi bị liệng lên liệng xuống bầm dập. Nếu vườn trầu đã có lâu đời nhưng không giàu lắm, chủ vườn đã có chiếc xe thổ mộ (xe ngựa) để chở hàng nhà, lại có thể chở mướn các loại rau cải, bông vạn thọ, bông huệ của vườn khác.

Xe ngựa chạy chậm, không dằn xóc, ngựa chạy nước kiệu đều đều, các giỏ trầu yên chí nằm ngủ ngon lành trên xe.

Từ ba giờ khuya chủ vườn nhẹ nhàng thức dậy không để vợ con mất giấc vì họ đã thức khuya đếm trầu thành từng ốp và sắp gọn vào giỏ bội. Ông lọ mọ cho ngựa ăn dưới cái mát lạnh của miền đông có sa mù buổi sớm, rồi bập bập điếu thuốc vấn, thót lên càng xe quen thuộc từ đời ông, đời cha

CHIA BUỒN

Được hung-tín:

Thân-mẫu anh MAI TÂM

đã từ-trần ngày 9.10.1988
tại Úc-đại-lợi

Thành-kính phân-ưu cùng Anh Chị MAI TÂM
và tang quyến
Cầu-nguyện hương-hồn Bác sớm
siêu-thăng cõi Phật.

Gia-đình Lâm Xuân Quang
Gia-đình Võ Anh Tuấn
Gia-đình Lê Văn Thành
Gia-đình Hoàng Xuân Sơn
Bắc Phong

đến nay, lọc cọc lên đường. Con ngựa đối với chủ vườn là tay chân, tiếng thở phì phò, tiếng vó chạy đều nện móng sắt trên đường là nhịp đập của con tim ông.

Mỗi khuya từ Hóc Môn Bà Điểm đổ về những chiếc xe thổ mộ thân yêu quen thuộc đó, người dân thành đô dù dậy sớm để đi làm hay còn trăn trở chờ sáng không bao giờ quên được tiếng vó ngựa đều đều trên quốc lộ.

Xe ngựa chạy không ầm ĩ, không gây ô nhiễm, chốc chốc ông chủ lại rà cây roi vào bánh xe bằng cây bằng lăng, tạo ra tiếng kêu leng keng nhờ cái chuông cột theo căm. Suốt những năm từ xa xưa đến thập niên 1970, tiếng vó ngựa leng keng là cái chuông báo thức quen thuộc của dân ven đô.

Trầu cau Bà Điểm được mang đến chợ Bình Tây. Nơi đây bạn hàng đếm về bán lẻ cho các chợ Đất Hộ, Tân Định, Phú Nhuận...

Có phải Bà Điểm gần Hóc Môn nên nơi đây trồng được loại trầu ngon thì "xóm bên" trồng thuốc lá cho hoà điệu? Chắc thế, vì thuốc lá Hóc Môn đậm đà được các bà ưa chuộng hơn thuốc gò ở Gò Vấp. Bà mẹ nhai trầu bỏm bẻm, màu đỏ tươi thắm của trầu vôi, lâu lâu được bà vê cục thuốc lá tròn như ngón tay cái, xỉa qua xỉa lại để hàm răng vẫn trắng.

Vậy trầu Bà Điểm nổi danh cũng nhờ thuốc lá Hóc Môn, cho nên bạn đã đến Bà Điểm hãy đến chợ Hóc Môn mua thuốc lá cho đủ bộ.

Hóc Môn có nhiều thổ sản trồng rẫy như rau, bầu bí, hành lá, cải su, củ sắn, và nhiều nhứt là khoai lang. Nhưng dân Sài gòn đến Hóc Môn không phải vì các món rau cải đó. Họ thích Hóc Môn vì buổi sáng ở chợ nầy có một nơi bán cháo lòng mà dân sành ăn rủ nhau đến ăn sớm trước khi đến vườn Tao Ngộ của trung tâm huấn luyện Quang Trung những ngày chúa nhựt.

Hãy ăn cháo lòng ở đây một lần mới biết tại sao họ chịu khó đi 20 cây số. Cháo nấu ngọt nhừ như những nơi khác, nhưng nhờ nấu nhiều xương và có nhiều thịt nạc, gan, tim heo hơn (thịt heo ở đây rất rẻ) và kèm theo tô cháo là dĩa bún sợi nhỏ trắng muốt.

Các nơi khác cháo lòng bán kèm theo "giò chéo quảy", nhưng ở đây là dĩa bún, ăn vừa vừa mát bụng vừa no. Chỉ có một sạp bán cháo trong chợ của bà Sáu là ngon thôi. Tiếc là sạp để trong nhà lồng chợ, chỉ có sáu, bảy ghế nhỏ ngồi quanh hai bàn. Những người kén ăn đến nơi thấy hết chỗ, họ chịu khó đứng chờ. Người đến trước cứ ăn thong thả, sì sụp tận hưởng cái béo ngậy của dồi trường. Người đến sau đứng xớ rớ chờ đợi. Cái mùi thơm quái ác của nồi cháo bay thoang thoảng làm bao tử kẻ đợi chờ chịu không nổi, nước miếng ứa trong miệng hồi nào không hay, đó là nguyên nhân của tiếng đồn: cháo lòng Hóc Môn ngon.

Nhưng nhớ ăn xong phải đi rảo một vòng chợ để lựa mua vài bánh thuốc rê Hóc Môn về tặng bà già vợ, kẻo vợ lại rầy rà.

Tại sao gọi là bánh thuốc? Vì nó giống như cái bánh bò, bánh in hình vuông dài. Người dân trồng thuốc đến mùa thu hoạch tự xắt lá và pha chế công thức gia truyền để thêm vào cho thuốc ngon. Từ những loại thuốc nặng đậm đà mùi nhựa, đến loại thuốc mùi vị nhẹ nhàng, họ đều làm tại nhà. Phụ nữ khéo tay xắt thuốc sợi nhỏ rứt đem phơi ngoài sân nắng. Khi lá thuốc vừa khô ỉu ỉu, họ đảo lá thuốc cho đều, nhưng không bao giờ xáo trộn để sợi thuốc bị dòn gãy. Sau mấy buổi phơi nắng phơi sương, sợi thuốc quyện dính vào nhau nhờ chất nhựa và nhờ chủ vườn phun thêm công thức cho đượm mùi quế chi hay cam thảo.v.v.. Mỗi vỉ phơi thuốc bằng tre đan, bề ngang khoảng tám tấc, dài hai đến ba thước, thuốc lá được sắp đầy vun trên vỉ giờ xẹp xuống còn độ sáu phân, được người ta nén chặt xuống thành một bánh thuốc bằng phẳng, dễ dặt màu nâu, mùi thơm nồng nực bay khắp vùng. Mặc dù bánh thuốc dính thành khối, nhưng không lo, nó sẽ được cắt ra thành từng phong dài cỡ ba tấc, ngang bảy phân, và sợi thuốc tơi ra dễ dàng khi người hút xé nhỏ rời ra để vấn hút. Công thức pha chế mỗi nhà mỗi khác, nhưng cách xắt lá và phơi phóng đều na ná như nhau.

Sau khi mua vài bánh thuốc ngon màu vàng nghệ xong hãy đến Củ Chi, Trảng Bàng.

Vùng nầy đất đỏ pha cát đỏ, không trồng được cam quýt, xoài mận nên ngoài ruộng rẫy ra chúng ta chỉ thấy vườn chuối và nhiều tre, trúc, đào lộn hột.

Khu vườn chuối rợp bóng râm nhưng lá bị phủ một lớp bụi đỏ, không được xanh mát như vùng đồng bằng sông Cửu. Phụ nữ nơi đây tuy không thướt tha yểu điệu bằng các thôn nữ vùng sông Hậu da trắng, tóc dài nhưng vẫn duyên dáng với hàm răng trắng bóng, đôi má ửng hồng.

Không chèo ghe bơi thuyền như phụ nữ miền Tây, phụ nữ vùng nầy dùng xe đò, xe lam hoặc xe thổ mộ để đi buôn bán các sản phẩm gia đình: bánh tráng.

Suốt vùng Củ Chi, Trảng Bàng; bánh tráng được dân chúng sản xuất đủ cỡ đủ loại. Nào là bánh tráng trắng để gói bì cuốn, chả giò; bánh tráng nước dừa, bánh tráng trắng rắc mè đen để nướng ăn hoặc ăn với gỏi sứa, chả đùm; bánh tráng ngọt màu da bò để ăn chơi buổi tối; bánh tráng có trộn tôm khô giã nhỏ tạo nên màu đỏ cam hấp dẫn... Có loại lớn như cái nón lá, có loại nhỏ cỡ bàn tay như bánh tráng tôm khô được phơi trên các vỉ tre dựng quanh sân vườn.

Nếu muốn thấy sinh hoạt của phụ nữ trong các gia đình làm bánh, phải rời quốc lộ đi sâu vào những con đường nhỏ. Những vỉ tre mang đầy bánh tròn lớn nhỏ, được dựng nghiêng để đón ánh nắng như muốn che đôi mắt đen láy của cô thôn nữ má hồng vì ngồi bên nồi nước sôi lớn, đang tráng bánh. Đôi tay trắng muốt nhịp nhàng khuấy bột đổ lên miếng vải bọc miệng nồi bên trái rồi nhanh nhẹn lấy que tre mỏng bóc lớp bánh của nồi bên mặt trải nhẹ lên vỉ tre. Cô làm đều tay với nụ cười tươi, tạo ra cái bánh bốc khói, hấp dẫn ngon lành. Nếu muốn ăn? Dễ lắm, đã có loại bánh ướt, không phơi nắng, khi ăn dậm thêm chả lụa, rau giá, nước mắm. Có loại bánh được tráng dầy hơn, xắt nhỏ sợi làm bánh phở, hủ tíu.

Ăn phở, hủ tíu nhứt là ở ven đô thành là ăn bánh do bạn hàng lấy từ đây mang về. Đủ loại bánh để mua về tặng gia đình bạn bè. Bánh tráng mềm, bánh ướt cho các bà mẹ; bánh tráng ngọt có mè đen cho các ông chồng vừa đọc sách vừa lơ đãng bỏ từng miếng vào miệng nhai rau ráu, nhưng nhất là đừng quên bánh tráng kẹo cho các cô.

Vùng nầy trồng nhiều đào lộn hột (còn gọi là điều lộn hột) vì cái hột bằng ngón tay cái không nằm giữa trái mà lại nằm bên ngoài, tòn ten phía dưới trái. Hột điều rang chín để lên bánh tráng có lớp đường mía thì ai cũng ưa. Bánh tráng chỉ to bằng bàn tay được nướng chín tráng lên lớp đường mỏng, rắc đều hột điều hoặc đậu phộng...

Quận Đức Hoà, Đức Huệ trồng mía nên đường rẻ và vùng nầy có đậu phộng, hột điều nên bánh tráng kẹo nổi tiếng là món ăn ngon của mọi người.

Mỗi lúc xe ngừng bánh tại thị xã Củ

Chi, Trảng Bàng, các em gái bưng thúng đến mời mua:

— Cô hai, kẹo hột điều mới ra lò nè. Một phong mười cái đó cô hai à. Bùi lắm mà... hổng mua ở đây cô hai kiếm đâu ra chỗ khác...

— Kẹo đậu phọng nè thầy ba, mua về để nhâm nhi với trà tàu.

À, ăn kẹo đậu phọng uống với nước trà tàu, có lý lắm đây. Vậy là khách mua không kịp gói.

Tối nay ông chồng có tí máu văn nghệ văn gừng, ngồi bên bàn nhỏ trước sân, vừa ăn kẹo uống trà, vừa liếc bà vợ đang cuốn chả giò mà hình dung lại đôi mắt đen lay láy ẩn hiện sau làn hơi nước của nồi nước nóng ban trưa...

Gò Dầu cũng có bán các loại bánh tráng nổi tiếng nầy, nhưng cái thị xã nhỏ nằm dọc theo đường nhựa có một quán bán bánh cuốn ngọt. Tại sao bánh cuốn không là nhưn thịt mà là bánh cuốn ngọt? Vì bánh không phải làm bằng bột trắng mà có pha thêm đường nên bánh có màu vàng ngà, nhưn là đậu xanh đãi sạch vỏ, ăn với nước cốt dừa vừa ngọt vừa bùi. Người dân ở đây gọi là bánh ướt ngọt. Tiếc là bánh nầy chỉ ăn tại đây, và chỉ có một tiệm bán duy nhứt, không mang về được. Đi xa, bánh sẽ hơi chua mất ngon.

Ở miền Tây, nhiều chợ nhỏ như Nha Mân, Đất Sét, Mương Điều cũng có bán bánh ướt nầy.

Có dịp đi về các chợ quê nghèo mới thấy những cái bánh bò, bánh da lợn, bánh ướt ngọt là quí giá đối với trẻ con ở quê xa. Các bà mẹ, người chị đi chợ không quên mua một vài gói nhỏ cẩn thận để trong thúng, bơi xuồng về. Con cháu đứng chờ trên bờ. Những đôi mắt thơ ngây ánh lên mừng rỡ khi bà mẹ âu yếm trao cho gói bánh rẻ tiền nhưng quí giá. Tình mẹ bao la gói trọn trong gói quà đơn sơ đó.

Tây Ninh nổi danh với núi Bà Đen linh thiêng có nhiều thiện nam tín nữ đến hành hương, trước để lạy Bà sau là leo núi tắm suối mát, ăn cơm chay ở chùa nơi lưng chừng núi; với toà thánh Cao Đài đồ sộ nguy nga được các tín đồ Cao Đài coi là thánh địa... nhưng không có món gì được gọi là "của Tây Ninh".

Cũng tủi cho Tây Ninh vì ở đây có loại măng le rất ngon, rẻ mà dân địa phương lấy trong rừng tre. Chắc sau khi viếng thăm chùa, leo núi, các du khách không muốn mua gì ở chợ Tây Ninh, sợ cồng kềnh mà để về đến Gò Dầu mua những món đồ ở chợ trời bien giới đem qua chăng? Cũng có lẽ, nhưng chắc chắn họ sẽ mua kẹo đậu phọng, kẹo hột điều coi như là sản phẩm Tây Ninh vậy.

Trên đường về, nên vòng qua tỉnh Bình Dương, không phải để thăm người đẹp Bình Dương mà để mua trái cây nổi danh ở đó. Măng cụt, chôm chôm, dâu, sầu riêng nổi danh miền Đông chỉ thích hợp thổ ngơi Lái Thiêu, Thủ Dầu Một; cũng như bưởi ổi múi ngọt như cam, không có hột chỉ trồng được ở Tân Vạn, Biên Hoà, làm các cô cậu trẻ tuổi đến thăm vườn trái cây ở Lái Thiêu xong, phải chạy vòng về Biên Hoà để mua bưởi bầy bán hai bên đầu cầu Gành.

Có một dạo Bình Dương được nhắc nhở vì một cuốn phim do Thẩm Thúy Hằng diễn vai chánh: phim *Người Đẹp Bình Dương* , làm nhiều người tưởng Thẩm Thúy Hằng là người Bình Dương chớ họ đâu biết cô là dân An Giang.

Không biết người đẹp Bình Dương có đôi môi mọng nước ngọt ngào ngon lành như đôi môi nghệ sĩ Thẩm Thúy Hằng không chớ chắc chắn múi dâu bóng lưỡng ngọt lịm, múi măng cụt, múi chôm chôm tróc vỏ trắng phau mịn màng như da mặt cô thôn nữ của vườn trái cây Lái Thiêu. Rồi sầu riêng hột nhỏ dày cơm, màu ngà như trứng gà bốc mùi thoang thoảng. Mùi thơm của sầu riêng có người không chịu được, không thích ngửi nhưng ăn thì có vị quyến rũ đặc biệt.

Tháng sáu, bảy vào mùa trái cây, dân thủ đô kéo nhau lên đây nườm nượp. Từng đoàn xe gắn máy nhả khói ào ào, mang theo từng đôi nam nữ áo màu phất phới. Giới trẻ thích lên vườn để được ăn trái cây tại gốc, trải tấm vải nhựa dưới tàn cây râm mát, vừa ăn vừa nghe tiếng ve sầu kêu râm ran.

Các chủ vườn vào dịp nầy bán được nhiều hơn. Họ vui vẻ tiếp đón các thanh niên nam nữ. Từng nhóm, từng đoàn vào nhà vườn đã quen trong mùa rồi, chào hỏi mừng rỡ.

Quang cảnh của những khu vườn bên kia giòng kinh nhỏ có cầu gỗ bắc ngang sinh động hẳn lên. Áo pull, quần ống bó màu mè, tiếng cười giỡn trêu chọc, tiếng đàn ghi-ta đệm theo giọng hát vang trong khu vườn xanh tươi trĩu nặng trái chín khác hẳn những ngày thường im vắng.

Trái cây mua tại vườn không rẻ hơn mua tại chợ bao nhiêu vì chủ vườn phải giữ giá cho giới bán lẻ, nhưng mua tại vườn thích hơn vì chủ vườn cho phép các cô cậu tha hồ leo trèo chọn hái. Bù lại, vì quen biết, năm nào cũng gặp nhau, dân điệu nghệ mua quà Sài gòn lên biếu nên cuộc đi Lái Thiêu vào vườn trái cây có khi tốn kém hơn mua tại chợ Cầu Ông Lãnh, nhưng tính toán làm chi việc nhỏ đó.

Long Thành trên tuyến đường ra duyên hải cũng có nhiều trái cây ngon. Đất đai cấu tạo vùng nầy rất ngộ nghĩnh. Đất đá khô cằn, đất đỏ chỉ thuận lợi cho giống cao su, cà phê, vậy mà một lõm thung lũng ở Long Thành lại trồng được nhiều trái cây như Lái Thiêu. Cũng sầu riêng, chôm chôm, dâu... và đặc biệt hơn hẳn Lái Thiêu là có nhiều loại mít: mít tố nữ nhỏ trái, khi lột vỏ, múi dính chùm như chùm nho, mùi thơm ngào ngạt nhưng ăn không hấp dẫn lắm vì mật ngọt gắt và múi nhão nhẹt; mít dừa múi dầy ngọt; mít nghệ trái to, nhiều múi lớn màu vàng nghệ, cắn một miếng mật tươm đầy miệng.

Bên lộ ven rừng cao su có các quán lá cất tạm, bày đầy những chùm trái tươi mới hái, những trái mít to gai nở căng như mời mọc. Khách thủ đô dập dìu chọn lựa từ quán nầy đến sạp khác như đàn ong bu quanh các bông hoa đầy màu sắc. Các vị khách có tuổi cẩn thận mua trái cây tươi tại đây để ra biển, sau khi vùng vẫy nô đùa trong làn nước mặn, sẽ có ăn cho đỡ khát và đỡ đắng miệng. Nhưng số đông nam nữ không nghĩ vậy, họ cứ ăn tha hồ tại Long Thành vì chốc nữa đây ra bãi biển Vũng Tàu, họ lại có loại trái cây khác của vùng biển: đó là nhãn và mãn cầu ta (quả na).

Hai loại trái cây nầy đặc biệt thích hợp với loại đất pha cát biển nên có hương vị ngọt ngào.

Còn gì sung sướng cho bằng được nằm trên ghế bố có dù che nắng, vừa cắn nhãn vừa nhìn mây trắng trôi lững lờ trên trời cao, xa xa là những đợt sóng bạc đầu cuồn cuộn đuổi nhau vào bờ.

Bãi biển Vũng Tàu không phải chỉ có nhãn và mãn cầu ta mà còn có nhiều món ăn khác như sò, cua biển, ghẹ do các cô gái vùng biển, nước da rám nắng mặn mà, gánh từng gánh lớn đến chào mời. Cua sò đã được luộc chín, chỉ cần bẻ ra là ăn, ngọt ngào hương vị biển khơi. Nhưng muốn hưởng trọn vẹn

món ngon của Vũng Tàu, nên đưa gia đình lên quán cơm gần đó, gọi nhà hàng nấu cho một thố canh chua độc đáo của bãi Sau là súng nấu với cá dứa, mực xào và tô tôm rim. Tôm lớn bằng cổ tay nằm khoanh trong tô nước gạch đỏ thì nhà hàng đem ra bao nhiêu dĩa cơm cho đủ?

Vậy đó, hải sản biến chế thành thức ăn không thiếu gì, lại hạp khẩu vị lúc đang đói bụng, du khách tắm biển ra về nhớ mãi, còn hẹn hò trở lại kỳ sau; thế mà khi rời Vũng Tàu để về thủ đô, mọi người lại đổ xô đến nhà lồng chợ tìm mua... mắm ruốc. Tủi cho mực, tôm, cua chưa? Vì bởi chúng nó khó đem về Sài gòn hơn là mắm ruốc. Vả lại mắm ruốc là sản phẩm dương danh cho Ô Cấp từ lâu.

Mắm ruốc bọc trong bao ni-lông trong phô màu tím dễ thương, chất mắm mịn màng, rồi lại nhãn hiệu nổi tiếng quen thuộc: mắm Bà Giáo Thảo, mắm ba số 1, mắm ba số 9.v.v.. Mỗi cuối tuần bao nhiêu xe du lịch, bao nhiêu khách đi biển về, mắm ruốc Vũng Tàu là món quà nối thêm tình nghĩa láng giềng. Mấy bà giáo giỏi thiệt!

*

* *

Bạn thân mến,

Chúng ta đã đi và ăn quà miền Nam, thưởng thức hải sản; giờ đây lên cao nguyên trù phú để mua một loại quà nổi tiếng khắp nước: cà phê Ban Mê Thuột.

Ngồi trước ly cà phê phin, nhìn những giọt nước sánh đen nhểu xuống ly thủy tinh, ngửi mùi thơm ngào ngạt, tinh thần ta sảng khoái hẳn ra; mà phải là loại cà phê "cứt chồn" do bạn bè là dân địa phương chọn mua dành cho người sành điệu mới được; nếu không biết, mua loại thường chỉ uống công thôi.

Khác với dân nhậu phải có bạn bè mới thấy tiệc rượu sôi nổi, rồi đỏ mặt tía tai phát biểu linh tinh; uống cà phê cũng có bạn bè quanh bàn nhỏ, nhưng không khí u trầm hơn, cũng nói chuyện ba hoa đủ thứ nhưng chừng mực, "văn nghệ" hơn...

Có người ghiền cà phê thích ngồi độc ẩm trong đêm vắng, uống từng ngụm nhỏ cho nó thấm vào cổ họng, giác quan như căng hết ra để tận hưởng. Cũng có người uống cà phê với nước đá, mới nhìn tưởng như uống... thuốc bắc, vì họ uống một hơi cả ly lớn, uống xong để ly xuống không biết mùi vị cà phê có kịp thưởng thức chưa, nhưng chắc mạch máu đã đón nhận, nên họ khoan khoái "đã khát" lắm rồi.

Nhắc tới cà phê, hẳn bạn sẽ đồng ý với tôi là nếu ngồi trong gian phòng hơi lành lạnh, có lò sưởi lửa reo tí tách, cốc cà phê phin nóng bốc khói sẽ tăng hương vị hơn? Như vậy chỉ có ở Đà lạt.

Đà lạt của chúng ta, nơi nghỉ mát lý tưởng, có hoa anh đào hồng phơn phớt và mimosa vàng anh rực rỡ; xứ của thác nước ào ào tung bọt trắng xóa; xứ của thông reo với gió. Bao nhiêu cái hữu tình đã dành hết cho vùng núi đồi có độ cao trên 1500 thước so với mặt biển nầy. Tất nhiên các loại trái cây, rau cải ở đây cũng khác với loại ở đồng bằng: trái bơ, trái dâu tây, trái mận thắm đỏ bóng lưỡng.

Mà không phải chỉ có phong cảnh hữu tình, hoa thơm trái lạ, Đà Lạt còn là nơi tập trung nhiều thanh niên ưu tú của đất nước: trường Võ Bị Liên Quân, nơi đào tạo các sĩ quan tài ba của quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Cứ mỗi cuối tuần, từng đoàn xe các nơi vượt đồi núi để lên đây thăm chồng, thăm bạn. Những bộ áo sinh viên sĩ quan màu trắng, nẹp vàng đi song song với các tà áo muôn màu, các kiểu áo hợp thời trang làm phố xá Đà Lạt vui hẳn lên...

Không khí Đà Lạt mát mẻ trong lành, trên cao là mây trắng trời xanh, khắp thung lũng là hoa vàng, tím hồng. Đâu đâu cũng màu sắc hài hoà.

Xe khách hoặc xe nhà, chuyến lên Đà Lạt thì nhẹ, chuyến về thì ì ạch chở theo đủ thứ quà: dâu, mận, rau cải tươi, và đặc biệt một loại quà rất bình dân mà chỉ ở đây mới có: khoai lang núi luộc chín, phơi ỉu ỉu trong bọc ni-lông. Loại khoai lang núi nhiều mật, màu vàng như trái bí rợ nên được gọi là khoai lang bí, xắt dài cỡ ngón tay, ăn ngọt miệng mà no lòng, được nhiều người ưa thích. Khách về thủ đô mỗi người mua ba, bốn kí-lô cũng như mấy chai rượu dâu, rượu mận, ác-ti-sô để biếu hàng xóm.

Đà Lạt còn một thứ đặc sản rẻ tiền mà các bà nội trợ rất ưa, đó là củi ngo dùng để nhóm bếp. Cây ngo là loại gỗ thông có nhiều dầu do đồng bào Thượng vào rừng đốn ngã, chặt từng khúc dài khoảng ba tấc và chỉ đẽo lấy lõi ở trong, vừa nhiều dầu, vừa cứng. Đồng bào Thượng chất phác không khai thác nhiều, họ chỉ chặt, đẽo đủ chất đầy một gùi vừa sức mang ra chợ cho các cô sơn nữ da sậm màu nắng, ngực trần mặc váy ngồi bán. Mỗi ngày họ chỉ cần bán kiếm đủ tiền uống rượu trắng và vài cân muối rồi lại lội bộ trở về "buôn" xa.

Rời Đà Lạt, chúng ta hạ sơn trở về Bảo Lộc để mua trà và theo đường liên tỉnh từ Di Linh đi Phan Thiết, xứ của nước mắm.

Gần đến Phan Thiết đã thấy những lò gốm làm tĩn hiện ra. Từng đống tĩn đựng nước mắm chất cao như núi để cung cấp cho các nhà sản xuất. Đầu thập niên 1970, các lò gốm nầy bị ni-lông nhựa cạnh tranh vì loại thùng nhựa dẻo sạch, gọn, nhẹ tiện dụng hơn.

Phan Thiết nằm dọc theo biển khơi nhưng không có bãi tắm đẹp vì nơi đây thuyền đánh cá ra vô nườm nượp. Thuyền chèo, thuyền thúng, thuyền có gắn máy đủ cỡ đủ loại hoạt động ngày đêm nên nước biển ở đây có mùi tanh



của cá. Bạn hàng tấp nập đi về đường Phan Thiết — Sại gòn mỗi ngày để cung cấp cá tươi, cá hấp, nước mắm cho dân tiêu thụ.

Phan Rang, Phan Rí gần đó tuy không nổi tiếng về hải sản nhưng lại được biết đến nhờ những đồi cát trắng đẹp và suối nước Vĩnh Hảo ở Cà Ná.

Con đường cái quan đưa chúng ta đến thị xã Nha Trang, gốc tiếng Chàm là Yakram có nghĩa là sông tre. Người Việt tới đây hồi thế kỷ 17, dưới thời Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Chúa lập ra doanh Thái Khang. Đời Tây Sơn đặt lại là trấn Bình Khang. Đến năm 1808, vua Gia Long đổi tên là trấn Bình Hoà. Năm 1832 vua Minh Mạng gọi là Khánh Hoà và tên ấy được dùng đến ngày nay.

Nha Trang nổi tiếng với tháp bà Thiên Ỷ A Na, nơi các du khách và người mộ đạo đến chiêm bái, khói hương nghi ngút cả một vùng; với Cầu Bóng, Hòn Chồng, Hải Học Viện, và bãi biển cát trắng phau với hàng dương cắt tỉa khéo léo. Có thể nói không nơi nào có con đường cạnh bãi biển với hàng cây dương lạ và đẹp như Nha Trang.

Đặc sản ở đây ngoài tôm cá như các thị xã miền biển, còn có vỏ ốc biển lóng lánh xà cừ, vỏ tôm hùm lớn được làm thành tranh trang trí, xâu chuỗi đeo cổ, vòng đeo tay, đèn ngủ, đèn treo tường...

Vùng biển Khánh Hoà nổi tiếng quốc tế vì có san hô, các loại ốc, loại cá lạ của biển sâu nên Hải Học Viện quyến rũ rất đông người đến xem.

Nha Trang không có món ăn đặc biệt dù có đảo nhỏ nuôi cá, có chợ Đầm buôn bán sầm uất.

Miền Trung xứ dân gầy, nghèo nàn, đất cày lên sỏi đá nhưng món ngon từng nơi đâu có thiếu dù chỉ thu hẹp trong một vùng. Như dừa Quảng Nam rất ngọt nước được trồng thành rừng dọc theo bãi biển để chận cát xâm thực vào ruộng. Xe chạy dọc theo rừng dừa phải mất nửa giờ mới qua hết quãng đường mát rượi đó. Quảng Ngãi có cá bống nhỏ bằng ngón tay út, chỉ có ở sông Trà Khúc, dân chúng bắt bằng cách đặt ống tre cho cá vô ở, đến giờ người ta khéo léo nhẹ nhàng lội đến bịt miệng ống. Được vài mươi ống tre là đủ cá ăn ngày đó. Loại cá thịt ngọt, mềm kho với tiêu, nước mắm Phan Thiết thì chỉ cần một nồi cá kho nầy, mấy nồi cơm gạo dẻo Tuy Hoà cũng hết.

Quảng Ngãi có sản phẩm được vinh danh là đường phổi và kẹo mạch nha. Đi ngang đây bạn sẽ thấy dọc theo đường cái quan có nhiều quán cơm. Trên đường từ Nam ra hay từ Đà Nẵng vào đến đây đúng giữa trưa vừa độ đói. Hãy vào ăn và nghỉ cho khoẻ. Nhưng không có loại cá bống kho tiêu kia đâu nhé. Nó rất hiếm, quí, chủ nhà chỉ để đãi bạn bè thôi. Trong quán cơm nào cũng có một tủ kiếng bán đường phổi, mạch nha đựng trong hộp nhựa hoặc hộp thiếc. Chủ quán không cần mời mọc, khách đã biết tiếng nên sau bữa cơm là chọn mua hết.

Tam Kỳ, Hội An, Đà Nẵng đâu đâu cũng phồn thịnh nhưng món nổi danh thì ít quá, mặc dù Hội An đã từng là nơi thị tứ, nơi các thương nhân ngoại quốc đến giao thiệp buôn bán từ thế kỷ 16, 17. Đà Nẵng rộng rãi, khang trang, có cây mát hai bên đường, có viện bảo tàng cổ vật Chàm, có bãi biển Sơn Trà nước lặng, có bãi Mỹ Khê cát trắng, có Ngũ Hành Sơn. Đặc sản của vùng này là những tượng Phật bằng cẩm thạch, những kỷ vật chạm trổ bằng đá, những phù điêu nhái lại tác phẩm của Chiêm Thành. Đá cẩm thạch ở đây là đá vôi già tuổi nên rất cứng, biến thành marbre (cẩm thạch trắng).

Trên đường Đà Nẵng ra Huế phải qua đèo Hải Vân, danh thắng thứ nhứt của đất nước. Đỉnh đèo cao nối liền với mây bay ngang chót núi. Bước ra ngoài xe ta chỉ thấy mây và trời, nhìn xuống xa xa là biển khơi. Đây là biển và mây hoà hợp hay ta đang đứng giữa biển mây?

Lăng Cô ở phía bắc chân đèo. Phong cảnh u nhã, cây in bóng nước, nước phản chiếu mây như bức tranh Tàu. Ở đây có nhiều sò huyết, loại sò nhỏ nhưng máu thịt đỏ tươi, ăn rất bổ, tuy nhiên chỉ đủ bán cho khách ăn tại chỗ, không đủ cung cấp cho cả nước.

Đến đây gần đất kinh kỳ: Huế cổ kính và thơ mộng; đất của quyền quý và thanh lịch; người dân dù nghèo, dù buôn gánh bán bưng hay chèo đò vẫn mặc áo dài tươm tất khi ra đường.

Người Huế có tiếng trầm mặc, nhỏ nhẹ. Thiếu nữ Huế ra đường áo dài trắng, nón lá nghiêng nghiêng che mặt, tóc thề xoã vai...

Huế có món ăn mà người Việt nào cũng từng nếm thử hoặc nghe nói qua, đó là bún bò Huế. Thế nên ra đến xứ của món nầy mà không ăn quả là thiệt thòi. Các nẻo đường kinh kỳ đều có quán hay gánh bún bò Huế như hủ tíu và phở trong Nam, nhưng phải nhìn nhận chỉ có vài chỗ bán sao mà ngon lạ. Cũng nước lèo nổi mỡ vàng, cũng thịt bò giò heo, cũng rau ghém rau thơm, nhưng có lẽ khác nhau ở chỗ nêm nếm hay là sợi bún?

Vào chợ Đông Ba, bạn phải đến sạp bún của mụ Béo. Bạn có công đi, hãy qua phía Đập Đá, chỗ Phòng Thông Tin rẽ sang trái độ một cây số. Bạn ở gần cầu Bạch Hổ, đừng quên vào quán bún có cây da còi ở dốc cầu phía nam, đặc biệt quán nầy chỉ bán khi đêm xuống.

Bạn có nghe danh cơm Âm Phủ? Nếu muốn nếm qua, bạn hãy đi về phía hữu ngạn sông Hương, gần nhà Bưu Điện, nơi bán cơm vào giữa khuya cho khách đi đêm. Đây không phải là hàng quán to lớn mà chỉ là một sạp bán cơm với vài bàn nhỏ và ghế đẩu ngồi ngoài đường trong ánh sáng tù mù của những ngọn đèn cốc. Bạn hãy ăn một lần để nhớ đến hương đêm của xứ Thần Kinh, vì ăn dưới ánh sáng mù mờ như ăn dưới âm phủ, khác hơn ánh sáng mờ ảo trên các ghe đò sông Hương, rồi sáng hôm sau đến Vỉ Dạ ăn bánh bèo dưới gốc nhãn râm mát.

Huế là kinh đô của vua chúa, bao nhiêu món ngon vật lạ nấu nướng cầu kỳ trong cung đình nào mấy ai được biết, chỉ riêng các món ăn bình dân được ưa chuộng thì mãi mãi vẫn là món ăn của Huế.

Huế là trạm chót để chúng ta tìm hiểu món ngon, vì xứ Quảng Trị nghèo không có gì đáng nói; và bên kia giòng Bến Hải là miền Bắc dưới xã hội chủ nghĩa còn nghèo hơn, những món ngon của xứ ngàn năm văn vật chỉ còn là âm cũ trong hồi ức mà thôi. □



thu trên bến

Bến vắng còn vương chút nắng trong
Người đi vẫn để mộng trong lòng
Ở đây nước tím, trời mây tím
Ta gởi buồn ta nơi đáy sông

b.h.t.

Đạp Ló, Bắn Bôông

Trần Văn Tích



Quê tôi (Quảng Trị) mỗi năm thu hoạch được hai vụ lúa, một vụ gạo trắng, một vụ gạo đỏ, vụ gạo trắng là vụ chính. Lúa gặt xong chất thành đống nhỏ trên bờ ruộng. Khi đã gặt được khá nhiều, một bác lực điền sẽ phụ trách bó lúa lại từng bó lớn.

Lạt để bó lúa đã được chuẩn bị sẵn từ những ngày đông tháng giá. Người nông dân chọn loại tre trung niên, không già không non, dai sức, ít mắt, để chẻ lạt. Sợi lạt dài cỡ ba mét, to bản, bề ngang lối một xăng-ti-mét và dày chừng bốn đến năm mi-li-mét. Lạt chẻ xong được bó thành từng bó vài chục sợi rồi hong trên giàn bếp hun khói cho thêm bền đồng thời tránh mối mọt. Bó lạt khi mang ra ruộng được ngâm dưới nước ruộng cho dịu và dẻo.

Việc bó lúa là cả một nghệ thuật đòi hỏi không những chỉ sức khoẻ mà cả sự khéo léo. Sợi lạt được đặt nằm dọc bờ ruộng và lúa được chất thành một đống cao trên sợi lạt. Bác lực điền — việc bó lúa là việc riêng của nam giới — dùng sức mạnh xoắn sợi lạt quanh trục chính của nó khiến nó giập ra, mềm oặt lại ở một điểm cách một đầu lạt chừng mười xăng-ti-mét. Phần bị giập, bị xoắn mềm này sẽ được gấp thành một nút thòng lọng đơn giản. Đầu kia của sợi lạt được luồn vào trong nút thòng lọng và người thợ gặt ra sức xiết mạnh bó lúa bằng cách dùng toàn lực kéo đầu sợi lạt nằm trong thòng lọng; đồng thời dùng tất cả sức nặng thân thể đẩy đà của mình đè lên bó lúa, ép nó, thúc nó, dồn nó, đè nó để buộc gọn đống lúa ở khoảng giữa các thân cây lúa mới gặt thành một bó chắc chắn, chặt chẽ. Khi đã đạt tiêu chuẩn chặt và chắc, đầu lạt không phải là thòng lọng cũng được vặn cho mềm nhũn và buộc xoắn vào với đầu kia thành một cái nơ bền bỉ. Bó lúa bó xong trông như gồm hai hình nón cụt nối vào nhau mà thắt lưng là sợi lạt.

Để gánh các bó lúa này về nhà phải dùng đòn xóc là một loại đòn gánh đặc biệt, hai đầu vót nhọn hoắt, làm bằng tre già rất chắc và hong khói thường xuyên đến độ trở thành màu nâu sậm và láng bóng. Đặc biệt đòn xóc còn được uốn cong như một vành cung để khi gánh hai bó lúa nặng chình chịch ở hai đầu thì nó oằn xuống trở lại thành ra một đòn thẳng. Nếu không uốn sẵn thành vòng cung thì hai bó lúa rất nặng ở hai đầu đòn xóc sẽ bị trọng lượng lúa kéo cong hai đầu xuống tạo thành vòng cung lõm về phía dưới và như thế tất nhiên hai bó lúa phải rơi xuống đất. Nói cách khác, đòn xóc không có bộ phận để giữ hai bó lúa, nó chỉ giữ được gánh lúa mới gặt chừng nào nó không bị cong hai đầu. Người thợ gặt dùng đầu nhọn của đòn xóc đâm thật mạnh, thật sâu vào trong bó lúa mới gặt, ngay phía dưới sợi lạt của bó lúa. Sau đó xuống tấn, dùng hai chi trên nâng bó lúa lên cao và vác nó đến bó lúa thứ hai. Với một bó lúa xóc sẵn ở một đầu, đòn xóc lại được đâm sâu và đâm mạnh vào bó lúa thứ hai. Lần nầy có phần thuận lợi hơn vì có thêm trọng lượng của bó lúa đã xóc sẵn ở một đầu tăng thêm sức xuyên thấu. Giai đoạn kế tiếp là nhấc hai bó lúa treo ở hai đầu đòn xóc lên vai. Người nông dân nam giới làm công việc này không mấy khó khăn nhưng các o, các mụ thì thường phải nhờ phái nam nhấc và đặt dùm đòn xóc đã xóc sẵn lúa lên vai.

Băng qua những bờ ruộng mấp mô, vượt qua những con đường làng nhỏ hẹp, đoàn người gánh lúa nhịp nhàng hướng về thôn xóm sau lũy tre xanh.

Đường xa gánh nặng nên thỉnh thoảng phải đảo vai. Hai gánh lúa được đôi chi trên gân guốc xoay một vòng tròn, để từ vai này chuyển nhẹ nhàng sang vai kia. Cảnh một đoàn người gánh lúa nối đuôi nhau, nam có nữ có, thoăn thoắt bước đều gần như chạy, với hai bó lúa nặng trĩu ở hai đầu đòn xóc đong đưa theo từng bước chân, giữa một bầu trời mùa hạ trong xanh, nắng vàng rực rỡ, trong một không gian thoang thoảng mùi lúa chín, mùi rơm mới; với một chú bé lúp xúp chạy theo sau, tay nâng niu vài con niêng niểng hay vung vẩy vài sợi lạt chưa dùng đến, là một khúc phim mà mỗi lần ký ức quay lại luôn luôn làm cho tôi bồi hồi xúc động vì chú bé được tôi nhìn lại qua hồi tưởng với tất cả lòng trìu mến, như Anatole France trong vườn Luxembourg nhìn lại chính mình thuở ấu thời.

Lúa gánh về nhà chất vào một chỗ để chờ *đạp ló*. Ở quê tôi, gặt lúa xong người ta không đập lúa ngay tại ruộng như ở miền Nam sung túc mà lại đem lúa ra đạp tại nhà. Đạp *ló* có thể do người, có thể do trâu.

Giữa hai cột nhà buộc một cây tre dài và chắc, cách mặt đất chừng 1 mét 2. Nếu ít lúa thì một người đạp, nếu lượng lúa kha khá thì từ ba đến bốn người đạp. Bó lúa được mở ra và để cạnh người đạp *ló*, đứng trong tư thế hai tay vịn vào cây tre, mình hơi ngả về đằng trước. Với một bàn chân, người đạp *ló* kéo một mớ lúa về phía mình và dùng hai chân không đạp trên mớ lúa. Đạp lui đạp tới, vừa đạp vừa trở, cho đến lúc nào tất cả hạt lúa rơi rụng ra hết, chỉ còn trơ lại một mớ cọng rơm dài thậm thượt thì dùng chân hất qua một bên. Và lại kéo thêm một mớ lúa khác, và lại đạp lại trở bằng hai chân không. Hai bàn chân người nông dân quê tôi có lẽ có sức chịu đựng, có độ bền bỉ hơn cả chân nhiều loài vật. Ngựa chẳng hạn phải được bịt móng mới chạy nổi đường trường, còn người nông dân quê tôi quanh năm suốt tháng không hề sử dụng giày dép, chỉ đi chân không và còn dùng hai bàn chân chai đá của mình để đạp rụng, đạp rời từng đống lúa cao có ngọn. Nhìn đôi chân của những *ông Cọi, eng Cáo, chú Bạo* tôi mới thấm thía tại sao người dân quê Việt Nam chỉ mong và chỉ ước *trông cho chân cứng đá mềm*.

Đạp *ló* bằng chân người thường chỉ tiến hành vào mùa lúa phụ, vì vào mùa này lượng lúa thu hoạch không nhiều. Nhưng đó chỉ là đối với gia đình tôi, vốn thuộc hàng giàu có trong làng; chứ đa số bà con đồng hương của tôi thì cả hai vụ đều dùng chân mà đạp *ló*.

Gánh *ló*, đạp *ló* thường có bữa ăn phụ, vì ăn ba bữa như ngày thường không đủ ca-lo-ri. Cho nên đạp từ sáng đến nửa buổi thì nghỉ để ăn cháo nếp, ăn chè đậu đen hay ăn khoai khô nấu trộn với đậu.

Vào vụ lúa chính, gia đình tôi hay tổ chức đạp *ló* bằng trâu. Thời điểm thông thường là buổi chiều hay buổi tối, nhất là vào các đêm trăng sáng. Nhưng dầu có trăng, vẫn cần thêm ánh sáng do những dĩa dầu chuồn cung cấp. Các bó lúa được mở ra. Lúa được xếp chồng thành một hình nấm mộ lớn, đường kính vào chục thước, cao lối năm, sáu tấc, nằm ngồn ngộn giữa sân. Một chú lực điền dắt một cặp trâu trèo lên đống lúa. Chú đứng ở trung tâm, dùng roi quất nhè nhẹ chỉ huy cặp trâu bước thành vòng tròn xoay quanh chú. Trâu vốn hiền lành, ngoan ngoãn nên tham gia rất nhanh chóng trò chơi đèn kéo quân này. Trâu đi từ tốn, chững chạc và người cũng quay chậm chạp, thong thả theo trâu. Hạt lúa rơi rụng lả tả dưới những móng chân nặng nề của đôi trâu và rơi lặng lẽ xuống mặt sân. Đồng thời, đống lúa cũng dần dần xẹp xuống, vì các cọng rơm bị sức nặng của trâu đạp ép. Sau chừng vài giờ, thấy lúa đã rụng hết thì nghỉ. Thông thường mỗi buổi chỉ đạp một lần. Và sau mỗi lần đạp tất nhiên cũng có chút đỉnh cháo, chè hay xôi. Một "sự cố kỹ thuật" thường xảy ra là khi trâu bài tiết. Nếu trâu tiểu thì chả gay cấn mấy vì nước tiểu của trâu không gây hại gì cho hạt lúa. Nhưng nếu trâu đại tiện thì phải ứng phó cấp kỳ. Vừa nhác thấy trâu cong đuôi lên là lập tức chú lực điền chụp lấy đuôi trâu đè xuống, đồng thời la lên ơi ới: "Trâu ỉ, trâu ỉ!" Đã có chuẩn bị sẵn, một người nào đó chụp lẹ một cái giỏ tre trong có lót một lớp rơm dày mang đến đặt ngay chỗ phân trâu sắp rơi xuống. Lúc bấy giờ mới là giờ hoàng đạo cho trâu giải quyết nhu cầu. Đuôi không còn bị đè nữa, trâu khoan khoái phóng uế ào ào, phèn phẹt. Xong, vừa dợm bước đi thì cái giỏ được nhấc ra ngay. Tất nhiên phế vật của trâu được tận dụng làm phân bón, nhất là để "cùi" mấy cây bầu, cây bí. Đạp *ló* đã trở thành truyền thống ở quê tôi, mà sở dĩ có truyền thống đó có lẽ là do hạt lúa quá quí giá nên nếu đập — mà nhất là đập ngoài ruộng như ở trong Nam — thì sợ sẽ hao hụt đáng kể.

Nhưng lúa nếp thì không thể đạp vì rất khó làm cho hạt nếp rụng khỏi gié nếp. Cho nên phải *truốt nếp*. Đây là công việc của phụ nữ. Các o, các mụ mỗi người trang bị một đôi đũa, ngồi bệt xuống sàn nhà và nhấc từng gié lúa nếp lên, kẹp nó vào giữa hai chiếc đũa rồi kéo mạnh làm cho các hạt nếp đứt rời khỏi cọng rơm. Mỗi lần tất nhiên chỉ truốt được một cọng nếp, và cứ nhẫn nại, kiên trì như thế mà làm từ sáng đến tối. Công việc coi bộ nhàn nhã nhưng ngồi như thế cả ngày là một cực hình đối với các đốt sống lưng.

Rơm được xây thành *đụn*. Chỉ cần nhìn đụn rơm mỗi nhà là có thể ước lượng được mùa màng từng nhà nhiều ít bao nhiêu. Có đụn rơm cao nghệu, có đụn rơm bé tẻo tèo teo. Rơm ít, không đủ đun quanh năm thì có thể cắt thêm *toóc*, tức là rạ. Nhưng *toóc* vốn quá ngắn nên chẳng thể nào xây được thành đụn, chỉ có thể xài ngay sau khi cắt. Vì thế cắt *toóc* là việc của các o trên các cánh đồng nứt nẻ sau khi vụ mùa đã mãn, và lúc bụi *toóc* cũng khô đến độ tối đa. Cắt *toóc* về là để chụm ngay, có được nguyên liệu đun nấu đỡ ngày nào hay ngày đó, còn rơm thì để dành trong đụn. Trường hợp *toóc* không được cắt thì sẽ bị cái nắng gay gắt miền Trung hun cho đến độ mủn ra:

Hết mùa toóc rã rơm khô
Bạn về xứ bạn biết nơi mô mà tìm.

Câu ca dao này được Thanh Tịnh ghi lại trong tập truyện ngắn *Quê Mẹ*, nhưng thay vì ghi *toóc* ông lại ghi *tót*. Là dân Thừa Thiên, Thanh Tịnh đã ghi không đúng một tiếng miền Trung cổ quí giá.

*
* *

Cây bông chỉ được trồng *ở nương*, thường là mảnh vườn nằm trong phạm vi đất đai canh tác quanh ngôi nhà của từng gia đình. Bông thu hoạch về phải qua một quá trình chế biến rất phức tạp mới thành được tấm vải.

Trong giai đoạn đầu và sau khi đã được phơi cho thực khô, phải tách rời các hạt bông nõn ra khỏi các hạt bông bằng máy cán bông. Gọi là máy nhưng đó chỉ là một cơ phận thô sơ gồm chủ yếu hai cây gỗ hình trụ, lớn bằng thỏi son của các bà các cô ở thành thị và dài chừng ba tấc. Hai cây gỗ này ghép song song sát vào nhau và vận chuyển theo hai chiều ngược nhau, qua sức

quay của một tay cầm. Người cán bông ngồi trên sàn nhà hay trên ghế dài, một tay quay tay cầm nhằm vận chuyển hai ống trụ, một tay đút bông vào khe giữa hai ống trụ đó. Phần bông sợi sẽ bị hút vào giữa hai ống trụ và bị tách rời khỏi các hạt bông. Hạt bông sẽ được thu thập làm phân hay ép dầu.

Bông cán xong phải mang đi bắn, để làm cho sợi bông tua ra. Cả làng tôi chỉ có một người chuyên nghề *bắn bôông*, đó là chú Kích. Thiết bị bắn bông là một sợi dây rất bền bằng tơ tằm xe lại thực săn, vỏ ngoài được bọc một lớp sáp ong mỏng bóng láng, căng chéo trên một bộ phận bằng gỗ hình chữ L, hai đầu dây buộc chặt vào hai điểm cuối của chữ L. Qua một hệ thống điều chỉnh, sợi dây được căng đến mức tối đa. Chú Kích ngồi trên một thứ ghế đẩu đặc chế, ghế đó có kèm một cần câu làm bằng một cây trúc rất khoẻ và dai. Cây trúc này có công năng nâng đỡ bộ phận chữ L dùng để bắn bông. Vận dụng chi trên trái, chú Kích có thể di chuyển chữ L theo ý muốn; hoặc là là ở mặt đất, hoặc cao khỏi mặt đất độ vài ba tấc; hoặc ở mép đống bông phải bắn, hoặc chui sâu vào giữa đống bông. Với chi trên phải, chú dùng một cái gậy có mấu đánh vào sợ dây căng thẳng khiến nó rung lên bần bật. Và vì sự rung chuyển đó xẩy ra trong lòng đám bông nên các mớ bông bị cuốn hút vào dây, bị dây đánh cho banh ra, bị xé ra, bị bung ra tơi tả. Kết quả, đống bông càng ngày càng phồng lên theo với thời gian bắn để rồi cuối cùng trở thành một khối bông nõn xốp nhẹ, trông tựa như một đám mây trời bằng bông nõn phơi phới.

Đơn vị để tính toán công lao bắn bông là *yến*. Không biết đến các khái niệm đo lường thuộc mét hệ, người dân quê tôi trước 1954 chỉ sử dụng các đơn vị đo lường cổ truyền như *thước* (thước ta), *sào, mẫu, yến, phân*. Chú Kích lãnh thù lao theo số yến bông bắn được, và lãnh thù lao đó bằng *ló*. Tiếng bắn bông "bịch bịch, xèng xèng" là một điệu nhạc độc đáo mà tôi chỉ được nghe ở một nơi duy nhất trên mặt địa cầu này, đó lại tại ngôi nhà tranh vách đất của chú Kích, nằm khiêm tốn nơi xóm làng Quảng Lượng heo hút.

Bông bắn xong xe thành *con cúi*. Con cúi là một cuộn bông hình trụ, đường kính thiết diện chừng 1,5 cm đến 2 cm, dài lối 30 cm. Cuộn bông thành con cúi là một công việc nhẹ nhàng, đơn giản. Chỉ cần hốt một nắm bông nõn đã bị bắn xốp, trải dài và rộng trên một mặt phẳng láng rồi cuộn lại xung quanh một chiếc đũa trơn bóng.

Giai đoạn kế tiếp là kéo con cúi thành sợi vải. Thiết bị kéo sợi không có gì đặc biệt, nó cũng giống như các loại máy kéo sợi ở các vùng đất khác trên khắp thế giới, với một bộ phận chính là một bánh xe quay và một con sót. Khi đến Berlin, ghé vào xem một viện bảo tàng kinh tế dân tộc, tôi thú vị tìm lại được guồng máy kéo sợi này trưng bầy bên cạnh các nông cụ và dụng cụ nghề dệt cổ lỗ của dân tộc Đức. Đặc biệt con sót có một đầu chế bằng thép tôi rất kỹ vì phần đó phải quay triền miên, do bánh xe vận chuyển, nhằm kéo sợi vải ra khỏi con cúi; và tiến trình "kéo" này thực chất chỉ là một tiến trình xe chỉ thật săn và thật mịn.

Rồi chỉ được quấn thành từng khoanh lớn và ngâm nước cơm cho thêm bền trước khi mang đi dệt. Chuyên lãnh dệt vải cho gia đình tôi là bà vợ kế của ông chúng tôi mà các cháu thân yêu gọi là *mụ*. Mụ dệt có phẩm chất tốt vì dệt cẩn thật, các sợi chỉ ngang ép vào nhau rất sát, các sợ chỉ dọc cũng liền xít với nhau nên tấm vải dày dặn, không thưa rếch thưa rác như vải bán ở chợ. Nhưng khổ vải thì rất khiêm tốn vì con thoi chẳng thể nào được ném đi quá xa, tối đa tấm vải chỉ rộng chừng sáu tấc. Mang vải đến cho mụ dệt, tôi còn được cái thú nghe mụ nói chuyện canh cửi, qua đó tôi học được ở mụ một số từ "kỹ thuật chuyên môn", cho nên sau này khi đọc Nguyễn Du, tôi rất thông cảm với Tố Như tiên sinh:

Thôn ca sơ học tang ma ngữ

(câu hát thôn dã giúp ta học được tiếng nói của nghề trồng dâu).

Vải để trắng hoặc nhuộm đà, nhuộm đen. Nhuộm đà có vỏ cây đà mua ở chợ Thuận, nhuộm đen có bùn non móc từ đáy ao, đáy *rào* (*rào* là một nhánh sông bé nhỏ) lên, có khi còn "tăng cường" thêm nước lá chè tàu, vốn trồng làm giậu, cô đặc quánh.

Có một độ gia đình tôi trồng được loại cây bông cho bông không phải màu trắng "kinh điển" mà màu cà phê sữa, nghe đâu từ xứ Lào xa xôi nhập cảng về. Loại bông này dệt thành tấm vải có màu cà phê sữa loãng, trông không mấy mỹ thuật, nhưng được cái là cả làng chẳng ai có thứ vải màu đó. Tiến thêm bước nữa, mẹ tôi phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhờ mụ dệt những tấm vải



mà phần sợi dọc màu trắng còn phần sợi ngang màu cà phê sữa, chúng tôi gọi là vải *kaki*. Được mẹ may cho — tất nhiên là may bằng tay — những bộ áo quần gồm quần cộc kaki và áo sơ-mi cổ bẻ vải trắng, anh em chúng tôi cảm thấy đã được may mặc *mốt* nhất đời.

*

* *

Giờ đây nhìn lại thời gian và không gian của thuở *đạp ló, bắn bôông*, tôi nghiệm ra người dân quê Việt Nam đã cố thích nghi với những điều kiện khiêm tốn của cuộc sống và đã tự túc được về ăn về mặc, hai nhu cầu cơ bản của con người. Ngay như khung cửi, máy cán bông cũng được một người bà con trong họ chuyên nghề thợ mộc đóng ráp. Thợ rèn thì cũng chỉ ở những làng lân cận. Thảng hoặc có cần đến "chuyên viên cấp cao" như thợ đóng cối xay lúa thì cũng chỉ đi bộ chừng nửa ngày đường là đến làng Đồng Bào để mời được *ôông* thợ Dự. Thành ra tôi đã từng sống những tháng ngày thuần túy "nhà quê", với gạo nấu cơm do chính bà con cấy mạ gặt lúa, với vải may mặc do chính họ hàng sản xuất. Bốn mươi năm sau, hồi tưởng lại khung cảnh đó và so sánh nó với đời sống hiện thời của gia đình, ngẫm nghĩ về hai câu thơ của sứ thần Phan Thanh Giản trình bày về xã hội và nhất là kỹ thuật Tây phương lên quân vương:

Bá ban xảo kế tề thiên địa

Duy hữu tử sinh tạo hoá quyền

(trăm nghề tinh xảo ngang với trời đất, duy chỉ có việc sống chết mới bị phụ thuộc vào quyền của tạo hoá mà thôi) tôi càng thấy ngậm ngùi cho bà con làng nước, không biết bao giờ mới có được mức sống bằng người. □



truyện dài

Nguyễn Ngọc Ngạn

Trên Lối Mòn Hậu-Chiến

(tiếp theo)

CHƯƠNG TÁM

Quản giáo Kiển đi kiểm tra một vòng hai dãy nhà ngủ rồi tự tay đánh kẻng tập họp đột xuất. Gã đứng trên hiên, trước bãi đất trống khá rộng còn lởm chởm những gốc cây vừa do cải tạo viên phát quang vội vã để dùng làm chỗ sinh hoạt cho toàn khối. Mặt Kiển lừ lừ bực bội. Chiếc đèn pile kẹp ở nách, cuốn sổ nhỏ và cây bút nắm trong tay, sốt ruột nhìn đoàn tù lũng thũng bước tới và xầm xì nói chuyện. Ở rừng mới một tuần, không khí cải tạo đã khác hẳn những ngày còn ở Long Khánh. Tù nhân lè phè mệt mỏi. Những trò hô hào thi đua không còn tác dụng bao nhiêu, bởi ai cũng nhìn rõ những tay ăng-ten nhiệt tình với Cách Mạng suốt hai năm qua, giờ cũng lên đây đốn gỗ vác tre, chỉ tiêu một ngày hai trăm mét như mọi người khác và hy vọng ra về rất mở mịt.

Kiển đánh kẻng một lần nữa rồi nhìn đám đông, nói lớn:

— Khối trưởng đâu? Cho anh em so lại cự ly. Khẩn trương lên một tí!

Từ trong hàng quân, Thúc lên tiếng:

— Báo cáo, trưởng khối An đi cầu!

Thúc vừa dứt lời thì An từ dãy nhà ngủ tập thể chạy ra, vừa cài nút áo vừa nói:

— Các tổ cho kiểm tra người của tổ mình. Đủ hay thiếu?

Thúc lại nói:

— Thiếu có mình ông thôi.

An đứng nghiêm, hô nghiêm nghỉ hai lần rồi quay lại nhìn Kiển. Kiển khệnh khạng từ bậc thềm bước xuống, tiến lại gần hàng quân rồi nhập đề:

— Tập họp đột xuất là vì có mấy việc phải quán triệt.

Gã mở cuốn sổ, bấm đèn pile rọi vào, nhìn thật nhanh rồi ngẩng lên nói:

— Thứ nhất, chỉ tiêu phá rẫy khôm nay không có tổ nào đạt được. Hai trăm năm mươi mét vuông mỗi đầu người, nhưng mà tính bình quân cả khối ta thì mỗi người mới chỉ phát được một trăm bảy. Như thế là rất thấp. Phải rút kinh nghiệm. Chất lượng cũng không đạt. Cây con chưa phát hết đã chặt cây nhớn. Rồi cây nhớn đè lên cây con, thành ra chả nom thấy cây con ở đâu nữa. Mai kia giồng lúa thế nào được! Cái ấy cũng phải rút kinh nghiệm! Chặt tre cũng thế. Đã dặn mãi là gặp bụi tre to cả trăm gốc, thì những gốc ở ngoài phải chặt thật thấp, nhiên hậu mới chặt được những gốc ở trong. Cây ở ngoài mà chặt cao quá thì lấy chỗ đâu mà đứng để chặt cây bên trong? Nói mãi mà vẫn chả anh nào chịu nghe! Cúi xuống một tí, phá rừng mà cứ đứng sõng lưng như đi chơi thì phá cái gì! Chỉ lười thôi! Nói rồi, không lao động là không về. Có thế thôi!

Kiển đứng lại, chắp tay sau đít, nhướng mắt nhìn sâu vào hàng quân và

hỏi:

— Anh gì hôm nay bị rắn cắn có làm sao không?

Trưởng khối An trả lời:

— Anh ấy đang nằm trong nhà.

Kiển lại được dịp giảng:

— Đánh rắn thì phải dùng cái que con, mà phải đánh vào đầu nó mới chết. Đánh rắn không bao giờ lấy cán cuốc mà đánh cả. Đánh vào lưng, vào đuôi nó thì ăn thua gì. Rút kinh nghiệm, đừng có để cho rắn cắn nữa!

Kiển lại mở sổ, bật đèn pile. Nhưng lần này đèn không cháy. Gã vỗ vỗ mấy lần vào bàn tay, nhưng vô hiệu. Gã nhét đèn vào túi quần rồi tiếp tục chỉ thị:

— Nghe cho kỹ đây này. Từ ngày mai, khi đi làm về, mỗi người phải vác ba cây tre, tre dài tối thiểu bảy mét, đem bỏ ngoài lề đường. Có biết để làm gì không? Công ty giấy ở Đồng Nai sẽ cho xe lên chở về làm giấy! Các tổ trưởng kiểm tra chất lượng tre. Anh nào vác tre không đúng chất lượng thì nhất định không nghiệm thu, bắt phải chặt cây khác! Nắm được cả chưa?

Trong khối có tiếng đáp lẻ loi:

— Nắm được rồi!

Vài tiếng cười khúc khích. Nhưng Kiển bình thản tiếp:

— Trật tự lại! Cười cái gì? Nói đùa đấy à? Anh nào không chấp hành thì khắc biết!

Một người giơ tay phát biểu:

— Báo cáo anh. Tiêu chuẩn của chúng tôi mỗi ngày bao nhiêu?

Kiển gắt:

— Đã bảo rồi, tiêu chuẩn nuôi ăn mỗi ngày là sáu lạng gạo. Bộ đội cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Có điều lao động nhiều một tí thì mau đói. Nhưng mã ở Xuân Lộc, trên đã chiếu cố cho thăm nuôi. Ăn hết rồi hay sao? Ăn gì mà nhanh như thế? Phải khắc phục! Bây giờ mới tháng hai. Khai quang đến tháng năm thì đốt. Tháng sáu gieo hạt. Chỉ độ tháng mười hai là gặt được rồi. Lúc ấy thì tha hồ mà ăn! Rồi lại còn hoa màu phụ. Sắn với ngô, thiếu gì! Trước mắt hãng cứ tạm ăn ít độ vài tháng, đã chết được hay sao mà sợ!

Một ông già đứng phía cuối, bị bạn bè nắm một cánh tay giơ lên. Ông hoảng quá, nhưng rút xuống không kịp. Kiển hỏi:

— Anh kia muốn hỏi gì?

Ông già ấp úng đáp:

— Báo cáo anh, tôi phụ trách bộ phận anh nuôi. Gạo đong ở kho quả thực không đủ mỗi người sáu trăm gờ-ram. Lại thêm sạn và sâu nhiều quá. Đãi cho sạch thì chỉ còn chừng bốn trăm gờ-ram thôi!

Kiển lại gắt:

— Gạo của Cách Mạng chôn dưới đất lâu ngày thì tức nhiên thế nào chả có tí sạn! Vo kỹ một tí là sạch ngay. Còn một thì ăn thua gì! Ăn còn béo là đằng khác!

Dứt lời, Kiển nhe răng cười hề hề một cách hãnh diện. Một trăm sáu mươi tù nhân không ai cười theo. Kiển cụt hứng quay lại đề tài cũ:

— Lúc nãy tôi đi kiểm tra, chả thấy anh nào mài dao! Thế thì làm thế nào mà tăng được năng suất. Dao chặt một ngày là cùn rồi. Không mài thì ngày mai dùng thế nào được? Chém bùn cũng chả đứt chứ đừng nói đến gỗ đến tre!

Mọi người mệt mỏi lắng nghe, chỉ mong cho mau chấm dứt buổi sinh hoạt để vào lăn ra giường nằm nghỉ. Nhưng Kiển chưa buông tha, gã nhét cuốn sổ tay vào túi áo, rồi đột ngột gay gắt hơn:

— Các anh được nhà nước khoan hồng cho đi cải tạo, phải lấy làm phấn khởi. Lấy trúc Trường Sơn làm bút, lấy nước Nam Hải làm mực cũng chưa viết hết tội ác của các anh. Ấy thế mà Đảng lại cho các anh được tập trung cải tạo để nay mai có chỗ đứng trong lòng dân tộc, thì phải hồ hởi phấn khởi chứ! Quan hệ giữa các anh và chúng tôi là quan nệ tốt! Gặp quản giáo, vệ binh phải chào hỏi! Lời nói chẳng mất tiền mua! Các anh gặp chúng tôi mà cứ giương mắt ếch lên là thế nào? Thấy tôi sang thì hỏi một câu: "Anh sang làm việc", hoặc, "Anh sang chơi"! Mất cái gì. Tiếng chào cao hơn mấm cỗ! Câm như hến cả một lũ!

Tù nhân trố mắt nhìn Kiển ngạc nhiên. Chỉ thị công tác, kiểm điểm sinh hoạt, Kiển nói bằng giọng điềm tĩnh như một thủ tục. Chỉ riêng vấn đề chào hỏi, tự dưng gã lớn tiếng, đôi tay run run hờn giận, phơi bày rất lộ liễu mặc cảm tự ti trong lòng. Gã ngó khắp lượt rồi run run tiếp:

— Các anh tưởng là các anh học giỏi rồi các anh khinh chúng tôi phải không? Nói cho các anh biết, tuyệt đại đa số cán bộ chúng tôi đều đã học hết lớp bảy, lớp tám! Cá biệt cũng có người như tôi đã xong lớp mười, chứ chẳng phải là dốt nát như các anh tưởng đâu! Mà nói cho ngay, Mỹ Ngụy nuôi các anh ăn học, các anh đã biết được cái gì? Đẫn một cái cây máu chó chỉ độ một gang tay, cả giờ đồng hồ chưa xong! Cuốc đất giỏng khoai, các anh có giỏi hơn chúng tôi không? Học nhiều mà không lao động thực tiễn thì học để làm gì!

Kiển ngừng lại, đôi môi vẫn mấp máy vì cơn giận chưa nguôi. Trong hàng quân, Thúc nhìn Kiển tội nghiệp. Hoá ra tối nay, Kiển cho tập họp sớm hơn thường lệ mục đích chỉ để giải toả nỗi uất ức trong lòng gã. Thúc nhận ra một điều khác nhau khá rõ rệt giữa trại cải tạo Long Khánh và Bù Gia Mập. Ở Long Khánh, quan hệ giữa cải tạo viên và quản giáo là thứ quan hệ thù nghịch giữa tù nhân và cai ngục. Lên đây, trong cảnh hoang vu của núi rừng biệt lập, lũ cán bộ tự cảm thấy mình cũng chỉ là một loại tù nhân gần giống như cải tạo viên. Hay nói đúng hơn là một loại tù nhân cao cấp chỉ có quyền quản lý mà không được phép thả hay giữ! Chính vì thế Kiển muốn anh em cải tạo gần gũi với mình. Nhưng tù nhân thì có bao giờ thương cai ngục, thành ra chẳng ai nhìn thấu tâm trạng Kiển và Kiển bất đắc dĩ phải nói ra nỗi thất vọng của mình.

Trong hàng, mọi người đưa mắt nhìn nhau rồi tất cả lại hướng về An, ngầm thúc giục trưởng khối nói vài câu an ủi Kiển. Nhưng An đứng bất động, đầu hơi cúi xuống.

Kiển thở mạnh rồi bảo:

— Cho giải tán đi. Ngủ sớm, mai còn lao động!

Sáng hôm sau, sương rừng còn dày đặc, đoàn tù tấp nập nối đuôi nhau vượt cây cầu ngang suối để tiến ra hiện trường. Mỗi người một con dao trên tay, bi-đông hoặc lon ghi-gô nước đeo trên vai. Kiển đứng chờ bên kia cầu, có ý kiểm tra xem khối 2 của gã đã cải thiện quan hệ với gã sau bài diễn văn đêm qua chưa! Quả nhiên người đi đầu lên tiếng chào gã. Rồi lần lượt hơn một trăm năm mươi cái miệng cùng nhao nhao nhắc lại đúng câu mà gã đã yêu cầu:

— Anh sang làm việc!

— Anh sang chơi!

Cũng có tù nhân cẩn thận hơn, nói luôn cả hai câu một lúc cho chắc ăn:

— Anh sang làm việc hoặc anh sang chơi!

Kiển tươi như hoa, mỏi cổ gật gù đáp lễ:

— Lao động tốt nhé! Vượt chỉ tiêu lên!

Chờ mọi người qua hết, Kiển vui vẻ nhìn theo một lúc rồi vượt cầu tiến lại phía nhà bếp, gọi người lên tiểu đoàn

khiêng gạo. Hai ông anh nuôi đang rửa bí dưới suối. Kiển bước xuống, ngồi xổm trên một tảng đá, bâng quơ hỏi:

— Nấu cả vỏ hay sao?

Một người quay lại đáp:

— Vâng. Trước chúng tôi cũng gọt vỏ. Nhưng mà bí hậu cần phát ít quá, chia ra chả được bao nhiêu. Mỗi chảo chỉ có ba quả. Anh em đề nghị cứ rửa sạch, rồi nấu luôn cả vỏ lẫn hột.

Kiển ra vẻ bùi ngùi:

— Cũng tốt thôi! Chịu khó ninh cho nhừ, rồi khoắng lên, chia đều cho các tổ. Vỏ bí ngô ăn bổ. Hột cũng bùi!

Gã nhìn sang mảnh rừng bên kia suối, nheo mắt hỏi:

— Nay mai các anh phát hết miếng rừng kia đi, giồng độ mấy sào rau, có cái mà cải thiện. Hạt giống thì tôi sẽ cho. Giồng rau muống là nhanh hơn cả. Nhưng phải cái rau muống ăn nước nhiều. Khúc suối chỗ này hơi sâu, tưới vất vả!

Dứt lời, Kiển ngẩng lên, thấy thấp thoáng một bóng người đeo túi vải bước ngang cầu. Kiển cất tiếng gọi:

— Thúc đấy phải không?

Thúc cũng vừa nhìn thấy Kiển, muốn đi thật nhanh để tránh mặt, nhưng không kịp. Từ một tuần nay, Thúc được tiểu đoàn trưởng Điển giao một công tác đặc biệt, không phải ngày ngày vác dao đi phát rẫy nữa. Câu chuyện bắt đầu khá buồn cười. Một buổi trưa chủ nhật, Thúc ra phía sau nhà ngủ tập thể, ngồi tựa gốc cây, đọc lại cuốn *Tử Vi Đẩu Số*. Loại sách này dĩ nhiên bị cấm. Nhưng kỳ thăm nuôi cuối năm ở Long Khánh, người nhà của Thúc qua mặt được cán bộ kiểm tra, mang vào cho Thúc. Cuốn Tử Vi trở thành một báu vật bí mật truyền nhau trong trại cải tạo. Những người vốn say mê tử vi từ trước, những người chưa hề biết tí gì hoặc chả bao giờ tin vào số mạng, cũng năn nỉ được xem qua, bởi vì họ thèm đọc chữ, bất cứ chữ gì ngoại trừ sách Cách Mạng. Bạn bè có người đề nghị Thúc cho mướn sách. Thúc làm theo và quả nhiên chàng thu hoạch cả ký lô đường với dăm bánh thuốc lào.

Ngày chuyển trại, dĩ nhiên Thúc mang theo. Chàng hỏi thăm ngày tháng năm sinh của một trăm người trong trại, có ý lấy lá số để tổng hợp xem những sao gì đã làm cho tất cả những người ấy vào tù! Ở Bù Gia Mập, thì giờ rảnh rang rất hiếm vì tù nhân phải lao động sáu ngày rưỡi, chỉ trừ chiều chủ nhật để giặt quần áo. Trưa hôm đó, Thúc vừa mở trang sách đầu tiên thì tiểu đoàn trưởng Điển từ dãy nhà ngủ chui ra, bắt gặp. Điển hỏi:

— Anh xem sách gì thế?

Thúc giật mình hoảng sợ, nhưng chàng vốn nhanh trí, đáp liều:

— Sách thuốc Nam, thưa anh!

Điển giằng cuốn *Tử Vi Đẩu Số* từ tay Thúc, lẩm nhẩm đọc cái tựa, chăm chú nhìn mấy chữ Hán và bức hình bát quái rồi gật gù hỏi lại:

— Anh biết hái thuốc Nam?

Thúc lỡ trớn:

— Báo cáo anh, ông cụ tôi hốt thuốc đã mấy đời, thành ra tôi cũng biết qua loa.

Điển trả lại cuốn Tử Vi và vui vẻ nói:

— Thuốc Nam thì quý lắm. Chẳng cứ là các anh, ngay đến bộ đội cũng đang thiếu thuốc đây. Hôm mới di chuyển lên đây, anh bị ỉa chảy, khỏi hẳn chưa?

— Khỏi rồi anh.

— Uống thuốc gì mà khỏi?

Thúc lại cương ẩu:

— Tôi hái ít lá thuốc mọc hoang, sắc lên uống!

Điển hài lòng:

— Ừ. Tốt!

Điển nói thêm dăm ba câu khuyến khích Thúc rồi hân hoan bỏ đi. Thúc ngồi thừ người, lắc đầu nhìn theo. Một người bạn bảo Thúc:

— Sao mày không lấy cho nó một lá số, xem nó có sao gì mà ngu vậy!

Từ đó, hễ ai hỏi mượn cuốn Tử Vi của Thúc, họ đều bảo là "cho tao mượn cuốn sách thuốc".

Mấy hôm sau, trưởng khối tìm Thúc, bảo Thúc lên văn phòng tiểu đoàn gặp Điển có việc cần. Lên văn phòng, trong trí tù nhân, luôn luôn dữ nhiều lành ít. Thúc rất hoang mang, vừa mặc áo vừa ngẫm nghĩ. Lý lịch của chàng tương đối đơn giản, chẳng có gì phải điều tra thêm. Quá trình chống phá Cách Mạng cũng không đậm nét so với những người khác. Chàng chỉ có cái tội nghịch ngợm, nhiều phen làm quản giáo Tuất ở Long Khánh nổi điên bắt chàng viết tự kiểm và lao động thêm giờ liên miên. Lần làm bản tự khai cuối cùng, ở mục "thân nhân Cách Mạng", Thúc khai: "Nguyễn văn Út, chiến sĩ trinh sát, cháu của em ruột chị dâu tôi!"

Quản giáo Tuất đọc bản tự khai của Thúc, nghiềm ngẫm mãi không tìm ra mối quan hệ gia đình giữa Thúc và Nguyễn văn Út. Gã gọi Thúc lên và hỏi:

— Anh khai anh có thân nhân Cách Mạng là đồng chí Nguyễn văn Út, chiến sĩ trinh sát. Đồng chí ấy là thế nào với anh?

Thúc cố gắng nhịn cười:

— Báo cáo anh, tôi đã khai thật rõ. Ông ấy là cháu của em ruột chị dâu tôi!

Quản giáo Tuất nheo mắt, ngoẻo đầu suy nghĩ, rồi hỏi lại:

— Thế nghĩa là thế nào? Không cụ thể!

Thúc diễn nôm:

— Thưa là thế này: Anh tôi lấy bà Nguyễn thị Loan. Bà Loan có người em tên là Phương. Cô Phương có người cháu tên là Nguyễn văn Út theo Cách Mạng!

Quản giáo Tuất chợt hiểu ra. Gã nạt:

— Thế thì tại sao anh không nói ngay đồng chí Út là cháu của chị dâu anh, mà lại khai là cháu của em ruột chị dâu anh? Định trêu tôi đấy phỏng?

Thúc vẫn điềm tĩnh:

— Thưa anh không được! Là vì chị dâu tôi với cô Phương lại là chị em cùng cha khác mẹ. Ông Út là bà con phía mẹ cô Phương, nên không dính dáng gì đến chị Loan tôi!

Tuất đờ người một lúc, mặt ngơ ngơ như chưa hiểu rõ. Rồi bỗng gã đập bàn quát:

— Thế thì đồng chí Út có quan hệ gì với anh đâu! Chị dâu anh còn chả có họ hàng gì với ông ấy, huống hồ là anh! Tại sao anh dám khai vào đây?

Thúc làm bộ ngơ ngác:

— Hôm trước tôi nhớ anh có dặn là hễ ai có thân nhân Cách Mạng, dù xa hay gần cũng đều khai báo để trên cứu xét!

Tuất cầm bản tự khai của Thúc, nhét vào ngăn tủ và đứng dậy, hầm hầm ra lệnh:

— Thôi, đi về!

Hôm sau Thúc lại được lệnh lên văn phòng công tác. Quản giáo Tuất chỉ thị Thúc chặt hết giàn bầu, xới đất, bón phân, đào lỗ để trồng mướp. Thúc cầm cái cuốc, ngắm nghía giàn bầu rồi hỏi lại:

— Bầu đang tốt thế này, sao anh lại chặt bỏ?

Tuất nhìn Thúc khinh bỉ:

— Anh biết cái gì mà nói! Đầu mưa giồng mướp, cuối mưa giồng bầu! Bầu mà gặp mưa thì làm gì có quả!

Thúc quả quyết:

— Có chứ anh! Nếu mình biết cách thì dù là mùa mưa, bầu vẫn ra trái như thường!

Tuất trố mắt nhìn Thúc ngờ vực. Gã nói:



— Bộ đội chúng tôi giồng bầu bí quanh năm, lại không biết hơn các anh à? Mưa xuống mà bầu có quả thì chỉ có phép lạ thôi! Chặt đi, rồi giồng mướp!

Thúc gật đầu nhấn mạnh:

— Tôi cá với anh, anh cứ để giàn bầu này đây. Tôi có cách làm cho nó có trái. Khỏi mất công trồng mướp!

Tuất hơi ngạc nhiên, nhưng trong đầu ngờ ngợ đoán là Thúc lười lao động, lấy cớ hoãn binh để được nghỉ. Vả lại, Tuất vừa bị Thúc chơi một vố về vụ "thân nhân Cách Mạng" nên gã không thể tin Thúc được. Gã nghiêm mặt:

— Nếu tôi để lại, mà bầu không có quả nào thì anh làm sao với tôi?

Thúc tỉnh bơ đáp:

— Tôi tự nguyện cải tạo thêm một năm nữa!

Tuất xua tay:

— Không được.

Gã toan buột mồm tiết lộ là việc cải tạo thêm hay bớt không thuộc quyền của gã hay Thúc, mà là chính sách chung của nhà nước. Nhưng gã kịp ngừng lại. Gã hoan hỉ nói:

— Được rồi. Tôi đánh cuộc với anh. Nếu bầu ra quả, thì tôi cho anh vặt hết về mà ăn. Còn nếu không ra quả...

Thúc ngắt lời:

— Tôi nộp anh một trăm đồng!

Tuất sáng mắt mừng rỡ, nhưng vội quay nhìn chỗ khác. Lúc này, tiền mới đổi. Một trăm bạc là cả một số vốn khổng lồ. Tuất vui vẻ bảo Thúc:

— Thôi được rồi. Anh về nghỉ đi! Cứ như thế! Anh không tin tôi, chờ mùa mưa rồi khắc biết!

Thúc trả lại cây cuốc và trở lại phòng ngủ. Bạn bè nhìn Thúc ngạc nhiên vì thấy Thúc vừa bị gọi lên mới nửa tiếng đã xong công tác! Chàng kể đầu đuôi cho bạn bè nghe rồi cả quyết:

— Phen này nó thua tao là cái chắc!

Một người tiếc rẻ:

— Lấy bầu của nó làm gì? Nếu nó thua, bắt nó mua cho mấy ký đường nấu chè!

Thúc gật đầu:

— Từ từ. Nó còn bị tao chơi dài dài!

Rồi mùa mưa đến, Tuất hồi hộp lắm. Suốt ngày ngó ra giàn bầu xem nụ hoa có kết thành quả nào không. Mỗi lần nhìn thấy Thúc lúi húi dưới giàn bầu, mặt mũi đăm chiêu lo lắng, Tuất ngồi trong văn phòng cười thầm, chờ chiến thắng. Buổi tối, sau bữa cơm, Thúc và một người bạn thả bộ ra giàn bầu, chấm nhụy đực sang hoa cái, thay cho loài bướm cánh trắng vẫn làm công tác tự nhiên này mà chỉ vì gặp mưa, chúng không xuất hiện nữa. Tuất hoàn toàn không biết nguyên tắc ấy, cứ yên trí một cách đơn giản rằng hễ mưa xuống là bầu không kết quả. Câu chuyện đánh cá giữa Tuất và Thúc được truyền rao trong cả tiểu đoàn. Bộ đội có đứa lo lắng đề nghị với Tuất:

— Mình cứ rình thật kỹ. Hễ nhú ra quả nào là mình vặt béng đi! Nó biết đấy là đâu!

Tuất nói cứng:

— Ra quả thế chó nào được mà phải rình với rập! Cha sinh mẹ đẻ đến giờ, có bao giờ bầu ra quả mùa mưa!

Tuy bề ngoài phát ngôn chắc nịch, nhưng Tuất cũng hơi lo và cũng đã có lúc thoáng nghĩ đến phương án hái trộm để phi tang. Nhưng chính gã lại sợ rằng Thúc cũng ngày đêm theo dõi, và rủi ro bắt được quả tang gã hái trộm quả non thì chẳng còn mặt mũi nào mà vênh váo với đám cải tạo.

Đến ngày giàn bầu nhú ra một loạt trái non, Tuất dẫn đám quản giáo và vệ binh ra chứng kiến, há mồm kinh ngạc kêu lên:

— Tài thật! Cứ tưởng nó nói đùa, hoá ra nó tài hơn cánh mình!

Có gã còn xuýt xoa:

— Mà đồng chí xem này, sai quả hơn cả mùa nắng nữa chứ lị! Phen này trợ lý kỹ thuật nhà mình đến phải xin đi học bồi dưỡng thêm dăm khoá nữa!

Những quả bầu lớn dần, kéo theo sự bàn tán không ngớt của đám vệ binh. Tuất mò xuống dẫy nhà ngủ tập thể tìm Thúc. Từ hôm bầu ra quả, Thúc sợ Tuất xấu hổ nên luôn luôn tìm cách lánh mặt. Không ngờ Tuất lại xuống tận nơi, thân mật ngồi hút thuốc lào với Thúc và vui vẻ bảo:

— Ông có mẹo gì mà bầu ra nhiều quả thế?

Giọng Tuất hơi ngượng ngùng nhưng Thúc lên tiếng thân tình ngay để Tuất đỡ mặc cảm:

— Có gì đâu anh! Giống bướm cánh trắng chuyên truyền nhụy vào mùa nắng. Đến mùa mưa thì chúng biến mất. Thành ra tự tay mình phải chấm nhụy hoa thay cho bướm. Cũng có thể không cần phải chấm nhụy, nếu có gió lớn. Nhưng mùa này ít gió, lại hay bị mưa làm trôi đi. Cho nên muốn chắc ăn, chính tay mình phải làm.

Tuất gật gù lắng nghe. Thúc lại thêm:

— Cây mướp cũng thế. Khi mướp già, hết quả, cũng đừng chặt bỏ. Chỉ việc rạch vào gốc cho nhựa chảy ra. Mướp lại có quả như thường. Người ta gọi là hiện tượng xuân hoá!

Từ đó, Tuất bắt đầu có cảm tình với Thúc. Triệu cũng nhìn ra điều đó, cho nên mỗi khi lên báo cáo tư tưởng anh em trong tổ, Triệu lờ hẳn Thúc đi, mặc dù Thúc vẫn là người phát ngôn linh tinh nhất.

Lên đến trại Bù Gia Mập, Thúc lại được cảm tình của quản giáo Kiển vì chàng vốn nhanh miệng mà Kiển thì lúc nào cũng mang mặc cảm tự ti, nên rất mong tù nhân niềm nở với mình. Hôm Thúc khỏi bệnh, bị phân công đi vác nứa. Bạn bè khuân từng bó lớn nặng trĩu trên vai, trong khi Thúc chỉ vác vỏn vẹn có hai cây. Quản giáo Kiển chặn lại phê bình:

— Vác như anh thế này thì đi từ đây về thành phố Hồ Chí Minh cũng được!

Thúc thở hồng hộc, giọng nói đứt quãng:

— Báo cáo anh, từ bé đến giờ tôi chưa lao động ngày nào. Chính vì thế Cách Mạng còn phải kiên trì giáo dục tôi để tôi trở thành người lao động tiên tiến!

Nhìn nét mặt khẩn khoản của Thúc, Kiển hài lòng gật đầu:

— Thôi được rồi! Anh mới ốm dậy thì vác như thế cũng là được. Nhưng phải phấn đấu lên!

Thúc cười thầm, kính cẩn chào Kiển và bước đi. Một tuần sau thì Điển gọi lên văn phòng. Thúc nghĩ ngay đến Triệu và tự hỏi phải chăng khối cũng chàng lại vừa mọc ra một gã ăng-ten chuyên lén lút báo cáo bạn bè giống như ngày còn ở Long Khánh?

Bước vào văn phòng, Thúc thấy Điển đang ngồi đọc văn thư bên cạnh ấm nước trà và mấy cái cốc thủy tinh cáu ghét. Củ khoai luộc đặt trong chiếc dĩa nhôm bốc hơi nóng nhè nhẹ trước mặt Điển. Thúc ho nhẹ một tiếng. Điển ngẩng lên, buông tờ giấy và nói:

— Này! Định bàn với anh cái này. Lập cho tiểu đoàn một tủ thuốc Nam, có được không?

Thúc chới với nhìn Điển. Điển chỉ cái ghế dài kết bằng mấy ống nứa kê sát vách, bảo Thúc ngồi rồi tỉ mỉ trình bày kế hoạch:

— Tiểu đoàn sẽ bố trí cho anh hai người, kéo nhau vào rừng, gặp cây thuốc nào thì bứng về giồng. Cho anh hẳn một mẫu đất ở bờ suối. Thuốc Tây thì dứt khoát là trung đoàn không đủ cung cấp, ngay cả bộ đội cũng không có chứ đừng nói đến cải tạo viên. Thành ra mình phải tự phát huy sáng kiến. Anh giỏi về thuốc Nam, ta triển khai mặt ấy, để cả trại có thuốc mà chữa bệnh!

Đôi mắt Điển nhìn Thúc tha thiết, tỏ vẻ tin tưởng tuyệt đối ở khả năng lương y của chàng. Thúc không biết nói sao. Chỉ vì cuốn *Tử Vi Đẩu Số* cho nên mới gây ra nông nỗi này! Chàng ú ớ đáp:

— Báo cáo anh, mấy hôm đi phá rừng tôi đã để ý, hầu như chưa gặp cây thuốc nào!

Điển nghiêng đầu chì chiết:

— Thử để ý lại xem!

Để ý cái gì bây giờ! Thúc có biết cây nào là cây thuốc đâu! Hoạ chăng chỉ có hà thủ ô người ta uống để bổ thận, mà đi tù thì không cần bổ thận! Chàng định tìm cách thoái thác thì Điển chỉ thị:

— Từ mai bắt đầu tiến hành công tác. Anh xem trong khối, khối nào cũng được, có ai giỏi nghề thuốc thì cho tôi biết, tôi sẽ bố trí đi theo anh!

Thúc miễn cưỡng hỏi:

— Anh Kiển có biết anh giao công tác cho tôi chưa?

Điển hiểu ý Thúc, vội gật đầu:

— Tôi đã hội ý với ông ấy rồi... Thôi, anh về trại đi.

Từ hôm ấy, Thúc trở thành ông lang bất đắc dĩ. Ngày ngày, khi bạn bè vác dao vào rừng, chàng cũng đeo túi vải lên đường, dù không biết đi đâu và đi để làm gì. Chàng thường lên ngọn đồi cao, tìm một chỗ vắng, nằm đọc sách Tử Vi rồi ngủ luôn tại chỗ cho đến khi mặt trời đứng bóng, mò về ăn cơm với bạn bè rồi lại đi tiếp. Tiêu chuẩn nuôi ăn vốn èo uột, gặp thời kỳ lao động nặng, tù nhân càng cảm thấy thiếu hụt hơn. Thúc có ý dùng thì giờ rảnh rỗi, lần mò kiếm thêm chút gì về cho mình và cho bạn cùng mâm, nhưng rừng Phước Long tuy xanh tốt mà chỉ toàn là cây, không có trái. Gặp lá gì, Thúc cũng hái và nhai thử. Hễ thấy chua là mang về nấu canh. Cũng may là chưa ai trúng độc!

Bây giờ thì Thúc đã chán ngấy cái nghề đi tìm thuốc. Tuy nhàn hạ nhưng quá cô đơn. Buổi sáng, mọi người ra hiện trường từ lúc trời còn sương. Thúc nấn ná ngồi ở trại cho đến khoảng 9 giờ mới lên đường. Điển ít khi xuống trại và dường như cũng quên hẳn công tác của Thúc. Chỉ có Kiển tuy gặp Thúc luôn nhưng xem chừng cũng không mấy tin tưởng ở khả năng của Thúc. Sáng nay tình cờ gặp Thúc, Kiển kêu chàng xuống bờ suối và hỏi:

— Thuốc thang thế nào rồi?

Thúc lúng túng:

— Báo cáo anh, khu rừng này hình như không có cây thuốc nào mọc được!

Kiển nhấn mạnh:

— Thì tôi đã bảo rồi! Thuốc khai quang của Mỹ nó đổ xuống đây hàng bao nhiêu tấn, cây nào mà mọc được nữa. Giống ấy quỷ lắm. Nó cũng biết là bộ đội cần thuốc. Cho nên nó chế ra thứ thuốc khai quang để diệt cho sạch các cây thuốc Nam của mình!

Thúc mừng rỡ:

— Thành ra cả tháng nay tôi chẳng tìm ra được cây thuốc nào! Tốn bao nhiêu thì giờ!

Kiển ngẫm nghĩ một lúc rồi vẫy tay:

— Anh lên tiểu đoàn với tôi! Từ mai không phải đi hái thuốc nữa!

Hai người sánh vai qua khu sân rộng. Những gốc cây còn lởm chởm đâm lên. Vài nhánh lá non cố sức vươn mình dưới ánh nắng xiên buổi sáng. Qua trạm xá, Kiển đứng lại. Ông bác sĩ cải tạo đang bận rộn với bệnh nhân cứ mỗi ngày một gia tăng. Kiển bước vào, nhìn một ông già và hỏi:

— Mặt mũi làm sao mà sưng vêu lên thế này?

Ông bác sĩ đáp:

— Anh ấy bị ong đốt.

Quay sang người bên cạnh, Kiển hỏi:

— Còn ông này?

— Anh ấy đốn tre, cây tre rớt xuống, đâm vào bàn chân.

Một bệnh nhân khác nằm trùm mền rên hừ hờ ở góc nhà. Kiển tiến lại lật tấm chăn lên:

— Ốm thế nào đây?

Bác sĩ đáp:

— Thưa, sốt rét.

Kiển lớn tiếng:

— Sốt rét thì việc gì phải nghỉ. Cứ đi lao động với người ta. Hễ lúc nào lên cơn thì nằm tạm xuống mà nghỉ. Chỉ độ nửa giờ, hết cơn sốt thì lại lao động như thường.

Ông bác sĩ đưa mắt nhìn Thúc không nói, chỉ khẽ lắc đầu cười. Kiển bước ra, tiến nhanh về phía văn phòng tiểu đoàn. Nhưng tới đầu cầu, gã đổi ý bảo Thúc:

— Anh về khối chờ tôi dưới ấy. Lát nữa tôi sẽ xuống bố trí công tác mới cho anh.

Thúc mừng rỡ thả bộ về. Hai dãy nhà ngủ vắng hoe, không một bóng người. Thúc lần ra phía sau. Những căn chòi nhỏ do từng nhóm bốn năm người dựng lên làm chỗ ăn cơm, nấu trà, cái đâm ra, cái thụt vào, rất tạm bợ. Thúc vào phòng ngủ cất đồ đạc rồi vòng ra sau bếp định nấu ấm trà lát nữa đem ra rừng cho người bạn cùng mâm. Bỗng nghe tiếng gọi tên mình, chàng nhìn dáo dác rồi chạy sang chòi bên cạnh và ngạc nhiên kêu lên:

— Ủa! Cường. Ông làm gì mà bữa nay ở nhà?

Cường lắc đầu cười:

— Công tác cho tiểu đoàn trưởng Điển. Ông coi...

Thúc ngồi xuống, cúi đầu nhìn. Trên chiếc bàn nhỏ kết bằng nan tre có lót một tấm ván mỏng, bức hình trắng đen của Điển mặc đồ bộ đội mang quân hàm đại úy, mặt mũi rất khẩn trương! Nhìn bức ảnh, Thúc liên tưởng ngay đến những đám tang, thân nhân người quá cố thường trịnh trọng cầm bức hình chụp đi trước quan tài, giống như tấm hình của Điển đang đặt trước mặt Cường. Cường tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật, mới gia nhập hội Hoạ Sĩ Trẻ tại Sài gòn, đang chuẩn bị triển lãm thì mất nước. Hai người chung tổ từ ngày còn ở Long Khánh nên khá thân nhau. Cường bảo Thúc:

— Tôi là thằng chuyên vẽ hí hoạ, mà nó đưa cho tôi tấm hình như thế này thì vẽ thế chó nào được!

Thúc ngồi xuống, nâng ly trà của Cường, nhấp một ngụm nhỏ rồi hỏi:

— Nó bảo ông phóng lớn ra hay sao?

— Phóng lớn thì cũng đỡ khổ! Nó bắt tôi tô màu mới chết chứ! Hình trắng đen, mặc đồ bộ đội mà bắt tô màu!

Thúc phì cười:

— Công tác của ông cũng khó ngang với công tác đi hái thuốc của tôi!

Cường trợn mắt:

— Khó hơn nhiều chứ! Nó dặn tôi hai ba lần là phải vẽ thêm cái cà-vạt! Hỏi ông, đồ bộ đội mà thắt cà-vạt thì chỉ có các dân tộc ít người mới ăn mặc như vậy! Rồi quân hàm đại úy thì bắt tôi phải tô màu vàng và vẽ mái tóc cho dài hơn một chút!

— Màu ở đâu ra?

— Nó đưa cho tôi. Ông nhớ hồi còn ở Long Khánh, tôi đã phải vẽ chân dung quản giáo Tuất với quản giáo Đẩu. Nhưng mà vẽ hai thằng đó thì tương đối dễ, chỉ cần nhận ra cái đặc điểm trên khuôn mặt chúng nó là xong ngay. Mà đặc điểm của cả hai thằng là răng hô, nên quá dễ! Tôi không ngờ ông nội Điển này lại bắt tôi làm cái trò này!

Thúc nhìn nét mặt đau khổ của Cường, trấn an:

— Kệ mẹ nó! Nó muốn thì cứ làm. Vẽ thêm cho nó bộ râu nữa cho giống bác Hồ!

Rồi chàng đứng dậy:

— Tạm dẹp qua một bên. Tôi còn ít cà-phê. Để tôi đun nước làm một chầu cà phê đã rồi tính.

Cường nhét tấm hình của Điển vào túi áo. Thúc chui vô bếp nhóm lửa. Nhưng ấm nước chưa sôi đã nghe tiếng léo nhéo của Kiển từ ngoài sân:

— Anh Thúc có trong ấy không nhỉ?

Thúc thở dài đứng dậy, nói lớn:

— Tôi đây anh.

Kiển gọi Thúc ra và dặn:

— Chốc nữa anh xuống bếp, phụ với hai anh hậu cần gánh cơm ra hiện trường cho anh em ăn ở ngoài ấy. Hôm nay làm thông tầm, không được về nghỉ trưa. Từ đây ra đến chỗ ấy gần hai cây số, đi đi về về tốn nhiều thì giờ quá. Anh với hai anh hậu cần chỉ gánh độ hai chuyến là xong. Mười một giờ bắt đầu gánh là vừa!

(còn tiếp)

lộ trình

Buổi sáng em đi anh còn ngái ngủ
Tiếng con chào như tiếng vọng rừng khuya
Lúc anh trở về, mẹ con đang tỉnh giấc
Thèm nói một câu như im lặng trước giờ

Thèm viết một câu như nỗi lòng bỏ ngỏ
Những cánh tay êm gối lại đời hồng
Những quấn quít thuở hương nồng chăn gối
Tan biến vô cùng hạt lệ đầm sương

Anh thức giấc giữa trưa ngày đứng bóng
Mặt trời cao vẫn nắng rọi vô hình
Con đâu đó trong giờ ngưng luyện tri
Em có nghe đường xa hút lộ trình!

Anh vẫn muốn nhìn đời rất ngay ngắn
Trục huyền không xiêu lệch cả tâm hồn
Ôi lượng cả tình còn bao dâng hiến!
Mai xa rời xin trả lại phù vân

Chung con phố mà đời đi lạ quá!
Ở một nhà xui kẻ sớm người trưa
Thà xứ sở là quê mình thương nhớ
Biết về đâu hỡi mái ấm vui đùa.

hoàng xuân sơn





Thạch Kiếm

Tự Tỉnh

phóng-tác



TẬP BỐN : PHONG

(tiếp theo)

DƯỚI TRĂNG HỘI NGỘ

Đợi một lúc lâu, sau khi thấy Cát Xuyên Mộc đã đi khuất, Thạch Đạt Lang mới từ trong chỗ nấp chui ra. Hắn rất vừa ý vì đã tìm cách tránh được Cát Xuyên Mộc, một người theo ý hắn vừa giảo quyệt vừa tàn bạo. Thạch Đạt Lang có cảm tưởng gã thanh niên này chỉ lợi dụng sự tranh chấp giữa hắn với phái Hoa Sơn để mưu lợi riêng, chứ không chủ ý thực tâm dàn xếp. Con người giả nhân giả nghĩa ấy không hợp với tính tình ngay thẳng của hắn.

Có lẽ Cát Xuyên Mộc tưởng hắn phải quỳ gối xin giúp đỡ khi biết tin toàn phái Hoa Sơn hợp lực đánh hắn. Hoặc hắn sẽ phải trốn chạy không dám đến. Nếu quả thế thì Cát Xuyên Mộc lầm lắm.

Mạng sống rất quý, mất đi không lấy lại được. Đại Quán đã nói với hắn nhiều lần, nhưng sống hèn nhát vô ích, thì có khác gì chết. Kiếp người hai mươi năm hay bảy mươi năm chẳng quan hệ, vì nó có nghĩa gì đâu trong cái vô tận của thời gian? Điều quan hệ chính là lưu lại một chút gì trong lòng người và trong lịch sử dân tộc.

Thạch Đạt Lang nghĩ thế và đã chọn kiếm đạo. Hắn muốn sống như một kiếm sĩ và sẽ chết như một kiếm sĩ. Con đường tuy cam go nhưng thích thú vô cùng, cho nên không có vấn đề bỏ trốn hay cầu xin giúp đỡ. Hắn đến chỗ hẹn với lòng ngay thẳng, vô úy của một kẻ cầm kiếm vững tin ở sức mình.

Điều quan tâm hiện tại của Thạch Đạt Lang là làm sao giảm bớt được nguy cơ bị tấn công ở nhiều mặt. Nhớ lại những điều đã học trong binh pháp, khi một nhóm nhỏ phải đương đầu với một lực lượng mạnh và đông gấp bội, Yếu tố bất ngờ là yếu tố sinh tử. Phải đánh nhanh và mạnh vào chỗ nhược của địch rồi rút lui tức khắc trong lúc địch hoảng hốt và hàng ngũ còn rối loạn.

Như viên tướng duyệt lại địch tình trước khi lâm trận, hắn dàn ra trong óc tất cả những điều đã thu thập được trong ngày hôm trước, sau khi đi thăm địa hình các nơi lân cận.

Có ba sơn lộ dẫn đến đồi Sinh Minh. Cả ba lộ dài tương tự như nhau và đều tụ lại dưới gốc cổ tùng trên đường đi Quan Lĩnh. Sơn lộ dễ đi nhất là sơn lộ Cát Xuyên Mộc vừa tới.

Nhưng ngoài những sơn lộ ấy lại còn một đường mòn nữa, hiểm trở hơn, đi vòng lên phía đỉnh núi. Đường này không dẫn tới gốc cổ tùng, theo lời chủ quán nói, mà mất hút ở sườn núi đá ngay trên ngọn cây. Đường bỏ hoang đã lâu ngày, nhiều đoạn đá lở ngổn ngang, có chỗ phải bám vào dây leo đánh đu như vượn mới qua được.

Trong cuộc tranh thắng sắp tới, nếu muốn đoạt yếu tố bất ngờ, hiển nhiên phải dùng đường ấy. Không chần chừ, Thạch Đạt Lang rẽ ngay sang hướng núi đá, nhanh như một con sóc.

Qua đồi Kagura, hắn vòng sau một ngôi cổ mộ, rồi theo hướng bắc đi thẳng mãi. Xuyên qua khu rừng trúc sum sê che kín cả ánh trăng, bên một làng nhỏ sơn cước, Thạch Đạt Lang đến chân núi đá. Bên kia sườn núi là hướng đi Quan Lĩnh. Theo lời chủ quán, vào những hôm trời quang, nếu đứng ở trên cao, có thể nhìn thấy cây cổ tùng cành xoè ra như cái tán.

Thạch Đạt Lang ngồi nghỉ một lúc, đưa mắt định hướng rồi bắt đầu lên núi. Qua hàng phong thưa, mặt nước một cái hồ nhỏ dưới chân phản chiếu ánh trăng lóng lánh như gương. Càng lên cao, mặt hồ càng bị che lấp rồi khuất hẳn sau những tàn cây. Dòng sông Kamo hiện ra, trắng như bạc, uốn éo tựa giải lụa chạy dài đến tận chân trời và mờ dần trong làn sương trắng đục.

Thạch Đạt Lang có cảm tưởng đang nắm cả địa hình vùng phụ cận cố thành Kyoto trong lòng tay. Nếu trăng cứ sáng như thế này, khi sang bên kia sườn núi, hắn hy vọng có thể bao quát được hết địa thế và chú ý một chút, biết được những chỗ nào đối phương mai phục. Tỷ như tướng Ưng Điền trong trận đánh danh tiếng Okehazama, Thạch Đạt Lang đã chọn con đường hiểm trở đến tấn công thay vì con đường dễ đi rộng rãi.

Tiếng chân đạp lá khô và ánh lửa đuốc thấp thoáng khiến Thạch Đạt Lang đề phòng, nhảy đến thu hình sau một gốc phong. Một người đứng tuổi, ăn mặc ra lối gia nhân nhà quý tộc chậm chạp vạch cây đi tới, tay trái cầm bó đuốc đã lụi, tay kia: một con dao phát. Mắt gã đảo nhìn tứ phía, mặt nhem nhuốc khói đuốc thông, quần áo ướt nhẹp.

— Đi đâu?

Tiếng quát của Thạch Đạt Lang làm gã gia nhân giật nẩy mình, suýt đánh rơi cả đuốc. Thấy một thanh niên cao lớn hiện ra, lão kêu khẽ nửa vui mừng, nửa kinh ngạc:

— Thạch... Thạch Đạt Lang? Tráng sĩ có phải là Thạch Đạt Lang ở Miyamoto không?

Thạch Đạt Lang trừng trừng nhìn lão, nghi ngờ. Ánh đuốc rọi vào làm mắt hắn đỏ như hổ phách. Nhìn ánh mắt dữ tợn ấy, gã gia nhân kinh hãi quỳ mọp xuống.

— Ngươi là ai?

— Dạ... dạ... tiểu... tiểu.. tiểu nhân...

— Đừng lắp bắp. Ngươi là ai, nói mau!

— Tiểu... tiểu nhân phục vụ trong dinh tướng công Lưu Cát.

— Vậy được! Chớ sợ! Ta chính là Thạch Điền Đạt Lang ở Miyamoto.

Đêm khuya, ngươi lên núi làm gì?

— Vậy... vậy tráng sĩ đúng là Thạch Điền Đạt Lang!

Nói xong, vứt cả đuốc và dao, ù té chạy ngược trở lại đường cũ xuống núi, trước sự ngạc nhiên của Thạch Đạt Lang.

Tiếng chân đạp lá khô và cành gẫy xa dần. Lát sau mới nghe tiếng gọi:

— Cổ Lâm! Ngươi ở đâu đó?

— Ở đây, dưới này! Sao ông lại trở lại?

Không phải tiếng Cổ Lâm, một gia nhân khác của Lưu Cát, mà là tiếng thằng Giang.

— Giang đấy hả?

— Vâng!

— Lên ngay đây, mau lên!

— Dốc lắm! Mà nhiều gai, không đi được!

— Nhanh lên! Ta đã tìm được Thạch Đạt Lang. Không tới mau, hắn đi mất.

Giang dìu Oa Tử trên đường núi dốc ở phía dưới, thấp hơn đến hai, ba trượng. Phải một thời gian sau, hai cô cháu nàng mới khó nhọc leo lên được ngang tầm đứng của lão gia nhân. Nàng thở hổn hển, gương mặt trắng bệch như sáp. Giang đốt ngọn đuốc mới, sắc diện nàng hồng thêm đôi chút. Oa Tử ôm ngực nói:

— Ông có chắc đã gặp Thạch Đạt Lang không?

— Chắc. Chính Thạch Đạt Lang xác nhận mà, lầm thế nào được! Nếu cô nương không đi nhanh, hắn rẽ sang đường khác mất thì uổng công!

— Phía nào? Giang hỏi.

— Trên núi, cách chỗ này không xa lắm. — Lão gia nhân vừa nói vừa cầm đuốc chỉ— Còn Cổ Lâm đâu?

— Ông ấy đi hướng khác. Hay trở về rồi cũng nên.

Dáng điệu bị khích động rõ rệt, Oa Tử lẩy bẩy vịn vào vai Giang, giục:

— Mau lên em!

Mấy bữa nay, bệnh của nàng không thuyên giảm. Lúc nào Oa Tử cũng hâm hấp sốt và không ăn uống gì. Nhưng khi nghe tin Thạch Đạt Lang sắp giao đấu với Hoa Sơn, nàng không chịu nằm yên, nhất định đòi đi gặp người yêu. Oa Tử bắt Giang dẫn lên ngỏ lời cảm tạ và từ biệt Lưu Cát tướng công rồi lui về phòng sửa soạn hành trang. Lưu Cát ngăn thế nào cũng không được, đành phải phái gia nhân đi các ngả tìm Thạch Đạt Lang và hộ tống nàng.

Cả đêm, Oa Tử không ngủ. Mới canh ba nàng đã sẵn sàng: tóc bới cao, áo chẽn, dép cỏ, kèm theo một chút lương khô và nước uống. Nàng đánh thức Giang dậy, rồi cả hai cô cháu khập khiễng dìu nhau trên sơn đạo đi Quan Lĩnh.

Đêm khuya, trời cao trong vắt và buốt lạnh làm run rẩy đôi vai gầy người thiếu nữ cô độc. Sức mạnh nào đã giúp Oa Tử qua được những khó khăn trên sơn đạo? Trong cái cơ thể nhỏ bé, đau yếu ấy, không ngờ mối tình u uẩn nhưng mãnh liệt đã trở thành sức mạnh giúp nàng không quỵ ngã ở dọc đường.

Đầu giờ dần, Oa Tử và Giang tới được chân núi.

— Cô nhắm chừng leo được không? Giang lo lắng hỏi.

Oa Tử không đáp, chỉ gật. Mắt nàng sáng lên vì hy vọng, nhưng môi nàng khô và mồ hôi rỏ giọt trên da mặt tái ngắt. Người gia nhân già bảo:

— Qua khỏi chỗ này thì đường bằng phẳng dễ đi hơn. Cô nương hãy ngồi nghỉ một lát đã.

Nàng lắc đầu, chống gậy cả quyết bước tới. Giang bắc tay lên miệng làm loa, gọi lớn:

— Thạch sư phụ! Con đây! Thầy đợi con!

Tiếng Giang non yếu nhưng cũng vang động cả khu rừng vắng làm phấn khởi lòng người thiếu nữ. Trèo được một quãng, Giang thấy tay Oa Tử vịn trên vai nó càng lúc càng nặng. Quay lại nhìn, Oa Tử xem chừng không kham nổi nữa. Dưới ánh trăng, da mặt nàng nhợt nhạt. Nàng thở hổn hển:

— Gi... Giang...

Cây gậy rời khỏi tay, Oa Tử ngã chúi xuống vệ đường, mặt úp sấp. Đến khi Giang đỡ được Oa Tử dậy, một dòng máu từ khoé miệng nàng chảy ra, đen sẫm trên khuôn mặt trắng bệch. Thằng bé lo sợ cuống quýt:

— Cô Oa Tử! Cô làm sao thế?

Nó lấy tay quệt máu:

— Cô thổ máu rồi đây này! Trời ơi! Cháu đã bảo cô đừng đi mà!...

— Giang... Giang... để cô nằm...

Nói xong, mắt nhắm nghiền. Giang cuống cuồng, lấy tay đập vào lưng Oa Tử.

— Cô Oa Tử! Tỉnh dậy đi! Tỉnh dậy đi!

Oa Tử lờ đờ mở mắt. Trên đôi môi tái nhợt, phác một nụ cười héo hắt. Giang cúi xuống gần mặt nàng:

— Cô muốn gì không?

Oa Tử không nói, mắt mở trừng trừng, nụ cười như đóng băng lại trên môi. Trong cơn hôn mê, nàng tưởng trông thấy một cảnh gì tươi đẹp lắm ở xa tít, bên kia một con sông sương khói phủ mờ mờ. Đột nhiên cảnh sông biến mất, Oa Tử giật mình vẳng nghe tiếng Giang hỏi:

— Cô uống nước nhé?

Oa Tử khẽ chớp mắt. Giang gỡ ống tre đeo bên sườn ra, nhưng thật không may, trong ống không còn một giọt nước. Nó để túi hành trang trên cỏ, đặt đầu Oa Tử lên, rồi bảo:

— Cô nằm tạm đây, cháu đi kiếm nước.

Giang lắng tai nghe. Hình như có tiếng suối róc rách. Nó xách ống đi về phía ấy, quả nhiên chẳng bao lâu thấy một dòng nước nhỏ lẩn trong các bụi cây cành lá rậm rạp. Dòng nước trong veo đổ lên những viên sỏi tròn, trắng phau, đến một chỗ phẳng chảy tràn ra thành vũng. Mặt nước long lanh in màu nền trời xanh bạc, trong và sáng vô cùng, đẹp hơn cả nền trời chính thức ở trên kia.

Giang để ống tre sang bên. Trước khi múc nước, nó thèm uống một vài ngụm, bèn quỳ gối trên cỏ, chống hai tay, vươn cổ dài ra.

Mặt nước xao động. Bóng những thân cây rung rinh vỡ thành những vệt ngang trên tấm gương sáng. Bên cạnh những thân cây ấy, một hình ảnh khiến Giang trông thấy, giật mình tưởng đó là ảo ảnh.

Vì bóng người đứng bên gốc cây chính là Thạch Đạt Lang, sư phụ nó. Giang dụi mắt ngẩng nhìn sang bên kia vũng nước. Quả nhiên thầy nó đứng đấy, nửa thân trên bị bóng cây che khuất, nhưng cái dáng hiên ngang cao lớn , đôi giày cỏ thầy nó đi, sợi dây da buộc bên ngoài xà-cạp màu chàm, Giang không thể nào lầm được. Giang hét lên một tiếng mừng rỡ:

— Thầy!

Nước bắn tung toé ra xung quanh. Chỉ ba bước, Giang đã nhảy sang bờ bên kia, rơi vào vòng tay mở rộng của sư phụ.

— Thầy! Thầy đến bao giờ thế?

Thạch Đạt Lang ghì chặt đồ đệ vào lòng:

— Khẽ chứ con! Chỗ này nguy hiểm, chớ nên để lộ tung tích của ta.

Giang hạ thấp giọng:

— Sao thầy biết con ở đây?

— Nghe tiếng con, ta biết. Ta đợi con mới được một lúc. Mang nước về cho Oa Tử đi.

Giang quay nhìn vũng nước:

— Nước đục mất rồi, múc sao được nữa.

Thạch Đạt Lang tháo ống tre bên hông đưa cho thằng bé:

— Con mang nước này về để nàng uống.

Giang giơ tay định cầm, nhưng vội rụt ngay lại:

— Không! Thầy mang đến cho cô ấy!

Hai thầy trò nhìn nhau. Một lúc, Thạch Đạt Lang vỗ vai Giang, trong cái vỗ vai ấy dường như có sự thông cảm và thân mật khác thường:

— Nào thì đi! Chắc nàng mong chúng ta lắm.

Oa Tử nằm thiêm thiếp bên đường, tay áo kimono trắng mở rộng như cánh con chim câu bị tên bất động nằm trên nền cỏ. Thạch Đạt Lang quỳ xuống, quàng tay nâng đầu nàng lên đặt trên đùi mình rồi dịu dàng kề ống nước đến gần đôi môi tái nhợt và mím chặt của Oa Tử. Hắn khẽ gọi, giọng run run vì xúc động:

— Oa Tử! Hãy tỉnh dậy! Nước đây!

Đôi mắt Oa Tử hé mở. Nàng uống thong thả từng ngụm nhỏ. Nước mát khiến nàng rùng mình nhưng cũng làm nàng dễ chịu hơn trước. Giang quỳ gối bên hai người, nói:

— Cô Oa Tử! Đó là thầy cháu đấy! Thầy cháu đương cho cô uống nước chứ không phải cháu đâu! Thạch Đạt Lang đấy, cô có biết không?

Trên đôi mắt lạc thần, giờ đây đã thấy có chút sinh khí. Hai giọt lệ long lanh trên khoé mắt chảy dài xuống đôi má gầy. Nàng khẽ gật đầu xác nhận.

Giang mừng rỡ vô cùng:

— Thầy! Cô Oa Tử nhớ thầy hết sức. Cô bỏ cả ăn cả ngủ, nhất định đòi đi gặp thầy, con khuyên can thế nào cũng không nổi. Thầy bảo cô ấy đi chứ con không thể nào làm được nữa!

— Lỗi tại ta. Để ta khuyên nàng. Bây giờ con hãy đi chỗ khác chơi một lát để ta nói chuyện với Oa Tử, được không?

— Sao vậy thầy? Con ngồi đây không được à?

Oa Tử đưa mắt nhìn Giang. Nhìn ánh mắt cầu khẩn ấy, lòng Giang mềm hẳn lại. Đối với thầy, đôi khi Giang còn tỏ ra bướng bỉnh; nhưng với Oa Tử, nó không bao giờ từ chối nàng điều gì, ngay cả điều nó không hiểu rõ.

Giang chống tay đứng dậy:

— Vậy con ra ngoài mỏm đá đằng kia, khi nào thầy nói chuyện xong thì gọi con.

Thằng bé đi rồi, cả hai cùng cảm thấy bẽn lẽn và bối rối. Oa Tử mệt nhọc dựa lưng vào gốc cây, mắt e thẹn nhìn xuống đất. Nàng vốn nhút nhát, cơn bệnh lại càng tăng thêm tính nhút nhát cố hữu ấy. Thấy Oa Tử không tỏ ra thân mật, Thạch Đạt Lang ngượng, quay mặt lên nhìn trời. Hắn không biết nói gì và cũng không biết bắt đầu ra sao nữa. Từ sau cái đêm mưa gió, Oa Tử một mình trèo lên cây đại bách ở sân chùa Tiểu Sơn giải thoát cho hắn, Thạch Đạt Lang đã lờ mờ hiểu được nàng yêu hắn. Mối tình u ẩn đó ấp ủ trong năm năm qua ngày càng bền chặt khiến hắn không thể nào không biết và không đáp lại. Trong nhiều đêm dài trằn trọc, cô đơn ở thạch thất cũng như ở những ven đời hoang vắng, Thạch Đạt Lang đã phải nén lòng mình, chôn vùi một tình nồng nhiệt sau bộ mặt lạnh lùng.

Nhiều phen hắn tự dối lòng và tỏ ra lãnh đạm với Oa Tử. Con đường hắn đi còn dài và còn nhiều gian khổ phải khắc phục. Nhưng giờ đây, trăng tà, trời sắp sáng. Chẳng bao lâu nữa vầng nguyệt kia sẽ không còn trên trời cao, cũng như đời hắn chẳng biết sẽ ra sao sau khi cuộc chiến kết thúc. Trong những giờ khắc ngắn ngủi còn lại này trên dương thế, hắn thấy có bổn phận phải nói rõ điều ấy cho Oa Tử biết để đáp lại tấm lòng kiên trinh chung thủy của nàng.

Nhưng Thạch Đạt Lang nghẹn lời. Muốn nói, hắn không đủ tiếng để diễn tả và chẳng biết bắt đầu thế nào cho hợp cảnh.

Oa Tử thì chỉ biết khóc. Tình yêu đốt cháy tâm can nàng. Tất cả những gì xã hội thường gọi là nhân luân, đạo đức, tôn giáo, tự ái... đối với nàng đều vô nghĩa. Trước mãnh lực ghê gớm của mối tình nàng đối với Thạch Đạt Lang, Oa Tử tưởng có thể bỏ hết hay chết vì nó được. Thế mà bây giờ đây, trước mặt người nàng hằng mong nhớ đến thành bệnh hoạn, Oa Tử bất lực chẳng nói được lời nào. Nàng để mặc nước mắt tuôn trào. Nước mắt yêu thương, vui mừng hay phẫn hận?

Một đàn ngỗng bay ngang, tiếng kêu từ trên từng không vọng xuống. Đêm sắp tàn, đàn chim xoải cánh bay về rặng núi ở chân trời, tiếng kêu mỗi lúc một xa... Thạch Đạt Lang buột miệng:

— Đàn ngỗng ấy thiên di về phương bắc.

Nói xong, thấy lời nói của mình nhạt nhẽo, hắn cúi xuống nhìn Oa Tử. Bỗng bắt gặp trong ánh mắt nàng một niềm thông cảm và âu yếm vô hạn. Cả hai cùng nhớ đến những kỷ niệm xưa ở quê cũ, khi Thạch Đạt Lang với Mãn Hà Chí còn là những thanh niên mới lớn và Oa Tử ở chùa Tiểu Sơn, mỗi khi xuân về, thường cùng đứng nhìn theo những đàn ngỗng trời thiên di về phương bắc.

Cả hai cùng để lòng hướng về ngôi làng cũ nghèo nàn vùng Miyamoto, có chùa Tiểu Sơn nhỏ bé, hai bên bờ sông Yoshino cúc dại nở đầy và mỗi khi sắp sang đông, gió bấc thổi làm rung động những hoa cải vàng lấm tấm như những cánh bướm non.

Oa Tử nói khẽ, tựa thì thầm:

— Chúng ta đã để mất nhiều thì giờ quý báu. Thật tiếc!

— Ừ, thật tiếc. Nàng có hối đã bỏ làng đi không?

— Không. Chẳng bao giờ thiếp hối điều ấy.

— Giang nói nàng ốm nặng lắm phải không?

— Cũng không nặng lắm. Xin chàng đừng quan tâm đến sức khoẻ thiếp.

— Bây giờ nàng đỡ chưa?

— Khá hơn trước nhiều. Phải chăng bây giờ chàng sắp giao chiến với phái Hoa Sơn? Có gì nguy hiểm đến tính mạng không?

— Sợ cũng có thể nguy đến tính mạng.

— Nếu chàng có mệnh hệ nào, thiếp không thể sống được!

Ánh mắt Oa Tử long lanh, cả quyết. Lòng tự tin và quyết tâm ấy khiến Thạch Đạt Lang ngạc nhiên và thẹn với mình, vì đã lâu nay, sống chết làm hắn phân vân và hoang mang lắm. Bao nhiêu suy tư vẫn chưa mang lại cho hắn một dứt khoát. Trên đường hành đạo, trong nhiều trường hợp, hắn không phân định được lúc nào phải chết và lúc nào đáng chết. Trong khi ấy, một thiếu nữ yếu đuối như Oa Tử, không được huấn luyện và không có công phu hàm dưỡng gì đặc biệt, lại có thể sẵn sàng chấp nhận cái chết để được toại ý, bình thản và không do dự. Thạch Đạt Lang không ngờ người thiếu nữ yếu đuối kia có sức mạnh tinh thần đáng sợ đến thế!

— Đừng nói bậy! Vì lý do gì nàng chết? Ta vì danh dự một kiếm sĩ mà phải chiến đấu với phái Hoa Sơn. Ta đã chọn con đường ấy tất không thể lui bước. Nhưng nàng? Nàng chết vô ích, có lợi gì cho ai và giải quyết được gì?

Sự bất bình của Thạch Đạt Lang nổ ra đột ngột và thành thực khiến chính

hắn cũng phải kinh ngạc. Nhìn Oa Tử ôm mặt khóc, hắn hối hận đã quá lời.

— Oa Tử! Nàng không hiểu lòngta. Ta rất xúc động và cảm ơn nàng đã dành cho ta một mối tình đằm thắm và sâu xa như thế. Nhưng quả tình, nàng chết theo ta thật vô lý. Cho đến nay, dù ta đã lừa dối lòng mình nhiều lần nhưng chưa bao giờ lừa dối nàng, cả khi nàng dắt ta chạy trốn.

Oa Tử! Mai đây, khi trời sáng, có thể ta chỉ còn là cái xác không hồn. Những giờ khắc này ở bên Oa Tử có thể là những giây phút cuối cùng trong đời. Ta thú thực đã yêu nàng ngay từ dạo ấy và ở trên cầu Hamada, ta bỏ đi chẳng phải đã muốn lừa dối nàng mà vì đã tự lừa dối mình đó.

Có những đêm dài trăn trở, nghĩ đến Oa Tử, lòng đam mê và thương nhớ nổi dậy, ta đã muốn bỏ ngay tất cả, sẵn sàng đi tìm gặp nàng để cùng nhau sống một cuộc đời bình thường trong hạnh phúc như mọi người...

Oa Tử ngước nhìn Thạch Đạt Lang, nét mặt rạng rỡ, má ửng hồng và đôi môi hé mở như uống những lời ngọt ngào của người yêu.

— Nhưng...

Thạch Đạt Lang quay mặt đi, nhìn về phía khác:

— Nhưng ta không thể. Trông thanh kiếm dựng bên, lòng ta nguội lại và mối cuồng si ấy không còn nữa.

Yên lặng một lát, Thạch Đạt Lang lại tiếp:

— Thanh gươm thức tỉnh ta mỗi khi ta bị những đam mê khác cám dỗ. Oa Tử! Định mệnh đã an bài như thế, hay phải chăng chính ta đã tự tạo ra điều ấy? Giữa tình yêu và kiếm đạo, ta phải chọn một. Nhưng chọn điều nào cũng làm lòng ta đau xé. Như ngọn đèn trước gió lung lay, ta đã có lúc ngả về phía này, có lúc nghiêng về phía kia. Oa Tử! Ta chẳng phải là vĩ nhân mà cũng chẳng là anh hùng...

Thạch Đạt Lang dừng lại. Muốn nói thêm nhưng sợ lời không hết ý. Trong giờ khắc này, dưới trăng vằng vặc, hắn quyết thổ lộ hết tâm can, vạch trần những điều hắn mơ ước cho người hắn yêu mến.

— Oa Tử! Đó, con người ta như thế. Khi ta nghĩ đến nàng, ta cũng nghĩ đến thanh kiếm ta mang bên sườn, con đường phải đi. Vỏ kiếm trơn mát, lưỡi kiếm sắc lạnh là lẽ sống của đời ta. Ta có thể chết vì danh dự của kiếm sĩ, nhưng Oa Tử! Oa Tử! ta không thể chết vì một người đàn bà, dù người đó là nàng đi nữa. Ta yêu Oa Tử, nhưng sự thật là như thế, nàng hãy tha lỗi cho ta!

Thạch Đạt Lang cảm thấy bàn tay giá lạnh của Oa Tử bóp chặt tay mình. Lời Oa Tử dịu dàng nhưng cương quyết:

— Thiếp biết rõ điều ấy lắm, nhưng thiếp vẫn yêu chàng như thiếp đã yêu!

— Nhưng nàng không thấy là điên rồ khi phải chết vì ta sao? Giây phút này, ở bên Oa Tử, ta yêu nàng thành thật; nhưng khi xa nàng, ta sẽ quên mất. Nàng đừng điên rồ mà chết theo một người như vậy. Hãy sống cuộc đời nàng đáng được hưởng, êm đềm trong một gia đình hạnh phúc. Trời sắp sáng rồi, ta phải đi. Oa Tử! Hãy nhớ những lời ta vừa nói như những lời vĩnh biệt.

Thạch Đạt Lang nhẹ nhàng gỡ tay Oa Tử. Nàng cuống cuồng nắm áo Thạch Đạt Lang, nước mắt ràn rụa:

— Đạt Lang! Hãy ngồi lại thêm chút nữa.

Oa Tử muốn nói nhiều với người yêu, dàn trải tất cả những nhớ nhung, hy vọng cũng như đau buồn nàng đã trải qua trong suốt mấy năm, nhưng sao nàng bối rối quá, lưỡi líu lại, cổ họng tắc nghẹn; chỉ thấy những giọt lệ theo nhau chảy dài trên má. Mắt ngước nhìn Thạch Đạt Lang, Oa Tử quên hết, lòng tự ái, quá khứ cũng như tương lai, nàng chỉ biết có hiện thân của mối tình trước mặt mà nàng phải cố giữ không để cho vuột mất.

Trong đôi mắt cầu khẩn van lơn ấy, có một vẻ gì khiêm nhượng và đẹp một cách lạ kỳ khiến Thạch Đạt Lang vô cùng thương cảm. Lòng hắn mềm hẳn lại nhưng cũng làm hắn lo sợ vô cùng. Hắn có cảm tưởng lòng sùng mộ kiếm đạo của hắn bị lung lay, như một cái cây mọc cạn sắp bị trận gió phũ phàng thổi bật rễ.

Thạch Đạt Lang quay mặt đi tránh ánh mắt mê hồn ấy.

— Oa Tử! Nàng có hiểu lòng ta không?

— Thiếp hiểu chứ. Nhưng thiếp vẫn tin nếu chàng chết, thiếp sẽ không sống nổi. Cái chết có ý nghĩa đối với chàng thế nào thì đối với thiếp, nó cũng có ý nghĩa như thế. Nếu vì danh dự, chàng có thể bình tĩnh rời bỏ cuộc đời này thì thiếp cũng có thể từ bỏ cuộc sống vì không muốn kéo dài đau khổ. Chuyện ấy, thiếp phải quyết định một mình, không ai giúp được, kể cả chàng.

Giọng Oa Tử trở nên vững mạnh. Nàng thôi khóc, và với một vẻ bình tĩnh lạ lùng, nàng nói tiếp:

— Đạt Lang! Nếu trong thâm tâm chàng đã coi thiếp là vị hôn thê thì điều đó cũng đủ làm thiếp mãn nguyện. Chàng đã nói không muốn cho thiếp đau khổ, vậy đừng khuyên thiếp ở lại một mình. Ngày nào chàng đi sang bên kia thế giới mà thiếp được theo chân thì đó là ngày thiếp sung sướng vô hạn, một ngày tưng bừng của thiếp, có chim hót, có bướm bay. Đó là ngày vu quy của thiếp vì thiếp được xum họp với chàng.

Nói một hơi, dường như mệt nhọc, Oa Tử dựa đầu lên ngực người yêu thở hổn hển, nét mặt rạng rỡ.

Trăng lụn dần. Trời chưa sáng nhưng sương đêm đã bắt đầu tan, chỉ còn quanh quất trong những bụi cây và trên mặt cỏ ẩm ướt.

Thình lình một tiếng thét kinh sợ vang lên trong sự vắng lặng của đêm tàn. Oa Tử giật mình. Thạch Đạt Lang hối hả đứng dậy cầm tay nàng:

— Oa Tử! Ta phải đi. Đừng phí cuộc đời vào những nỗi buồn vô ích. Ta hiểu lòng nàng lắm, nhưng ta đã chọn đường đi. Ngày hôm nay hay mai sau, thân thể ta có thể thành cát bụi nhưng hồn ta còn mãi, trăm năm, ngàn năm trong lòng dân tộc.

Oa Tử run run nắm tay người yêu lần chót. Nàng muốn chạy theo nhưng không đủ sức. Gục ở bên đường, mắt hoen lệ nhìn những bước đi vội vã của Thạch Đạt Lang, Oa Tử tưởng có thể hét to đến xé lồng ngực để mong vơi bớt nỗi bi thương, nhưng sao không một tiếng nào thoát ra khỏi cổ.

Nàng cúi đầu. Bóng nàng câm lặng tựa phiến đá.

Giang từ trên đồi cao chạy xuống, tay còn cầm chiếc mặt nạ. Sỏi đá theo chân nó đổ rào rào. Nhìn bóng Oa Tử yên lặng bên đường, nó hét:

— Cô Oa Tử! Cô có sao không?

— Không. Cô không sao em ạ!

Nghe tiếng Oa Tử đáp, Giang yên lòng đến gần.

— Thầy cháu đâu?

— Thầy em đi rồi. Tiếng ai hét vừa rồi thế?

— Cháu không biết. Cháu đang đeo cái mặt nạ này ngồi ngắm trăng thì có tiếng sột soạt đằng sau. Tưởng là chồn cáo gì đó cháu quay lại, bỗng nghe tiếng thét kinh hãi như tiếng người vừa gặp quỷ. Họ tưởng cháu là quỷ hay họ là ma hiện hồn hả cô?

(còn tiếp)

Giáng-Sinh Tù-Ngục

Lê Văn Lân



Câu chuyện xảy ra vào cuối tháng chạp năm 1975, tại trại K4 Suối Máu Tân Hiệp Biên Hoà, tính đến nay là vừa giáp 14 năm tròn, nhưng chi tiết và hình ảnh của nó vẫn còn rõ nét trong trí óc Luân.

Suốt ngày 23 tháng chạp năm ấy, tổ của Luân phải lo việc "anh nuôi" nên rất bận rộn. Các tổ viên phải dậy từ lúc bốn giờ sáng, lục đục chia nhau người kéo nước, kẻ vo gạo, gọt trái su... Công việc vô cùng vất vả vì phải hoàn tất một "đụng" cơm lớn cho gần một trăm hai mươi người ăn, nhân số của hai láng cải tạo viên nhập lại. Gạo của trại phát là thứ gạo đại mễ cũ chứa trong kho lâu ngày, có đổ vào mấy chục thùng nước để vo cũng không thể nào sạch hết mốc meo và sâu mọt. Luân đứng kéo nước, lưng mỏi muốn gãy đôi. Chỉ cần sơ hở một chút là trợt té xuống giếng dễ như chơi, đầu đập vào thành đá bất tỉnh trước khi chết đuối vì ngộp nước... Nhìn về phía nhà thờ Tân Hiệp cách đó chừng hai cây số, Luân thấy sáng rực một góc trời. Vị cha sở Tân Hiệp hình như cố tình thắp đèn sáng choang mặc dù đã có lệnh cấm. Từ mấy hôm nay, cha sở còn chĩa máy phóng thanh về các dãy trại cải tạo, cho phát những bài hát đạo... Tiếng ca theo gió đưa đến trại, như nhắc nhở ngày Chúa giáng sinh đã gần kề. Sáng ấy, Luân vừa kéo nước vừa lắng nghe diễn tiến cuộc lễ Misa qua máy phóng thanh của xứ Tân Hiệp. Gió đổi hướng nên Luân nghe câu được câu chăng.

Mấy hôm nay, anh em cải tạo viên có đạo gặp nhau đã truyền tay một gói giấy báo nhỏ, trong đựng một miếng bánh thánh. Mỗi người chỉ giữ bánh thánh trong vài giờ, ngồi yên một xó nào đó cầu nguyện rồi lại kiếm một bạn khác trao cho. Những gói giấy như vậy được ném qua ném lại các hàng rào kẽm gai giữa các trại. Trại K4 của Luân nằm kẹp giữa hai trại K3 và K5. Anh em kháo nhau rằng ở K5 có một linh mục làm lễ lén mỗi sáng chúa nhật tại bờ rào. Tuy tụi quản giáo cấm ngặt không cho quan hệ thư từ hay trao đổi tin tức giữa các trại, bọn Luân vẫn được biết chương trình phụng vụ lén của giáo hội thầm lặng giữa chốn ngục tù. Thế là vào những sáng chúa nhật trước lễ Giáng Sinh, Luân cũng ra đứng ở bờ rào, mắt ngước về trại K5 nhìn một bóng người mà anh em cho biết đó là linh mục Th. Cuộc lễ Misa qua bờ rào này là những đoạn phim câm, giáo dân chỉ theo dõi mờ mờ động tác của cha làm lễ mà thôi, nhưng tinh thần lại tẩm nhuần ơn Thiên Chúa. Nhưng rồi không biết tên ăng-ten nào báo cáo lập công, buổi lễ sáng chúa nhật bị chấm dứt ngang, anh em không dám lảng vảng quanh đó nữa...

Mặt trời đã lên quá mái tôn nhà bếp... Công việc mỗi lúc một dồn dập. Hết nấu nước sôi cho anh em trong láng dùng khi ra đồng lao tác lại đến đun lửa nấu cơm, nấu canh liền tay. Làm việc mệt nên ai cũng dễ nổi quạu. Vài anh em nóng tính chửi thề hay ty nạnh việc nhiều việc ít gây gổ thiếu điều muốn vác xẻng phang nhau. Nhiều lúc Luân cũng nổi nóng, muốn to tiếng cho hả giận nhưng khi nhìn xuống cái thánh giá bằng củi đen như mun đeo trước ngực, chàng lại nguôi dần.

Chiếc thánh giá này là công trình khéo tay của anh Bảy Lê văn Th., bỏ ra hai ngày đẽo khắc từ một thanh củi cháy dở. Ban quản giáo trại cấm các cải tạo viên gọi nhau bằng cấp bực cũ nên anh em dùng mật khẩu của lối chơi cờ Domino để gọi nhau. Bò nhất, bò nhị, bò tam, bò tứ, bò ngũ, bò lục để chỉ các sĩ quan từ cấp thiếu úy lên đến đại tá. Riêng về các tướng lãnh, mật khẩu chung là các anh Bảy. Luân được dịp quen và gần gũi các anh Bảy Lê văn Th. và Đỗ K.G. Các anh bảy này đều giữ được phong cách tự trọng tương xứng với hoàn cảnh. Đối với cán bộ, các anh ẩn nhẫn im lặng, chấp hành đủ qui định

trại nhưng không bao giờ quy lụy, xun xoe. Đối với anh em quân nhân cũ, các anh giữ gìn lời ăn tiếng nói, không để mất tư cách.

Anh bảy Đỗ K.G. nuôi một bộ râu rất đẹp tuy rằng ăn uống kham khổ đã làm anh hom hem xuống sắc nhiều. Anh thường gọi Luân là ông lang vì biết Luân vốn là bác sĩ quân y. Còn anh bảy Lê văn Th. là một người rất đặc biệt. Anh yên lặng cả ngày; thì giờ rảnh rỗi anh dùng để khoét cái ống sáo tre hay khắc đẽo một cái thánh giá bằng củi. Qua vài lần trò chuyện, Luân biết gia đình vợ con anh đã di tản khỏi nước từ cuối tháng tư, anh chọn ở lại nên bị vào tù. Anh em của trại K4, nhất là đám từ khám Chí Hoà chuyển đến, đều quen thuộc với tiếng sáo của anh qua bài Sérénade. Luân hiểu anh đã dùng tiếng sáo để đi vào thiền. Sau này, trong đợt các anh bảy bị đưa ra Bắc, Luân đã ôm chầm anh bảy Th. rất lâu trước khi anh lễ mễ xách bịch hành lý rách mướp lên đường. Chàng muốn công khai tỏ lòng kính trọng đối với một sĩ quan lãnh đạo có tư cách trong thời gian tù ngục.

Chính cái thánh giá mun đen của anh bảy Th. đã nhắc nhở Luân nhẫn nhục. Những ai đã sống trong trại cải tạo hẳn cùng mang tâm trạng *"hàng thần lơ láo phận mình ra đâu"*, hoang mang lo sợ, nhịn nhục và cắn răng chịu đựng thiếu thốn, khổ cực.

Trong giai đoạn này, Luân rất cần một niềm tin. Tôn giáo chính là mắt xích lớn lao trong niềm tin ấy. Trại K4 đang có phong trào mài nhôm khắc củi làm tượng Phật, làm thánh giá. Luân đã phải đi kiếm một linh mục ở lán bò lục là đại tá tuyên úy Th. để xin làm phép trên cái thánh giá bằng củi mà anh bảy Th. vừa cho. Nhìn trước nhìn sau, vị linh mục tuyên úy kéo Luân xuống cái đường mương bằng đất đắp quanh lán tôn. Ngài trịnh trọng đọc kinh ban phép, làm dấu chữ thập trên thánh giá, xong mới đưa trả lại cho Luân. Sự việc chỉ kéo dài khoảng ba phút, nhưng người trong cuộc tưởng chừng lâu lắm vì hồi hộp căng thẳng, sợ tụi ăng-ten báo cáo. Trong trại đã từng xảy ra nhiều vụ bị báo cáo như vậy. Tụi cán bộ vô thần làm sao có thể hiểu và tin được chuyện làm phép cho cái thánh giá bằng củi.

Sau khi thánh giá được làm phép, Luân trịnh trọng nhận lại và bện chỉ gai làm dây đeo trước ngực. Mỗi khi gặp điều đau khổ buồn phiền, Luân nhìn xuống ngực mình, cảm thấy như có nguồn sinh lực mới giúp chàng chịu đựng. Tuy nhiên đôi lúc, khi tinh thần bị suy sụp quá đỗi, Luân ngửa mặt nhìn trời, kêu lên thảm thiết: "Chúa ơi, sao nỡ bỏ con!" Nước mắt ràn rụa tuôn ra, những lúc ấy lòng chàng bỗng nhẹ hẳn.

"Đêm mai đã là Giáng sinh!" Luân nhủ thầm, ngao ngán nhìn các dãy lán của trại tù. Không một dấu hiệu gì cho Noel cả. Các cải tạo viên ăn mặc lam lũ, lao động bình thường, trông như những hình nộm. Bỗng Luân chú ý đến một người nhỏ thó, xúng xính trong bộ đồ trận quá rộng. Người ấy có nét mặt sáng sủa với đôi kính trắng gọng vàng tuy nước da xanh mét bệnh hoạn.

— Cha H. đó phải không?

Một nụ cười đáp lại sau cái gật đầu. Không ngờ Luân lại gặp cha H. trong hoàn cảnh này. Trước năm 1975, với chức vụ trung tá phó giám đốc tuyên úy Công giáo, cha H. đã từng đến các đơn vị để cử hành thánh lễ Giáng Sinh. Gặp lại cha, Luân mừng lắm. Cha H. cũng vậy, kéo Luân về lán cha đang ở.

Cha H. cho biết ngài đã gởi đơn xin phép ban quản trị được cử hành thánh lễ Giáng sinh cho những anh em theo đạo, viện lẽ hiến pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cho tự do tôn giáo và trích dẫn ngay cả lời chủ tịch Hồ Chí Minh về sự cởi mở của chính phủ đối với vấn đề hành đạo; thế nhưng cho đến sáng nay, ngày 23.12, vẫn chưa được trả lời.

Cha H. vừa được chuyển đến trại K4 Suối Máu từ Trảng Bàng, Tây Ninh. Theo vài người kể lại, ở trại cũ, cha H. đã từng phát biểu rất khôn ngoan, hùng biện trong các buổi học tập về chủ trương duy vật, khiến tụi quản giáo ngỡ ngàng, không có đến một lời đối đáp. Trong hoàn cảnh tù đày, phần lớn đều có thái độ "nín thở qua sông", chẳng ai dại gì ăn nói bạo dạn để rước họa vào thân, nên hành động "uy vũ bất năng khuất" của linh mục H. rất được mọi người khâm phục.

Chiều hôm 24, sau khi cơm nước xong, ban quản trại có lệnh: "Không được làm lễ Giáng sinh, vì vợ con các anh ở nhà đã làm lễ cho các anh rồi!". Nghe lệnh cấm, cải tạo viên tiu nghỉu, nhưng không ai dám nói gì.

Nửa giờ sau, ở một góc trại, vài cải tạo viên có đạo tụ thành một nhóm nhỏ, quanh cha H. Với giọng sang sảng như chuông, cha H. nói vắn tắt: "Chúng ta hãy tuyên xưng đức tin của chúng ta bằng một thánh lễ không có bàn thờ, không có bánh và rượu thánh... Vinh danh Chúa Cả trên trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm...". Anh em cải tạo đứng nghe như uống trọn lời của cha H.

Lúc ấy, cha H. không còn là con người nhỏ bé như vóc dáng cha mà là biểu tượng của một tinh thần bất khuất. Thái độ hiên ngang, dõng dạc đó đã thu hút đám cải tạo viên thường ngày vẫn e dè sợ sệt đến mỗi lúc một đông. Luân đứng trong đám người dự lễ, nước mắt trào ra ràn rụa. Chàng chưa từng bao giờ được dự một buổi thánh lễ xúc động như vậy. Bỗng tiếng sáo của anh Đào Hữu T. vi vút cất lên, điêu luyện và truyền cảm qua các bài *Đêm Thánh Vô Cùng, Cao Cung Lên, Đêm Đông Lạnh lẽo...* Thánh lễ chỉ diễn ra trong 15 phút, rồi giải tán. Khi gã cán bộ quản giáo và hai tên vệ binh đến nơi vừa cử hành thánh lễ thì địa điểm đã trống trơn. Riêng Luân tối hôm đó được cha H. mời lại lán ăn lễ nửa đêm với một vài người bạn. Một nồi cháo thập cẩm (đúng ra phải gọi là cháo heo) nấu từ hồi chiều được dọn ra. Cháo nấu bằng hai gói mì ăn liền mà cha H. để dành từ mấy tháng nay cho dịp trọng đại này. Vì mì quá ít mà thực khách thì đông nên cháo được độn bằng rau lang, bằng củ mì to cỡ ngón tay cái mót ngoài đồng và hai tô cơm nguội của bữa cơm chiều...

Sáng 25, cha H. bị quản giáo mời lên "làm việc" và cho về, để ít lâu sau bị đưa ra Bắc trong đợt biên chế chuyển trại. Từ đó không ai trong đám bạn ở K4 biết số phận cha H. ra sao. Mãi đến gần đây, nhân dịp đọc một tờ báo Công giáo xuất bản tại Louisiana, Luân thấy nói đến cha P. với những chi tiết giống hệt như cha H. mà Luân được biết. Cha P. vừa được cộng sản thả về sau 14 năm tù đầy ngoài Bắc. Xương ống chân cha bị gẫy vì cây đè trong lúc lao động trên rừng. Có lẽ cha P. và cha H. chính là một người, vì danh xưng đầy đủ của "linh mục mặc áo lính" H. là Ph. Ph. H.

Linh mục H. đã sống đúng với chức năng cao cả của mình: đem vinh quang vào nơi ô nhục, đem ánh sáng vào nơi tối tăm, đem tin yêu vào nơi thất vọng... dù rằng bản thân họ vì thế sẽ chịu bao điều nguy nan khốn khổ. Riêng với những thừa sai xứng đáng khác của Chúa như đại tá linh mục Th., vị cha sở xứ Tân Hiệp... Luân không được nghe tin tức gì về họ cả. □



Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v.. Bút Chì sẽ nhận và chuyển câu hỏi tới quí vị thức giả, chuyên gia và lần lượt đăng lên báo cho mọi người cùng đọc. Các câu hỏi không giải đáp được cũng sẽ đăng lên để bạn đọc khắp nơi cùng tra cứu.

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

***Bút Chì** phụ trách*

NGUYỄN MẠNH CÔN, NGUYỄN THỊ VINH VÀ MỘT BÀI THƠ CŨ

Hỏi : 1.—Nhà văn, giáo-sư Nguyễn Mạnh Côn hiện giờ ở đâu? Tình-trạng như thế nào? Sơ-lược tiểu-sử của ông?

2.—Nữ văn-sĩ Nguyễn Thị Vinh bây giờ ở đâu? Muốn viết thư bày-tỏ lòng hâm-mộ đối với bà thì gửi về địa-chỉ nào?

3.—Có một bài thơ trước kia đăng trên báo *Hương Quê*, khoảng 20, 21 năm về trước, tôi không nhớ hết. Qua hình-thức một lá thư gửi mẹ, nội dung bài thơ mượn lời một anh lính trẻ miền Bắc, vào "giải-phóng" và chết trong Nam. Bài thơ này do quân-đội VNCH bắt được trong ba-lô xác giặc, sau đó được phổ-biến trên báo. Tôi nghĩ, chúng ta rất cần phải sưu-tập lại những bài thơ có tính-cách "nhân-chứng" như vậy trong cuộc chiến-đấu chính-nghĩa của chúng ta:

Từ buổi con lên đường xa mẹ
Theo anh em sang Lào rồi dấn bước
vào Trung
Non xanh nước biếc chập-chùng
Sớm nắng biển, chiều mưa rừng
gian-khổ
Tuổi thanh-xuân cuộc đời như hoa nở
Vì hoà-bình đâu ngại bước gian-nguy
Mấy tháng trời đêm nghỉ ngày đi
Giày(?) vẹt gót, áo sờn vai thấm lạnh
Những chiều Trường-sơn núi rừng
cô-quạnh
Mẹ hiền ơi, con chợt nhớ quê mình
Khói lam chiều giàn mướp lá lên xanh
Con bướm nhỏ mái đình xưa nhớ quá
Vào nơi đây tuy đất người xa lạ
Nhưng miền Nam cũng vẫn một
quê-hương
Cũng bóng dừa xanh, vẫn những con đường...
(quên một vài câu)
Lớp học tưng-tăng những đàn trẻ nhỏ
Đang nô-đùa ca hát bản đồng-ca
(lại quên mất vài câu)
Cây đa đầu làng, tiếng tiêu gợi nhớ
Đã qua rồi buổi ban đầu bỡ-ngỡ
(quên vài câu)
Tại sao người ta bắt con đốt xóm
phá cầu?
Phải gài mìn gieo tang-tóc thương-đau
Đã nhiều lần tay con run-rẩy
Phải gài mìn để rồi chợt thấy
Xác người rơi máu đỏ chan hòa
Máu của ai, máu của bà con ta
Của những người như con, như mẹ
Đêm hôm ấy mất con tràn lệ
Ác-mộng về trằn-trọc thâu canh
...

Một câu hỏi phụ: tòa-soạn có trả lời thư riêng không, trong trường-hợp độc-giả gửi kèm phong-bì đề sẵn địa-chỉ và dán sẵn tem?

Nguyễn H, Vũ
Walnut, Ca, Hoa-kỳ

Đáp: 1.—Nguyễn Mạnh Côn là tên thật dùng làm bút-hiệu. Bút-hiệu khác: Nguyễn Kiên Trung, Đằng Vân Hầu. Sinh ngày 7.4.1920 ngoài Bắc. Di-cư vào Nam năm 1953. Tác-phẩm: *Việt Minh, Ngươi Đi Đâu?* (1957), *Đem Tâm-Tình Viết Sử* (1958), *Kỳ Hoa Tử* (1960), *Mối Tình Màu Hoa Đào* (1967), *Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn* (1960), *Lạc Đường Vào Lịch-Sử* (1965), *Con Yêu Con Ghét* (1966), *Mối Tình Màu Hoa Đào* (1967), *Giấc Mơ Của Đá* (1968), *Tình Cao-Thượng* (1968), *Đường Nào Lên Thiên-Thai* (1969), *Hòa-Bình... Nghĩ Gì... Làm Gì?* (1969), *Sống Bằng Sự-Nghiệp* (1969), *Yêu Anh Vượt Chết* (1969)...

Tháng 5.1975, ông bị Việt Cộng bắt giam trong các trại cải-tạo, sau bị chuyển sang biệt-giam, không được tiếp-tế cơm nước, ông mất trong tù ngày 1.6.1979.

2.—Nhà văn Nguyễn Thị Vinh hiện cư-ngụ tại Na-uy, sức-khoẻ kém nhưng vẫn tiếp-tục viết, dù thưa. Có thể viết thư về tòa-soạn nhờ chuyển.

3.—Bút Chì không có toàn-bộ bài thơ này. Vị nào có, xin cho biết. Đa tạ. BC vẫn có thể trả lời thư riêng nhưng rất vắn-tắt, và cho những chuyện hoàn-toàn riêng-tư. Những câu hỏi chung chung, nên đăng báo để tránh trùng-hợp, vô-ích.

SIẾT CHẶT TAY NHAU...

Hỏi: Bác Bút Chì có nhớ bài thơ nào của Quang Dũng, bắt đầu bằng câu : *Siết chặt tay nhau ... ... nói nhiều* không? Nếu được xin đăng cả bài.

Một độc-giả
Houten, Hòa-lan

Đáp: BC không nhớ có bài nào như vậy của Quang Dũng.

NGÔ NGUYÊN DŨNG VÀ BÀ HUYỆN THANH QUAN

Hỏi: 1.—Ngô Nguyên Dũng và Ngô Việt Dũng có phải là một người? Có phải ngày trước thường viết cho báo *Hải Âu* như truyện *Cu Kí?*

2.—Xin cho biết tiểu-sử Bà Huyện Thanh Quan và bài thơ *Thăng-Long Thành Hoài Cổ*. Xin bác giảng cho rõ nghĩa, và nhất là hai câu :

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Đền cũ lâu đài bóng tịch dương

Cháu chỉ nhớ được hai câu này thôi. Bác cho cháu nguyên bài thơ nhé.

3.—Có gặp anh Nhật Tùng, cho cháu *"say hi!"* nghe bác.

Lê Thảo
Dallas

1.—Ngô Nguyên Dũng là bút-hiệu của Ngô Việt Dũng, về việc viết báo *Hải-Âu* và truyện *Cu Kí*, sẽ hỏi lại.

2.—Bà Huyện Thanh Quan sống thời nhà Nguyễn, người làng Nghi-tàm, huyện Thọ-Xương (nay là huyện Hoàn-long), tỉnh Hà-đông, lấy chồng là Lưu Nghị, tự Lưu Nguyên Uẩn, sinh năm 1804, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh-trì, Hà-đông. Ông Lưu Nghi đỗ cử-nhân, được bổ làm Tri-huyện Thanh-quan năm 1828 (nay thuộc phủ Thái-ninh, Thái-bình). Bà Huyện Thanh-Quan có tiếng hay chữ, sau được vua Tự-đức (có sách ghi là được vua Minh-mạng) triệu vào kinh-đô làm Cung trung Giáo-tập, dạy học cho cung-nhân.

Bài thơ cháu hỏi, như sau:

THĂNG-LONG THÀNH
HOÀI CỔ

Tạo-hóa gây chi cuộc hí-trường
Đến nay thắm-thoắt mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo
Nền cũ lâu-đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

Bà Huyện Thanh Quan

Nội-dung bài thơ nói lên lòng thương-tiếc vương triều đã qua, qua bao cảnh chiến-tranh, loạn-lạc, điêu-tàn.

Câu 1: bà tự hỏi, trời đất bày ra chi cảnh đời thay-đổi như một tấn kịch qua mau.

Câu hai: mới đó mà đã bao nhiêu năm (tinh sương là sao và sương, chỉ một năm; sao mỗi năm xoay quanh mặt trời đủ một vòng; sương mỗi năm mỗi có.

Câu ba: lối xưa ngựa xe rộn rịp giờ cỏ mọc lan-tràn.

Câu bốn: đền đài xưa chỉ còn trơ lại cái nền, hiu-hắt dưới nắng chiều.

Câu năm: Đá kia vẫn một lòng, mặc cho năm tháng trôi qua.

Câu sáu: nước non cũng phải cau mặt trước cảnh suy tàn.

Câu bảy: tấm gương ấy, nghìn năm còn soi bóng;, tác-giả tưởng chừng như những bóng hình của thời-đại cũ còn phảng-phất đâu đó quanh bà.

Câu tám: nhìn cảnh ấy, tác giả đau lòng như đứt ruột.

3.—Bút Chì chưa được làm quen với Nhật Tùng, nhưng ông chủ-bút thì có. Khi gặp Nhật Tùng, bác không *say"Hi!"* mà nói: "chào cậu Nhật Tùng!"

DÙNG CHỮ NÀO ?

Hỏi: Thời bây giờ, chữ nghĩa thật lộn-xộn, nhiều người viết văn pha ngoại-ngữ tùm-lum, nhiều khi tối om khó hiểu. Có người ngược lại, đặt tên Việt cho các địa-danh Âu Mỹ, đọc tới, phải dừng lại nghĩ một chút mới ra, bác Bút Chì nghĩ sao? Có khi dùng chữ hán nghe kỳ-cục, như "khẩn-trương ăn uống". Lại cũng có khi dùng chữ Nôm cũng kỳ-cục luôn, như "máy bay lên thẳng.

Hứa Thị Nga
Paris

Đáp: Hạn-chế dùng ngoại-ngữ trong văn-chương Việt-nam là một điều nên khuyến-khích. Phần lớn, vì lười-lĩnh, ngại khó khi tìm chữ, nên mang ngay ngôn-ngữ thường ngày vào văn-chương cho gọn. BC chủ-trương nên dùng chữ Việt một cách chính-xác. Trong trường-hợp những chữ đã được Việt-hóa, và đã thông-dụng từ lâu, nên giữ.

Thí-dụ: xà-bông, xà-phòng *(savon)*, cao-su *(caoutchouc)*, xi-nê *(xiné)*, xi-măng *(ciment)*, kem *)crème)*, át-xít *(acide)*, sà-lan *(chaland)*, cái bơm *(pompe)*, cao-bồi *(cowboy)*, nhà băng *(banque)*, v.v.

Giữ các chữ Hán và Nôm đồng-nghĩa, nên dùng chữ nào sát nghĩa nhất. Thí-dụ, nên dùng chữ Hán Việt trong các trường-hợp:

- điện-tín, hơn là *dây thép*.
- vô-tuyến-điện, hơn là *dây thép gió*.
- điện-thoại *hơn là giây nói*.

Có khi nên dùng tiếng Nôm, giản-dị hơn:

- nhanh, thay vì *khẩn-trương*.
- trải qua, thay vì *kinh* qua

Trong một số trường-hợp, dùng Hán Việt hay Nôm đều được, như "phi-cơ" và "tàu bay", "tàu ngầm" và "tiềm thủy đĩnh". Thường thì người ta dùng chữ Nôm trong văn đối-thoại, và dùng Hán Việt trong trường-hợp trịnh-trọng, như viết tin, đọc diễn-văn.

Đối với tên các quốc-gia đã được Việt-hóa (qua trung-gian Hán-văn), nhưng đã thông-dụng, nên dùng chữ đã Việt-hóa :

- Pháp, thay vì *France*, *Phú-lãng-xa* hay *Phơ-răng*.
- Úc hoặc Úc-đại-lợi thay vì *Australie, Australia* hay *Ốt-tra-li-a*.

Không cần phải Việt-hóa tất cả các địa-danh ở ngoại-quốc, chỉ nên dùng các tiếng đã thông-dụng: Luân-đôn, Hoa-thịnh-đốn, Cựu-kim-sơn, Ba-lê, Bá-linh, v.v.

Về tên người, ngoại-trừ các tên đã thông-dụng, như Nã-phá-luân, A-lịch-sơn Đắc-lộ, Bá-đa-lộc, Đồ-phổ-nghĩa chẳng hạn, còn lại nên dùng tên nguyên-thủy, hoặc tên đã được Anh-hóa hay Pháp-hóa, dễ đọc đối với độc-giả Việt. Nên viết là Rousseau, thay vì *Lư-thoa; Voltaire thay vì Phú-lộc-đặc-nhĩ* hay *Von-te*.

Nên tránh lối phiên-âm ngọng-nghịu. Nên viết là:

- Mạc-tư-khoa, hoặc *Moscou* (Pháp-hóa) hay *Moscow* (Anh-hóa), thay vì Mockвá hay *Mốt-cu* hoặc *Ma-xơ-cơ-va*.
- Ottawa thay vì *Ô-ta-hoa*.

Trên đây là những điều thông-thường. Khi đọc sách, nhất là các sách giáo-khoa đứng-đắn, cháu để ý cách dùng chữ. Trong ngôn-ngữ và văn-chương, nói làm sao để được chấp-nhận là tốt, còn chấp-nhận như thế nào, còn tùy-thuộc vào thời-đại. Vài mươi năm nữa, biết đâu sách Việt-ngữ sẽ đầy những câu, kiểu : "Hôm qua, tớ đi *shopping* mua một lô *underwear*, tụi nó *sales* rẻ mạt hà." Khi ấy, văn-chương kiểu Bút Chì may lắm thì còn sót lại chút-đỉnh trong bảo-tàng-viện, còn lại bao nhiêu quăng sọt rác hết.

ĐẶT TÊN CON

Hỏi: Chúng cháu sắp sinh con đầu lòng. Bác-sĩ cho biết sẽ là con trai. Chúng cháu muốn đặt tên là Nguyễn Vĩnh-Nghi, nhưng lại trùng với tên một ông tướng VNCH. Chúng cháu muốn sửa lại là Nguyễn Chỉnh-Nghi, nhưng không biết rõ ý-nghĩa chữ này, vậy xin bác Bút Chì cố-vấn cho chúng cháu, cảm ơn bác.

Nguyễn Dã Hạc
Toronto

Đáp: *chỉnh* là sửa lại; *nghi* là vẻ ngoài (nghi-dung, nghi-vệ). Chỉnh-nghi là sửa lại vẻ ngoài cho chỉnh-tề.

Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh.

(Kiều)

Đó là nghĩa chữ. Con trai tên Chỉnh-Nghi cũng hay. Tuy-nhiên, khi đi học ở Gia-nã-đại, thầy cô và bạn-bè sẽ gọi là /cinnɪ/, nghe gần với *chimney* (ống khói). Nên chuẩn-bị tinh-thần cho đứa trẻ trước, để nó tránh mặc-cảm với cái tên (thực ra, tên nào cũng có thể đọc trại để chế-giễu được!)

HOA SỬ

Hỏi: Bác có cách nào giúp cháu nhớ được thứ tự các triều-đại bên Tàu không?

Khưu Triệu Hòa
Paris

Đáp: Chính bác cũng không nhớ hết, làm sao giúp được ai! Đầu óc con người vốn chật-hẹp, làm sao nhồi nhét được cả thiên hạ vào. Khi cần cứ giở sách ra. Đại-để, chỉ cần nhớ các đời chính:

1.—Thời thượng-cổ:

- Tam Hoàng (Toại-nhân, Phục-hi, Thần-nông), Ngũ Đế (Hoàng-đế, Xuyên-húc, Đế Cốc, Nghiêu và Thuấn).
- Nhà Hạ: vua Vũ
- Nhà Thang: vua Thành-thang.
- Nhà Tây Chu
- Thời Xuân Thu: Tề, Sở, Tấn, Tần, Lỗ, Vệ, Tống, Yên, Trịnh, Tào, Trần, Sái, Ngô và Việt.
- Thời Chiến-quốc: Tần, Sở, Yên, Tề, Triệu, Ngụy và Hàn.

2.—Thời Trung-cổ:

- Nhà Tần (221-206) trước Tây-lịch.
- Nhà Tiền Hán (206 trước TL—8 sau TL)
- Nhà Hậu Hán (25—219)
- Thời Tam-quốc (213-280): Ngụy, Thục và Ngô.
- Nhà Tây Tấn (265-317)
- Nhà Đông Tấn (317-420)
- Nam-triều: Tống (420-589), Tề, Lương, Trần.
- Bắc triều (386-531): Hậu Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu.
- Nhà Tùy (581-618)
- Nhà Đường (618-907)

3.—Thời Cận-cổ:

- Ngũ đại (907-960): Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu) và Thập-quốc (Ngô, Tiền Thục, Ngô Việt), Sở, Mân, Nam Hán, Nam-bình, Hậu Thục, Nam Đường và Bắc Hán).
- Đời Bắc Tống (960-1125), Liêu, Kim, Tây-hạ, Thổ-phồn.
- Đời Nam Tống (1127—1279) và Kim (1115—1234), Mông Cổ hưng-khởi.
- Nhà Nguyên (Mông-cổ: 1279—1368).
- Nhà Minh (1368—1660)

4.—Cận-đại:

- Nhà Thanh (1616—1911):

5.—Hiện-đại:

- Thành-lập Dân-quốc
- Giai-đoạn Cộng-sản (từ 1949 tới nay).

TANG-PHỤC VIỆT-NAM

Hỏi: Trước đây bác BC có nói tới quần-áo và gậy tang, nhưng rất đơn-sơ. Xin bác đi vào chi-tiết một chút. Chúng tôi tìm đủ loại sách vở, nhưng cũng chỉ thấy nói sơ-sài, chỗ này một chút, chỗ kia một chút, chẳng ra đầu đuôi gì cả.

Ông Huỳnh Khương
Virginia

Đáp: Theo gia-lễ, có tất cả năm loại tang-phục, tức y-phục mặc khi nhà có tang: trảm thôi (hay ti-thôi), cơ-phục, đại-công, tiểu công và ti-ma.

- Trảm thôi: mặc trong đại tang (cha, mẹ), trở (chịu tang) ba năm.

Trảm thôi nghĩa là chặt vải ra mà may áo. Vải chặt ra (thay vì cắt), mép vải không viền, xơ ra trông áo xống tiều-tụy, tỏ ý đau-đớn. Áo trảm thôi may bằng bằng vải thô, xấu, tay dài, không viền gấu, không cài khuy mà buộc dải, lưng áo may thêm tấm vải phụ, gọi là *phụ-bản*, biểu-tượng cho sự chịu-đựng niềm đau (mang trên lưng). Hai vai có hai miếng vải gọi là *thích*, ý là chịu trách-nhiệm cử tang (mang trên vai). Hiếu nam đội mũ tết bằng rơm, quai bằng vải xô, quấn dây lưng gai, tay chống gậy tre nếu là tang cha, hoặc gậy vông, nếu là tang mẹ.

Khi chọn tre làm gậy, người ta chọn tre già sậm màu (màu đau buồn), để tròn (tượng trưng cho trời, ý nói con xem cha như trời), cây tre bốn mùa không thay-đổi, ý nói lòng thương-cảm của con cái không bao giờ giảm-sút.

Gậy vông đẽo tròn ở trên, đẽo vuông ở dưới. Vuông tượng trưng cho đất, cho tình mẹ sâu như đất dày.

Chống gậy còn tỏ nỗi đau-thương của người con hiếu, khi mất cha hay mất mẹ, đau-đớn bủn-rủn tay-chân, đi đứng không vững, phải nhờ tới gậy.

Trong đám tang, có bao nhiêu con trai là bấy nhiêu mũ rơm và gậy. Người nào vắng mặt, tang-gia đặt gậy và mũ người ấy bên cạnh áo-quan.

Con gái và dâu cũng mặc áo trảm thôi nhưng không chống gậy, để tóc xõa, đội mũ mấn. Mũ mấn là tấm vải xô dài 1 mét, ngang 3 tấc, giữ nguyên chiều dài, gấp đôi lại, quấn ngang đầu, để hai cạnh so-le, khâu dính vào nhau.

Khăn tang cũng là miếng vải dài 1 mét, ngang 3 tấc, giữ chiều dài, gấp nhỏ chiều ngang còn 5 phân, quấn ngang đầu, buộc múi sau ót, hai đầu khăn bỏ rơi xuống lưng.

Ti thôi cũng là y-phục đại-tang. *Ti* là bằng. Gấu áo ti thôi viền sơ chứ không để xổ. Ti thôi dùng trở tang mẹ kế, mẹ nuôi (3 năm), chồng trở vợ, con rể trở bố mẹ vợ (1 năm), cháu để tang ông bà nội, con để tang bố dượng, anh em ruột để tang nhau (1 năm), chị em ruột đã đi lấy chồng, chị em dâu, anh chị em con chú con bác (9 tháng), cụ ông cụ bà bên nội, ông bà ngoại, anh chị em cùng mẹ khác cha, cùng cha khác mẹ (5 tháng), trở tang bố dượng không ở chung, chồng trở vợ lễ (3 tháng).

- Cơ-phục: cách may giống như ti-thôi, dùng để tang bác và vợ bác, chú thím, cô ruột chưa đi lấy chồng, trong 1 năm.
- Đại công: may bằng vải thô, to sợi, dùng để tang cô ruột đã đi lấy chồng, anh chị em con chú con bác, trong 9 tháng.
- Tiểu công: mang bằng vải sợi nhỏ, dùng để tang ông bác, bà bác, ông chú, bà thím, bà cô ruột chưa chồng, bác trai, bác gái, chú thím, cô họ chưa lấy chồng, trong 5 tháng.
- Ti-ma: may bằng vải sợi nhỏ, mịn, để tang ông bà họ, vợ lẽ của bố, anh em năm đời, trong 3 tháng.

TYPHOON VÀ HURRICANE

Hỏi: Có gì khác nhau giữa các loại bão "Typhoon" và "Hurricane"?

Nghiêm Trường,
Florida

Đáp: Hurricane là loại bão biển tập-trung vùng biển Caribbean, Trung Mỹ.

Typhoon là bão biển khởi từ vùng Đông-hải, Trung-hoa. Nguồn gốc *typhoon* là do chữ "đại phong" (gió lớn) của Tàu. Tiếng Bồ-đào-nha gọi là *tufão*. Á-rập gọi là *tufan*. Hi-lạp: *tuphon*.

TÌM TÀI-LIỆU

Bút Chì thiếu những tài-liệu sau, xin liệt-kê dưới đây. Quí vị có tài-liệu, hoặc biết một phần, xin mách hộ.

1.—Danh-sách các tác-phẩm trúng giải văn-học nghệ-thuật toàn-quốc thời đệ nhất và đệ nhị Cộng-hoà.

2.—Bài thơ *Những Con Đường Quảng-Ngãi.*

3.—Tài-liệu chi-tiết về Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, giai-đoạn đông-du.

4.—Bài thơ Có các câu :

Khi tôi về căn nhà xưa đã mất
Buồn phơi trên từng bước đường dài
Những người lạ nhìn tôi, tôi cúi đầu nhìn bóng
Thấy mơ-hồ nỗi nhớ rung lên...

5.—Thơ Hoài Khanh.

6.—Tài-liệu nói về sự khác-biệt giữa hệ-thống tổ-chức và sự thờ kính giữa các giáo-phái: Chính-thống, Gia-tô, Tin lành, Thanh-giáo và Quaker.

Phan Software giới thiệu VNPAGE & VNWORD

Hệ Thống Desktop Publishing Software và Word Processor bằng tiếng Việt đầu tiên tại Hoa Kỳ dùng cho máy điện toán IBM-PC/XT/AT hay compatibles.

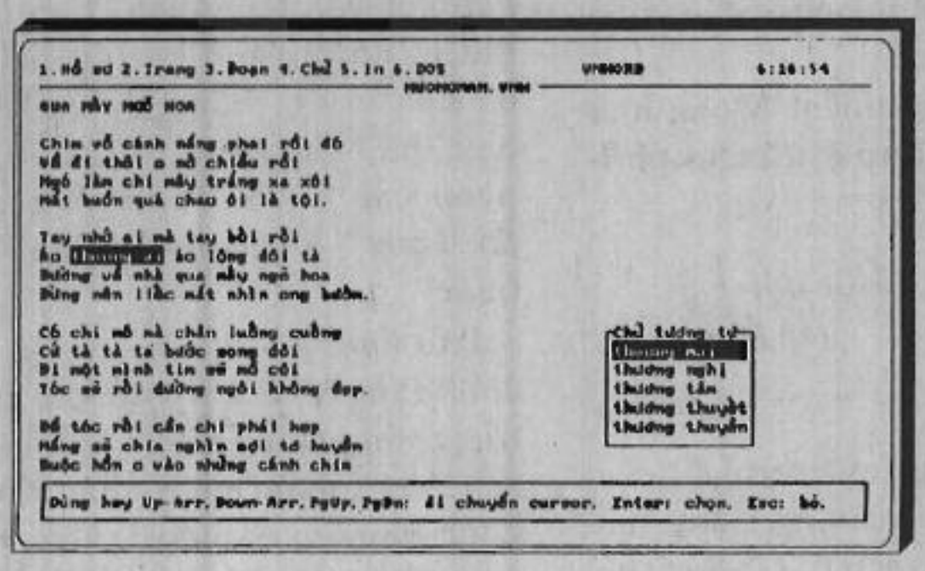


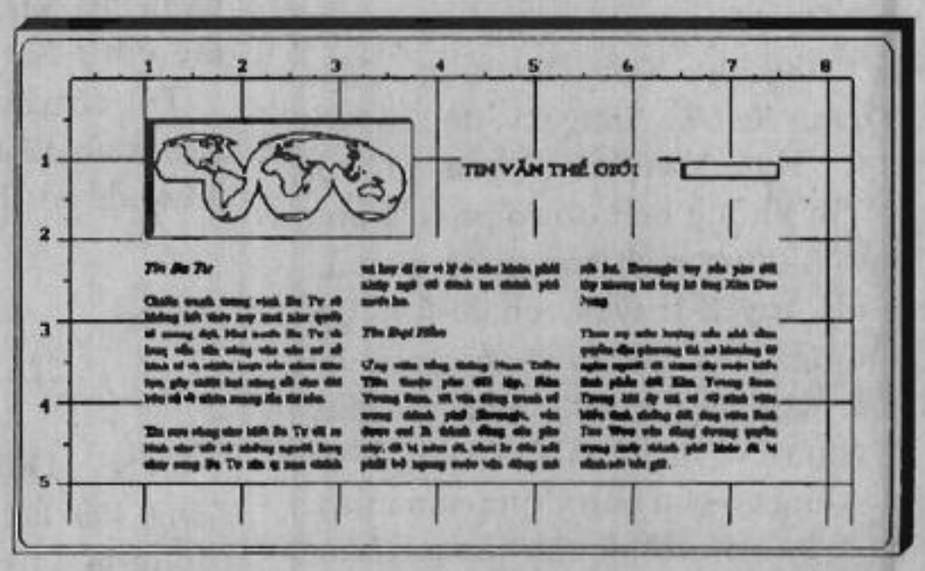
ĐẶC ĐIỂM

- phong phú và đầy đủ khả năng như bất cứ một hệ thống desktop publishing và word processor tiếng Anh nào trên thị trường.
- đủ option để trang trí layout như trình bày nhiều cột, kẻ hàng, chia khung, sắp xếp hình ảnh với kích thước như ý, và thay đổi kiểu chữ với nhiều loại font tiếng Việt, v.v.
- đánh vần chữ đơn và ghép tiếng Việt với tự điển thông dụng 5000 chữ.
- cách đánh chữ và dấu hoàn toàn giống như máy đánh chữ tiếng Việt quen thuộc.
- in chữ quốc ngữ ra giấy không thua kém máy typesetter.

Với VNPAGE và VNWORD quý vị có thể thực hiện :

- *Thiết lập hồ sơ, danh sách, nhãn hiệu, letterhead* - nhanh chóng, tiết kiệm.
- *Trình bày, trang trí quảng cáo thương mãi, giao dịch* - đơn giản, mỹ thuật, dễ thay đổi.
- *Dịch vụ đánh máy* - cần thiết cho cộng đồng, tiểu thương.
- *Thư tín* - liên lạc đoàn thể, thân nhân, thân hữu.
- *Giáo dục* - gia đình, học đường để khuyến khích, duy trì tiếng quốc ngữ đang mai một tại hải ngoại.
- *Sáng tác văn nghệ, thơ văn, báo chí, tạp chí* - tiện việc sửa chữa, lưu trữ.
- *Xuất bản, phát hành* - giảm thiểu tối đa phí tổn ấn loát, kiểm chứng.
- *Chính tả* - sửa đổi dấu, đánh vần đúng chữ mẹ đẻ.
- *Ngôn ngữ* - có thể áp dụng cho ngôn ngữ vần la tinh như Anh, Pháp , Đức, Tây Ban Nha, v.v.





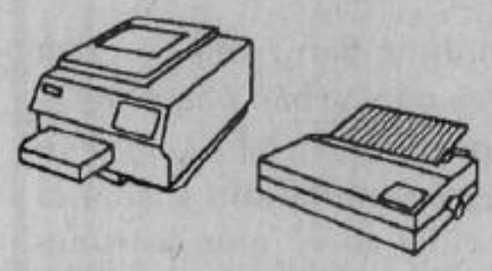
Giáo Sư Lê Ngọc Hoàng, Vevey, SUISSE

"Chúng tôi hết sức hài lòng và khen ngợi sự phát minh rất quý hoá này."

Bác Sĩ Nguyễn Tài Mai, Andover, Massachussets, U.S.A.

"Tôi đã có dịp dùng vài softwares ở xứ này nhưng phải nhận rằng bộ software của ông thật dễ xử dụng ... Bắt đầu dùng máy điện toán từ năm 1983, mãi đến nay mới thấy một bộ software bằng tiếng mẹ đẻ ... Từ nay ngồi vào máy điện toán hết cái cảnh nói mượn viết nhờ. Công lao ấy của quý ông đối với tiếng mẹ đẻ thật khôn lường."

VNPAGE & VNWORD, một sản phẩm không thể thiếu sót trong tủ sách điện toán gia đình của người Việt Nam hải ngoại yêu thương tiếng mẹ.



Phan Software
P.O. Box 522
Verdugo City, Ca. 91046
ĐT : (818) 248-9731

Giá giới thiệu chỉ có

VNPAGE : $ 99.00
VNWORD : $ 89.00

Đặc biệt trong vòng 30 ngày, nếu quý vị không vừa ý, Phan Software sẽ hoàn tiền lại.

Hardware

- IBM-PC (hay compatibles), 512K
- EGA Card, EGA Monitor
- Dot-Matrix Printer (VNWORD)
- HP LaserJet Series II Printer (hay compatibles) (VNPAGE)

Trang này được thực hiện hoàn toàn bằng VNPAGE và VNWORD, và in ra dùng HP LaserJet Series II Printer



Diễn Đàn

LTS.— Làng Văn xin mở mục "Diễn-Đàn" để quí vị độc-giả và bằng-hữu góp ý về mọi vấn-đề liên-quan đến người Việt. Những ý-kiến nêu ra trong mục này không nhất thiết phải trùng-hợp quan-điểm và lập-trường của tờ báo.

Bài gửi cho "Diễn-Đàn" xin viết ngắn, gọn và dễ đọc, trên một mặt giấy, xin gửi kèm theo tên tuổi, địa-chỉ, điện-thoại người viết. Tòa-soạn sẽ giữ kín, nếu có lời yêu-cầu.

BÁO CHỐNG CỘNG BÀY BÁN TẠI HANG-Ổ VC

Tôi thấy báo *Làng Văn*, cùng các báo *Văn-Học, Phụ-Nữ Diễn-Đàn, Văn-Nghệ Tiền-Phong* v.v. cùng các sách chống Cộng như *Đáy Địa Ngục, Cùm Đỏ, Tháng Ba Gãy Súng* v.v. đều có bày bán tại "Nhà Việt-Nam" của CS tại Paris. Tôi không biết đó có phải là nhà báo muốn dùng sách báo quốc-gia của mình mà tuyên-truyền, chiêu-hồi CS hay không. Hay là nơi ấy họ mua lại của các sạp báo khác, đem về "bày hàng" cho ra vẻ trung-lập, phi chính-trị (vì họ cũng có bán báo Cộng-sản nữa).

Nếu là báo do chính nhà báo gửi bán, tôi thấy có lợi mà cũng có hại. Tôi xin nêu ra đây. Nếu nhà báo mà thấy lợi nhiều hơn hại thì tiếp-tục làm, còn như thấy hại nhiều hơn lợi thì bỏ đi.

Về sự có hại, tôi thấy có các điểm như sau:

- Cộng-sản dùng báo *Làng Văn* làm bình-phong mà núp, vì báo *Làng Văn* là báo chống Cộng, họ bán báo *Làng Văn* để lấy tiếng, nếu không được xem là quốc-gia thì cũng có vẻ như là trung-lập.

- Những kẻ nội-thù với *Làng Văn* sẽ chụp mũ tòa-soạn "ăn tiền của VC" — dù đó chỉ là tiền bán báo cầm về.

Về mặt có lợi, tôi thấy có các điểm sau:

- Tuyên-truyền trực-tiếp vào hàng ngũ cán-bộ CS, và cảm-tình-viên, vì người Việt quốc-gia chẳng mấy ai mua sắm tại các tiệm của VC.

- Phổ-biến được những lý-lẽ chống lại việc chuyển tiền, gửi hàng và du-lịch Việt-nam trong số những khách hàng của VC, là những người đang tiếp tay với CS.

Tôi có vài lời thô-thiển. Mong nhà báo xem nếu thấy hợp-ý thì cho phổ-biến, để tỏ rõ vấn-đề.

Một độc-giả
tại Pháp

LTS.—Đối-tượng tuyên-truyền của *Làng Văn* là hàng ngũ cán-bộ Cộng-sản (đồng-bào tị-nạn đã hiểu rõ CS lắm rồi, chả cần phải tuyên-truyền). Ngay lúc ra số báo đầu-tiên, tòa-soạn đã tìm đủ mọi cách để báo có thể lọt được vào quốc-nội Việt-nam, và các trụ-sở CS tại hải-ngoại. Báo lọt được về VN rất ít, nhưng vẫn có. Còn lại, tất cả các cơ-sở chính-thức của CS tại hải-ngoại đều chống việc *Làng Văn* gửi bán. Có nơi ban đầu đòi huê hồng thật cao, toà soạn cũng chịu, cuối cùng họ vẫn từ-chối. Các nơi ông thấy bày bán Làng Văn là cơ-sở bán công-khai của CS, hoặc chỉ là nhà buôn trung-gian gửi hàng, chuyển tiền. Các cơ-sở bán công-khai của VC thì ngậm đắng nuốt cay mà bán *Làng Văn*, cũng như sách-báo chống Cộng khác (như các sách và báo ông đã thấy), có cơ-sở chỉ bán sách báo quốc-gia, không hề bày bán bất cứ quyển sách hay tờ báo nào của CS cả. Những chiếc áo cà sa không làm nên ông bụt. Chẳng ai ngây thơ đến độ thấy báo chống Cộng bày bán ở tiệm nào thì tin ngay tiệm ấy là người quốc-gia. Cũng như không phải cứ ông nào to mồm chống Cộng là ông ấy chống Cộng... thật. Đồng-bào có mắt nhìn, và có sự phán-đoán của họ.

Riêng về mặt tuyên-truyền, trong bốn năm qua tòa-soạn đã cố-gắng rất nhiều để báo nhà phổ-biến được trong hàng-ngũ địch càng nhiều càng tốt. Có như vậy mới bõ công anh em thức đêm thức hôm, ngồi gãy xương sống ra mà viết lách, đánh máy, hay chạy đông chạy tây diễn-thuyết, vận-động đồng-bào chống lại các chiến-dịch như hoa hồng đỏ, "du-lịch VN", bang-giao Mỹ—VC, tôn-vinh Hồ Chí Minh, đàn-áp Thiên Chúa giáo, Phật-giáo chẳng hạn. Người làng biết rằng sức một nhóm nhỏ không xoay nổi thời-cuộc, nhưng nỗ-lực chung của đồng-bào có tiềm-năng sâu rộng hơn. Mặt khác, sự vận-động thành-phần cán-bộ CS hay lưng chừng chính-trị cũng là việc phải làm, và làm liên-tục. Dù số báo *Làng Văn* lọt vào lòng địch chưa được bao nhiêu, nhưng ảnh-hưởng của nó cũng đã khá mạnh. Bằng-chứng là hai năm nay, báo-chí trong nước, và cả hải-ngoại của VC, không ngớt gào-thét lên án *Làng Văn* là "phản-động", "phản-quốc".

Báo *Làng Văn* có mặt tại các cơ-sở có dính-dáng tới CS, mang theo những bài báo chống chuyển tiền, gửi hàng, "du-lịch VN", bày nhan-nhản trước mắt đồng-bào đi gửi hàng, khiến VC như... ngồi phải cọc. Ký-giả DTN, tác-giả bài "Du-Lịch VN, Sợi Dây Thừng Thắt Cổ Thân-Nhân và Đồng-Bào" đăng trên *Làng Văn* số 30 đã bị báo Đất Việt tháng 7.1987 kết án "phản-bội tổ-quốc", "đồ-đệ của phát-xít Goebbels." Thái-độ điên-tiết của cơ-quan kiều-vận CS chứng-tỏ sự có mặt của Làng Văn có ảnh-hưởng không nhỏ tới thái-độ chính-trị trong hàng ngũ đỏ và những đồng-bào mang tiền đi đổ vào bộ máy kinh-tài.

Trong hai năm nay, chúng ta đã biểu-tình, phát truyền-đơn khá nhiều bên ngoài trụ-sở kinh-tài VC và trung-gian. Chúng ta cũng cần phải duy-trì những tờ truyền-đơn phát bên trong trụ-sở của chúng nữa. Một trong những tờ truyền-đơn đó, là tạp-chí Làng Văn.

NHẬN ĐƯỢC, GIỚI-THIỆU

Trong thời-gian qua, tòa-soạn nhận được các tập sách sau đây do nhà xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Xin trang-trọng cảm-tạ quí vị và ân-cần giới-thiệu cùng bạn đọc:

MUÔN KIẾP CÔ-LIÊU

Trường-thiên tiểu-thuyết của Mai Kim Ngọc, Văn-Nghệ xuất-bản tại quận Cam, Cali, Hoa-kỳ. Tập I: *Những Hạt Phấn Thông*, dày 296 trang, giá 14 mỹ-kim. Xem thư-mục Làng Văn.

MÂY HƯƠNG

Tập thơ Tuệ Nga, lời giới-thiệu của Tuệ Đàm Tử, bìa Từ Nguyên Trầm, Nguồn Sống xuất-bản tại San Jose, Cali, Hoa-kỳ.

LỠ MỘT CHUYẾN ĐI

Truyện dài của Trần Kim Vy, thay lời tựa của Nguyễn Đình Tuyến, tác-giả xuất-bản tại Houston, Texas, Hoa-kỳ, sách dày 400 trang, giá 14 mỹ-kim. Liên-lạc: Trần Kim Vy Enterprises, P.O. Box 720772, Houston, TX.77072-0772, USA.

NGHỆ-THUẬT TRÀO PHÚNG VÀ NỤ CƯỜI TRONG THI VĂN VN

Bình-khảo của Hoàng Trọng Thược, tựa của Thái Can, trọn bộ 2 tập dày tổng-cộng 400 trang, giá 20 mỹ-kim. Liên-lạc: Hoàng Tiến Nguyễn, 3214 S. Timber St., Santa Ana, CA.92707, USA.

L'APPEL D'AMOUR

Thi-tập Pháp-ngữ của Hyên-Sĩ của Sư-huynh Pierre Lê Quang Dũng, tựa của GS Triết-học Philibert Secrétan, Đại-học Fribourg, Thụy-sĩ. Sách dày 56 trang, xuất-bản tại Thụy-sĩ, không đề giá bán. Liên-lạc: Monastère Notre-Dame de Fatima, Des Cisterciens Vietmamiens, 1681 Orsonnens, Suisse.

THƠ TUYỂN DỊCH

Đào Hữu Dương tuyển dịch từ thơ Pháp, Anh, Hán Việt và thơ Đường. Sách dày 76 trang, Diễn Đàn Thanh Niên xuất bản, không đề giá bán. Liên-lạc: Đào Hữu Dương, 4009 Caminito Davila, San Diego, CA.92122, USA.

ĐỘC-GIẢ LÀNG VĂN GÓP SỨC
BẢO-TRỢ ĐỒNG-BÀO TẠI CÁC TRẠI TỊ-NẠN Á-CHÂU

Hưởng-ứng lời kêu-gọi của Ủy Ban Vùng Toronto Cứu-Trợ Người Việt Tị-Nạn, tòa-soạn Làng Văn mở Sổ Vàng Bảo-Trợ, gây quỹ bảo-trợ đồng-bào còn lại các trại tị-nạn trong nguy-cơ bị trả về Việt-Nam. Chi-phiếu gửi về Sổ Vàng Bảo-Trợ xin đề:

The Greater Toronto Vietnamese Refugee Assistance Committee
C/o Làng Văn, P.O.Box 310, Station "W", Toronto, Ont. M6M 5B9, Canada

DANH-SÁCH ÂN-NHÂN ĐÓNG-GÓP (tính tới 22.11.1988)

Mai Liêm (Missisauga) ..... 50 gia-kim
Hồ Sĩ Phước Hòa (Edmonton) ..... 50 gia-kim
Tạm cộng: ..... *100 gia-kim*

NHẮN TIN

Hội Ái-Hữu Sĩ-Quan Hải-Quân các khóa Lưu Đày và thân-hữu mong liên-lạc các chiến-hữu Sĩ-quan Hải-quân Lưu Đày, thụ-huấn khóa 6/69, 1/70, 2/70, 3/70 tại trường Bộ-Binh Thủ Đức, các khóa 1, 2, 3, 4, 5 Đặc-biệt Sĩ-quan Hải-quân Nha-trang và thân-hữu.

Xin liên-lạc: *Đàm Văn Hòa (703) 876-0661*
Nguyễn Văn Định (612) 456-5349
Bùi Đức Lý (206) 767-3113
Mai Vàng (703) 644-1530
Địa-chỉ liên-lạc: 8253 First Ave., Vienna, VA.22180, USA.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anne Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
The University Library
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

Đầu Làng Cuối Xóm



Chiến-Thuật "Xương Khô"

Mõ Làng Văn

Tháng trước đây, bà Đạm Phương, một thành-viên của viện Nhân Dân Làm Chủ do người hùng đi dây Đoàn Văn Toại chủ-trương, đã phổ-biến rộng-rãi một bức thư ngỏ, bênh-vực cho việc bà theo vũ đuôi cho đoàn lân đỏ.

Bà Đạm muốn noi gương bà Trưng bà Triệu, hay bà... Ngô Bá Thành với ni-sư Huỳnh Liên, đó là việc riêng của bà. Mõ Làng Văn không quen đánh người đẹp bằng củi tạ, còn đánh bằng hoa hồng thì... phí quá, xin miễn bàn. Thời-đại hỗn-mang, thiên-hạ có trăm phương ngàn cách để bày tỏ tấm lòng trung-trinh, ái-quốc thương nòi. Dân-chúng đời nay bị bịp mãi cũng đã khôn ra rồi, đừng lo họ bị bịp nữa. Cho nên, ai múa roi đi quyền mặc ai, tháng tháng Mõ Làng Văn mõ ta ta gõ cũng đủ vui rồi. Tuy-nhiên. Lại cái tuy-nhiên cà-chớn! Cái nhà bà Đạm Phương không múa roi. Bà cầm hai cái ống xương của tiên-phụ của bà mà múa, cái mới khiếp. Nhưng đó cũng vẫn là việc riêng của bà, nếu như phụ-thân của bà chỉ là ông A ông B ông C nào đó, Mõ Làng Văn chả thèm lý tới, đằng này, phụ-thân bà Đạm lại là một nhà cách-mạng đáng được liệt vào hàng anh-hùng dân-tộc: cố luật-sư Trần Văn Tuyên. Điều đó làm cho Mõ Làng Văn ấm ngực, ức lòng!

Để độc-giả bốn phương hiểu rõ đầu-đuôi tự-sự, Mõ Làng Văn xin tóm-tắt nội-vụ.

Số là, anh-hùng đi dây Đoàn Văn Toại, người ủng-hộ giải-pháp Trương Như Tảng trước đây, sau một thời-gian im hơi lặng tiếng, đột-nhiên đứng lên phất cờ, lập Viện Dân-Chủ mập-mờ đánh bóng cho cải-cách bịp Nguyễn Văn Linh, tán-trợ bang-giao Vẹm—Mỹ. Trong số các đồng-chí của ông Toại có bà Đạm Phương, ái-nữ của nhà cách-mạng Trần Văn Tuyên. Dư-luận đồng-bào tị-nạn không ưa bất cứ cái gì đỏ đỏ, hồng hồng, dấy lên giáng cho tổ-chức của ông Toại những đòn chí-tử. Bà Đạm bèn ra thư phân-bua rằng thì là. Bốn phần năm cái thư tràng giang đại-hải của bà dành ra để nhắc-nhở công-đức của phụ-thân. Việc ca-ngợi ấy có thể xem là một nghĩa-cử cách-mạng, nếu bà dùng công-nghiệp của tiên-phụ để kích-thích lòng yêu nước của dân-chúng, hô-hào họ đứng dậy diệt Cộng cứu nước. Đàng này, cái ý của bà ngược lại rõ-ràng. Hiếu-nữ Đạm Phương tả xung hữu đột, tóc búi ngược, váy xắn cao, hai tay múa tít hai ống xương của bố để chống lại những người cùng chí-hướng với bố mình, để bảo-vệ cái lý-tưởng và tập-thể đã tống giam, hành-hạ và thủ-tiêu bố mình. Không biết vong-linh người quá-cố mà thi-thể giờ này vẫn còn vùi nông hoang-lạnh ở một bìa rừng vắng-vẻ nào đó, có đau-đớn, tủi-hổ ra sao, chứ Mõ Làng Văn càng đọc lá thư phân-bua của bà Đạm, càng thêm chua-xót. Hình-ảnh bà Đạm ngày nay nhắc Mõ Làng Văn nhớ tới hình-ảnh cô Đạm của Nguyễn Du ngày xưa. Van-vái hương hồn cụ Tuyên sống khôn thác thiêng hiện về dạy lại cho cô con gái bài học *vong quốc hận*, để bà ngồi bên này đại-dương hát mãi khúc *hậu đình hoa*, rác tai cả nước!

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC BÁN SÁCH CHO ĐỘC-GIẢ QUA BƯU-ĐIỆN

Trong thời-gian bốn năm qua, hệ-thống phát-hành Làng Văn đã làm việc liên-tục, và đưa được một số lượng ấn-phẩm rất lớn tới độc-giả ở khắp nơi. Nhằm các mục-đích khuyến-khích mua sách, đọc sách Việt; bảo-đảm các gói sách đến tận tay người mua nhanh-chóng và an-toàn, tòa-soạn sẽ áp-dụng tức-khắc các lệ mới như sau:

1.—Bớt giá:

- Độc-giả dài hạn của tạp-chí *Làng Văn* (có mã-số in trên nhãn địa-chỉ gửi báo) vẫn được bớt 10% trên tổng giá, khi mua sách do Làng Văn phát-hành. (Lưu-ý: 10% này chỉ áp-dụng khi mua sách, không áp-dụng cho giá báo). Nếu mua trên 500 mỹ-kim, hoặc trên 600 gia-kim một lần, sẽ được bớt 20 %.
- Các độc-giả khác khi mua trên 500 mỹ-kim hoặc trên 600 gia-kim một lần, sẽ được bớt 10 %.
- Các đại-lý phát-hành báo *Làng Văn*, khi mua mỗi tựa 5 cuốn trở lên (không cần phải mua hết các tựa), được bớt 35 %. Tựa sách nào mua 100 cuốn trở lên, được bớt 40 %.

Các đại-lý khác, hoặc các tổ-chức, hội-đoàn Việt-nam khi mua mỗi tựa từ 5 cuốn trở lên (không cần hết các tựa) được bớt 30%. Tựa nào mua 100 cuốn trở lên được bớt 35 %.

2.—Bảo-hiểm và bảo-đảm:

- Kể từ ngày hôm nay trở đi, mỗi lần đặt mua sách dù ít hay nhiều, xin quí độc-giả gửi thêm 1 mỹ-kim (ở Gia-nã-đại: 1 gia-kim) phụ-phí bảo-hiểm. Tòa-soạn sẽ thay mặt quí vị, dành thêm thì giờ lo thủ-tục bảo-hiểm cho gói hàng.
- Trong trường-hợp quí độc-giả muốn gói sách mình mua được gửi theo lối bảo-đảm, xin gửi thêm 3 mỹ-kim (Gia-nã-đại: 3 gia-kim). Trong trường-hợp này, chỉ cần phụ-phí bảo-đảm là đủ, không cần phụ-phí bảo-hiểm.

3.—Cước-phí máy bay:

Tất cả các gói sách đặt mua đều được gửi bằng đường bộ và thủy. Thời-gian đi đường trong nội-địa Gia-nã-đại từ 7 đến 15 ngày. Hoa-kỳ từ 10 đến 21 ngày. Âu-châu khoảng 6 tuần. Úc và Á-châu khoảng 12 tuần.

Nếu muốn sách gửi bằng máy bay, xin gửi thêm phụ-phí hàng-không, tương-đương 1/2 tổng giá sách.

Mừng Giáng Sinh

Đón Giáng Sinh

Hãy cùng nghe cùng hát

Băng nhạc Giáng Sinh thực hiện rộng rã trong bốn tháng, qui tụ những danh phẩm muôn đời

TIẾNG HÁT THIÊN THẦN



một tuyển chọn những bài hát Giáng Sinh Việt Nam và Thế Giới hay nhất



Tiến Dũng, Tuấn Đức, Minh Ngọc, Thùy Hạnh

* TIẾNG HÁT THIÊN THẦN,
một giàn nhạc đại hòa tấu hùng vĩ;
hòa âm công phu tuyệt hảo; kỹ thuật thâu âm tối tân; nghệ thuật hợp ca vững vàng
một hãnh diện của SOUNDTECH STUDIO,
một gởi gấm trân trọng tới người nghe
của

BAN HỢP CA THÙY DƯƠNG

Hãy tặng nhau món qùa ý nghĩa và xinh xắn nhất cho mùa Giáng Sinh 88:

CHRISTMAS IS LOVE **Băng nhạc TIẾNG HÁT THIÊN THẦN**

Hãy chúc nhau lời chúc đẹp nhất cho mùa Giáng Sinh 88 với Băng nhạc TIẾNG HÁT THIÊN THẦN

MERRY CHRISTMAS



Hãy giữ mãi không khí rộn ràng ấm cúng suốt mùa Giáng sinh 88 với Băng nhạc TIẾNG HÁT THIÊN THẦN

1. Adeste Fideles—nhạc ngoại quốc, lời Hoài Chiên
2. Mùa Đông Năm Ấy—nhạc và lời Hoài Đức
3. Tiếng Hát Thiên Thần—nhạc Pháp, lời Hoàng Diệp
4. Đêm Thánh Vô Cùng—nhạc Kranz Gruber, lời Hùng Lân
5. Có Một Vì Sao—nhạc và lời Lê Văn Khoa
6. Đêm Bình An—nhạc và lời Ngô Duy Linh
7. Hang Bê-Lem—nhạc và lời Hải Linh, hòa âm vocal Lê Văn Khoa
8. Cao Cung Lên-nhạc Hoài Đức, lời Nguyễn Khắc Xuyên
9. Jingle Bells—nhạc ngoại quốc
10. Loài Người Ơi—nhạc và lời Van Thiện
11. Hội Nhạc Thiên Quốc—nhạc Thánh An Phong, lời Hoàng Diệp
12. Nguyện Cầu—nhạc Thành Tâm, cảm hứng Thánh Vịnh 136

TỔNG PHÁT HÀNH

THÙY DƯƠNG, 1801 Jacaranda Pl., Fullerton, CA 92633. Tel. (714) 870-0794. Cơ sở DÂN CHÚA, PO Box 1419 Gretna, LA 70053. Tel. (504) 392-1603. Mr. ĐINH QUANG LƯỢNG, Rue Rothchild 58, 1202 Geneve, Suisse. Tel. 022/31 06 72.

ĐẠI LÝ

Nhà sách VĂN KHOA, 9200 Bolsa Ave., (khu Phước Lộc Thọ) Westminster, CA 92683.
Nguyệt san TRÁI TIM ĐỨC MẸ, 1900 Grand Ave., Carthage, MO 64836-9990. Tel (417) 358-8296
Nguyệt san ĐẤT NƯỚC TÔI, 17355 E. Valley Blvd., La Puente, CA 91744. Tel. (818) 810-0595
Nguyệt san ĐỨC MẸ HANG CỨU GIÚP, 579 W. Mariposa St., Altadena, CA 91001. Tel. (818) 794-4956

Hoa Kỳ: $7.50. Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 bưu phí

□ chi phiếu, □ money order $ nhớ ghi rõ tên Hùng Trần

● ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

MUA BÁO DÀI HẠN
nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

MUA BÁO DÀI HẠN

Độc-giả mua báo báo dài hạn sẽ nhận được báo gửi đến tận nhà, được hưởng 10 % huê-hồng khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành, không phải trả thêm khi báo tăng giá khi báo của quí vị chưa hết hạn, và được hưởng nhiều quyền-lợi khác.

Xin xem trang 94 mỗi kỳ để biết giá báo dài hạn, cắt và điền phiếu mua báo, gửi kèm chi-phiếu về tòa-soạn hoặc các văn-phòng *Làng Văn* địa-phương. Chi-phiếu (cheque), bưu-phiếu (postal money-order, mandat) hay ngân-phiếu (ngân-phiếu) gửi về tòa-soạn xin đề "Làng Văn", trả bằng mỹ-kim, hoặc gia-kim. Chi-phiếu gửi về văn-phòng *Làng Văn* có thể trả bằng tiền địa-phương.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong khoảng từ 2 tới 6 tuần sau ngày đặt mua, tùy theo báo gửi bằng đường bộ, thủy hay hàng không. Sau thời-hạn này nếu vẫn chưa nhận được báo, xin cho biết để toà-soạn xem lại.

GIÁ BÁO
(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi đi	bằng đường bộ hay đường thủy	bằng máy bay
Gia-nã-đại	35 gia-kim	50 gia-kim
Hoa-kỳ	35 mỹ-kim	40 mỹ-kim
các nước khác	45 gia-kim (hoặc 35 mỹ-kim) *không bán bảo đường thủy đi Úc và Á-châu)*	75 gia-kim (hoặc 65 mỹ-kim) *gửi bưu-phiếu về tòa-soạn Làng Văn*

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên: .....

Địa-chỉ: .....

.....

Mua.....năm (.....số), từ số.....kèm chi-phiếu .....

Chi-phiếu xin đề: "Mr. NGUYEN N.", gửi về tòa-soạn Làng Văn

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số: .....

để tặng cho : .....

Địa-chỉ: .....

.....

Xin ghi : "Do ..... tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu : .....

Chi-phiếu xin đề: "Mr. NGUYEN N.", gửi về tòa-soạn Làng Văn

MÃ-SỐ ĐỘC-GIẢ

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số, in ở góc phải, phía trên nhãn địa-chỉ trên phong-bì gửi báo hàng tháng. Mã-số này gồm ba nhóm số, nhóm thứ nhất là số thứ-tự của quí vị trong hồ-sơ, nhóm thứ hai là số báo hết hạn, và nhóm chót là cách gửi báo (đường thủy, bộ hay máy bay).

Thí-dụ : 4125-66-MB

ĐỔI ĐỊA-CHỈ

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh thất-lạc báo. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về. Danh-sách bạn đọc có báo bị trả về sẽ đăng ở mục Thư Đi Tin Lại

MUA BÁO CŨ

Giá báo cũ bằng giá báo hiện-hành.

Bạn đọc muốn mua dài hạn từ số 1 cho tới số mới nhất, và tiếp-tục, xin đặt mua 5 năm từ số 1. Tòa-soạn sẽ gửi từ số 1 cho tới số hiện hành và sau đó tiếp-tục gửi hàng tháng cho tới hết số 60.

ĐỘC-GIẢ TẠI ÂU VÀ ÚC-CHÂU CÓ THỂ ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN VỚI CÁC ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG CỦA "LÀNG VĂN"

GIÁ BÁO

Báo gửi đi	đường thủy	máy bay
Úc	(không bán)	70 úc kim
Tây Đức	70 mark	130 mark
Na-uy	250 krone	480 krone
Hòa-lan	75 gulden	150 gulden
Anh-quốc	22 pound	42 pound
Pháp	270 franc	450 franc

CHI-PHIẾU GỬI VỀ :

PHÁP :..... Làng Văn
7B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil

TÂY ĐỨC :..... Ngô Việt Dũng
Postfach 104122, 4600 Dortmund 1

HÒA-LAN :..... Hồ Thị Chiến
Lyster 77, 1628 Am-Hoorn-NH

NA-UY : ..... Nguyễn Văn Đảm
P.O. Box 8376 Hammersborg
0129 Oslo 1

ANH-QUỐC :..... Hoài Châu
19 Abdale Rd., London W12 7ER

ÚC-CHÂU :..... Ngọc Hân
P.O.Box 231, Villawood, NSW 2163

Thư Đi Tin Lại

NGUYÊN HƯƠNG *phụ-trách*



Bà HOÀNG LỆ NGA, TX.—Đã nhận được chi-phiếu mua báo. Theo hồ-sơ tòa-soạn, sách đã gửi ngày 29.9, vẫn chưa đến, không hiểu vì chậm hay mất rồi! Nếu báo này đến, sách vẫn bặt tăm, xin cho biết ngay. Trường-hợp ông Trọng Kim, cộng-tác một lúc hai báo nên tai-nạn "đặc-biệt"... chung mới xảy ra. Nghĩ rằng về mặt tin-tức, có khai-thác chung một nguồn tin cũng là chuyện thông-thường, nhưng sẽ tránh mấy chữ "đặc-biệt của..." đi thì phải hơn. Trông tin bà về vụ sách.

TÔ BẰNG HỮU, Công viên Trốn Nắng. — Đã nhận được đủ tranh, có thấy tiến. Cố lên nhé. Vẽ các tiểu-thư mặt hột xoài đã nhiều rồi, sau thử đổi kiểu, vẽ thêm mặt trái xoan, mặt vuông, mặt tròn, mặt dày, lưỡi cày, v.v. cho đủ kiểu! Sẽ gửi bù số 50 đi lạc. Lúc này còn "bắc tiến" mỗi cuối tuần không? Thân.

DIỄM CAO CỐ, Montréal.—Tòa-soạn đã dời chỗ từ tháng 8.88 rồi. Nhà mới cửa đủ cao để chào mừng quí khách, đừng lo. Nên đi vào đầu tháng 8. Lúc đó người làng về đông và vui hơn. Thân.

TRẦN THỊ XUÂN MAI, Laval.—Báo 51 và sách gửi cho bà cùng một gói, ngày 30.10, địa-chỉ đúng, cho tới nay vẫn không thấy bị trả về. Nếu khi báo 52 tới mà sách vẫn và số 51 vẫn chưa tới, cầm bằng như bị ông bưu-điện không thèm phát rồi. Trong trường-hợp đó, xin bà vui lòng gửi thêm 3 phụ-trội cho tiền bảo-đảm. Sách và báo gửi bù cùng cước-phí do tòa-soạn chịu. Kính.

Chị TUỆ NGA, Oakland.—Cảm ơn chị về tập *Mây Hương*. Thơ hay, sách đẹp mà không cho phổ-biến rộng, tiếc quá! Đã ghi số điện-thoại của chị vào sổ tay. Lần sau, thế nào cũng tới viếng chị, nghe thơ. Kính.

Cô HÀ TUYẾT TRINH, Montréal. *Mười Hai Hoa Cúc* giá 16 gia-kim một bó, độc-giả *Làng Văn* được bớt 10%. Bạn bảo "muốn ghé thăm, coi cái tòa-soạn của một tờ báo nó ra làm sao". Để Nguyên Hương tả cho bạn nghe nhá: dăm cái bàn, chục cái ghế, ba cái *photo-computerized typesetter*, tức máy xếp chữ bằng điện-toán, in theo phương-pháp quang-ảnh, một máy *photocopy*, hai đường dây điện-thoại, một phòng khách nhỏ, chừng chục kệ sách, một bàn kính có đèn để dán, vài tủ hồ-sơ. Khu đóng báo thì có máy gấp bìa, máy đóng, máy cắt, vài ngàn thùng giấy còn để dẹp, chưa dán để gửi báo. Khu gửi báo thì máy đóng tem, kho phong-bì, máy điện-toán làm nhãn địa-chỉ. Tất cả mọi thứ tập-trung vào một cái nhà to vừa vừa, trưng-dụng cả tầng hầm và nhà xe. Vậy thôi. Không-khí làm việc trong tòa-soạn rất "khẩn-trương", chẳng có gì đáng gọi là vui. Người ít, việc nhiều, một người phải làm bằng hai, nên mặt mày ai nấy đều nhăn-nhó, ngoại-trừ tuần-lễ lúc báo vừa ra, đã gửi đi xong hết. Tả như vậy là tạm đủ, bạn còn muốn xem nữa không? Câu hỏi về cụ Bút Chì, bạn đoán đúng. Thân.

BS NGUYỄN TRI PHƯƠNG, St. Louis.—Đã gửi lại ông cái chi-phiếu. NH đâu có bắt đền, mà ông gửi bù. Kính.

Cô TRẦN NHÃ UYÊN, Vọng-các.—Đã nhận được truyện và các bài thơ. Đang đọc. Mong tiếp-tục.

BS TRẦN VĂN TÍCH, Tây Đức.—Mong sớm nhận được *Mùa Xuân Thi Hội*. Những liều *vitamin "BK"* của bác-sĩ hiệu-nghiệm lắm. Kính.

Bạn THÀNH TÂM, Toronto.—Những điều ông nhận-định rất xác-đáng, nhưng đã có báo khác đăng rồi, không tiện đăng lại. Kính.

Anh TRẦN NGHI HOÀNG, San Jose.—Đã nhận được 50 tập thơ mỗi loại. Chờ nghe ý anh về vụ *Quỷ Mị Truyện*. Đã gửi chi-phiếu. Kính.

Anh NGUYỄN SĨ LONG, Palawan.—Đã nhận được thơ và nhạc. Thơ đang đọc. Nhạc vẫn "phát-thanh" đều đều qua cái loa con của ông bếp. Cảm ơn anh. Kính chúc sớm lên đường về đất mới. Kính.

Ông LÊ MINH KHÔI, Baltimore.—Đã nhận được các bài thơ về cô con gái nhà cách-mạng họ Trần. Thơ hay. Chúa-xót, phẫn-nộ là phải, song lời thơ có chỗ thô quá, không tiện đăng. Đã chuyền tay cho anh em đọc. Kính.

Anh NGUYỄN TƯ, Úc.—Xin theo lời anh. Khi định giá, đôi khi phải tính rộng ra cho 5 hay 10 năm sau nữa. Sách tái-bản cũng phải giữ giá bán cũ, nói chi tới sách tồn kho. Anh chỉ thiệt một cuốn. Làng Văn thiệt cả mấy trăm tựa sách vì tình-hình tiền-tệ quốc-tế thay-đổi bất thường!. Đành vậy! Thân.

Anh THẾ-UYÊN, Lacey.—Đã có thư riêng về *CTCM* và *BTC*. Chờ tin anh. Kính.

Anh ĐINH NGUYÊN, San Jose. — Cảm ơn anh về xấp nhạc. Đang xem.

Anh LNT, Belmore.—Sách báo bên Úc không lọt qua tới Bắc Mỹ bao nhiêu. Nếu được anh MD cho xem một số bản-thảo thì có thể trả lời chắc hơn. Kính.

Ông TOM HUỲNH, Downsview.—Xin vui lòng gửi chi-phiếu khác về tòa-soạn. Chi-phiếu số 035, ngày 17.8.1988, trương-mục số 02659-26, bị ngân-hàng trả lại. Gọi cho ông mấy lần, không liên-lạc được. Kính.

Ông TRẦN HƯNG THÀNH, Palawan.—Sẽ gửi thêm báo. Kính chúc quí vị nhiều may-mắn. Kính.

Nhà Văn DIỆU TẦN, Monterey.—NH đồng ý với ông về trường-hợp NT. Chờ đọc bài của ông TK. Phụ-bản của CBM dùng được lắm, nhưng sao lại bị thấm nước, mờ nhoè nhiều chỗ, như có ai đó cảm-động, nhỏ lệ khi xem tranh? Kính.

SĨ LIÊM, Paris. — Đã nhận được *Lời Thề Trước Ao* gửi đi trước khi bưu điện Pháp đình công. Hú vía! *Tình Buồn Như Lời Ca Vọng-Cổ* đã về tới làng, nguyên-vẹn. Hỏi nhỏ Liêm nhé, vợ chồng Trần Vũ đã sinh cho dì một đứa cháu gọi NH bằng "bà cô", bao giờ NH có cháu gọi bằng "bà dì" đây? Thân.

BÀ GIÀ TRẦU, Troyes.—Đồng ý số đặc-biệt ấy. Ra cho tháng 6.89 nhé? Nghĩa là bài vở phải gom đủ từ tháng 4, báo in vài giữa tháng 5, công việc phải chuẩn-bị ngay từ bây giờ. Tòa-soạn đang bận rối đầu vì số Xuân và chuyến đi (lại đi!) của ông chủ bếp. Bà già trầu làm tổng tư-lệnh cái mặt trận đó đi. Vụ phê-bình có chèo-kéo ấy, đừng lo, không ai dám đòi đập ống ngoáy của bà đâu. Thân.

Thi-sĩ HÀ HUYỀN CHI, Lacey.—*Làng Văn* không được hân-hạnh đăng thơ anh, vì ngại trùng với các báo khác, nào phải vì chủ-trương "cần chỗ cho người mới"! Bài nào gửi riêng cho *Làng Văn*, xin anh phê thêm cho một chữ "riêng" để NH biết mà mừng. Kính.

BS LÊ VĂN LÂN, New Jersey.—Thầy thuốc mà không thích được gọi bằng "bác-sĩ", đòi gọi bằng "ông lang tây", nghe hay chưa! Thì cũng đành chiều vậy. *Làng Văn* trước đây chẳng đã có mục "Câu Chuyện của Thầy Lang" là gì! Lang tây hay lang ta, miễn mát tay là được. Về vụ "La... Nguyên Hương", xin được giải bày như sau. NH là dân "mít" trăm phần trăm, những thỉnh-thoảng lại sinh nói tiếng tây. Hôm trước trả lời một độc-giả tưởng nhầm NH thuộc giới tu-mi nam-tử, thay vì nói toạc ra "em là thị mẹt", NH lại bày vẽ, bảo "NH là *la* chứ không phải *le*". Mạo-tự *la* trong tiếng Pháp chỉ giống cái, *le* giống đực. Lối nói ấy lại gây hiểu nhầm, khiến ông tưởng NH họ "La", không phải họ "Lê". Vậy xin phân-giải một lời: NH họ Nguyễn, không phải *la* hay lừa gì hết.

Trên đây, chỉ nói chuyện đầu cua tai nheo cho vui, chứ tên họ, thân danh có nghĩa lý gì mà phải thanh-minh với thanh nga cho tốn giấy. Hoan-nghênh bài *Lẳng Lặng Mà Nghe Nó Chửi Nhau* của bác-sĩ dành cho số tân-niên.

Bài *"Bùa Chú"* sẽ đăng trong số Xuân. Cảm ơn lá bùa bác-sĩ vẽ tặng... *Làng Văn* treo để trừ tà, tránh kẻ tiểu-nhân gia hại. Năm trước, thiền-sư Nhất Hạnh gửi về tặng làng một một bài kệ *vuông tròn* và mấy chữ *niêm hoa vi tiếu* (nhặt cành hoa lên và mỉm miệng cười), khiến quanh năm bớt nhăn-nhó nhau. Năm nay, được một đạo linh-phù của bác-sĩ nữa thì hay lắm. Xin mách thêm: dán vào mồm kẻ ác-nhân nào đây?

Về món "rắn khìa", nghe hấp-dẫn dữ a! Xin gửi gấp qua! Năm con rắn, mang rắn ra *khìa* thì có thể lai-rai được trọn tháng. Mong thay! Về chuyện *Xóm Cũ*, NH có thưa lại lời bác-sĩ, kêu "xóm" nhỏ quá, đổi thành "quê cũ" cho rộng, ông bếp vỗ trán thở ra: "Chỉ mới xưng là *làng xóm* thôi mà đã làm cho nhiều bạn mếch lòng. Xưng tới *tỉnh* hay *quê*, người ta xúm lại đánh hội-đồng, chịu đời sao thấu!"

Bà LỆ VÂN, Montréal.—Mong được đọc bài viết về Huế, và cả về dòng sông Tô-lịch của bà. Kính.

Họa-sĩ THÁI TUẤN, Orléans.—Mong sớm nhận được hình-ảnh về cuộc triển-lãm chung của anh tại Orléans. Nếu có cả ảnh chụp lại các tranh đã bày càng quý. Mong có dịp viếng anh chị và các cháu. Kính.

NGỌC KHÔI, Paris.—*Tôi và Marie* không có gì trục trặc. Tạ lỗi vì đã trả lời với Khôi là "sẽ đăng", mà đã ba năm qua, chưa thấy ...Khôi và Marie đâu! Một phần, vì nhận được bài mới, đọc và thích ngay nên đăng trước. Phần khác, báo ra mỗi tháng một kỳ, không đủ để chở hết bài vở, nên bị chậm một chút. Chậm, nhưng sẽ đăng. Các bài thơ, xin Khôi tùy-nghi. Đang nghiên-cứu và tham-khảo ý-kiến độc-giả để ra mỗi tháng hai kỳ. Có thể bắt đầu từ tháng 9.1989, sau sinh-hoạt kỷ-niệm đệ ngũ chu-niên *Làng Văn* tại Toronto. Thân.

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN, Houston.—Các văn-phòng đại-diện *Làng Văn* tại Âu, Á và Úc-châu sẽ giúp em phổ-biến tờ *Phương Đông*. Cố ra cho đều. Ra đều cũng là một trong những yếu-tố để có độc-giả và giữ độc-giả. Chúc *Phương Đông* sớm nở một mặt trời. Thân.

Anh NGUYỄN QUYẾT THẮNG, Hòa-lan.—Đã nhận được thư. Ông bếp đã hứa, sẽ qua. Sẽ có thư. Thân.

VÕ SƯ HUYNH, Maryland.—Món "Noel" lên bìa kỳ này, tiếp-tục mong "một món Tết thật mặn-mà". Xin gửi trước ngày 10.12 mới kịp cho số Xuân. Sau hết: nhớ ghi cho số điện-thoại để liên-lạc lúc gấp-rút. Hứa bảo toàn bí-mật, không tiết-lộ cho quí bà quí cô. Thân kính.

Em NGUYỄN ĐỨC HẢI, Montréal.—Cuốn *Anh Hùng Lĩnh Nam* tập 4 gửi ngày 29.9; *Những Người Đàn Bà Còn Ở lại* gửi cùng báo số 50, ngày 29.10; địa-chỉ em vẫn đúng mà sách với báo không tới tay em, rõ khổ! Nên khiếu-nại với người phát thư. Em ở chúng-cư, hộp thư của từng nhà rất nhỏ, có thể vì gói sách to, không đủ chỗ, họ đã vất bừa ra ngoài, hàng xóm giữ hộ em rồi quên luôn. Tình-trạng này xảy ra rất thường tại Montréal. Có vị kêu mất báo quanh năm, tòa-soạn cứ phải gửi bù. Cuối năm, vị ấy ấm-ức "méc" rằng có ông hàng xóm quanh năm có báo *Làng Văn* đọc chùa! Em xem lại, nếu hai cuốn sách vẫn chưa tới, gửi thêm 3 gia-kim chi-phí bảo-đảm, chị sẽ gửi bù.

Nhân đây, cũng xin quí độc-giả sống trong chúng-cư vui lòng lưu-ý quí vị bưu-tá trong vùng, tránh nạn bỏ báo và sách ra ngoài hộp thư. Làng còn nghèo, và quí vị cũng cần có sách báo đọc sớm! Đa tạ.

Cô (Ông) NGUYỄN NGỌC HOA. — (HÒA?), Hartford — Nhận được thư của cô (hay ông?) ngày 1.9.1988, kèm chi-phiếu để mua hai cuốn *Đêm Chong Đèn* và *Lớp Sóng Phế Hưng* của Hồ Trường An. Thư và chi-phiếu không có gì trục-trặc, nhưng tìm trong ngoài không có địa-chỉ người mua sách, thì *đèn* và *sóng* này biết gửi về đâu? Mong tin.

Anh NGUYỄN TẤN HƯNG, Winston Salem.—Đã nhận được *Hạm-Trưởng và Ngọc*. Có gì bảo-đảm là bài ấy đăng sẽ không làm cho bát đĩa nhà anh nó bay? Anh hỏi về xuất-xứ tranh con trâu ở bìa cuốn *Một Đời Để Học*, NH mới giật mình. Vì toàn bộ cuốn sách do chính anh xếp chữ sẵn và gửi về, tòa-soạn chỉ việc lên trang và giao cho nhà in, nên quên khuấy mất hai phần: giới-thiệu tổng-quát cuốn sách và mục-lục. Tác-giả tranh bìa là họa-sĩ Nguyễn Đồng, chữ ký ở góc trái phía trên, nhưng vì thu nhỏ lại, không đọc được nữa. Bìa do Dương Thượng Ngã trình-bày, với hai phụ-bản của Nguyễn Nhật Tân và Vũ Thái Hòa. Xin tạ lỗi cùng quí vị họa-sĩ, tác-giả và độc-giả.

Bài tựa *Một Chuyến Ra Khơi* sẽ xếp chữ bên này. Như vậy, truyện đầu-tiên, anh đánh số trang là 11, và cứ thế tiếp theo. Thân.

Anh LÊ TÂM, San Diego.—Bài Xuân đến vừa kịp lúc, không sớm đâu! Đã chuyển lời "cảm-thông" tới anh Nguyễn Ngọc Ngạn. Thân kính.

DUPONT SPECIAL AUTO REPAIR

DUPONT AUTO REPAIR

927 Dupont St., Toronto, Ont. M6H 1H1
(ở khoảng giữa Dovercourt và Ossington)
Tel. 532-5088 / 538-1202

24 Hours Towing : 538-8713

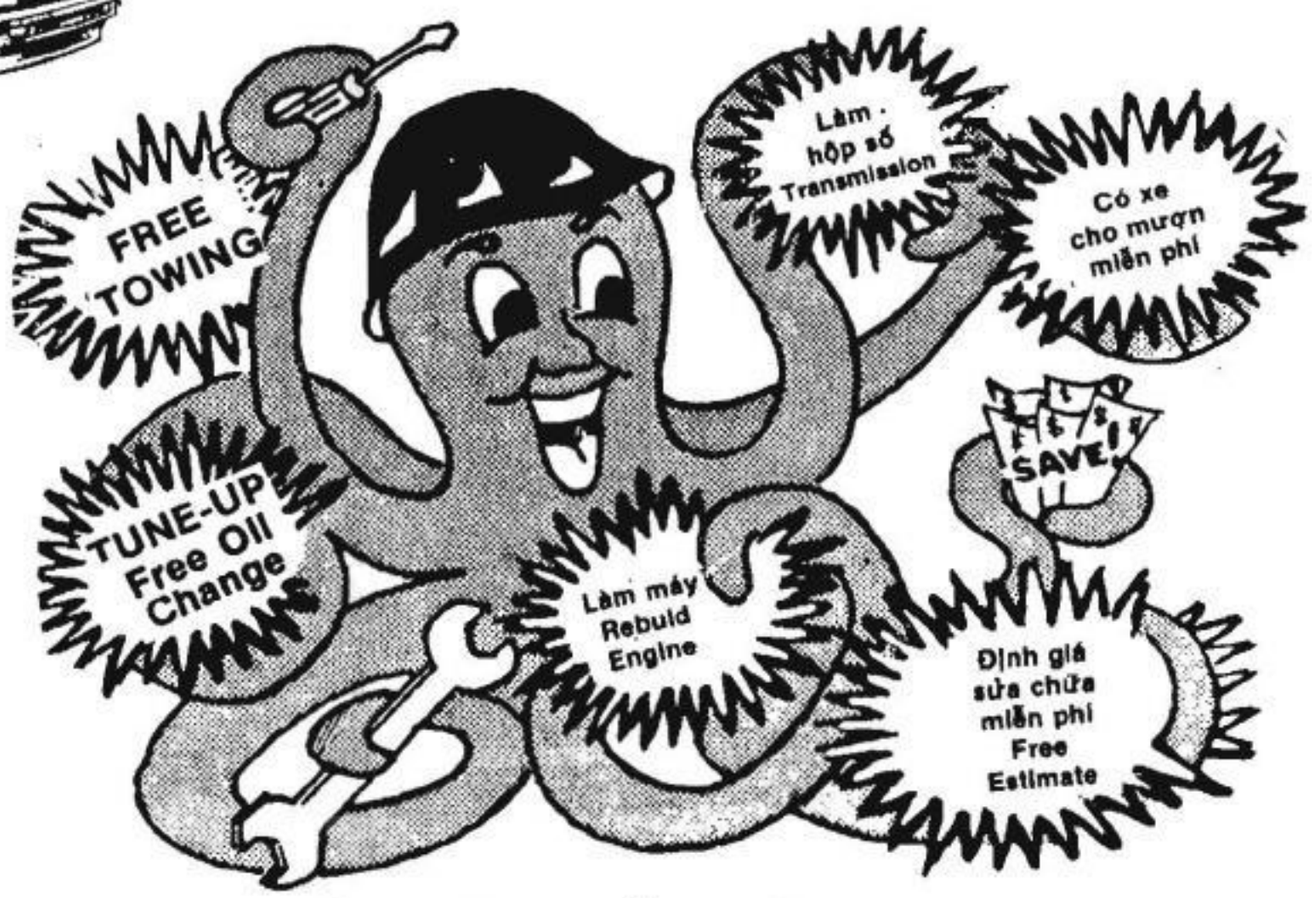
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
532-5088
HOẶC
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202
538-1202



CHUYÊN :

- *Sửa chữa tất cả các loại xe Âu, Mỹ, Nhật*
- *Tune-up, điều-chỉnh*
- *Muffler, ống hãm thanh*
- *Complete Brake Job, hệ-thống thắng*
- *Rebuilt carburator, bình xăng con*
- *Air condition, máy lạnh.*

ĐẶC BIỆT :



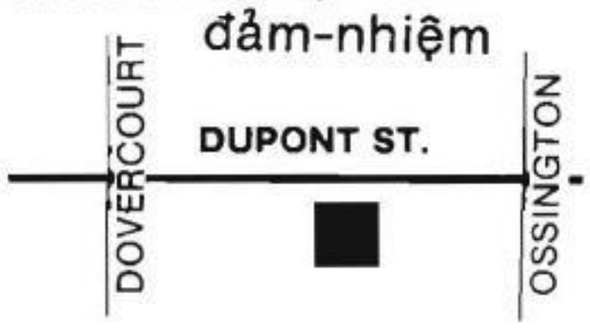
DUPONT AUTO REPAIR *CÓ NHỮNG ĐẶC BIỆT*

☐ *Tất cả việc làm đều được bảo-đảm 12 tháng* ***hoặc*** *12000Km bằng certificate.*

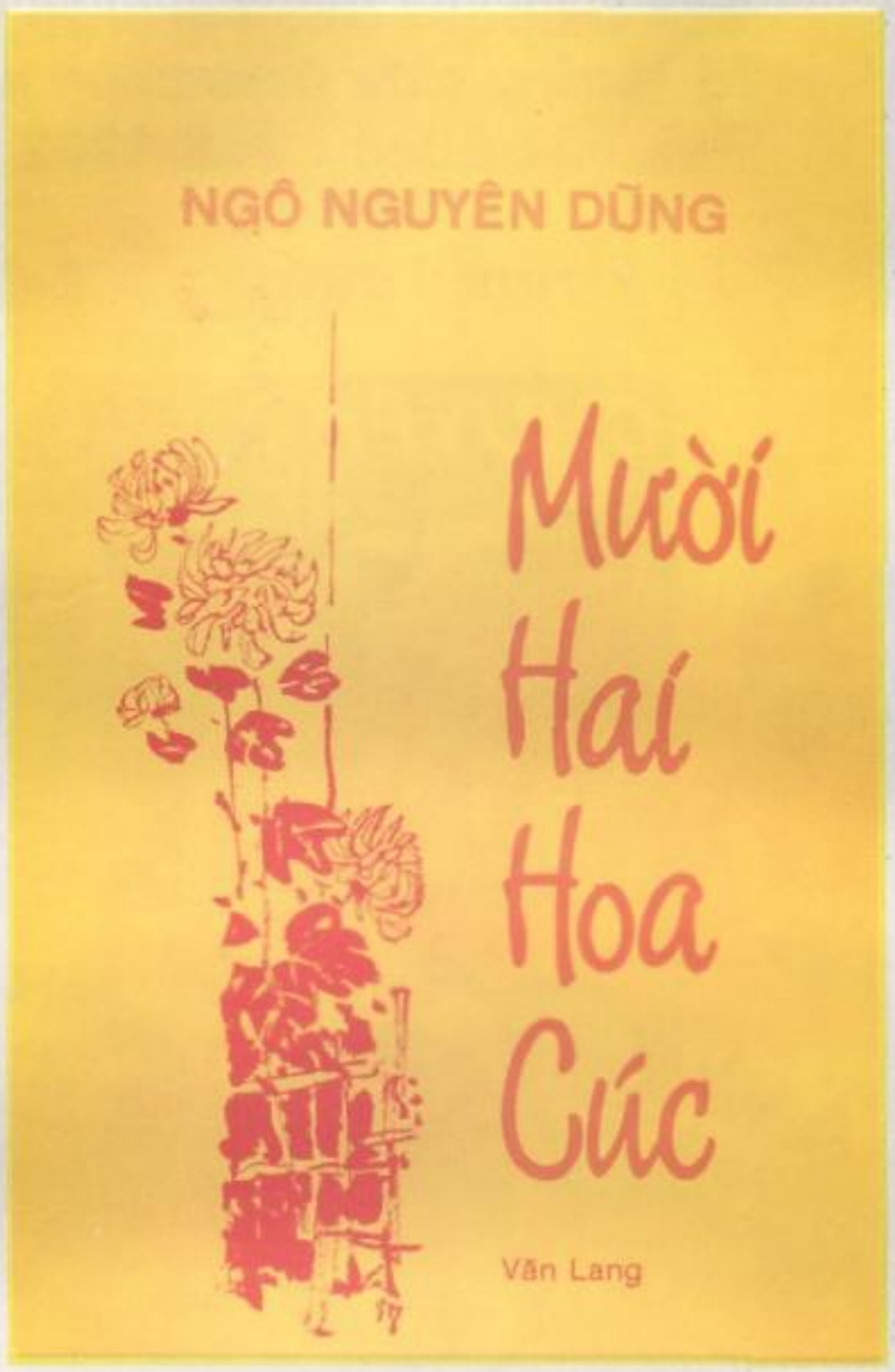
☐ Do nhóm thợ nhiều năm kinh-nghiệm tại Canada và Việt-nam đảm-nhiệm

VIỆC LÀM GIÁ PHẢI CHĂNG
KỸ THUẬT BẢO ĐẢM, ĐÚNG HẸN

Hải Trang *kính mời*



Đã Phát-Hành Khắp Nơi, Tập Truyện Mới Nhất :



Mười Hai Hoa Cúc, là mười hai đóa kỷ-niệm nở vàng thành bông, quê mình hay quê người chỉ là ngoại-cảnh. Cảnh-giới trong lòng không bao giờ thay-đổi. Đó là cảnh-giới Ngô Nguyên Dũng.

(trích "Đọc *Mười Hai Hoa Cúc*" của Dương Thượng Ngã)

Giá 12 mỹ kim—15 gia kim—18 úc kim

HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU CHO :

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9
Canada
ĐT. (416) 249-4195